Bí ẩn của Kinh Dịch

Tăng Sĩ Cường (曾仕强)

Kinh Dịch Tâm — Thư viện kinh điển Đông phương

Mục lục

. Bìa
. - Mục lục -
. Chương 1: Kinh Dịch là gì?
. Chương 2: Âm dương là gì
. Chương 3: Thái Cực là gì?
. Chương 4: Bát Quái là gì?
. Chương 5: Bát Quái thành đồ
. Chương 6: Ba hào tạo quẻ
. Chương 7: Dịch có ba nghĩa
. Chương 8: Thiện Dịch Bất Bốc
. Chương 9: Quẻ có tác dụng gì
. Chương 10: Tư duy của Kinh Dịch
. Chương 11: Giải mã quẻ Kiền
. Chương 12: Giải mã Quẻ Khôn
. Chương 13: Cuộc sống thuận theo Thiên Địa
. Chương 14: Giải mã vận mệnh
. Chương 15: Kinh Dịch và Gia Đình
. Chương 16: Tượng, số, lý của quẻ
. Chương 17: Vượt qua Cát Hung
. Chương 18: Quay về Nguyên điểm

Chương 1: Kinh Dịch là gì?

> Kinh Dịch, một tác phẩm chứa đựng trí tuệ cổ xưa của các bậc thánh hiền Trung Quốc, đã từng bị hiểu lầm là một cuốn sách bói toán trong thời gian dài. Với sự phát triển của khoa học kỹ thuật và sự giao thoa giữa văn hóa Đông Tây, Kinh Dịch ngày càng được giới khoa học và văn hóa trong và ngoài nước coi trọng. Các học giả phương Tây gọi đây là "một tác phẩm tương lai học kỳ diệu".
>
> Vậy Kinh Dịch thực sự là cuốn sách như thế nào? Đó là một cuốn sách vừa cổ xưa vừa mới mẻ, vừa xa lạ vừa quen thuộc, vừa thâm sâu khó hiểu vừa đơn giản dễ hiểu. Đối mặt với những cặp từ mâu thuẫn này, chúng ta không khỏi tự hỏi: Kinh Dịch thực sự là gì? Làm thế nào chúng ta có thể hiểu được cuốn sách cổ xưa và bí ẩn này? Và khi đã hiểu được đạo lý của Kinh Dịch, nó sẽ có ý nghĩa gì với cuộc sống của chúng ta?

Để hiểu về Kinh Dịch, trước hết phải bắt đầu từ câu hỏi "Kinh Dịch là gì?". Tất cả các tài liệu đều ghi chép rằng: “Dịch là đứng đầu trong các Kinh”. Bởi vì dù là Ngũ Kinh hay Lục Kinh, Kinh Dịch đều được đặt ở vị trí đầu tiên. Thực ra câu nói này quá khiêm tốn, phải nói là "Dịch là khởi đầu của các Kinh". Bởi vì nó là nguồn gốc tổng thể của văn hóa Trung Hoa, là khởi đầu của các học phái.

"Kinh Dịch là gì?" - Có lẽ chỉ người Trung Quốc mới hiểu được câu hỏi này. Người nước ngoài không thích loại câu hỏi như vậy, bởi vì bất kể trả lời thế nào cũng đúng, nhưng cũng chỉ đúng một phần, không thể hoàn toàn chính xác, bởi vì Kinh Dịch quá lớn. Giống như thành phố Bắc Kinh rộng lớn (xem hình 1-1), dù đi bằng máy bay, tàu hỏa, hay qua đường cao tốc, quốc lộ, tỉnh lộ, đường nông thôn đều có thể vào được, nhưng sau khi vào rồi, không ai có thể nói mình thực sự đã hiểu hết về Bắc Kinh.



图1-1

Tại sao mọi người luôn có những quan điểm khác nhau về Kinh Dịch? Đó là vì mỗi người chỉ nhìn từ một góc độ, chỉ thấy được một khía cạnh, mỗi người chỉ nói đúng một phần, rất khó nói được toàn diện. Vì vậy nghiên cứu Kinh Dịch cần có sự bao dung rộng rãi.

Kinh Dịch được hoàn thành như thế nào? Theo cách nói thông thường, được gọi là "Nhân cánh tam thánh, thế lịch tam cổ" (Hán thư - Nghệ văn chí). Sự hoàn thành của Kinh Dịch trải qua ba vị thánh: người thứ nhất là Phục Hy; người thứ hai là Chu Văn Vương và Chu Công - cha con, gia đình họ được tính là một vị; người

thứ ba chúng ta đều quen thuộc, đó là Khổng Tử. Phục Hy ở thời thượng cổ, Chu Văn Vương ở trung cổ, còn Khổng Tử ở cận cổ, hoặc gọi là hạ cổ (xem hình 1-2).



图1-2

Hình 1-2: Bên trái Phục Hy. Ở giữa : Chu Văn Vương.
Bên phải : Khổng Tử

Rõ ràng là bốn người, tại sao nói là ba? Điều này có liên quan mật thiết đến Kinh Dịch. Bởi vì "ba" là số lẻ, thuộc dương, còn bốn là số chẵn, thuộc âm, nên chúng ta nói là ba vị. Các bạn nhìn áo Đường phục, nút áo không phải là năm cái thì là bảy cái, không bao giờ là bốn hay sáu cái, cũng vì lý do này.

Thực ra, thời gian hoàn thành Kinh Dịch rất dài, trải qua nhiều vị thánh hiền, có thể nói, Kinh Dịch là thành quả sáng tạo tập thể của các bậc thánh hiền cổ đại Trung Quốc. Người Trung Quốc chúng ta, hầu như mọi thứ đều là sáng tạo tập thể, rất ít có cái gì do một người hoàn thành.

Kinh Dịch bao la tinh vi, không gì không bao hàm. "Kỳ đại vô ngoại, kỳ tiểu vô nội" (Lã thị Xuân Thu), hai câu này mọi người rất quen thuộc. Lớn đến mức không có bên ngoài, đủ lớn chưa! Nhỏ đến mức không có bên trong, đủ nhỏ chưa! Ngày nay chúng ta rất thích nói về hệ thống, mà **hệ thống lớn nhất thế giới chính là Kinh Dịch**. Bởi vì tất cả những hệ thống lớn có thể liệt kê ra được, như Thái Dương hệ, Ngân Hà hệ v.v., đều không thể lớn đến mức "kỳ đại vô ngoại"; tất cả những phân tử, nguyên tử, proton, electron v.v. có thể liệt kê ra được, đều không nhỏ hơn "kỳ tiểu vô nội".

Vậy một cuốn sách bao la tinh vi như vậy có tác dụng gì? Nói ra, có người sẽ không tin, có người sẽ giật mình, nhưng nếu mọi người đọc xong cuốn sách này, chắc chắn sẽ bừng tỉnh - Kinh Dịch là bảo điển giải mã bí mật vũ trụ và nhân sinh.

Có lẽ có người sẽ cho rằng nói như vậy rất phóng đại, bởi vì hiện nay các nhà khoa học trên thế giới, đang cần mẫn nghiên cứu để giải mã vũ trụ. Với nhiều thiết bị khoa học và công nghệ tiên tiến như vậy, họ còn chưa dám nói có thể làm được, làm sao một cuốn Kinh cổ từ mấy ngàn năm trước có thể làm được việc phi thường như vậy? Vì vậy mọi người chắc chắn đầy nghi vấn: Rốt cuộc đã giải mã được chưa?

Nếu chưa giải mã được, vậy không phải là nói suông sao? Nói nửa ngày mà không có hiệu quả, dù có cổ xưa, có bao la đến mấy thì có tác dụng gì? Chúng ta có thể mạnh dạn nói: Đã giải mã được.

Sau khi Khổng Tử giải mã được mật mã này, đến nay đã hơn hai nghìn năm trăm năm, nhưng chúng ta vẫn chỉ sử dụng ở mức nhỏ, chưa bao giờ sử dụng ở mức lớn. Khổng Tử từng cảm thán: "Nhân năng hoằng đạo, phi đạo hoằng nhân" (Luận Ngữ - Vệ Linh Công). Nhưng cảm thán của ông chúng ta vẫn không hiểu được, chúng ta coi nó như sách để học thuộc, chúng ta cũng thi cử, nhưng không biết ý nghĩa thực sự của nó là gì. "Nhân năng hoằng đạo", nghĩa là con người có thể sử dụng tốt chân lý này; "phi đạo hoằng nhân", là nói bạn không thể nằm đó chờ nó giúp đỡ bạn. Câu nói của Khổng Tử có nghĩa là: “mật mã vũ trụ đã được giải mã, nhưng phải nhờ con người phát huy nó, chứ không phải chờ đợi đạo lý đó giúp chúng ta giải mã”. Vậy, chúng ta dựa vào đâu để nói rằng, đến thời Khổng Tử, đã giải mã được vũ trụ?

> Từ xưa đến nay, con người luôn sử dụng nhiều phương pháp khác nhau để khám phá bí ẩn của vũ trụ, nhưng cho đến tận ngày nay khi khoa học kỹ thuật đã phát triển cao độ, vũ trụ vẫn là một dấu hỏi lớn đối với nhân loại. Vậy tổ tiên của chúng ta từ mấy nghìn năm trước, làm thế nào có thể giải mã được bí mật của vũ trụ?

Bởi vì tổ tiên dân tộc Trung Hoa đã có được ba chiếc chìa khóa. Chiếc chìa khóa thứ nhất gọi là Bát Quái của Phục Hy. Ở Trung Quốc, hầu như ai cũng đã từng thấy hình Bát Quái, nhà nhà cũng từng treo, chỉ là không rõ nó dùng để làm gì. Thực ra, đó chính là chiếc chìa khóa vàng để mở chân lý. Chúng ta đã cầm nó trong tay bảy nghìn năm, nhưng vẫn không nhận ra công dụng thực sự của nó, chỉ nghĩ rằng nó rất thú vị, có thể trừ tà, người nước ngoài cũng mơ hồ theo chúng ta. Người nước ngoài bây giờ cũng treo hình Bát Quái, nhưng nếu bạn hỏi tại sao, họ chắc chắn sẽ nói: "Đó là thứ của người Trung Quốc các bạn, làm sao tôi biết được?"

Bát Quái của Phục Hy cho chúng ta biết một bí mật cơ bản nhất của vũ trụ, chúng ta dùng hai chữ là có thể nói rõ, gọi là "âm dương". Các nhà khoa học hiện đại đã cảm nhận được rằng, vật chất phải có những yếu tố cấu thành cơ bản nhỏ nhất, họ đã nói rất nhiều nhưng vẫn không nói ra được hai chữ "âm dương". Chúng ta ngày nào cũng nói "âm dương", nhưng ngược lại chúng ta không biết, đây chính là yếu tố cấu thành cơ bản nhất của vạn sự vạn vật trong vũ trụ.

Chiếc chìa khóa thứ hai là “Lục thập tứ quái” của Văn Vương. Nó cho chúng ta biết, vũ trụ chỉ có 64 mật mã. Mọi người chắc chắn sẽ thắc mắc: tại sao lại là 64? Không thể là 63 sao? Không thể là 82 sao? Kinh Dịch nói rất nhiều về "số", nhưng nếu dùng quan niệm toán học hiện đại của chúng ta để xem số trong Kinh Dịch, thì sẽ khác biệt quá nhiều. Bởi vì số không phải là “chữ số”. Số là vật có sự sống, là vật sống động, không phải vật chết. Có một câu nói vô cùng quan trọng: việc này không qua "nhất nhi nhị, nhị nhi nhất" mà thôi. Câu này mọi người thường nghe nhưng không để ý. "Nhất nhi nhị, nhị nhi nhất" là gì? Đến khi nói về dịch số, chúng ta sẽ giải thích rõ.

Sáu mươi tư quái chính là 64 mật mã của vũ trụ, nó được biểu thị bằng số. Phàm là mật mã, nhất định không thể tách rời con số. Két sắt chúng ta dùng ngày nay đều dùng số làm mật mã, nhưng số đó là số chết, một là một, hai là hai, còn số của vũ trụ là sống động, là biến hóa.

Chiếc chìa khóa thứ ba là Thập Dực mà Khổng Tử cho chúng ta. Khổng Tử "san định Thư, Thi", đã cắt bỏ một phần lớn Thượng Thư và Kinh Thi; chế định lễ nhạc, viết một cuốn sách rất khó, gọi là Xuân Thu. Nhưng khi ông thấy Chu Dịch, lại rất cung kính ca ngợi.

Sau khi Chu Dịch hoàn thành, rất nhiều người muốn thay đổi dù chỉ một chữ, nhưng đều không thể. Khổng Tử đương nhiên cũng có trách nhiệm, nếu trong đó thực sự có chỗ không đúng, thì phải xóa, phải sửa. Nhưng sau khi đọc xong, ông khởi lên lòng kính ngưỡng, ca ngợi Chu Dịch, và còn trang bị cho Chu Dịch mười cánh, chúng ta gọi là Thập Dực. Khổng Tử hy vọng Chu Dịch có thể "bay lên", nhưng tiếc rằng đến nay, lý tưởng của ông vẫn chưa thực hiện được.

Chu Dịch sau khi "bay lên" sẽ như thế nào? Chính là thiên hạ đại đồng. Thực tế, “địa cầu thôn” (tức toàn cầu hóa) chính là thế giới đại đồng, thế giới đại đồng chính là “địa cầu thôn”, lý tưởng của phương Tây và lý tưởng của chúng ta là giống nhau. Hiện nay chúng ta đang theo con đường của phương Tây đi đến “địa cầu thôn”, thực ra điều này cũng không sao, bởi vì "công thành bất tất tại ngã" (thành công không nhất thiết phải do mình), miễn là có thể thực hiện phát triển hòa bình, nhân loại hài hòa, dùng phương pháp nào chúng ta cũng không phản đối.

Nhưng nhìn từ tình hình hiện tại, con đường phía trước phải dựa vào chúng ta tự đi. Dựa vào gì để đi? Chính là bộ Chu Dịch có mười cánh này. Chúng ta có kho báu tốt như vậy, nhưng chúng ta tự ngủ mê, không tỉnh dậy được. Đã ngủ mê nhiều năm như vậy, bây giờ đã đến lúc tỉnh dậy rồi.

> Bộ Kinh Dịch mà chúng ta thấy ngày nay, có thể nói là do ba vị thánh hiền cổ đại cùng sáng tạo ra: Phục Hy sáng tạo ra Bát Quái đồ; Chu Văn Vương sáng tạo ra Lục thập tứ quái, sau được gọi là Kinh Dịch; còn Khổng Tử thì viết “Thập Dực” cho Kinh Dịch, cũng gọi là “Dịch Truyện” (易傳). Vậy người sáng lập đầu tiên của Kinh Dịch, Phục Hy là ai? Tại sao ông lại sáng tạo ra Bát Quái?

Tại sao Phục Hy sống mãi trong lòng chúng ta? Tôi xin hỏi mọi người trước: Phục Hy là ai? Ông là người như thế nào? Về Phục Hy, chúng ta có thể dùng một câu nói hiện đại để mô tả - ông là một người thực sự phục vụ nhân dân.

Người nước ngoài không hiểu rõ chúng ta lắm, thường nói người Trung Quốc thờ thần tượng, thực ra từ xưa đến nay người Trung Quốc không bao giờ thờ thần tượng, chúng ta chỉ cảm ơn, tưởng nhớ những người khi còn sống rất nhiệt tình, thực sự cung cấp phục vụ nhân dân tốt nhất. Bạn xem, những người chúng ta thờ phụng, có ai không phải là người khi còn sống phục vụ nhân dân? Phục vụ nhân dân là quy luật bất biến từ xưa đến nay trong và ngoài nước. Nhưng, phục vụ nhân dân có thật có giả, có người làm tốt

có người làm không tốt. Những người thực sự làm tốt, sau khi họ mất, chúng ta không thể xóa bỏ công lao một lượt, phải mãi mãi nhớ đến họ, đây là đạo sống vĩnh hằng của người Trung Quốc.

Gần như tất cả mọi người trên thế giới đều theo đuổi sự sống vĩnh hằng, bởi vì đa số người không cam tâm chỉ sống vài chục năm rồi ra đi. Người phương Tây không tìm được con đường nào, cuối cùng chỉ còn ký thác hy vọng vào tôn giáo, gọi là "tin ta được sống vĩnh hằng". Người Trung Quốc không như vậy, người Trung Quốc cho rằng chỉ cần sống trong lòng mọi người, sẽ không bao giờ chết. Như Khổng Tử, sẽ không bao giờ chết, ông sống trong lòng chúng ta; Phục Hy cũng không bao giờ chết, ông sống trong lòng chúng ta.

Phục Hy đã giúp người dân thời đó giải quyết được nhiều vấn đề lớn. Ban đầu, khi loài người chưa bước vào xã hội nông nghiệp, mọi người sống bằng đánh cá, săn bắn. Một người đi đánh cá, săn bắn, điều sợ nhất là gì? Chính là giữa đường gặp thời tiết đột biến, không kịp tránh, như vậy có thể mất cả mạng. Vì thế nhiều người hỏi Phục Hy: Ngày mai muốn ra ngoài, thời tiết sẽ thế nào? Có thể nói Phục Hy là giám đốc đài khí tượng đầu tiên của nhân loại, của toàn thế giới, ông bảo mọi người: "Ngày mai trời nắng đẹp, bạn cứ đi", "Ngày mai đi về phía Nam có sấm, bạn phải cẩn thận", "Bạn đi về hướng Tây Bắc, có mưa to"... Ban đầu mọi người còn nửa tin nửa ngờ, nhưng sau này qua nhiều lần kiểm chứng, mọi người thấy ông nói rất chính xác, vì thế người đến hỏi càng ngày càng đông. Khi người đông quá, Phục Hy không có nhiều thời gian đáp ứng, phải làm sao? Ông nói: "Từ ngày mai, tôi sẽ treo một hình '☲ ' trên cây này (xem hình 1-3), nghĩa là ngày mai trời sẽ mưa..." Phục Hy bảo dân chúng, đây là "2, 1, 2" (xem hình 1-4), đại diện cho mưa. "2, 1, 2" là mật mã đầu tiên mà nhân loại biết đến.

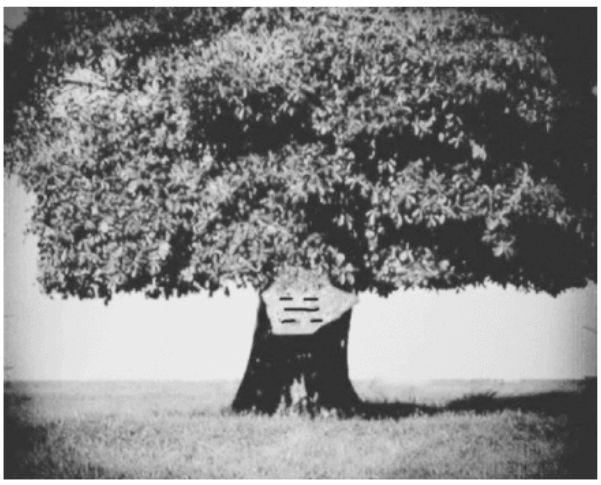


图1-3



图1-4

Phục Hy được nhân dân tin tưởng, và dựa theo nhu cầu của nhân dân, dần dần mở rộng dự báo khí tượng của mình, từ từ đưa ra các quẻ tượng khác nhau, trở thành Bát Quái mà cho đến ngày nay chúng ta vẫn rất quen thuộc (xem hình 1-5).



图1-5

Phục Hy không hề nói ngay từ đầu với mọi người cái này là gì, cái kia là gì, bởi vì nói quá nhiều với dân chúng, cơ bản là vô dụng, nên ông chỉ bảo mọi người nhớ vài con số là được, "1, 2, 1" đại diện cho cái gì, "1, 2, 2" đại diện cho cái gì, "2, 1, 2" đại diện cho cái gì, "2, 2, 1" đại diện cho cái gì, v.v., hoàn toàn giống với máy tính ngày nay. Đánh điện báo cũng là một đạo lý như vậy, đưa ra một dãy số, đối phương sẽ biết là có ý gì. Vì vậy thời đại số hóa đã bắt đầu từ rất lâu rồi, ngày nay chúng ta bất quá chỉ là kế thừa con đường của Phục Hy mà đi tiếp mà thôi.

Chữ Hán cổ xưa nhất là dựa theo hình tượng mà có, nên gọi là tượng hình. Ban đầu là một ký hiệu mưa, đảo ngược lại thành chữ "thủy" (nước) (xem hình 1-6). Sau này người ta dựa theo Bát Quái của Phục Hy, dần dần tạo ra nhiều chữ, đây là sự thật. Nhưng, ý định của Phục Hy là muốn nói cho chúng ta biết tình trạng của cả vũ trụ, để chúng ta biết làm sao để thích ứng, làm sao để cải thiện, công việc này cho đến nay vẫn đang tiếp tục.

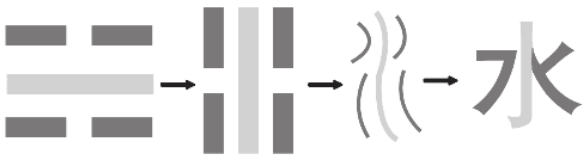


图1-6

Sau này, có một số dân chúng nói với Phục Hy: "Ông cứ dạy chúng tôi thuộc những con số này, đôi khi chúng tôi cũng nhầm lẫn, sao ông không nói thẳng đạo lý cho chúng tôi?" Phục Hy nói: "Đã vậy các ngươi muốn biết đạo lý trong đó, ta sẽ nói cho các ngươi biết. Chỉ cần hiểu được bức hình này (xem hình 1-7) là có thể hoàn toàn hiểu được đạo lý trong đó!"

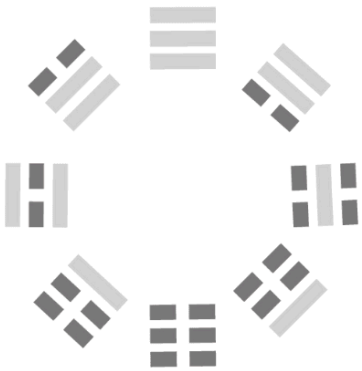


图1-7

Bát Quái của Phục Hy là gì? Chính là “thiên thư vô tự” (sách trời không có chữ) mà chúng ta thường nói. Chúng ta từ nhỏ đã nghe nói về “thiên thư vô tự”, Bát Quái của Phục Hy chính là “thiên thư vô tự”. Bởi vì thời Phục Hy vốn chưa có chữ viết, nên toàn bộ Kinh Dịch chỉ có hình tượng, không có chữ viết, tất cả chữ đều được thêm vào dần dần sau khi có chữ viết. Thêm đến cuối cùng, toàn bộ Kinh Dịch cũng chỉ có hơn bốn nghìn chữ.

Không có chữ viết, không có khuôn khổ, không bị bất kỳ giới hạn nào, có thể thông với thiên hạ, thông với vũ trụ. Phục Hy sau khi đã nghĩ thông suốt tất cả mới bắt đầu vẽ quẻ. Vì vậy chúng ta rất kính cẩn đối với nét vẽ đầu tiên của ông, gọi là "nhất họa khai thiên" (một nét vẽ mở trời). Kinh Dịch bắt đầu từ khai thiên lập địa, cũng chính là thuyết Big Bang mà khoa học ngày nay nói đến, cho đến tình trạng cuối cùng của nhân loại. Cho đến ngày nay chúng ta vẫn chưa hoàn toàn khai mở nó, bởi vì chúng ta còn một chặng đường dài phải đi. Về sau, nhân loại đời đời kiếp kiếp đều phải lấy từ “thiên thư vô tự này”, đây là một bộ bảo điển lấy không hết, dùng không cạn.

> Bát Quái đồ của Phục Hy, bộ “thiên thư vô tự” này, có thể trải qua bảy nghìn năm vẫn lưu truyền đến ngày nay, đủ để chứng minh đạo lý chân lý tồn tại mãi mãi. Vậy trong thời kỳ hoang sơ nguyên thủy, Phục Hy làm sao có thể phát hiện được bí ẩn của vũ trụ? Và làm thế nào vẽ ra được Bát Quái đồ?

Phục Hy dùng phương pháp gì? Ba phương pháp ông dùng đã ảnh hưởng quá lớn đến người Trung Quốc chúng ta. Phương pháp thứ nhất gọi là "ngưỡng thị" (nhìn lên). Mọi người có thể nghĩ rằng “ngưỡng thị” rất nhẹ nhàng, cứ ngẩng đầu lên là thấy trời. Nhưng nghĩ kỹ lại, bạn sẽ phát hiện, động vật không có quyền

ngưỡng quan thiên tượng, ngưỡng thị là độc quyền của loài người. Mọi thứ đều có thiên tượng, tại sao chúng ta không nhìn? Tại sao chỉ dựa vào đầu óc mà suy nghĩ?

Người Trung Quốc rất giỏi ngưỡng, nhưng về sau không đủ cao, chỉ ngưỡng sắc mặt của cấp trên. Hiện nay nhiều người của chúng ta đều xem sắc mặt của cấp trên, chính là tầm nhìn không đủ cao, thực ra ngưỡng cao thêm một chút nữa sẽ thấy được thiên tượng. Nếu sắc mặt của cấp trên phù hợp với khí tượng của trời, thì bạn có thể làm theo, bởi vì điều đó hợp với thiên lý; nếu sắc mặt của cấp trên không phù hợp với khí tượng của trời, bạn phải nghe lương tâm mà nghĩ xem có nên nghe theo họ hay không, như vậy mới đúng.

Phương pháp thứ hai gọi là "phủ thị" (nhìn xuống), nghĩa là bạn chăm sóc người khác, cũng phải chăm sóc bản thân. Toàn bộ Kinh Dịch đều là những thứ nhìn thấy từ con người. Chúng ta thường nói "vạn vật giai bị ư ngã" (Vạn vật đều do nơi ta), bởi vì "ngã" (ta) chính là một vũ trụ nhỏ. Trong tự nhiên có núi, người cũng có. Núi của con người ở đâu? Sống mũi chính là núi. **Những gì vũ trụ có, chúng ta đều có thể tìm thấy trên cơ thể mình.** Vì vậy làm một con người, thực sự không đơn giản, đừng bao giờ xem mình là động vật. "Nhân vi vạn vật chi linh" (Con người là linh hồn của vạn vật), đây là lời Chu Vũ Vương nói, những lời như vậy chỉ có người Trung Quốc mới nói được. Chu Vũ Vương thấy cha mình có thành tựu lớn như vậy, đã sắp xếp toàn bộ một bộ Kinh Dịch, liền nghĩ mình cũng phải làm điều gì đó, vì vậy ông nói câu "nhân vi vạn vật chi linh". Câu nói này đã đánh thức nhiều người, nhưng có người nghe xong vẫn dửng dưng.

Phương pháp thứ ba, dùng lời hiện đại của chúng ta mà nói, gọi là góc rộng. Chúng ta chụp ảnh sẽ dùng ống kính góc rộng, nghĩa là không thể chỉ nhìn một chỗ. Nhìn thiên tượng cũng không thể chỉ nhìn một chỗ, phải nhìn nhiều hơn, phải nhìn tứ phía. Nhìn thật chu đáo, nghĩ thật chu mật, không bỏ sót một chút nào, như vậy mới gọi là Chu Dịch. Chữ "Chu" trong "Chu Dịch" không trực tiếp liên quan đến nhà Chu, chỉ là tình cờ triều đại của Chu Văn Vương gọi là "Chu", nên mọi người mới cảm thấy có liên quan. Thực ra chúng ta nên nghĩ, Chu Văn Vương là người thông hiểu dịch lý, ông không thể đặt họ của mình lên một cuốn sách, đó là điều kiêng kỵ. “Chu” là rất chu mật, rất chu đáo, hơn nữa là “chu lưu bất tận” (dòng chảy vô tận), “vãng phục tuần hoàn” (đi về tuần hoàn), “sinh sinh bất tức” (sinh sôi không ngừng), nên mới gọi là Chu Dịch.

Tại sao Phục Hy vẽ quẻ? Nhiều người nói ông làm vậy để tạo chữ, để phổ cập giáo dục chữ viết. Thực ra chưa hẳn, nếu Phục Hy tạo chữ, thì thành tựu của ông quá thấp, cũng không khác gì Thương Hiệt tạo chữ. Danh tiếng của Thương Hiệt không thể so với Phục Hy. Phục Hy không tạo chữ, bởi vì ông biết toàn bộ hệ thống đều là tượng, số.

> Bát Quái đồ của Phục Hy được cấu thành từ số, máy tính điện tử công nghệ cao hiện đại cũng được cấu thành từ số, vì vậy, có người nói, Phục Hy của Trung Quốc từ bảy nghìn năm trước có thể nói là tổ tiên của máy tính. Vậy giữa Kinh Dịch cổ xưa và khoa học hiện đại, rốt cuộc là một mối quan hệ như thế nào?

Chúng ta nói một câu hiện đại: 0 và 1 tạo thành mạng lưới internet mênh mông vô tận. Câu này mọi người đều rất chấp nhận, cảm thấy rất khoa học, rất hiện đại, đã tiếp cận quốc tế. Thực ra tổ tiên chúng ta đã nói từ bảy nghìn năm trước: một âm một dương tạo ra vạn tượng trong vũ trụ. Ý nghĩa của hai câu này hoàn toàn giống nhau, chỉ là dùng từ khác nhau mà thôi. Nhưng nếu giải thích "một âm một dương" là một cái âm và một cái dương, thì sai lầm lớn, chỉ một chút khác biệt nhỏ như vậy sẽ tạo ra nhiều tệ hại. Vì vậy chúng ta nhất định phải làm rõ những chi tiết này, không được có bất kỳ hiểu lầm và méo mó nào, để không phụ lòng một bộ bảo điển giải mã bí mật vũ trụ và nhân sinh quý giá như vậy.

Bộ bảo điển Kinh Dịch này nằm im lặng ở đó, bạn không để ý đến nó, nó sẽ không để ý đến bạn. Bạn để ý đến nó, nó cũng không từ chối bạn. Nhưng bạn có thể đạt được bao nhiêu là việc của chính bạn, nó không giúp được. Đây mới là tự nhiên thực sự. Kinh Dịch là một hệ thống hoàn toàn phát triển từ tự nhiên.

Đạo lý mà người Trung Quốc nói đều được phát triển từ tự nhiên, chúng ta học hỏi tất cả từ tự nhiên, lấy tự nhiên làm thầy. Kiêu ngạo tự đại, muốn thế nào thì làm thế đó, là không hợp với tự nhiên. Có người sẽ hỏi, khoa học hiện đại chẳng lẽ không thể phát triển bền vững? Đương nhiên là có thể. Khoa học là thứ nhân loại rất cần, chỉ là người phương Tây thiếu thái độ dùng tự nhiên để dẫn dắt khoa học này. Chúng ta phải nhớ, mọi sự vật tốt xấu, đúng sai, đều phải dùng tiêu chuẩn có phù hợp với tự nhiên hay không để kiểm chứng. Tại sao thế kỷ 21 là thế kỷ của người Trung Quốc? Chính là vì người Trung Quốc bắt đầu dùng quy luật tự nhiên để quy phạm khoa học hiện đại, để nó đi đúng đường, để nó giúp chúng ta nhân loại sống những ngày hạnh phúc, an khang.

Bộ bảo điển Kinh Dịch này là do tổ tiên chúng ta vất vả khai phá ra, nhưng chúng ta không đăng ký quyền sở hữu trí tuệ, chúng ta cho rằng mọi người đều có thể dùng, không cần thu bất kỳ phí tổn nào. Đây mới là phong độ làm người, đây mới là độ lượng lớn.

> Kinh Dịch là một hệ thống hoàn toàn phát triển từ tự nhiên, tại sao sau này lại trở thành nguồn gốc của tư tưởng triết học Trung Quốc? Và tại sao những ký hiệu mà Phục Hy dùng để dự báo thời tiết lại trở thành mật mã giải mã vũ trụ và nhân sinh? Người hiện đại chúng ta học Kinh Dịch thì có ý nghĩa thực tế gì?

Ban đầu Phục Hy dùng ký hiệu để báo cho mọi người biết sự thay đổi thời tiết, sau đó dần dần phát hiện, không chỉ là khí tượng, có nhiều thứ trực tiếp liên quan đến cuộc sống đều có thể khai thác ra từ đó.

Theo cách nói ngày nay, Kinh Dịch có thể nói là khoa học tự nhiên. Nhưng chúng ta biết, sau thời Khổng Tử, ngoài phần khoa học tự nhiên, cuốn sách này còn được thêm vào một phần nữa, gọi là “nhân luân đạo đức”. Hai thứ hợp lại, mới có thể biểu thị toàn bộ Kinh Dịch.

Người hiện đại học Kinh Dịch có ý nghĩa thực tế gì? Câu hỏi này rất quan trọng, nếu học nửa ngày không có tác dụng, thời gian quý báu như vậy, học nó để làm gì? Chúng ta có thể nói ra nhiều công dụng, nhưng

theo thói quen của Kinh Dịch, mỗi lần chúng ta thường chỉ nói ba điều. Vì vậy chúng ta đưa ra ba điểm dưới đây để mọi người tham khảo.

Điểm thứ nhất, Kinh Dịch có thể chỉnh sửa nhiều quan niệm tưởng đúng mà sai của chúng ta. Có quá nhiều quan niệm khiến đầu óc chúng ta không rõ ràng, nhưng chính chúng ta không biết. Lấy một ví dụ, ngày nay mọi người rất phổ biến cho rằng tự tin là đúng, nhưng, con người có nên tự tin hay không, câu hỏi này không thể dùng nên hay không nên để trả lời. Trong Kinh Dịch nói "tự thiên hựu chi, cát vô bất lợi" (được trời phù hộ, mọi việc đều tốt), bao gồm cả tự tin trong đó. Nhưng người Trung Quốc nói đến "tự", chỉ nói tự giác, tự phản, tự tỉnh, tự luật, chúng ta chưa bao giờ nói đến tự tin. Giới trẻ ngày nay quá tự ngã, quá tự tin, cả đời sẽ không hạnh phúc. Bởi vì, con người có phần có thể kiểm soát, cũng có phần không thể kiểm soát. Phần có thể kiểm soát là "thao chi tại ngã" (việc nằm trong tay ta), nhưng phần không thể kiểm soát là "thao chi tại thiên" (việc thuộc về trời), vì vậy **sự tự tin của người Trung Quốc là tin vào trời, chứ không phải tự tin vào bản thân**. Chúng ta tin rằng trời sẽ phù hộ những người như chúng ta, chúng ta nghĩ thêm một bước nữa, nếu trời không phù hộ những người như chúng ta, thì còn phù hộ ai nữa? Chỉ đơn giản vậy thôi. Nếu bỏ trời đi, chỉ có tự tin, thì sẽ tự đại, sẽ kiêu ngạo, sẽ quá tự ngã, sau đó quan hệ giữa người với người sẽ rất tệ, không làm được việc gì tốt. Hiện nay có nhiều cái gọi là giá trị phổ quát, thực ra đều cần phải bàn lại, điều này phải học xong Kinh Dịch mới có thể phân biệt rõ được.

Điểm thứ hai, Kinh Dịch có tính thần bí, cũng có tính đạo đức. Có tính thần bí, là vì trước đây khoa học chưa đủ phát triển, chúng ta không có cách nào dùng khoa học để giải thích nó, nên đành phải dùng thần đạo để bao bọc nó. Bây giờ khoa học đã phát triển, chúng ta có thể dùng khoa học hiện đại để giải thích tính thần bí trong Kinh Dịch, nhưng tính đạo đức của nó là không thể thay thế được. Vì vậy, tính đạo đức của Kinh Dịch, trong thế kỷ 21 vẫn sẽ được phát huy rất lớn.

Điểm thứ ba, tư tưởng "cầu đồng tồn dị" (Cầu mong sự hòa hợp trong khác biệt) của Kinh Dịch là con đường tất yếu để thực hiện toàn cầu hóa. Toàn cầu hóa là xu thế tất yếu, không ai có thể ngăn cản được. Nhưng bây giờ mọi người thấy, phàm là hoạt động toàn cầu, đều có người phản đối mạnh mẽ. Bởi vì toàn cầu hóa sẽ gây ra sự bất an cho nhiều người, cho rằng sau khi toàn cầu hóa, sẽ xóa bỏ hoàn toàn văn hóa bản địa. Không có khu vực nào mong muốn văn hóa của mình bị xóa bỏ, chỉ có hệ thống tư tưởng bao dung rộng lớn như Kinh Dịch mới có thể hóa giải vấn đề này. Chúng ta dùng bốn chữ đã hóa giải - "cầu đồng tồn dị". Chúng ta tìm kiếm điểm chung, nhưng sẽ giữ lại điểm khác biệt, chúng ta sẽ tôn trọng văn hóa của mỗi khu vực, nhưng chúng ta sẽ tìm ra trong đó một ước số chung lớn nhất, trở thành gen của sự đại đồng, điều này chỉ có Kinh Dịch làm được.

Để hiểu Kinh Dịch, trước tiên phải bắt đầu từ âm dương, đây là đóng góp phi thường nhất, cũng là quý giá nhất của Phục Hy. Chúng ta rất quen thuộc với âm dương, nhưng chúng ta thường dùng sai, vì vậy tiếp theo chúng ta sẽ giới thiệu kỹ: Âm dương là gì.

Chương 2: Âm dương là gì

> Trong Kinh Dịch có sáu mươi tư quẻ tượng, nhưng những quẻ tượng nhìn có vẻ phức tạp này, thực ra chỉ chứa hai ký hiệu, một là âm (--), hai là dương (—). Giáo sư Tăng Sĩ Cường chỉ ra: Bát Quái đồ của Phục Hy đã nói cho chúng ta biết một bí mật cơ bản nhất của vũ trụ - âm dương là yếu tố cơ bản nhất cấu thành vạn sự vạn vật trong vũ trụ, mọi biến hóa dưới trời, chính là biến hóa của âm dương.
>
> Âm dương là gì? Giáo sư Tăng lấy ví dụ nói, ban ngày là dương, ban đêm là âm; trời là dương, đất là âm; ngón cái là dương, bốn ngón còn lại là âm. Mối quan hệ giữa âm dương là trong âm có dương, trong dương có âm, như vậy mới có sinh mệnh lực. Vậy, làm thế nào chúng ta có thể chứng minh âm dương là yếu tố cơ bản cấu thành vạn vật trong vũ trụ?

Nói đến âm dương là gì, có thể đưa ra rất nhiều ví dụ. Chúng ta bắt đầu từ điều mọi người quen thuộc nhất, trời nắng, ánh dương quang tươi sáng, mặt trời chói chang, nhất định là dương. Bởi vì mặt trời vừa xuất hiện, người ta cảm thấy tâm trạng rất vui vẻ, làm việc rất hăng hái. Dương là hướng ngoại mở rộng, khi thời tiết nóng, mọi người đều muốn duỗi ra ngoài, muốn nhận được thêm chút không khí. Nhưng khi trời âm mưa, mọi người bắt đầu co rúm lại, như vậy mới không bị lạnh. Vì vậy, hướng ngoại mở rộng là dương, hướng nội co lại là âm. Dần dần, người ta gọi mặt trời là dương, gọi mặt trăng là âm.

Muốn biết khi nào trăng tròn, khi nào trăng khuyết, phải xem âm lịch, không thể xem dương lịch. Ngày rằm âm lịch, trăng nhất định rất tròn. Một năm có mười hai tháng, cũng có mười hai ngày rằm.

Ngày rằm, trong mười hai tháng thì tháng nào trăng sáng nhất, tròn nhất? Đó là rằm tháng Tám. Vào thời điểm này, mặt trăng có một chút hương vị dương, nên đêm đó mọi người thường không yên phận, bởi vì mặt trăng không chỉ tác động đến thủy triều, mà còn tác động đến cảm xúc con người. Vì vậy chúng ta nói, ngày này là Tết Trung Thu, mọi người phải ăn bánh Trung thu, gia đình sum họp vui vẻ, không nên đi ra ngoài. Đây là một biện pháp rất tuyệt vời.

Người Trung Quốc chúng ta học được quá nhiều thứ từ tự nhiên. Ban ngày là dương, ban đêm là âm, vì vậy, một người ban ngày phải tinh thần tốt, dương khí đầy đủ, như vậy mới có thể làm việc; đến tối, phải dần dần âm lên, để cho mình bình tĩnh lại, sau đó mới có thể ngủ ngon. Bây giờ nhiều người không như vậy, càng về đêm càng dương, những người vi phạm quy luật tự nhiên này chắc chắn sẽ không sống lâu. Chúng ta luôn nói, khoa học hiện đại quá mức vi phạm quy luật tự nhiên, kết quả ảnh hưởng đến sức khỏe con người.

Trời là dương, đất là âm, điều này có thể đảo ngược không? Có lẽ là không. Người còn sống, gọi là còn ở dương gian. Người chết rồi, xin lỗi, đã quy âm rồi. Có ai nói người chết là quy dương không? Chắc là không có. Chết là quy âm, còn sống thì phải dương khí đầy đủ, đây cũng là hiện tượng rất tự nhiên.

Chúng ta xem xong bên ngoài, hãy nhìn lại chính mình, thì càng thú vị hơn. Lòng bàn tay và mu bàn tay, cái nào là dương, cái nào là âm? Lòng bàn tay là dương, mu bàn tay là âm. Âm dương không thể tách rời, nếu

không cần mu bàn tay, lòng bàn tay có tác dụng gì? Chỉ có lòng bàn tay, hay chỉ có mu bàn tay cũng không có tác dụng. Lòng bàn tay và mu bàn tay đều là thịt, thể hiện âm dương quy nhất. Chúng ta thường dạy dỗ trẻ em đều đánh lòng bàn tay, không có phụ huynh nào đánh mu bàn tay, đánh mu bàn tay rất tàn nhẫn. Đánh lòng bàn tay là yêu thương nó, đánh mu bàn tay là hành hạ nó. Bởi vì lòng bàn tay có nhiều thịt hơn, và động được nhanh, vừa đánh có thể rút về ngay, còn mu bàn tay thì không thể cong được, đánh lên rất đau. Vì vậy cái có tính động lớn hơn gọi là dương, cái có tính động nhỏ hơn gọi là âm. Không có ai mà: lòng bàn tay không động được, nhưng mu bàn tay lại có thể động mạnh.

Con người rất thú vị, mặt chúng ta hướng về phía nào, mặt hoạt động chắc chắn hướng về phía đó, đây là sự phối hợp rất tốt. Hai tay trái phải, tay nào là âm, tay nào là dương? Rất đơn giản, người thường dùng tay phải, tay phải là dương, tay trái vụng về hơn là âm; người thường dùng tay trái, tay trái là dương, tay phải là âm. Âm dương là tương đối.

Còn điều thú vị hơn nữa, ngón cái là dương hay âm? Ngón cái là dương. Vậy âm là gì? Bốn ngón còn lại là âm. Chúng ta dần dần có thể cảm nhận được, **số lẻ là dương, số chẵn là âm**. Phàm là số chẵn thành đôi thành cặp, như 2, 4, 6, 8, 10 đều gọi là âm; phàm là số lẻ đơn lẻ, như 1, 3, 5, 7, 9 đều gọi là dương. Thông thường, một bàn tay chúng ta chỉ có một ngón cái, nên ngón cái nhất định là dương.

Tại sao đầu là dương, chân là âm? Bởi vì đầu chỉ có một cái, nó là số lẻ, nên gọi là dương. Chân có hai cái, là số chẵn, nên gọi là âm. Chúng ta học hỏi mọi thứ từ tự nhiên, rất ít làm những thao tác nhân tạo. Mọi người có thời gian hãy thường xuyên lặp đi lặp lại động tác hai ngón tay này (xem hình 2-1), kết hợp hai động tác này lại với nhau, rất tốt cho cơ thể chúng ta, có thể kích hoạt toàn bộ kinh lạc trong cơ thể.

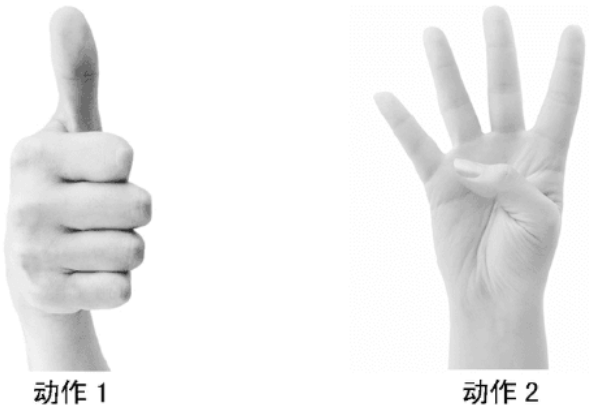


图2-1

> Tự nhiên kỳ diệu, muôn hình vạn trạng, bao la vạn tượng, nếu phân loại sẽ là một con số thiên văn không thấy đầu cuối, nhưng Kinh Dịch chỉ dùng hai yếu tố âm dương, đã bao hàm vạn sự vạn vật trong vũ trụ. Con người là con của tự nhiên, chúng ta muốn hiểu tự nhiên, hiểu bản thân con người, có thể bắt đầu từ việc hiểu âm dương, vậy giữa âm dương là một mối quan hệ như thế nào?

Âm dương không chỉ là tương đối, biến động, mà còn không thể tách rời. Điểm này rất khó hiểu, thường bị quên lãng, nhưng chúng ta vẫn luôn sử dụng nó. Chúng ta đã nhận quá nhiều giáo dục hiện đại, đều nói mọi thứ phải phân chia rõ ràng, nhưng tự nhiên làm sao phân chia rõ ràng được? Ban ngày với ban đêm, bạn phân chia được rõ ràng không? Hoàn toàn không thể phân chia rõ. Vốn là ban ngày, dần dần trời tối; vốn là đêm đen, lại dần dần trời sáng. Đây là một quá trình tự nhiên, không giống như bật đèn tắt đèn rõ ràng như vậy. Hơn nữa hôm nay trời sáng muộn hơn, ngày mai trời sáng sớm hơn, một năm ba trăm sáu mươi lăm ngày, mỗi ngày đều có chút khác biệt. Bởi vì tất cả mọi thứ đều không thể phân chia dứt khoát.

Mầm cây và lá cây (xem hình 2-2) cái nào là âm, cái nào là dương? Lá cây là âm, mầm cây là dương, bởi vì mầm cây không ngừng phát triển. Vì vậy muốn hái thì hái lá, đừng hái mầm, hái mầm là không nhân đạo.

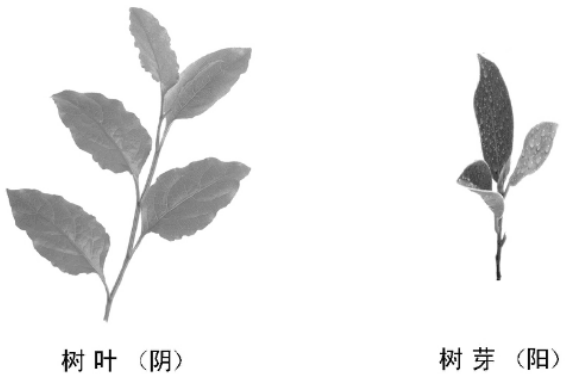


图2-2

Hình 2-2 : Lá cây (âm) bên trái; Mầm cây (dương) bên phải

Có thật thì có giả, có giả ắt có thật, thật thật giả giả, hư hư thực thực, cũng là âm dương. Khi một người liên tục nhấn mạnh điều họ nói là hoàn toàn đúng sự thật, thực ra cũng đang nói cho bạn biết, điều đó chưa chắc đã là thật. Bởi vì người nói cảm thấy không chắc chắn, nên mới liên tục nhấn mạnh, nếu không căn bản không cần như vậy. Một người rất đáng tin cậy sẽ không khoe khoang mình đáng tin cậy, bởi vì đối với họ đây đã là thói quen rồi. Người luôn miệng nói "tôi không bao giờ lừa dối", chính là vì thường xuyên lừa dối chỗ này chỗ kia, sợ người khác nhìn thấu là kẻ lừa đảo, nên mới liên tục nhấn mạnh mình không bao giờ lừa dối. Học Kinh Dịch, biết âm dương là hợp nhất, cân nhắc cả hai mặt, có lẽ sẽ không dễ bị lừa nữa.

Chúng ta tiếp tục nói về ngón cái, nó có 1 cái, là số lẻ, là dương, nhưng nó có mấy đốt? Có hai đốt, gọi là “trong dương có âm” (xem hình 2-3), và âm dương này cũng không thể tách rời. Bạn nói một đốt là đủ rồi, không cần hai đốt, được không? Đương nhiên là không, như vậy ngón tay làm sao cong lại để cầm nắm đồ vật? Con người cần phải cương nhu kết hợp mới tốt, không thể cứng đến cùng, có nhu mới có cương, không có nhu, căn bản không thể cương được, huống chi không có nhu, cũng hoàn toàn không tồn tại cương.



图2-3

Hình 2-3: trong dương có âm

Ngoài ngón cái ra, bốn ngón còn lại là số chẵn, là âm, nhưng bốn ngón này mỗi ngón lại có ba đốt, gọi là "trong âm có dương" (xem hình 2-4). Điều này rất tuyệt diệu, ngón cái chỉ có một cái, có hai đốt, các ngón tay khác đều có ba đốt, nhưng chức năng của chúng là 50/50. Nếu không có ngón cái, muốn lái xe máy có thể sẽ rất khó, làm sao khởi động? Bạn thấy khỉ không linh hoạt bằng người, chính là vì ngón tay của nó không linh hoạt. Vì vậy có thời gian hãy thường xuyên làm động tác lắc ngón tay giống như đánh đàn piano, toàn thân sẽ trở nên linh hoạt. Chỉ cần thuận theo tự nhiên, không cần quá lo lắng, không cần quá bận rộn, thân tâm đều sẽ khỏe mạnh, có thể sống những ngày tốt đẹp. Đây mới gọi là Kinh Dịch, nó nằm ngay trong tay bạn.



图2-4

Hình 2-4 : trong âm có dương

Nếu tìm hiểu sâu hơn thì càng tuyệt diệu. Bạn thử đếm một bàn tay có bao nhiêu đốt? Có mười bốn đốt, hai tay có hai mươi tám đốt (xem hình 2-5), hai mươi tám sao tú trên trời đều nằm trong tay bạn. Tục ngữ nói "Thư sinh không ra khỏi cửa, vẫn biết mọi việc thiên hạ", bấm đốt tính toán, cái gì cũng biết, gọi là “Kiền Khôn trong tay áo”. Những điều này hoàn toàn không kỳ lạ, chỉ là chưa nói ra đạo lý, mọi người mới cảm thấy rất thần kỳ, khi nói ra đạo lý rồi, sẽ thấy thực ra rất đơn giản. Vì vậy học Kinh Dịch, phải học đạo lý trong đó trước, hiểu rõ đạo lý rồi, sẽ không đi vào đường cùng, sẽ không bị lừa gạt, càng không bị thiệt thòi.

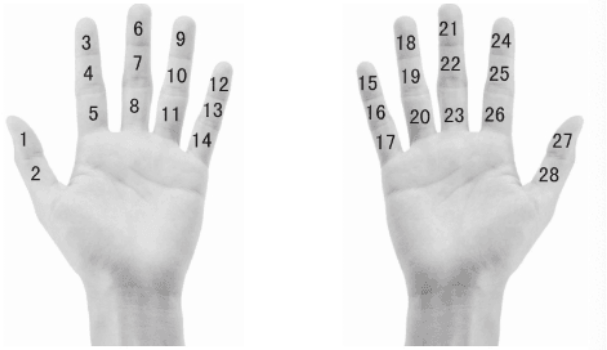


图2-5

Do Kinh Dịch có nguồn gốc từ thời xa xưa, lại được cấu thành từ những ký hiệu tuy đơn giản nhưng rất khó nhớ, nên đa số người rất khó hiểu được Kinh Dịch, đành phải “kính nhi viễn chi” (Kính trọng mà giữ khoảng cách). Và một số người biết được đôi chút, lại lợi dụng Kinh Dịch để bói toán, thực ra chỉ cần chúng ta hiểu được đạo lý của Kinh Dịch, Kinh Dịch sẽ không còn bí ẩn nữa, cuộc sống của chúng ta cũng sẽ thêm nhiều trí tuệ.

Đọc Kinh Dịch ra nhiều quân tử, cũng ra nhiều tiểu nhân. Và rất kỳ lạ, tiểu nhân trong âm có dương, còn hoạt động mạnh hơn, chúng ta nhất định phải đề phòng. Vì vậy Kinh Dịch một mặt nói với chúng ta, không được có tâm hại người, mặt khác cũng nhắc nhở chúng ta, không thể không có tâm phòng người. Đây cũng là âm dương.

Người Trung Quốc là dân tộc duy nhất trên thế giới đồng thời nói hai câu, chúng ta nói chuyện thường đồng thời nói âm dương. Câu nói trên miệng gọi là dương, vì nghe được, câu nói trong lòng gọi là âm, là không nghe được. Miệng nói "không lấy thành bại luận anh hùng", trong lòng nói "thành làm vua, bại làm giặc"; miệng nói "người cùng tâm này, tâm cùng lý này", trong lòng nói "lòng người khác nhau, như mặt mỗi người"; Tuyệt diệu nhất là miệng nói "lễ nhường làm đầu", nhưng trong lòng lại nói "làm điều nhân không nhường". Vậy cuối cùng nên nhường hay không? Chỉ có một câu trả lời: tùy cơ ứng biến.

Hiểu được Kinh Dịch, bạn có thể hoàn toàn hiểu được người Trung Quốc. Mặc dù ngày nay chúng ta nói nhiều lời phương Tây, nói nhiều lời tự cho là đúng hiện đại, nhưng đều vô dụng, bởi vì có những thứ không

thể thay đổi, điều này đã trở thành thứ trong máu của chúng ta, gọi là gen trong sinh mệnh chúng ta.

Âm dương là khái niệm chúng ta rất quen thuộc, nhưng nội hàm của âm dương thực sự quá nhiều, không dễ cảm nhận hoàn toàn. Vì vậy, chúng ta cũng đưa ra ba điểm trọng tâm để mọi người tham khảo.

Thứ nhất, âm dương là tương đối. Nếu không có tương đối, bạn không biết cái nào là âm, cái nào là dương. Đầu là âm hay dương? Phải xem nó thế nào, đầu với chân tương đối, thì đầu là dương, chân là âm. Có tương đối mới có âm dương, không phải tuyệt đối nói cái này nhất định là âm, cái kia nhất định là dương.

Thứ hai, âm dương là sẽ biến động. Điều này cũng giải thích tại sao âm dương là tương đối, cái âm sẽ biến thành dương, cái dương sẽ biến thành âm. Tại sao "một" lại quan trọng như vậy? Bởi vì chín chín vẫn phải quy về một, dù thay đổi lâu đến đâu, cuối cùng vẫn phải quy về một, mà "một" chính là điểm ban đầu.

Thứ ba, âm dương là hợp nhất. Tuy âm dương tương đối, sẽ biến động, nhưng âm dương lại không thể tách rời, có âm thì có dương, có dương thì có âm, nên gọi là "âm dương hợp nhất". Điều này ảnh hưởng quá lớn đến người Trung Quốc chúng ta. Người Trung Quốc suy nghĩ mọi việc đều nghĩ theo hướng hợp lại, rất ít như phương Tây nhìn theo hướng tách ra. Đặc biệt là giáo dục phân khoa hiện nay, càng phân càng nhỏ, phân đến cuối cùng thành manh mún, đến nỗi chỉ có kiến thức mà mất đi trí tuệ. Bây giờ tuy chúng ta luôn miệng nói phải tích hợp khoa học kỹ thuật, nhưng vẫn không làm được, chính là vì sau khi phân khoa, phân ra rồi, thu về không được.

Y học phương Tây là phân khoa. Bạn đi khám y học phương Tây, họ hỏi bạn đăng ký khoa nào, điều này thật tệ, chúng ta đâu phải bác sĩ, làm sao biết nên đăng ký khoa nào? Thử đăng ký khoa ngoại xem, chữa trị nửa ngày mới nói bạn nhầm rồi, phải khám khoa nội mới đúng, nhưng mạng đã không còn. Bác sĩ Đông y thông thái toàn diện, bạn đi khám Đông y, họ sẽ nói cho bạn biết bệnh của bạn do đâu gây ra, **bởi vì toàn thân là một hệ thống tổng thể, không thể tách rời.** Và tuyệt diệu hơn nữa là chúng ta có châm cứu. Khi tôi ở Anh, nhiều sinh viên Anh vừa nghe đến châm cứu là sợ: sao lại cắm kim lung tung vào người thế? Có những bác sĩ còn nói với tôi châm cứu là không có đạo lý. Tôi hỏi tại sao không có đạo lý, họ nói: "Vạn nhất kim đâm vào mạch máu, máu chẳng chảy ra sao?" Tôi nói với họ: "Chúng tôi không châm vào mạch máu, cũng không châm vào xương, châm vào thịt, bởi vì xương căn bản không thể châm vào được, châm vào thịt cũng không có tác dụng gì. Chúng tôi chuyên châm một thứ mà các bạn không hiểu, gọi là kinh lạc." Anh ta vừa nghe "kinh lạc" thì ngẩn người ra, bởi vì họ giải phẫu toàn thân trong phòng thí nghiệm cũng hoàn toàn không tìm thấy kinh lạc. Kinh lạc chỉ có khi người còn sống, người chết đi, khí môn đóng lại, kinh lạc cũng không còn.

Có dương thì có âm, có hư thì có thực, có cái nhìn thấy được thì có cái nhìn không thấy, có cái sờ được thì có cái sờ không được. Máy bay trên trời có thể bay tùy tiện không? Đương nhiên không thể, nó có đường bay. Nhưng bạn đi xem đường bay ở đâu? Đường ray tàu hỏa chúng ta nhìn thấy được, đường bay máy bay

chúng ta nhìn thấy được không? Đường bay của máy bay chỉ có khi máy bay đang bay, khi máy bay không bay thì không thấy nữa. Điều này giống như kinh lạc trên cơ thể chúng ta, máy bay hạ cánh giống như người kết thúc hành trình của đời mình vậy, đường bay theo máy bay hạ cánh mà biến mất, kinh lạc theo người chết cũng không còn. Đừng khăng khăng chỉ tin những gì mắt thấy, phải biết rằng, những gì mắt có thể thấy được là rất rất hạn chế.

> Khoa học kỹ thuật tiên tiến phát triển của phương Tây, sau khi thúc đẩy kinh tế phát triển mạnh mẽ mấy trăm năm, đã gặp phải nhiều vấn đề khó giải quyết như ô nhiễm môi trường, khủng hoảng kinh tế. Vì vậy, nhiều học giả phương Tây bắt đầu đề xuất phải học hỏi trí tuệ cổ xưa của phương Đông. Thái Cực đồ là một bức hình vừa quen thuộc vừa xa lạ với mọi người, vậy bức hình này đại diện cho ý nghĩa gì? Và chứa đựng những trí tuệ cổ xưa nào của Trung Quốc?

Phục Hy nhìn lên trời, nhìn vào chính mình, nhìn bốn phương tám hướng, rồi có được sự giác ngộ, vẽ ra tám quẻ. Người đời sau dùng tâm trí và sự cảm nhận sâu sắc để hiểu và lĩnh hội hệ thống bát quái của Phục Hy, vẽ ra một bức tranh (xem hình 2-6). Bức đồ này gọi là gì? Gọi nó là Thái Cực đồ, hoặc gọi nó là Lưỡng Nghi đồ, dường như đều đúng mà cũng không đúng.



图2-6

Hình 2-6 cho chúng ta biết mấy điều sau:

Thứ nhất, nó là hình tròn. Tại sao phải vẽ thành hình tròn, mà không vẽ thành hình vuông? Bởi vì vật hình tròn dễ biến động. Tất cả bánh xe của chúng ta đều là hình tròn, nếu bạn nói không được, phải đặc biệt một chút, bánh xe nhất định phải vuông thì bạn căn bản sẽ không thể chạy được.

Thứ hai, vạn vật trong vũ trụ đều phải "cầu viên mãn" (mong muốn mọi điều hoàn hảo, trọn vẹn; ndlr: “viên” là “tròn”), đừng đi tổn thương người khác. Một người có góc cạnh, thường xuyên cãi nhau với người khác, rất nhiều việc sẽ không dễ làm thành. Cho nên nhất định phải tròn, vật tròn sẽ không dễ tổn thương người khác. Nhưng tròn không phải là trơn tru, làm người tuyệt đối không được trơn tru, nhưng nhất định phải viên thông.

Thứ ba, phải “sinh sinh bất tức” (sinh sôi không ngừng), nhất định phải âm dương tương tác. Thế giới không thể toàn dương, cũng không thể toàn âm, bởi vì "cô âm bất sinh, độc dương bất trường" (trích Sơ Học Cung Lâm). Thế giới chỉ có đàn ông, loài người sẽ hủy diệt; thế giới chỉ có đàn bà, loài người cũng không còn. Cho nên có người tốt, ắt có người xấu, ngàn vạn lần đừng thù ghét cái ác. Người xấu giết không hết, người tốt cũng không chết sạch, thế gian này vĩnh viễn có người tốt, cũng vĩnh viễn có người xấu. Chúng ta phải đối mặt với thực tế này, phải đi con đường thực tế, không thể đòi hỏi quá lý tưởng. Từ từ mọi người sẽ phát hiện, dương đại diện cho một loại lý tưởng, cuộc đời nhất định phải có lý tưởng; nhưng âm chính là dưới chân thực địa, nhất định phải từng bước một mà thực hiện, đem lý tưởng biến thành hiện thực.

Nói đến đây chúng ta sẽ phát hiện, sự biến hóa dưới bầu trời chính là sự biến hóa của âm dương. Âm dương rốt cuộc là một hay là hai? Đây là một việc rất thú vị, nói một cũng không đúng, nói hai cũng không đúng, đáp án là cũng là một cũng là hai, vừa là một, cũng vừa là hai. Bởi vì nó “nhất phân vi nhị”, rồi lại nhất định phải “nhị hợp vi nhất” (xem hình 2-7). Người Trung Quốc chấp nhận đáp án này, nhưng người nước ngoài lại tránh né. Điều chúng ta hiện đang thiếu, là sau khi “nhất phân vi nhị” lại không biết quay về hợp lại. Chúng ta đi đường, nếu hai chân cùng lúc nhảy ra, chẳng phải là giống như xác chết di động sao? Xác chết là “quy âm”, cho nên mới cùng lúc nhảy hai chân (nhị vi âm). Con người sống ở dương gian, đương nhiên là từng bước một chân rồi một chân mà tiến lên (nhất vi dương).

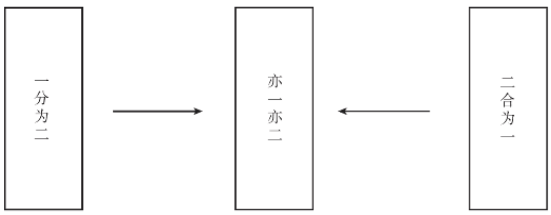


图2-7

(Hình bên trái: "Một phân thành hai" (一分为二).

Hình ở giữa: "Vừa là hai vừa là một" (亦二亦一).

Hình bên phải: "Hai hợp thành một" (二合为一).)

Một ở trước, hai ở sau, cho nên là dương ở trước, âm ở sau. Nhưng câu "dương tại tiên, âm tại hậu" này, cũng dấy lên rất nhiều vấn đề, chủ yếu nhất là bị hiểu lầm thành nam tôn nữ ti, trọng nam khinh nữ.

Trong học thuyết âm dương của Kinh Dịch, trời là dương, đất là âm, nam là dương, nữ là âm. Trong Bát Quái đồ, quẻ thuần dương ở trên, quẻ thuần âm ở dưới, từ đó có người nói, điều này biểu thị cho nam tôn nữ ti. Thực ra đây là sự hiểu lầm sai lầm về học thuyết âm dương.

Trời cao ở trên, đất thấp ở dưới, đây là sự thật. Nhưng, như vậy có biểu thị trời cao quý hơn đất không? Nếu không có đất, chỉ có mỗi trời thì có ích gì? Nếu không có trời, chỉ có mỗi đất thì lại có ích gì? Cho nên, trời đất là tương đối, là không thể tách rời nhau.

Tại sao trên Mặt Trăng không có người, mà trên Trái Đất lại có, đó là đạo lý gì? Chức năng lớn nhất của Trái Đất, đến từ mảnh đất của chúng ta. Đất chỉ làm một việc, chính là gắt gao giữ chặt bầu trời. Đừng có trốn khỏi tôi, bởi vì anh là "chồng" của tôi, anh trốn mất tôi biết làm sao? Cho nên, chị em phụ nữ cần phải luyện một loại công phu, chính là đừng để chồng mình bỏ trốn. Nhưng môn học này chúng ta từ nhỏ đến lớn đều chưa từng học qua. Các bạn xem, từ tiểu học đến đại học rồi đến lớp tiến sĩ đều không có môn này. Đất dựa vào cái gì để giữ lấy trời? Chính là dựa vào trọng lực. Nó không nói lời nào. Cho nên các bạn xem, mẹ chính là đất, bà không nói lời nào, nhưng bố đều nghe lời bà. Nhưng nếu mẹ nói một câu, bố sẽ rất khó chịu, nói: "Em nói nhiều như vậy làm gì? Em không nói anh cũng nghe lời em mà". Đại địa không nói lời nào, kết quả ông trời đều nghe theo nó, chính là bởi vì nó hiểu được cách nâng ông trời lên cao. Chị em phụ nữ hiểu được Kinh Dịch, sẽ biết cách nâng nam nhân lên cao, hắn cả đời sẽ vì bạn mà làm trâu làm ngựa. Nhưng môn học vấn này, chúng ta đều đã thất truyền rồi.

"Hợp nhất" trong "nhất" là chỉ: trong âm có dương, trong dương có âm, nó mới có sinh mệnh. Âm dương là nhất thể song diện, như bóng với hình, ý nghĩa của hợp nhất chính là trong âm có dương, trong dương có âm, như vậy mới có sinh mệnh lực, hoàn toàn là dương cũng vô dụng. Một người tính khí rất cứng, cứng đến cùng, chỉ sẽ bị tức chết. Như vậy mọi người mới biết, người Trung Quốc tập luyện thân thể rất ít giống như người phương Tây, tập đến mức toàn thân là cơ bắp. Người Trung Quốc tập đều là tập nội tạng, để cho nó khỏe mạnh, phía ngoài không quan trọng, đây gọi là “ngoài mềm trong cứng”.

Cánh tay duỗi ra ngoài, bên ngoài là dương, bên trong là âm, cho nên bên ngoài gõ nặng một chút cũng không sao, bên trong ngàn vạn lần đừng dùng sức gõ, hễ dùng sức thì mao mạch sẽ chảy máu. Những đạo lý này đều rất tự nhiên, có dương ắt có âm, không thể nào cả hai bên đều là dương, cả hai bên đều dương, cánh tay sẽ không co vào được. Cánh tay dù thế nào cũng phải co vào trong, hướng ra ngoài sẽ bị gãy.

> Sáu mươi bốn quẻ trong Kinh Dịch, chính là sự sắp xếp kết hợp của hai ký hiệu âm dương, nhưng hai ký hiệu cực kỳ đơn giản này, lại kết hợp thành rất nhiều quẻ tượng. Sự bối rối lớn nhất của chúng ta khi học Kinh Dịch, chính là không nhớ được những quẻ này, cũng không hiểu tại sao phải kết hợp như vậy. Vậy khi học Kinh Dịch, có nhất thiết phải thuộc những quẻ này không? Còn có phương pháp nào tốt hơn, để đọc hiểu Kinh Dịch không?

Bởi vì tôi học Kinh Dịch khá muộn, không giống như rất nhiều người mới mười mấy tuổi đã bắt đầu học, cho nên tôi không quá chủ trương học thuộc lòng, thuộc sai chẳng phải thảm lắm sao? Hiện nay đầu óc phải nhớ quá nhiều thứ, cả ngày đi thuộc cái đó, chẳng phải là không cần làm việc gì khác sao?

Kinh Dịch là bảo điển, bảo điển **giống như từ điển, là để cho người ta tra cứu, cần dùng thì đi tra là được rồi, cần gì phải để hết trong đầu?** Xem nhiều rồi, dùng nhiều rồi, không cần cố ý thuộc cũng sẽ nhớ được, nhớ được bao nhiêu thì tính bấy nhiêu, đây mới gọi là tự nhiên. Người Trung Quốc chúng ta thường nói, “một lần sinh, hai lần thục”, bạn chỉ cần nhớ đạo lý của nó, tự nhiên sẽ vẽ ra quẻ. Về việc vẽ quẻ, không cần thiết phải học vẹt, hiểu được đạo lý trong đó, mọi người sẽ có thể tự mình vẽ ra được Bát Quái đồ.

Thái Cực sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh Bát Quái (xem hình 2-8). Bốn chữ "diệc âm diệc dương" (亦阴亦阳, vừa âm vừa dương) trong Thái Cực cực kỳ quan trọng, chính là cũng là âm cũng là dương, cũng có âm cũng có dương. Hãy nhớ một câu: âm dương vĩnh viễn không tách rời nhau, hễ tách ra là rắc rối ngay.

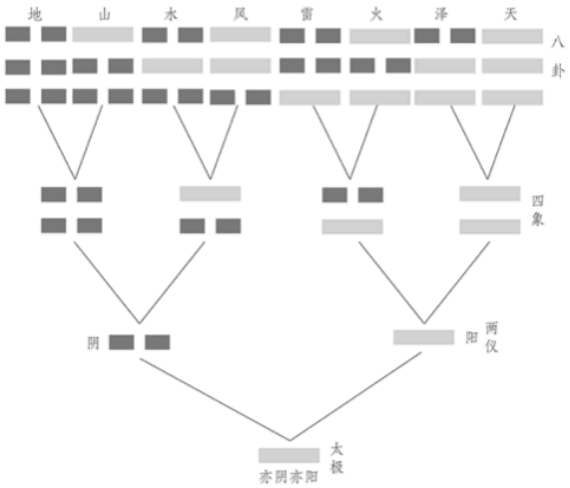


图2-8

Tại sao chúng ta gọi là Trung Hoa? Có một câu nói liên quan đến mỗi đứa con của Trung Hoa: Thái Cực gọi là "Trung", phần phía trên của Thái Cực gọi là "Hoa" (xem hình 2-9).

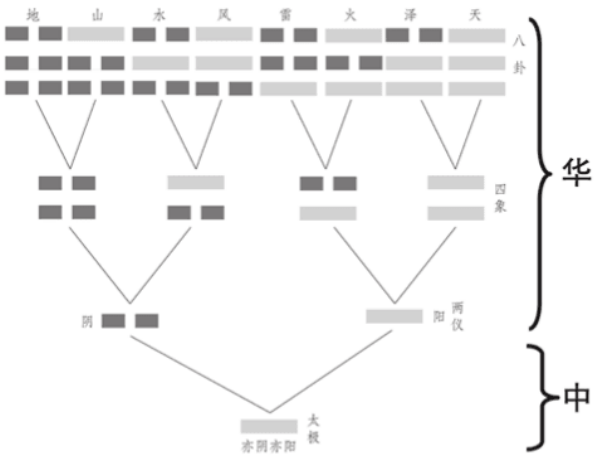


图2-9

Tại sao chúng ta “vạn biến bất ly kỳ tông” (Biến hóa muôn hình mà không rời bỏ cội nguồn)? Chính là biến đến mức nào cũng không rời khỏi Thái Cực, biến thế nào cũng được, chỉ là Thái Cực không thể biến. Trung, chính là phải giữ vững trung đạo. Người Trung Quốc bất kể trông như thế nào, màu da gì, dòng máu gì, chúng ta chỉ quan tâm trong đầu bạn có chữ "Trung" này hay không. Chỉ cần không có chữ "Trung" này, dù có trông giống người Trung Quốc đến mấy, chúng ta cũng sẽ nói người này căn bản không phải người Trung Quốc, bởi vì trong đầu hắn đã không còn "Trung" nữa rồi.

Trung" chính là ý nghĩa rất tốt. Người Hà Nam là người hiểu rõ nhất về văn hóa Trung Hoa, cho nên thường sẽ nói: "Trung không trung?" 中不中 (“có đúng không ?”) "Trung" 中 (“đúng”). Bất kể bạn đến chân trời góc bể, bất kể bạn mặc quần áo gì, sống cuộc sống gì, chúng ta đều không quan tâm, chúng ta chỉ quan tâm trong đầu bạn có hệ thống Kinh Dịch này hay không. Rất nhiều người nói chúng ta được gọi là Trung Quốc, là bởi vì chúng ta cho rằng mình ở giữa thế giới, là bởi vì chúng ta rất tự đại. Thực ra điều này là không thể nào. Chúng ta đều biết, Thái Cực chính là nguồn gốc tổng thể của vạn sự vạn vật. Cho nên, chư tử bách gia chỉ có một nguồn gốc chung duy nhất, chính là Kinh Dịch. Không hiểu được Kinh Dịch, mà đi giảng chư tử bách gia, thường sẽ giảng sai. Câu "ngô đạo nhất dĩ quán chi" (Đạo của ta chỉ cần suy ngẫm mà thấu hiểu) mà Khổng Tử nói, mọi người đều rất quen thuộc, cái "nhất" này là gì? Chính là Thái Cực. Đạo lý mà Khổng Tử giảng, đều là từ hệ thống Thái Cực này mà giảng xuống.

> Đối với câu nói "ngô đạo nhất dĩ quán chi" của Khổng Tử, nhiều học giả có những cách giải thích khác nhau, mà giáo sư Tăng Sĩ Cường cho rằng, cái "nhất" này, chính là Thái Cực. Vậy thì cách giải thích này có căn cứ gì? Mà Thái Cực và âm dương lại có quan hệ gì?
>
> Đạo nhất quán của Khổng Tử chính là trung, chính là “nhân” 仁 (ndlr: phẩm hạnh nhân ái, lòng từ bi), chính là Thái Cực. Phát tán ra ngoài, có thể giảng vô số thứ như trung hậu, thu lại thì chỉ là một chữ "nhân". Thực ra “nhân” 仁 chính là âm dương, bên trái là bộ đơn “nhân” là dương, bên phải là hai nét ngang là âm (xem hình 2-10). Một dương một âm gọi là nhân, gọi là “trung”, gọi là “Thái Cực”. Mọi người có phát hiện không, một hạt nhân, chôn xuống đất, nó sẽ nảy mầm, sẽ mọc thành một cây sum suê, chỉ nhờ cái "nhân" đó mà thôi. Nhân là thứ cốt lõi nhất, vạn vật đều có nhân.



图2-10

Chữ “nhân” cổ xưa nhất có một nét sổ dọc hai nét ngang (xem hình 2-11), chính là một dương một âm, bên trái là dương, bên phải là âm.



图2-11

Thực ra rất nhiều chữ, đều có liên quan với âm dương. Đem âm (nữ 女) viết sang bên trái, đem dương (tử 子) viết sang bên phải, chính là chữ "hảo" 好 (xem hình 2-12), đại diện cho nam nữ hảo hợp. Hai giới tính hòa hợp gọi là “nhân”, cho nên “nhân” 仁 là nền tảng của việc làm người.



图2-12

Khi chỉ có một người, sẽ không có gì gọi là mâu thuẫn, bởi vì không có ai để mắng, chỉ có thể đi làm việc, chỉ có thể tự mưu sinh. Khi có hai người, vấn đề sẽ nảy sinh, sẽ bắt đầu so đo, sẽ bắt đầu cãi nhau. Người với người có thể chung sống tốt hay không, có thể hòa hợp hay không, chúng ta quy nó về sự chung sống của vợ chồng. Mọi người có thể suy nghĩ một chút: tại sao không bắt đầu từ cha con, mà lại bắt đầu từ vợ chồng?

Bởi vì nếu quan hệ vợ chồng không tốt, các mối quan hệ khác đều rất khó tốt. Trong một gia đình, giữa mọi người phần lớn đều có quan hệ huyết thống, không phải cha con, cha con gái, thì là mẹ con, mẹ con gái, nếu không thì là anh chị em, nhưng người ngủ bên cạnh mình lại là người duy nhất không có quan hệ huyết thống - vợ/chồng. Nói đến đây thì người có quan hệ huyết thống lẽ ra phải yên tâm hơn mới đúng, nhưng chúng ta chuyên môn chọn một người không có quan hệ huyết thống để ở cùng, bạn nói có kỳ diệu không? Điều này nói cho chúng ta biết, nếu bạn có thể chung sống tốt với người không có quan hệ huyết thống này, thì cả gia đình sẽ yên ổn.

Những đạo lý này chúng ta từ từ sẽ phân tích ra. Tất cả mọi thứ, đều là Thái Cực, cho nên tiếp theo chúng ta sẽ bàn về: Thái Cực là gì.

Chương 3: Thái Cực là gì?

> Theo khảo chứng của khoa học hiện đại, Trái đất được sinh ra trong vụ nổ lớn của vũ trụ. Mà Phục Hy từ hơn bảy nghìn năm trước đã phát hiện ra bí mật này, ông một nét vẽ khai thiên, đại diện cho mọi thứ trong vũ trụ, đều được sinh ra từ một thể thống nhất.
>
> Thái Cực đồ là do người đời sau căn cứ vào âm dương Bát Quái của Phục Hy vẽ ra, cũng được gọi là đồ âm dương. Vậy từ Thái Cực này từ đâu mà có? Giáo sư Tăng nói với chúng ta, Thái Cực là do Khổng Tử đề xuất, nó "kỳ đại vô ngoại, kỳ tiểu vô nội" (lớn không có bên ngoài, nhỏ không có bên trong), là gen chung của vạn vật vạn tượng trong vũ trụ. Vậy, Phục Hy đã phát hiện ra bí mật này như thế nào? Ông đã dùng phương pháp gì để ghi lại bí mật này? Và khái niệm Thái Cực, đối với người hiện đại chúng ta có ý nghĩa quan trọng gì?

Thái Cực là một danh từ chúng ta rất quen thuộc, từ này từ đâu mà có? Là do Khổng Tử nói ra. Trước Khổng Tử, không ai từng nói Thái Cực là gì. Bởi vì Khổng Tử chủ trương mọi việc đều phải chính danh, phải định danh cho tốt trước, danh chính mới ngôn thuận, danh không chính thì ngôn không thuận. Khổng Tử định danh rất cẩn thận, không phải muốn nói thế nào thì nói thế đó, qua vài ngày lại đổi một cái khác. Chúng ta thấy, từ khi Khổng Tử định danh là Thái Cực, hơn hai nghìn năm trăm năm qua không ai thay đổi nó, điều này cho thấy cái tên này thực sự đặt rất hay.

Thái Cực là gì? "Thái" (太) được tạo thành từ hai phần, một phần là "đại" (大), phần kia là dấu chấm "丶". Chữ "đại" không cần nói, cái dấu chấm đó đại diện cho "tiểu" (小). Vì vậy Thái Cực nói với chúng ta, cực đại, mà lại cực tiểu. "Kỳ đại vô ngoại", lớn đến mức không có bên ngoài, đủ lớn chưa? "Kỳ tiểu vô nội", nhỏ đến mức không tìm thấy bên trong, đủ nhỏ chưa? Khổng Tử rất hiểu Phục Hy, ông nói trên đời có một thứ lớn đến mức không có bên ngoài, nhỏ đến mức không có bên trong, gọi là gì đây? Cuối cùng ông nghĩ ra gọi là Thái Cực. Cái tên này đặt hay!

Trong nhà chúng ta có một người, khi lớn thì rất lớn, khi nhỏ thì rất nhỏ, người này gọi là thái thái (vợ). Bạn nói thái thái có lớn không? Có lúc bà ấy lớn hơn ai hết, nhưng có lúc lại nhỏ hơn tất cả. Vì vậy làm thái thái thì phải biết, khi nào nên lớn mới lớn, khi nào nên nhỏ thì phải nhỏ. Khi gặp ông bà nội ngoại, bà ấy nhỏ nhất; khi đóng cửa lại chỉ có chồng, bà ấy lớn nhất - đây mới là người biết làm dâu. Nên lớn không lớn, nên nhỏ không nhỏ, lớn nhỏ lẫn lộn, người dâu đó không đủ tư cách.

Phàm là từ có chữ "thái" đều có ý nghĩa tương tự. Thái thượng hoàng có lớn không? Câu trả lời vẫn rất khó nói. Hoàng đế kính trọng ông ta thì ông ta lớn; hoàng đế không dùng ông ta, ông ta sẽ nhỏ, không ai để ý đến. Thái thượng hoàng có uy nghiêm hay không, lời nói có tính hay không, hoàn toàn phụ thuộc vào hoàng đế. Thái giám cũng vậy, bạn nói thái giám là lớn hay nhỏ? Thái giám Lý Liên Anh này, ngoài Từ Hi còn ai lớn hơn ông ta? Nhưng có những thái giám cả đời chỉ là người bị người ta sai khiến đông tây. Vì vậy, sau này gặp chữ "thái" phải đặc biệt cẩn thận, bởi vì nó có thể lớn có thể nhỏ.

Dùng lời hiện đại để nói, Thái Cực chính là nền tảng chung cho sự sinh tồn của tất cả mọi thứ trong vũ trụ. Trong nền tảng lớn này có hai phần, một gọi là nền tảng dương, một gọi là nền tảng âm. Nhưng nếu tách

âm với dương ra, sẽ thành hai nền tảng, như vậy sẽ không hợp lại được nữa. Vì vậy âm dương nhất định phải tương tác, có lúc âm sang bên dương, có lúc dương sang bên âm. Chỉ có biến động mới có sinh mệnh, biến động không ngừng, mới “sinh sinh bất tức” (sinh sôi không ngừng).

> Khổng Tử thực sự đã đọc hiểu Kinh Dịch, vì vậy trong phần truyện của Kinh Dịch mà ông viết - Thập Dực (cũng gọi là Dịch Truyện), ông đã dùng một từ rất chính xác để giải thích Bát Quái của Phục Hy, đó chính là Thái Cực. Vậy nguyên lời của Khổng Tử nói thế nào? Khái niệm Thái Cực đối với người hiện đại chúng ta nhận thức về vũ trụ, có ý nghĩa trọng đại gì?

Khổng Tử nói trong Dịch Truyện: "Dịch hữu Thái Cực, thị sinh lưỡng nghi (Dịch có Thái Cực, ấy sinh ra hai nghi)." Chữ "sinh" này dùng rất khéo léo, bởi vì Kinh Dịch chính là một bộ kinh điển sinh sinh bất tức, và nó quả thật đã "sinh" ra nhiều kinh điển. Người phương Tây ít dùng chữ "sinh", mà dùng chữ "phân". Nhưng vũ trụ hẳn phải có một điểm chung chứ? Nếu không có điểm chung, tất cả mọi thứ đều tách rời nhau, làm sao có thể cùng tồn tại được? Động vật với thực vật có điểm chung, người với động vật có điểm chung, người với đá cũng có điểm chung. Điểm chung này, dùng lời hiện đại gọi là “gen”, mà Thái Cực chính là gen chung của vạn vật vạn tượng trong vũ trụ. Nếu không có một chút gen chung nào thì tuyệt đối không thể hòa hợp được, nhất định sẽ chia đường rẽ lối, như vậy vũ trụ sẽ phân liệt.

Nhưng vũ trụ là một thể thống nhất, không thể phân liệt. Vũ trụ có động vật, thực vật, khoáng vật, đủ loại vật chất nói không hết, chúng có thể cùng tồn tại hài hòa, mọi thứ đều có lý lẽ của nó, chính là vì có những yếu tố chung. Các nhà khoa học trên thế giới đều đang tìm kiếm thứ này, ban đầu tìm ra nguyên tử, vì vậy cho rằng tất cả đều do nguyên tử cấu thành, có vẻ rất hài lòng. Nhưng kết luận này nhanh chóng bị phá vỡ, bởi vì lại phát hiện trong nguyên tử còn có thứ nhỏ hơn.

Lão Tử cao minh biết bao, chỉ nói ba câu, "nhất sinh nhị, nhị sinh tam, tam sinh vạn vật", sau đó không nói nữa. "Đạo sinh nhất", đạo chính là Thái Cực, Thái Cực chính là lưỡng nghi, một với hai là không thể tách rời. Phương Tây là một thì là một, hai thì là hai, theo một thái độ "phân", nên cho đến nay, đều không tìm được một thứ hoàn chỉnh. Người Trung Quốc dùng chữ "sinh" này là rất cao minh.

Vũ trụ chỉ có một thứ, gọi là tự nhiên. Chúng ta từ nay bắt đầu, khi nói đến tự nhiên, đừng thêm chữ "giới" vào. Nói "giới tự nhiên" là sai, bởi vì tự nhiên không có giới. Quốc gia có giới, khu vực có giới, nói giới thực vật, giới động vật thì được, nhưng tự nhiên là thứ toàn diện, làm gì có giới? Nếu tự nhiên lại phân giới, thì có nghĩa là ngoài tự nhiên còn có thứ khác, điều đó là không thể. Ngoài tự nhiên ra, không có bất cứ thứ gì là chủ tể! Người Trung Quốc rất tin vào trời, bởi vì trời chính là tự nhiên, mà tự nhiên chính là chủ tể. Điểm này chúng ta phải cảm ơn Phục Hy, bởi vì đây đều là do Phục Hy sáng tạo ra, nên bây giờ chúng ta phải dành một chút thời gian để tìm hiểu Thái Cực từ đâu mà có.

Phục Hy là người thích động não, ông quan sát vạn tượng tự nhiên, phát hiện mặt trời mỗi sáng từ phương Đông mọc lên, đến chiều tối nhất định lặn ở phương Tây, và ngày nào cũng vậy, không phải là vui thì mới ra,

không vui thì không ra, hoặc đột nhiên một ngày nào đó lại mọc từ phía Nam. Ông còn quan sát thấy mặt trăng có tròn khuyết, biển có thủy triều lên xuống, cây cối có khô héo sinh sôi, từ đó nghĩ ra vạn tượng vũ trụ có quy luật nhất định, tất cả đều không phải ngẫu nhiên.

Quy luật này là gì? Người phương Tây nói là thần, thực ra không phải. Chúng ta rất cảm ơn Phục Hy, chính ông đã khiến người Trung Quốc không có tôn giáo. Chúng ta không bị tôn giáo ràng buộc chính là vì chúng ta không có thần. Nếu Phục Hy khi đó nói "chính là thần đang làm chủ", thì chúng ta đã xong. Nhưng Phục Hy nói đây là một loại quy luật tự nhiên tất yếu.

> Hàng nghìn năm qua, con người luôn tìm tòi bí mật của vũ trụ. Tôn giáo nói với mọi người, tất cả trong vũ trụ là do thần kiểm soát, nhưng Phục Hy từ bảy nghìn năm trước đã nói với mọi người, tất cả trong vũ trụ đều là quy luật nội tại của tự nhiên. Phát hiện này của Phục Hy, từ đó đã đặt nền móng cho triết học cổ đại Trung Quốc.

Vì vậy Lão Tử mới nói: "Đạo pháp tự nhiên (đạo theo tự nhiên)." Đây là một câu nói rất quan trọng, nói cho chúng ta biết khi phán đoán đúng sai phải biết rằng, **phàm là phù hợp với tự nhiên nhất định là đúng, dù nhìn hiện tại có vẻ không đúng, nhưng cuối cùng vẫn là đúng.** Quan niệm của chúng ta về cát hung cũng phải lấy từ tự nhiên, không phải nói tốt cho mình là cát, không tốt cho mình là hung, không có chuyện đó. Hung cát trong Kinh Dịch nói hoàn toàn lấy có thuận theo tự nhiên hay không làm tiêu chuẩn, cát là thuận theo tự nhiên, hung là không thuận theo tự nhiên.

Nhưng cát hung sẽ biến. Ban đầu thấy rất tốt, nên rất muốn làm, làm rồi mới biết là xấu. Bởi vì "họa phúc vô môn" (họa phúc không cửa), tốt với xấu luôn biến đổi. Nhìn thấy rất thực tế, bước một chân xuống lại thành trống rỗng, đây gọi là biến. Cái gọi là biến, chính là rất khó dự đoán, nếu mọi thứ đều trong tầm kiểm soát, thì còn gì là biến? Nhưng trong cái biến có cái không biến, vì vậy biến chính là không biến, không biến chính là biến.

Tái ông mất ngựa, ai biết không phải phúc, mà ai biết không phải họa? Họa phúc đều là sau khi việc đã xảy ra mới biết, trước khi sự việc xảy ra rất khó biết. Mỗi lần chúng ta đều nói "giá như biết trước", biết trước chính là không nghĩ tới. Một người luôn nói "giá như biết trước", cả đời này sẽ sống trong hối tiếc "giá như biết trước". Điều quý giá của Phục Hy là ông thấy vạn tượng vũ trụ đều đang biến, nhưng ông ngộ ra **trong cái biến này nhất định có một thứ không biến, đó chính là quy luật.** Vì vậy làm người nhất định phải quy quy củ củ, không thể đầu cơ trục lợi. Chỉ có **dùng quy luật bất biến để ứng phó với họa phúc vạn biến**, mới không đến nỗi mỗi lần đều nói "giá như biết trước".

Dưới nhận thức này, Phục Hy tiếp tục nghiên cứu: nếu mặt trời cứ một ngày một cái, một ngày một cái, mỗi ngày từ phía Đông mọc lên, vậy phải có bao nhiêu mặt trời? Có nhiều mặt trời đến vậy chuẩn bị ở đó sao? Có nơi nào đủ lớn để chứa mặt trời không? Phục Hy cảm thấy rất kỳ lạ, hơn nữa ông phát hiện mặt trời ngày nào cũng giống nhau, từ đó ngộ ra: mặt trời chỉ có một, không có hai. Nhưng mặt trời mỗi ngày lặn ở

phía Tây, làm sao lại chạy đến phía Đông được? Phục Hy liền nghĩ ra, thì ra tất cả đều là tròn. Vì vậy những quan niệm như “tuần hoàn chu lưu”, “vãng phục tuần hoàn” (đi về tuần hoàn) này người Trung Quốc đã có từ rất sớm.

Lịch sử sẽ tái diễn, con người sẽ không ngừng phạm phải sai lầm giống nhau, trừ phi bạn phanh lại, trừ phi bạn thay đổi, nếu không sẽ cứ thế xoay vòng xoay vòng, xoay cả đời. Khoa học hiện đại chứng minh, tất cả các quỹ đạo đều không phải đường thẳng, Einstein nói với chúng ta, ngay cả ánh sáng cũng không đi theo đường thẳng, mà là cong vào.

Đạo lý là thẳng, nhưng đường đi luôn là cong. Chỉ biết đi đường thẳng rất khó đạt được mục đích, bởi vì tự nhiên vốn là quanh co uốn khúc. Những con sông lớn của Trung Quốc chúng ta đều bắt nguồn từ phía Tây, rồi chảy về phía Đông, nhưng không có con sông nào chảy thẳng ra biển, bởi vì như vậy chúng ta sẽ không có tài nguyên để sử dụng. Dòng sông uốn lượn, có lúc chảy chậm, có lúc chảy nhanh, như vậy chúng ta mới có các loại tài nguyên để sử dụng. Núi non cũng không phải thẳng đứng, nếu không ai có thể leo lên được, nó quanh co uốn khúc, như vậy người ta theo địa thế núi mà quanh co, dần dần sẽ lên được.

Trên đời không có đường thẳng. Nếu có cơ hội ra biển xem, bạn sẽ phát hiện mặt biển cũng không phẳng. Những điều này Kinh Dịch đã nói từ lâu rồi, trong quẻ Thái nói rất rõ, gọi là "Vô binh bất bí" (không quân không yếu). Tất cả mọi thứ bằng phẳng trên đời, đều do không bằng phẳng tạo thành. Bất kỳ hồ nước nào, mặc dù nhìn mặt hồ rất phẳng, nhưng vẫn có những con sóng nhấp nhô. Mặt nước một khi phẳng lì thì gọi là nước chết rồi, ngay cả cá cũng không nuôi được.

Trên đời không có thứ gì là bằng phẳng. Cùng một cặp cha mẹ, sinh ra những đứa con lại không giống nhau. Vì vậy em trai nhìn anh trai, thế nào cũng thấy không vừa mắt, nó bất bình: sao anh lại cao hơn em? Em phải ăn nhiều cơm vào, nhất định phải cao hơn anh. Kinh Dịch nói cho chúng ta biết, con người vốn không bình đẳng, chúng ta hậu thiên chỉ cố gắng làm cho nó công bằng mà thôi, đây mới là phù hợp với quy luật tự nhiên.

> Phục Hy thông qua quan sát tỉ mỉ và suy nghĩ nghiêm túc, cuối cùng đã tìm thấy trong sự biến hóa muôn vàn của vũ trụ, quy luật của tự nhiên và một loại lực lượng đại diện cho tự nhiên, nhưng trong thời đại xa xưa không có chữ viết đó, Phục Hy đã dùng phương pháp gì để ghi lại phát hiện trọng đại của ông?

Sau khi nhìn thấy tất cả những điều này, Phục Hy đã nghĩ, nên dùng gì để biểu thị loại lực lượng tự nhiên của vũ trụ này? Vì vậy, ông tỉ mỉ quan sát cuộc sống hàng ngày của dân chúng. Một đứa trẻ lần đầu tiên ra ngoài đánh cá, khi trở về rất vui, cả nhà muốn ăn mừng một chút. Lúc đó chưa có chữ viết, nên cầm một cây gậy làm dấu, biểu thị đây là cá nó đánh được, lần sau đánh được lại thêm một nét. Phục Hy thấy cách này rất hay, nên đã vẽ một nét "—". Nét "—" này là gì? Chính là đại diện cho lực lượng tự nhiên của tất cả mọi thứ trong vũ trụ. Chúng ta gọi đó là “nhất họa khai thiên” (một nét vẽ mở trời) (xem hình 3-1).

一画开天

图3-1

Hình 3-1: Nhất họa khai thiên

Vậy một làm sao sinh ra hai được? Một sinh hai, là biểu thị một sinh ra từ hai, hay hai sinh ra từ một? Thực ra cả hai câu đều đúng. Kéo nét "—" liên tục, kéo đến đứt, thì thành "--"; nhìn không đúng, lại nối nét "--" lại, thì thành "—". Một vốn chính là hai, hai vốn chính là một, phân chia làm gì cho rõ như vậy?

Khi tôi học ở London, có một người bạn chuẩn bị lấy bằng tiến sĩ toán học, đã rất vất vả chuẩn bị cho kỳ thi cuối cùng, chỉ cần bảo vệ đạt là có thể nhận bằng tiến sĩ. Trong buổi bảo vệ, chúng tôi rất quan tâm nên đã đến dự thính. Một ủy viên hội đồng hỏi anh ấy: '1+1 rốt cuộc có bằng 2 không?' Anh ấy nghĩ: Mình sắp là tiến sĩ toán học, sao lại hỏi câu đơn giản thế này, chắc chắn có ẩn ý. Vì thế anh ấy đứng dậy, viết đầy một bảng những con số, cuối cùng chứng minh 1+1 không bằng 2. Toán học có thể chứng minh 1+1 không bằng 2. Nhưng không ngờ, vị ủy viên đó đứng dậy nói: '1+1 chính là bằng 2.' Rồi người bạn tôi chẳng còn gì cả, học 7-8 năm mà chẳng nhận được gì. Lúc đó tôi nói với anh ấy: 'Cậu không đọc Kinh Dịch nên không lấy được bằng tiến sĩ, nếu là tôi thì chắc chắn đã lấy được rồi.' Anh ấy hỏi: 'Thật sao?' Tôi nói: 'Cậu đừng nản. Tôi cho cậu một gợi ý, sau này cậu sẽ biết đối phó với những việc như thế này. Bất kỳ ai hỏi tôi 1+1 có bằng 2 không, tôi sẽ trả lời trong điều kiện bình thường thì 1+1 bằng 2, nhưng trong một số trường hợp đặc biệt thì không bằng 2, nếu anh muốn tôi chứng minh 1+1 bằng 2, tôi sẽ chứng minh cho anh xem, nếu anh muốn tôi chứng minh 1+1 không bằng 2, tôi cũng sẽ chứng minh cho anh xem. Chắc chắn ông ấy sẽ nói không cần thiết nữa, và tự nhiên cậu sẽ lấy được bằng'.

Mọi việc trên đời không có gì tuyệt đối đến mức không thể liên kết được, bởi vì chúng ta vốn không biết đúng sai từ trước, thường phải đợi đến sau mới biết được, trong đó có quá nhiều khúc ngoặt.

Phục Hy biết thế giới không đơn giản như vậy, nên ông cảm nhận được, mặt trời đã từ bên này lặn xuống, lại từ bên kia mọc lên, trong đó chắc chắn có hai luồng lực, một luồng kéo mặt trời xuống, một luồng kéo mặt trời lên. Sau đó ông phát hiện đúng là như vậy, có một lực kéo nước lên, gọi là thủy triều dâng, lại có một lực khiến nước rút xuống, gọi là thủy triều rút. Nước vẫn là nước đó, khi lên thì bên này nhiều bên kia ít; khi rút thì bên này ít bên kia lại nhiều. Vì thế Phục Hy biết chỉ dựa vào một lực là không đủ, nên ông lại bẻ gãy "—" ở giữa, biến thành hai đoạn, trở thành "--".

Cuối cùng Phục Hy lấy cơ thể con người để định hình. Vì lúc đó người ta đều không mặc quần áo, Phục Hy phát hiện sự khác biệt lớn nhất giữa nam và nữ chính là ở cơ quan sinh dục. Cơ quan sinh dục của nam giống như một đường thẳng, là dương, còn nữ đúng là âm. Nam dương là "—", nữ âm là "--", hai ký hiệu này được xác định từ đó và không thay đổi. Tất cả mọi việc trên đời đều là sự biến động của một âm một dương, đơn giản chỉ có vậy.

> Phục Hy thông qua quan sát thiên nhiên, quan sát bản thân con người, một nét vẽ mở thiên địa, sáng tạo ra các ký hiệu đại diện cho âm dương, rồi dựa vào âm dương hợp nhất, âm dương đối đãi, âm dương tương tác mà biến hóa, sáng tạo ra Bát Quái. Vậy những sáng tạo vĩ đại của Phục Hy, chẳng lẽ chỉ đơn thuần là nghĩ ra từ trong đầu sao?

Tất cả đều là nghĩ ra. Nhưng nếu nói với người nước ngoài 'tất cả đều là nghĩ ra', họ sẽ không hiểu. Với người nước ngoài nhất định phải nói 'tất cả đều là do con người nghĩ ra', nhất định phải thêm chữ 'người' vào. Với người Trung Quốc thì không cần, chỉ cần nói 'nghĩ ra' là được, thêm chữ 'người' chúng ta lại thấy rất kỳ lạ: Điều này cần gì phải nói? Trên đời chỉ có con người mới biết suy nghĩ, sao còn phải thêm chữ 'người' làm gì? Quá coi thường tôi rồi! Nên nói chuyện với người Trung Quốc rất đơn giản, nói 'rót cho tách trà' là trà được rót ra; nói với người nước ngoài 'rót cho tách trà', họ sẽ hỏi: Ai rót? Rót cho ai? Rót trà gì? Khi nào rót? Dùng cái gì để rót? Đợi họ hỏi xong thì bạn đã chết khát rồi.

Khổng Tử dạy học chưa bao giờ nói rõ ràng hết, trong Luận Ngữ đều là một câu, không đầu không cuối, 'biết thì nói biết, không biết thì nói không biết', phía sau không nói nữa. Nhiều người giải thích câu này là biết thì nói 'tôi biết', không biết thì nói 'tôi không biết'. Nói vậy là quá coi thường Khổng Tử, nếu thật sự như vậy, thì cả cuốn Luận Ngữ chẳng phải toàn nói những lời vô ích sao? 'Biết thì nói biết, không biết thì nói không biết' có nghĩa là dù bạn biết, nếu người hỏi không nên biết, bạn cũng không thể nói mình biết. Phải căn cứ vào từng người khác nhau mà đưa ra câu trả lời khác nhau.

Tôi đã nghe một câu chuyện ở quê hương Khổng Tử là Khúc Phụ, thật hay giả tôi không biết, mọi người cứ nghe thử xem. Một ngày nọ, một học trò của Khổng Tử đang quét sân ngoài cửa, có một vị khách đến hỏi: 'Anh là ai vậy?' Anh ta rất tự hào nói: 'Tôi là đệ tử của Khổng lão tiên sinh!' Vị khách liền nói: 'Tốt quá, tôi có thể xin hỏi anh một câu được không?' Người học trò rất vui vẻ nói: 'Được chứ!' Anh ta nghĩ: Chắc anh sẽ hỏi câu gì kỳ lạ đây? Vị khách hỏi: 'Một năm có mấy mùa?' Người học trò nghĩ: Câu này còn phải hỏi sao? Nên liền trả lời: 'Xuân hạ thu đông bốn mùa.' Vị khách lắc đầu nói: 'Không đúng, một năm chỉ có ba mùa.' 'Này, anh nhầm rồi, bốn mùa!' 'Ba mùa!' Cuối cùng hai người tranh cãi không thôi, bèn quyết định đánh cược: nếu là bốn mùa, khách sẽ lạy học trò ba lạy; nếu là ba mùa, học trò sẽ lạy khách ba lạy. Học trò của Khổng Tử nghĩ lần này chắc chắn mình thắng, nên định dẫn khách đi gặp thầy Khổng Tử. Đúng lúc đó Khổng Tử từ trong nhà bước ra, người học trò tiến lên hỏi: 'Thưa thầy, một năm có mấy mùa?' Khổng Tử nhìn vị khách một cái, nói: 'Một năm có ba mùa.' Người học trò này suýt ngất, nhưng không dám hỏi ngay. Vị khách lập tức nói: 'Lạy đi lạy đi!' Học trò không còn cách nào khác, đành ngoan ngoãn lạy ba lạy.

Sau khi khách đi rồi, người học trò không kìm được liền hỏi Khổng Tử: 'Thưa thầy, rõ ràng một năm có bốn mùa, sao thầy lại nói ba mùa?' Khổng Tử nói: 'Con không thấy người vừa rồi toàn thân màu xanh sao? Anh ta là con châu chấu, châu chấu sinh ra vào mùa xuân, đến thu thì chết, nó chưa bao giờ thấy mùa đông, con nói ba mùa nó sẽ hài lòng, con nói bốn mùa cãi đến tối cũng không thông. Con chịu thiệt một chút, lạy ba lạy, không sao cả.'

Mọi người thấy câu chuyện này là thật hay giả? Tôi hy vọng mọi người đừng nói đây là thật, cũng đừng nói đây là giả, bởi vì thật giả chẳng liên quan gì đến chúng ta. Điều chúng ta cần quan tâm là câu chuyện này cho chúng ta bài học gì, còn khảo chứng thật giả là việc của chuyên gia, không phải việc của chúng ta. Câu chuyện này dù thật hay giả đều rất có ích cho chúng ta. Chỉ cần biết vận dụng, bạn có thể sống thêm mười năm! Tôi có nhiều bạn, sau khi nghe tôi kể câu chuyện này đều trở nên rất vui vẻ, gặp tôi đều nói, trước đây thấy những người không nói lý lẽ thì tức giận, bây giờ không còn nữa, nghĩ rằng đó là 'người ba mùa', nên không để tâm nữa.

> Đối với bất kỳ ai, bất kỳ việc gì, khi bạn muốn nổi giận, khi cảm xúc không ổn định, bạn hãy nghĩ đó là 'người ba mùa', là việc của 'người ba mùa' làm, lập tức sẽ bình tâm trở lại. Trên thế giới này 'người ba mùa' quá nhiều, càng không hiểu thì nói càng to tiếng, nói thẳng ra, những người nói to nhất thường là những người hiểu biết ít nhất. Nếu thật sự hiểu biết, nói to làm gì?

Sau này chúng ta đọc lời Trang Tử mới hiểu 'Côn trùng mùa hạ thì biết gì chuyện mùa đông' (Trang Tử - Thu Thủy). Bạn nói với con trùng mùa hạ về mùa đông làm gì? Đó là bạn hồ đồ! Thế thì không phải gặp người nói tiếng người, gặp ma nói tiếng ma sao? Nếu bạn hỏi Khổng Tử, Khổng Tử chắc chắn sẽ nói vốn dĩ là như vậy, bạn gặp người không nói tiếng người, thế không phải toàn nói chuyện ma quỷ sao? Vạn nhất một ngày nào đó bạn thật sự gặp ma, bạn không nói tiếng ma, làm sao giao tiếp? Đây tuyệt đối không phải là cơ hội chủ nghĩa, mà là tùy cơ ứng biến.

> Hình âm dương, còn gọi là đồ Thái Cực, là người đời sau dựa vào Bát Quái đồ của Phục Hy mà sáng tạo ra, vậy âm dương và Thái Cực có phải là một không? Âm dương và Thái Cực rốt cuộc có quan hệ gì?

Ở đây có một câu nói rất quan trọng: Âm dương đều do Thái Cực biến hóa mà thành, âm dương không rời Thái Cực, Thái Cực cũng không rời âm dương. Chúng ta nói đi nói lại câu này, chính là vì nhiều người xem chúng như những thứ khác nhau, nói cái này là âm, cái kia là dương, điều này rất tệ. Trong âm có dương, trong dương có âm, dương cực thì thành âm, âm cực thì thành dương, đó là cùng một thứ đang không ngừng biến hóa. Chúng ta người Trung Quốc có thể dùng một câu để nói rõ đạo lý phức tạp như vậy, đây là việc rất khó. Một câu là: 'Một âm một dương gọi là đạo', một câu khác là: 'Một chia thành hai, hai hợp thành một', và một câu nữa là: 'Một chính là hai, hai chính là một'

'Một chính là hai, hai chính là một' này phải hiểu rất cẩn thận, bởi vì một chính là hai, không phải một bằng hai, đây hoàn toàn là hai ý nghĩa khác nhau. Nên cách nói tốt nhất là 'vừa là một vừa là hai', vừa là một, cũng là hai, nói như vậy sẽ chu toàn hơn một chút. Nhưng người hiện đại chúng ta nghe những lời như vậy đều rất bực bội, cảm thấy mập mờ. Vậy xin hỏi mọi người, vũ trụ có điểm nào là rõ ràng? Có ai có thể nói chắc với bạn ngày mai chắc chắn có mặt trời? Đài khí tượng đôi khi còn dự báo sai. Đài khí tượng dự báo ngày mai nhiệt độ rất cao, nên bạn mặc phong phanh rồi ra ngoài, kết quả về bị cảm, bạn trách ai? Máy móc rất chính xác, nhân viên rất nghiêm túc, đo đạc rất chính xác, nên đến lúc quan trọng, đài khí tượng đều nói với bạn: ngày mai nắng, lúc nhiều mây, có mưa rào. Nghe xong bạn sẽ chửi, nhưng có thể trách ai? Bởi vì thời tiết vốn biến đổi không thường. Đã thừa nhận tất cả đều biến đổi không thường, tại sao còn đòi hỏi 'chắc chắn'?

Bạn cùng lúc trồng ba cây, có thể đảm bảo chúng sẽ phát triển giống nhau không? Dù cùng một mảnh đất, dù cùng một người chăm sóc tỉ mỉ, kết quả hai cây mọc lên, cây còn lại chết đi, bạn có thể trách ai? Tự nhiên vốn là biến hóa. Nhưng đằng sau sự biến hóa, có một quy luật bất biến, quy luật bất biến đó Phục Hy đã giúp chúng ta tìm ra. Chúng ta tin vào cái gì? Tin vào Trời. Chúng ta động một tí là nói 'trời ơi', trên thế giới chỉ có người Trung Quốc thân thiết với trời nhất. Trời là gì? Trời không phải thần, trời không phải thượng đế, trời chính là tự nhiên.

Động vật là một phần của tự nhiên, không thể rời khỏi tự nhiên; con người cũng là một phần của tự nhiên, cũng không thể rời khỏi tự nhiên. Nên bây giờ chúng ta có được một tiêu chuẩn rất quan trọng, muốn phân biệt cái nào đúng cái nào sai, hãy xem nó có hợp với tự nhiên không. Tất cả những gì hợp với tự nhiên đều là đúng, không hợp với tự nhiên thì dù trước mắt là đúng, sớm muộn cũng sẽ sai.

Từ bây giờ, tất cả phải lấy tự nhiên làm tiêu chuẩn phán đoán cao nhất. Những gì hợp với tự nhiên, bạn cứ yên tâm mà làm. Không hợp với tự nhiên thì không làm chăng? Không phải. Bởi vì nếu tách rời làm và không làm để xem xét, thì không phải là người hiểu Kinh Dịch. Kinh Dịch không bao giờ tách rời, **nói không làm tức là phải cẩn trọng mà làm, chứ không phải không làm**, Kinh Dịch chưa bao giờ có chuyện không làm.

Phàm là nhân tạo, bạn đều phải xem xét có hợp với tự nhiên không. Nhưng chú trọng tự nhiên không loại trừ nhân tạo, đây là khái niệm rất quan trọng. Người thường vẫn dùng phương pháp nhị phân để xem xét vấn đề, đã là tất cả phải thuần tự nhiên, thì cái gì nhân tạo đều không cần nữa, như vậy chẳng phải cả nhà cửa cũng phải phá đi sao? Xã hội không ngừng tiến bộ, sẽ tăng thêm nhiều thứ nhân tạo. Tự nhiên không phải là duy trì hiện trạng, mà là “sinh sinh bất tức”, đổi mới từng ngày, sáng tạo rồi lại sáng tạo. Do đó, khi chúng ta làm những việc nhân tạo, phải rất cẩn trọng, xem nó có hợp với tự nhiên không. Nếu phát hiện chỗ nào không phù hợp với tự nhiên, phải nhanh chóng sửa đổi, giữ thái độ rất thận trọng như vậy mới hợp lý.

Thái Cực sinh lưỡng nghi, ngàn vạn lần đừng tách rời để xem, nói cái này là Thái Cực, cái kia là lưỡng nghi. Trong Thái Cực đã có lưỡng nghi, lưỡng nghi tạm thời phân ra, cuối cùng nó vẫn phải hợp lại với nhau, bởi vì lưỡng nghi không thể tách rời.

Sau khi Thái Cực sinh lưỡng nghi, biến hóa vô cùng. Nên tiếp theo chúng ta cần dành một chút thời gian để tìm hiểu: Thái Cực làm sao có thể sinh lưỡng nghi? Bát Quái lại từ đâu mà đến? Khi những kiến thức cơ bản này đã vững chắc rồi, muốn hiểu được bí mật của Kinh Dịch sẽ rất đơn giản. Nếu ngay từ đầu bảo bạn đọc quẻ, chữ này không hiểu, chữ kia không đọc được, cũng không biết giải thích, vừa đọc người ta đã cười, làm sao học được? Nhưng khi mọi người đã hiểu rõ những đạo lý cơ bản này rồi, về sau sẽ rất thuận lợi.

Chương 4: Bát Quái là gì?

> Khổng Tử trong Thập Dực, tức là Dịch Truyện có nói: 'Dịch có Thái Cực, sinh ra lưỡng nghi.' Thái Cực chính là nguồn gốc của vũ trụ, còn lưỡng nghi là sự biến hóa của âm dương. Phục Hy một nét vẽ mở thiên địa, nét vẽ này chính là Thái Cực mà Khổng Tử nói đến, và hào hào âm dương sinh ra từ nét vẽ này chính là lưỡng nghi. Vậy lưỡng nghi sinh ra tứ tượng như thế nào? Tứ tượng lại sinh ra Bát Quái như thế nào?
>
> Bát Quái đại diện cho tám hiện tượng tự nhiên trên trái đất, nhưng tại sao trời được gọi là Càn, đất được gọi là Khôn, nước được gọi là Khảm, lửa được gọi là Ly, sấm được gọi là Chấn, gió được gọi là Tốn, núi được gọi là Cấn, đầm được gọi là Đoài?

Thái Cực sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi làm sao có thể sinh thành Bát Quái? Trong đó cũng có một quá trình, không phải nhảy vọt. Tất cả mọi việc, chỉ cần tự nhiên, hầu như đều có tính liên tục, không thể đột ngột đứt đoạn. Dù bề ngoài có vẻ đứt đoạn, thực tế bên trong vẫn liên tục. Phục Hy năm đó phát hiện vũ trụ có một quy luật nhất định, đồng thời, ông cũng nhận ra thế giới tuyệt đối không chỉ có một luồng lực, nếu chỉ có mỗi luồng lực này thì quá đơn điệu. Trong đó có hai lực có vẻ đối lập, thực tế là tương thành, gọi là âm, dương, nên "nhất âm nhất dương chi vị đạo" (một âm một dương gọi là đạo), đạo chính là một âm một dương.

Một âm một dương, rất dễ bị hiểu lầm là một cái dương, một cái âm, thực ra không phải vậy, mà là có âm có dương, mới gọi là một âm một dương. Chúng ta nhắc đi nhắc lại, nếu âm là âm, dương là dương, hoàn toàn tách rời nhau, thế giới này sẽ chia rẽ.

Chúng ta thường thấy, một cặp vợ chồng sinh ra con cái, con gái phần nhiều giống bố, con trai phần nhiều giống mẹ, đây là điều kỳ diệu của tạo hóa, cũng là để nam không quá nam, nữ không quá nữ. Nếu không, đàn ông càng ngày càng đàn ông, phụ nữ càng ngày càng phụ nữ, thì sẽ biến thành hai loại người, một loại gọi là loài nam giới, một loại gọi là loài nữ giới. Khoa học hiện đại chứng minh, trong cơ thể nam tồn tại hoóc-môn nữ, trong cơ thể nữ cũng có hoóc-môn nam. Đây không phải là không nam không nữ, mà là nam tính nên có một số khí chất âm nhu, nữ tính đôi khi cũng cần dương cương một chút, không thì nữ giới cứ bị bắt nạt hoài, còn được sao?

Vạn vật trên thế giới đều có âm có dương, và không thể tách rời. Lấy nhiệt độ một ngày làm ví dụ, chúng ta sáng sớm thức dậy, mặt trời đã mọc, lúc này có thấy nóng không? Không. Bởi vì mặt trời trên cao tuy nóng, nhưng nhiệt lượng chưa hoàn toàn chiếu xuống mặt đất, mặt đất vẫn còn mát, nên buổi sáng gọi là thiếu dương (xem hình 4-1). Đến trưa, trên dưới đều nóng, gọi là thái dương (xem hình 4-2).



图4-1　少阳

[Hình 4-1 Thiếu dương]



图4-2　老阳

[Hình 4-2 Thái dương]

Người Trung Quốc khá thông minh, biết dùng phương pháp âm để đối phó với dương, sau khi ăn trưa xong, chúng ta thường nghỉ ngơi một chút. Chúng ta hiểu rõ nhất đạo lý biến hóa của vũ trụ, trong một ngày, cơ thể con người biến hóa nhanh nhất có hai khoảng thời gian, trước tiên là từ 11 giờ sáng đến 1 giờ chiều, tức là giờ Ngọ. Lúc này người ta tốt nhất không nên hoạt động nhiều, yên tĩnh nghỉ ngơi thì tốt hơn. Nhưng ngủ trưa cũng không thể ngủ luôn hai ba tiếng, khiến tối không ngủ được, như vậy cũng không đúng. Ngủ trưa rất tốt, nhưng phải vừa phải, không được quá mức, hai mươi đến ba mươi phút là thích hợp. Sau khi ngủ trưa có tinh thần rồi thì phải dậy làm việc, không những có thể nâng cao hiệu suất làm việc buổi chiều, mà còn có lợi cho việc nghỉ ngơi buổi tối. Có người giữa trưa đi tập thể dục, tôi thấy rất lạ, nhưng mọi người bây giờ đều học theo, chính là vì không hiểu đạo lý âm dương.

Đến lúc hoàng hôn, chúng ta có thể cảm nhận được, mặc dù không khí vẫn còn nóng, nhưng phía trên đã bắt đầu mát, bởi vì hoàng hôn không còn nhiệt lượng nữa. Khi mặt trời sắp lặn, phía trên dần dần mát đi, phía dưới vẫn còn nóng, nên hoàng hôn gọi là thiếu âm (xem hình 4-3). Đến tối, trên dưới đều lạnh, gọi là thái âm (xem hình 4-4). Vì vậy, lúc thái âm, chúng ta nhất định phải chú ý giữ ấm, phải đắp chăn.



图4-3　少阴

[Hình 4-3 Thiếu âm]



图4-4　老阴

[Hình 4-4 Thái âm]

Khoa học hiện đại chứng minh, từ 11 giờ đêm đến 1 giờ sáng là lúc chức năng tạo máu trong cơ thể mạnh nhất, cũng là khoảng thời gian thứ hai trong ngày cơ thể biến hóa nhanh nhất. Vì thế, **chúng tôi khuyên mọi người, tốt nhất nên đi ngủ trước 11 giờ đêm**. Từ 11 giờ đêm đến 1 giờ sáng tốt nhất nên nằm trên giường, trốn trong chăn ấm áp, như vậy cơ thể mới khỏe mạnh. Nếu lúc này còn đang làm việc, rất bất lợi cho sức khỏe.

Trong một ngày, xét theo tứ tượng, từ sáng sớm bắt đầu, từ thiếu dương chuyển sang thái dương, sau trưa, thái dương dần dần chuyển sang thiếu âm, từ hoàng hôn đến nửa đêm, thiếu âm lại biến thành thái âm (xem hình 4-5).

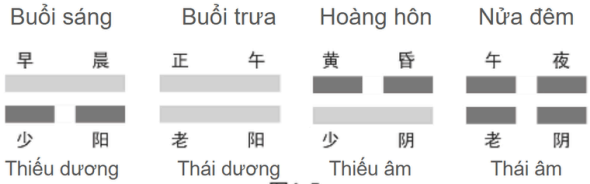


图4-5

Bốn mùa trong năm cũng có thể xem theo tứ tượng, mùa xuân là thiếu dương, mùa hạ là thái dương, mùa thu là thiếu âm, mùa đông chính là thái âm. Thực ra bất kể ở phương diện nào, chúng ta đều có thể dùng 'Thái Cực sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng' (xem hình 4-6) để nhìn nhận tất cả những biến hóa, đây là chỗ tuyệt vời nhất của Kinh Dịch. Nếu mọi người hiểu được đạo lý âm dương biến hóa, tự nhiên sẽ biết làm thế nào để bảo vệ cơ thể mình, làm thế nào để sống qua ngày thường.

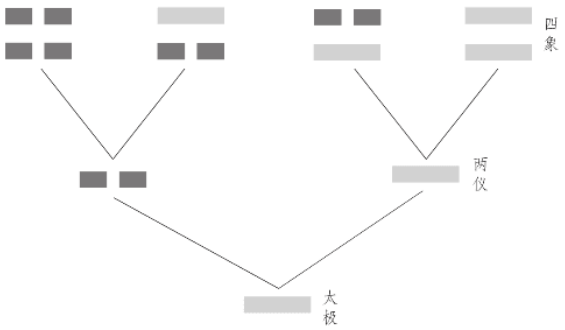


图4-6

> Kinh Dịch nhìn có vẻ bí ẩn khó hiểu, thực ra chỉ là sự khám phá và thể hiện quy luật tự nhiên trong vũ trụ. Con người là con của tự nhiên, đương nhiên phải tuân theo quy luật của tự nhiên, mới có thể đảm bảo sức khỏe. Vậy tiếp theo, tứ tượng làm sao sinh ra Bát Quái?

Tứ tượng không phải là hiện tượng tốt, vì nó quá ổn định. Nên Phục Hy cho rằng, thế giới tuyệt đối không phải chỉ có tứ tượng là có thể quyết định được, bởi vì tứ tượng không động được. Nếu thủy triều mỗi ngày chỉ là lặp đi lặp lại việc lên xuống, thế giới còn có gì biến hóa nữa?

Khi chúng ta leo núi, trên núi có thể phát hiện rất nhiều vỏ sò. Có ai ngốc đến mức vác vỏ sò từ biển lên núi không? Không có. Bây giờ chúng ta biết, rất nhiều núi cao nguyên là ở dưới biển sâu, do sự biến đổi mạnh mẽ của vỏ trái đất, đột nhiên nhô lên, biến thành núi cao, nên trên núi mới có vỏ sò xuất hiện. Chỗ thấp sẽ biến cao, chỗ cao sẽ biến thấp, sa mạc sẽ biến thành ốc đảo, ốc đảo sẽ biến thành sa mạc, Iceland chưa từng có nông sản dần dần cũng có hy vọng trồng trọt, đây chính là sự biến hóa của tự nhiên.

Họa phúc không cửa, cát hung khó đoán, tất cả đều trong biến động, nên thế sự vô thường, đây là đạo lý mà ai cũng rất quen thuộc. Đã như vậy, tứ tượng không thể rất ổn định, nên Phục Hy nghĩ đến, tứ tượng còn sẽ tiếp tục phát triển. Mỗi tượng đều có âm dương, thái dương (⚌) phía trên thêm một dương, thì biến thành '☰'; thái dương (⚌) phía trên thêm một âm, thì biến thành '☲'. Thiếu âm (⚍) phía trên thêm một dương, biến thành '☴'; thiếu âm (⚍) phía trên thêm một âm, lại là một hình ảnh khác '☵'. Tứ tượng phía trên lần lượt thêm âm hoặc thêm dương, thì hình thành tám sự biến hóa khác nhau (xem hình 4-7), không thể thêm một cái, cũng không thể bớt một cái. Trong toán học gọi đây là phép sắp xếp tổ hợp. Thái Cực

sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng một biến thì ra Bát Quái, đây là một sự biến hóa rất tự nhiên.

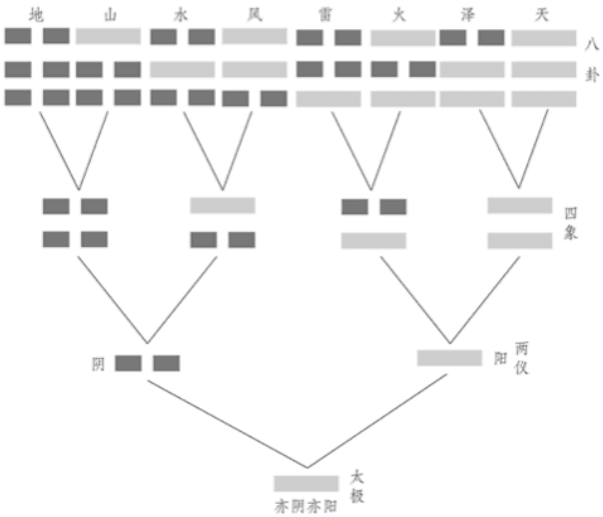


图4-7

> Bát Quái là do sự biến hóa âm dương của tứ tượng sinh ra, tám quẻ này, tức là tám ký hiệu, đại diện cho tám hiện tượng tự nhiên giữa trời đất, nhưng chúng ta nên hiểu tám ký hiệu này như thế nào, và làm sao để nhớ được tám ký hiệu này?

Muốn hiểu Kinh Dịch, nhất định phải khéo vận dụng trí tưởng tượng của chúng ta. Nếu không dùng trí tưởng tượng, chỉ nhìn vào hiện tượng cụ thể, rất khó hiểu Kinh Dịch. Bởi vì **Kinh Dịch hoàn toàn được cấu thành từ một hệ thống ký hiệu rất lớn**, chúng ta không thể hoàn toàn xem nó như những thứ cụ thể.

Bát Quái là một hệ thống ký hiệu rất đẹp, rất ngăn nắp, chúng ta muốn hiểu Bát Quái, phải tích cực vận dụng trí tưởng tượng của mình. Thời đại Phục Hy không có nhà cao tầng như bây giờ, không có máy bay, thậm chí cả diều cũng không có, ông làm sao giảng về tám quẻ cơ bản này với dân chúng? Chúng ta có thể tưởng tượng thế này: Phục Hy trước tiên vẽ "☰" ra, bảo mọi người đây đại diện cho trời. Tin rằng chắc chắn sẽ có người hỏi tại sao "☰" đại diện cho trời? Phục Hy bảo mọi người, về nhà xem trẻ con vẽ trời như thế nào, tự nhiên sẽ hiểu.

Tin rằng cho đến bây giờ, bất kỳ ai trong chúng ta, dù có học vẽ hay không, nếu bảo bạn vẽ trời, có lẽ đều sẽ vẽ ba đường cong (xem hình 4-8). Bởi vì trời có ba đặc điểm: thứ nhất, trời bao phủ, từ đầu này của đất bao phủ đến đầu kia, nên chúng ta nhất định sẽ vẽ một đường cong rất dài; thứ hai, trời nhiều tầng, nó không phải mỏng manh một tầng, mà là tầng này chồng tầng kia, nên chúng ta không vẽ một đường, nhất định sẽ vẽ liên tiếp ba đường; thứ ba, trời không đứt đoạn, chúng ta không thể nói, đó là trời nhà anh, đây là trời nhà tôi. Cho nên, trời là bao phủ toàn diện, trời là nhiều tầng, trời là không đứt đoạn. Ba đường cong

sau này dần dần biến thành ba đường ngang có quy luật hơn một chút "三", đại diện cho trời. Chúng ta có thể tưởng tượng, ban đầu khi Phục Hy mới bắt đầu vẽ trời, chính là vẽ như vậy.



图4-8

Trời sẽ có ba khả năng biến hóa: một là trời phía trên biến hóa, một là trời giữa biến hóa, một là trời phía dưới biến hóa. Phục Hy dùng ba đường này lần lượt đại diện cho trên, giữa, dưới (xem hình 4-9), ông trước tiên đổi phần dưới cùng thành âm, biểu thị trời phía dưới động. Ông hỏi mọi người, trời phía dưới động đại diện cho cái gì? Lúc đó không có nhà cao tầng, phía dưới trời có thể động chỉ có cây cối. Cây cối lay động sẽ cho người ta cảm giác gì? Chúng ta sẽ nói cây lay động sao? Có lẽ không. Thấy cây lay động, chúng ta thường nói gió đến rồi, nên trời phía dưới động chính là gió (xem hình 4-10). Trời phía dưới động, vốn là cây đang lay động, nhưng cây lay động là hiện tượng cụ thể, và không có quan hệ mật thiết với chúng ta, nên phải tách rời nó ra, đổi thành đại diện cho hiện tượng tự nhiên có quan hệ mật thiết với con người, đó là gió (☴). Khoa học chỉ nói cây đang lay động, rất ít khi nói với bạn gió đến rồi, nhưng con người chú trọng vào cảm giác hơn, gió đến rồi, tôi nên mặc thêm áo, cây động thì liên quan gì đến tôi? Sự khác biệt giữa khoa học và Kinh Dịch là ở chỗ này.

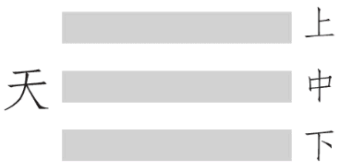


图4-9



图4-10

Giữa trời động là gì? Là chim sao? Không phải. Bạn nói với người khác, một con chim bay qua, người ta sẽ không có cảm giác gì, nhiều lắm chỉ nhìn một cái thôi, sẽ không cho rằng đó là giữa trời động. Vậy cái gì

động ở giữa trời sẽ thu hút sự chú ý của mọi người? Là lửa (xem hình 4-11). Trước đây rừng cũng có lửa, lửa một khi cháy lên, ánh lửa bốc cao đến tận trời, khói cuồn cuộn, mọi người nhìn từ xa, giống như giữa trời đang cháy vậy, và có thể cảm nhận được ngọn lửa đang lan rộng, nên sẽ rất cẩn thận, rất chú ý, sẽ trốn thật xa. Vì thế giữa trời động chính là lửa (☲).



图4-11



图4-12

Trời phía trên động thì khá khó tưởng tượng. Thời Phục Hy không có máy bay, cũng không có vệ tinh, ông làm sao biết cái gì động ở trên trời? Con người thực sự quá thông minh, chúng ta đến bên hồ nhìn sẽ phát hiện, ảnh phản chiếu của trời ở dưới sóng nước, sóng nước đúng là ở trên trời. Tình huống này ở sông hẹp chảy xiết không dễ thấy được, phải đến bên hồ đầm rộng và yên tĩnh mới thấy rõ ảnh phản chiếu của trời, nên trời phía trên động không thể gọi chung chung là nước, mà vùng nước tụ tập với diện tích lớn chúng ta gọi là đầm, nên trời phía trên động gọi là đầm (☱) (xem hình 4-12).

> Những yếu tố chủ yếu nhất trong tự nhiên chính là trời và đất, nên Phục Hy trước tiên sáng tạo ra ký hiệu của trời, và từ trời phát triển ra ba ký hiệu gió, lửa, đầm, cũng chính là ba hiện tượng tự nhiên. Vậy ký hiệu của đất được sinh ra như thế nào? Từ đó phát triển ra ba ký hiệu nào? Và đều đại diện cho những hiện tượng tự nhiên nào?

Phục Hy hỏi mọi người: vẽ trời xong rồi, đất nên vẽ thế nào? Lúc này có một người thông minh nói, đất với trời cơ bản là giống nhau, cũng rất rộng lớn, cũng là từng lớp từng lớp, không phải chỉ có một lớp mỏng, nên cũng phải vẽ ba nét. Nhưng đất và trời có điểm khác nhau, trời là liên tục, không có ranh giới, còn đất thì đứt đoạn, có ranh giới. Bây giờ giữa các quốc gia có đường biên giới, giữa các làng có ranh giới làng, thậm chí giữa mỗi nhà với nhau đều có ranh giới phân chia, và phân chia rất rõ ràng. Nên ba đường ngang liền nhau gọi là trời, ba đường ngang đứt đoạn gọi là đất (xem hình 4-13). Điểm này mọi người đều khá dễ chấp nhận.



图4-13

Đất có một ưu điểm nổi bật, đó là rất khoan dung, dù người ta chôn những thứ độc hại vào trong, nó cũng không bao giờ nói gì, không bao giờ phản đối. Nên chúng ta nói đất là "hậu đức tải vật" (đức dày chở vật), thế nào cũng được, chỉ cần đừng quá đáng là được. Giống như ba kiểu biến hóa của trời, đất cũng có ba khả năng biến hóa: đất phía dưới động, đất giữa động, đất trên mặt động.

Đất phía dưới động (☳) là gì? Có người nghĩ đến sâu bọ trong đất, nhưng sâu bọ có ảnh hưởng gì đến con người? Rồi có người nói là sấm sét. Nhưng có người phản đối, nói sấm là đánh trên trời. Phục Hy bèn hỏi mọi người, nếu sấm chỉ đánh trên trời, chúng ta có sợ không? Không, có khi còn vui, giống như bắn pháo vậy. Nhưng sấm sẽ đánh thẳng xuống đất, khiến người ta cảm thấy đất phía dưới đang động, người ta mới sợ (xem hình 4-14).



图4-14

Mọi người đều đồng ý, khi sấm nổ là trời rung đất chuyển, không chỉ đánh xuống đất, còn đánh xuống rất sâu trong lòng đất, cả mặt đất như muốn nứt ra, giống như có một luồng lực muốn phun ra từ trong lòng đất. Nên khi sấm nổ, mọi người thường cảm thấy đất phía dưới đang động. Trời rung thì không sợ, đất động mới đáng sợ, cuối cùng mọi người đều đồng ý, đất phía dưới động gọi là sấm (xem hình 4-15).



图4-15

Đất giữa động, mọi người rất dễ tưởng tượng. Trong lòng đất có những mạch nước, kéo dài không dứt, chảy liên tục không ngừng, đó chính là sông, cũng chính là nước, nên chúng ta gọi đất giữa động là nước (xem hình 4-16).



图4-16

Chúng ta trước đây cũng đã nói, chữ "thủy" 水 chính là dựa vào hình dáng dòng chảy của nước mà tạo thành chữ tượng hình. Sau này từ Bát Quái của Phục Hy phát triển ra nhiều chữ, nhưng ý định của Phục Hy khi vẽ Bát Quái không phải để tạo chữ, mà là muốn nói cho chúng ta biết tình trạng của cả vũ trụ, để chúng ta biết làm sao thích nghi, làm sao cải thiện.

Nước là một dương chạy vào giữa hai âm, thực ra mọi người có thể tưởng tượng, quẻ này chính là hình ảnh giao hợp nam nữ, hai âm chính là cơ quan sinh dục nữ, dương ở giữa chính là cơ quan sinh dục nam, đây là rất hình tượng. Có người nói người phương Tây nghiên cứu về tình dục rất kỹ, tôi nghĩ điều này thật kỳ lạ, vì chúng ta, người Trung Quốc, rất khéo léo biến những yếu tố sinh học thành văn hóa. Chúng ta là tuyệt vời nhất. Chúng ta có thể lấy hôn làm ví dụ, người Trung Quốc hiểu rằng đó là bản năng động vật, chúng ta muốn làm điều đó cũng phải tìm chỗ kín đáo một chút, bởi vì chúng ta không thuần túy còn là động vật nữa, chúng ta có văn hóa.

Người Trung Quốc xem hành vi tình dục của nam nữ như một hành vi văn hóa, chứ không phải hành vi động vật. Tại sao chúng ta phải làm vậy? Chẳng lẽ chúng ta là kẻ giả đạo đức, cố ý làm vậy? Không phải. Chúng ta thường nghĩ động vật có vẻ như muốn giao phối là giao phối, thực ra sai rồi, trong một năm, trời chỉ cho phép chúng giao phối một lần, hai lần hoặc ba lần, số lần là có hạn. Động vật hoàn toàn nghe theo

tự nhiên, mùa giao phối đến, không giao phối cũng không được, mùa giao phối qua rồi, muốn giao phối cũng không được. Con người thì không, trời cho con người rất nhiều tự do, nhưng nếu con người muốn giao phối là giao phối, thế chẳng phải thiên hạ đại loạn sao? Vì vậy, đã được trời cho tự do, cho chúng ta sáng tạo, cho chúng ta tự chủ, chúng ta phải tự kỷ luật, phải tự quản lý bản thân mình, không thể để tính dục tràn lan.

Một ngày Mạnh Tử về nhà, thấy vợ ăn mặc không kín đáo, liền rất giận dữ quở trách vợ. Mẹ Mạnh Tử xin cho con dâu, nói ở nhà thì không sao. Mạnh Tử kiên quyết nói không được, bởi vì ông cho rằng đây là vấn đề rất quan trọng. Quan niệm này của Mạnh Tử ảnh hưởng đến chúng ta rất sâu xa. Vợ chồng chỉ trong phòng ngủ mới là vợ chồng, ra khỏi phòng ngủ thì không còn là vợ chồng nữa, hoặc là con trai, con dâu của người ta, hoặc là bố mẹ của người ta. Cha mẹ không thể ôm hôn, làm những hành vi tình dục trước mặt con cái, đây mới gọi là văn hóa Trung Hoa.

Phục Hy lại hỏi mọi người, "☶" là gì? Lập tức có người trả lời là trên mặt đất động. Nhưng trên mặt đất có quá nhiều thứ động, cái gì động mọi người mới chú ý? Chính là sơn (núi) (xem hình 4-17). Bởi vì lúc đó núi là nơi nhô cao nhất trên mặt đất.



图4-17

Nhưng núi cũng động sao? Núi đương nhiên cũng động, núi động gọi là sạt lở. Núi luôn không ngừng động, chỉ là động rất chậm, biên độ tương đối nhỏ, bình thường chúng ta rất khó cảm nhận được, nên chúng ta mới nói "bất động như sơn".

Sau khi Phục Hy giải thích như vậy, mọi người đều rất vui, lần lượt thuộc lòng: **ba đường ngang liền nhau là trời (thiên) (☰), trời phía dưới động là gió (phong) (☴), giữa trời động là lửa (hỏa) (☲), trời trên động là đầm (trạch) (☱); ba đường ngang đứt đoạn là đất (địa) (☷), đất dưới động là sấm (lôi) (☳), giữa đất động là nước (thủy) (☵), đất trên động là núi (sơn) (☶), đây chính là nguồn gốc của ký hiệu Bát Quái** (xem hình 4-18).

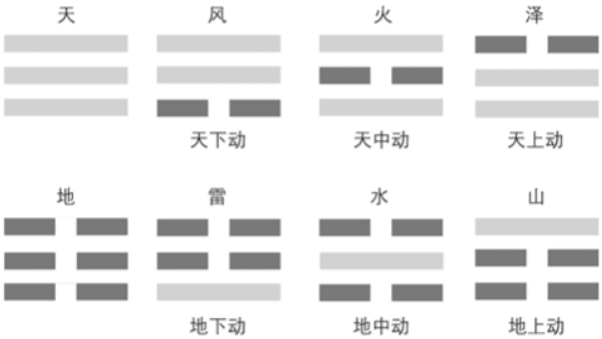


图4-18

> Bây giờ chúng ta biết, tám quẻ tượng đại diện chính là tám hiện tượng tự nhiên trên trái đất: trời, đất, nước, lửa, sấm, gió, núi, đầm. Nhưng tại sao trong Bát Quái chúng lại được gọi là Càn, Khôn, Khảm, Ly, Chấn, Tốn, Cấn, Đoài?

Tên gọi của Bát Quái, ban đầu hoàn toàn được rút ra từ tám hiện tượng tự nhiên có quan hệ mật thiết với đời sống con người, nhưng nếu luôn dùng những thứ rất cụ thể này để tượng trưng, thì tác dụng của Bát Quái sẽ không lớn. Các bậc thánh hiền cổ đại của chúng ta rất cao minh, lấy đặc tính của tám hiện tượng tự nhiên này, nói theo cách hiện đại gọi là "trích xuất" ra, biến Bát Quái từ thiên, địa, thủy, hỏa, lôi, phong, sơn, trạch ban đầu thành Càn, Khôn, Khảm, Ly, Chấn, Tốn, Cấn, Đoài (xem hình 4-19). Tám đặc tính này vừa khớp với tám hiện tượng tự nhiên, tất cả mọi thứ liên quan đến con người đều không tách rời tám đặc tính này.

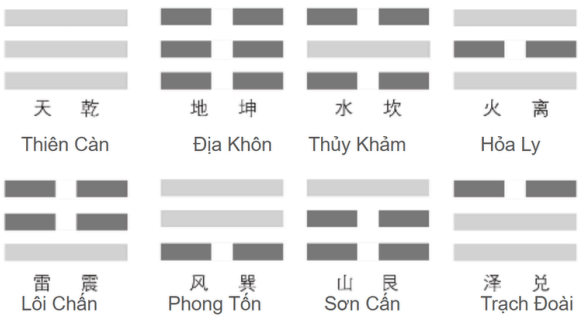


图4-19

Trời tại sao lại biến thành Càn/Kiền? Bởi vì đặc tính lớn nhất của trời là khỏe ("thiên hành kiện" (trời vận hành mạnh mẽ)), nó có thể không ngừng tiến về phía trước, hướng ra ngoài để phát triển. Nói cách khác, trời là thứ có sức sáng tạo nhất. Chúng ta thường nói trời sinh vạn vật, vạn vật đều do trời sinh ra, còn chưa đủ sáng tạo sao? Trời có thể có sức sáng tạo này, là vì nó rất cương kiện, vĩnh viễn không ngừng nghỉ. Trên thế giới rất nhiều thứ đều có thành phần cương kiện, nên chúng ta gọi trời là Càn/Kiền, như vậy có thể dùng trong mọi mặt, cũng mở rộng được năng lượng của trời. Đất rất thuận, nó không có ý kiến nhất, biết phối hợp nhất, nên gọi nó là Khôn. Khôn có nghĩa là rất nhu thuận.

> Trong Bát Quái, trời là Càn, đất là Khôn, nên trong chữ Hán, thường dùng hai chữ Kiền Khôn 乾坤 để đại diện cho cả thiên hạ. Nhưng tại sao trong Bát Quái, nước được gọi là Khảm, lửa được gọi là Ly, sấm được gọi là Chấn, gió được gọi là Tốn, núi được gọi là Cấn, đầm được gọi là Đoài?

Trời rất xa chúng ta, khiến người ta cảm thấy cao xa và tôn kính, đất ở dưới chân chúng ta, cho chúng ta cảm giác chắc chắn vững vàng, nhưng một khi chạm vào nước, mọi người đều biết nó rất nguy hiểm. Nước có thể giải thích là đất liền không có đất, nên chúng ta gọi nước là Khảm. Chữ "Khảm" (坎) tách ra xem, một bên là "khiếm" (欠), một bên là "thổ" (土), chính là ý nghĩa “thiếu đất”. Con người không thể rời xa đất, một khi "thiếu đất", người ta rất nguy hiểm, nên chúng ta sẽ nói “khảm khổ” 坎坷, “khảm hiểm” (hiểm trở, nguy hiểm (坎险)) 坎险, lấy từ đặc tính của nước.

Cuộc đời thực ra giống như nước vậy, tính cách dân tộc Trung Quốc hoàn toàn học từ sông Hoàng Hà. Nước chảy rất yên tĩnh, rất thuận lợi khi không có tiếng động, nhưng một khi gặp chướng ngại, sẽ gầm thét lên. Nước rất đáng quý, không có nước chúng ta không sống được, nhưng nước đối với con người là đầy rẫy gian nan, nó bất cứ lúc nào cũng có thể mang đến nhiều tai họa. Thông hiểu về nước rồi, nhiều học vấn khác cũng thông.

Lửa gọi là Ly, điều này càng thú vị hơn. Lửa chính là mặt trời, mặt trời mỗi ngày vừa mọc lên từ phương đông, đã bắt đầu phải rời xa phương đông. Công việc mỗi ngày của mặt trời, chính là rời xa phương Đông chạy đến phương Tây, nên đặc tính của lửa là Ly. Lửa nhất định phải bám vào vật khác mới có thể cháy được, một khi rời khỏi vật bám vào, lửa sẽ không còn. Chúng ta muốn nhóm lửa, nhất định phải có củi mới được, củi cháy hết rồi, lửa cũng sẽ tắt theo. Chúng ta bây giờ dập tắt cháy rừng, sẽ đào một rãnh “cách ly”, để cách ly khu vực cháy, khiến ngọn lửa chỉ giới hạn trong một phạm vi nhất định, lửa ở bên trong, chỉ cần không cháy ra ngoài là được, dùng chính là quẻ Ly này.

Núi gọi là Cấn, quẻ này rất quan trọng, Cấn chính là bảo bạn thích hợp thì dừng. Làm bất cứ việc gì cũng phải biết thích hợp thì dừng, đừng đòi hỏi quá đáng. Chúng ta leo núi, leo mệt rồi phải nghỉ ngơi một chút, không thể cố chấp, nếu không chưa tới đỉnh đã chết vì mệt. Leo núi phải chậm, như vậy mới có thể thưởng thức phong cảnh đẹp, leo núi nhanh thì biến thành phu khuân vác rồi. Nên có việc phải nhanh mới tốt, có việc lại phải chậm một chút mới tốt.

Người lái xe hơi không nhìn phong cảnh gì cả, dọc đường thế nào cũng không biết, bởi vì suốt ngày chỉ biết lái xe, lại quên mất xe chỉ là công cụ mà thôi. Người đi xe đạp có thể nhìn thấy phong cảnh xung quanh, người đi bộ ngoài việc dừng lại ngắm cảnh, còn có thể chụp ảnh, vẽ tranh, tự do tự tại hơn. Chúng ta bây giờ luôn nhấn mạnh nhanh nhanh nhanh, tôi thấy rất kỳ lạ. Nên nhanh thì nhanh, nên chậm thì chậm, đây mới là đạo lý của Kinh Dịch. Nên đúng giờ thì phải đúng giờ, không nên đúng giờ tại sao lại phải đúng giờ? Tôi rõ ràng biết người đó định mắng tôi, định đánh tôi, tôi còn đúng giờ đến để bị đánh bị mắng, vậy tôi

chẳng phải là kẻ ngốc sao? Khổng Tử đã nói, chúng ta chỉ giữ chữ tín với người có tín nghĩa, không thể giữ chữ tín với kẻ tiểu nhân. Nhưng thông thường người ta đều cho rằng đối với bất kỳ ai cũng phải giữ chữ tín, điều đó rất kỳ lạ, giữ chữ tín với kẻ tiểu nhân có tác dụng gì?

> Bây giờ chúng ta đã biết nước là Khảm, núi là Cấn, lửa là Ly, sấm được gọi là Chấn cũng rất dễ hiểu, bởi vì khi sấm nổ, cả mặt đất đều rung chuyển. Nhưng tại sao gió được gọi là Tốn, đầm được gọi là Đoài?

Thú vị nhất là gọi gió là Tốn, gọi đầm là Đoài. Gió là thổi vào mọi lỗ hổng, mặt trời còn có chỗ chiếu không tới, nhưng gió thổi đâu cũng vào được, hơn nữa gió thổi rất đều, không hề thiên vị. Chúng ta thấy, nơi gió thổi qua, tất cả cỏ đều nghiêng về một phía. Phàm là rất đều, và đâu cũng vào được, chúng ta gọi đó là Tốn 巽.

Đầm tại sao là Đoài? Khi chúng ta đến bên hồ trong, thường sẽ cảm thấy tâm trạng rất vui vẻ, bởi vì bên hồ phần nhiều có cây cối, phong cảnh rất đẹp, khiến người ta vui lòng đẹp mắt. Đoài (兑) thêm chữ "tâm" (忄), chính là “duyệt” (vui) (悦). Việc gì khiến người ta vui vẻ nhất? Chính là người khác đưa cho bạn một tấm séc, và bất ngờ là có thể đổi được tiền (兑现 (duìxiàn)), lúc này đương nhiên sẽ rất vui.

Kinh Dịch tuy rất cổ xưa, nhưng nó rất gần gũi với cuộc sống của chúng ta, bởi vì chúng ta luôn luôn sử dụng nó. Đạo lý của Kinh Dịch có thể giảng rất đơn giản, nhưng cũng có thể giảng rất sâu sắc, hoàn toàn xem bạn tự mình đối xử với nó như thế nào. Bởi vì nó rộng lớn tinh vi, bao hàm tất cả, cái gì cũng có thể dùng đạo lý của nó để giảng, nhưng giảng thế nào, cũng chỉ giảng được một phần của nó, và là một phần nhỏ.

Tôi phải nói rõ, tất cả những điều này không hoàn toàn do một mình Phục Hy sáng tạo ra, người Trung Quốc tất cả mọi thứ đều là sáng tạo tập thể. Và chúng ta cũng không tin, phải đến Văn Vương mới biến Bát Quái thành sáu mươi bốn quẻ. Văn Vương thời đó là theo hệ bảy, chứ không phải hệ mười, nên tài liệu ghi chép ông bị Trụ Vương giam một trăm ngày, thực tế là bị giam bốn mươi chín ngày. Trước đây ý nghĩa của số không hoàn toàn giống với chúng ta bây giờ, trong Kinh Dịch nói 3 không nhất định là 3, nó đại diện cho số nhiều, nói 10 không nhất định là 10, 10 là “rất nhiều rất nhiều”.

Chúng ta ngày nay cho rằng bất kỳ số nào cũng phải chính xác, quan niệm này cần phải bàn lại. Nên chính xác lúc thì phải tỉ mỉ từng li từng tí, không sai một phân, lúc không cần chính xác, cứ nhất định phải chính xác như vậy, thực ra là lãng phí chi phí, lãng phí thời gian, cuối cùng cũng chẳng có tác dụng gì. Trung Quốc bây giờ có bao nhiêu người? Câu trả lời chuẩn, không ai biết, đây mới là thực tế. Nói chuyện trong lúc đó bao nhiêu người sinh ra, bao nhiêu người chết đi, làm sao kịp thống kê? Có người hỏi bạn trên người có bao nhiêu tiền, nói "không biết", là người có phúc. Nếu có người nói trong túi mình có một trăm hai mươi bảy đồng, một tờ một trăm, hai tờ mười đồng, còn bảy đồng lẻ, thì người này thật là số khổ, thực sự là phúc

mỏng. Ghi nhớ những thứ này để làm gì? Ghi nhớ có rõ đến đâu cũng không thêm được một đồng! Nhưng người làm kế toán, thu ngân, sổ sách, từng xu từng hào đều phải rõ ràng, không thể nói mình không biết. Làm đến tổng giám đốc, còn phải biết bây giờ có bao nhiêu hàng tồn kho, thì cuối cùng chắc chắn bị chết vì làm mệt, cấp dưới cũng không có cách nào làm việc được. Cấp cao chỉ cần nắm được con số tổng quát là được, cấp dưới phải biết càng chính xác càng tốt. Chúng ta từ từ thể hội, ai làm việc nấy, cũng là đạo lý mà Bát Quái phản ánh.

Chúng ta biết rằng Thái Cực sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh Bát Quái, còn phải đặc biệt chú ý chữ "sinh" này, nó không phải là “phân”. Nếu nói Thái Cực phân lưỡng nghi, lưỡng nghi phân tứ tượng, tứ tượng phân Bát Quái, thế là xong. Kinh Dịch nói đến "sinh"! Bố mẹ sinh con cái, bố mẹ vẫn còn đó. Tôi có một trăm đồng, phân chia cho bạn năm mươi đồng, chia anh ta năm mươi đồng, tôi không còn đồng nào cả. “Sinh” và “phân” là hai khái niệm hoàn toàn khác nhau, sinh sinh mới có thể bất tức, nhưng một khi chia, sẽ có người bị tổn thương. Chúng ta người Trung Quốc là trong phân có hợp, trong hợp có phân, phân đến mức như không phân, không phân lại như có phân, đây là điều phù hợp nhất với tự nhiên.

Sau khi mọi người đã có nhận thức cơ bản về 8 quẻ đơn rồi, tiếp theo chúng ta sẽ bàn về: Phục Hy vì sao phải vẽ Bát Quái đồ?

Chương 5: Bát Quái thành đồ

> Sau khi Phục Hy tạo ra 8 quẻ tượng trưng cho quy luật tự nhiên, ông bắt đầu suy nghĩ: 8 quẻ này nên được sắp xếp như thế nào? Mối quan hệ giữa chúng nên là gì?
>
> Theo truyền thuyết, Phục Hy ngồi trên một đài cao, ngửa xem thiên tượng, cúi xem địa lý, suy nghĩ nhiều ngày, cuối cùng vẽ ra Tiên Thiên Bát Quái đồ. Đài vẽ quẻ của Phục Hy này vẫn còn được bảo tồn đến ngày nay.
>
> Vậy Phục Hy dựa vào đâu để phân bố vị trí của Bát Quái? Bát Quái đồ có ý nghĩa quan trọng gì? Tại sao tổ tiên chúng ta lại tôn sùng Bát Quái đồ đến vậy? Giáo sư Tăng Sĩ Cường chỉ ra rằng, Bát Quái đồ bảo chúng ta một điều, điều quan trọng nhất trong đời người chính là định vị. Vậy định vị là gì? Chúng ta lại nên làm thế nào để tìm được vị trí đúng đắn của mình trong xã hội?

Trước đây người Trung Quốc dù đi đâu, dù di cư hay làm ăn, thường chỉ mang theo hai thứ, một là bài vị tổ tiên, thứ hai chính là Bát Quái đồ. Ngay cả ở Bắc Cực, nơi ít người lui tới, cũng có thể thấy có đình Bát Quái. Chỉ cần có đình Bát Quái, đó là dấu hiệu cho thấy đã từng có người Trung Quốc đến nơi đó. Bát Quái và người Trung Quốc có mối quan hệ không thể tách rời, nhưng từ lâu, Bát Quái xuất phát từ đâu, nó dùng để làm gì, vẫn luôn là một bí ẩn.

Tuy nhiên, nếu mọi người lấy bản đồ địa hình Trung Quốc ra xem, sẽ nhanh chóng phát hiện ra, năm xưa Phục Hy phân bố vị trí Bát Quái dựa theo địa hình của chúng ta. Tôi đã từng đến đài vẽ quẻ của Phục Hy, đó là một nơi rất đặc biệt. Đứng ở trung tâm đài vẽ quẻ, mặt hướng nam, phía trước có nhiều ngọn núi liên tiếp, hình dạng giống như quẻ tượng của trời. Phía sau cũng là núi, nhưng chúng đứt đoạn, giống như quẻ tượng của đất. Nhìn bốn phương tám hướng, địa hình đều rất tuyệt, và có một con sông uốn lượn chảy qua, vừa hay thể hiện hình ảnh lưỡng nghi của Thái Cực.

Không xa đài vẽ quẻ của Phục Hy là động Nữ Oa. Truyền thuyết nói Phục Hy và Nữ Oa là cùng một người (xem hình 5-1), âm dương đồng thể, có âm có dương.

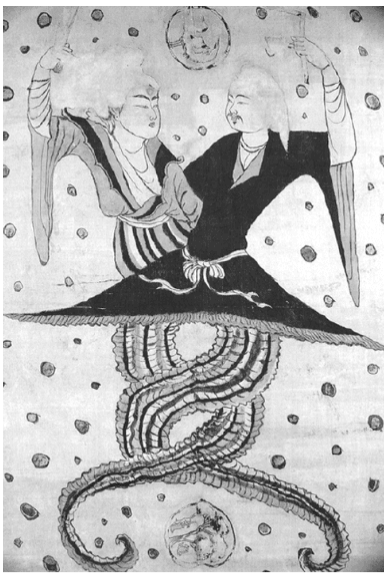


图5-1

Bạn có thể nói đây là thần thoại, tôi không phản đối, nhưng tất cả các nền văn hóa trên thế giới đều bắt đầu từ thần thoại. Con người tiến hóa, những thần thoại này chỉ có một mục đích, đó là hóa giải các vấn đề của vũ trụ nhân sinh. Thực tế, tất cả học vấn đều vì mục đích này. Nhưng thần thoại không thể thỏa mãn những nghi vấn của con người, bây giờ kể thần thoại, hầu như không ai muốn nghe, cũng không ai muốn tin, vì vậy khi thần thoại không thể đáp ứng nhu cầu tư duy của con người, một thứ khác xuất hiện, gọi là triết học. Triết học là từ thần thoại tiến hóa ra. Nhưng triết học cũng không có cách nào thỏa mãn nhu cầu của chúng ta, nên sau này mới xuất hiện khoa học. Và các nhà triết học phần lớn sẽ tham khảo thần thoại, bởi vì triết học và thần thoại là một mạch tương truyền, không thể tách rời. Triết học chú trọng vào vấn đề, không quá chú trọng vào đáp án, vì vậy các nhà triết học không quá quan tâm đến đáp án, họ chú trọng "con người từ đâu đến, chết đi về đâu, sống để làm gì", chỉ có ba vấn đề này.

Mỗi người chúng ta đều có những nghi vấn như vậy: Tôi có thể sống bao lâu? Tôi sống để làm gì? Chết rồi sẽ đi đâu? Thực ra con người sở dĩ sợ cái chết, là vì chúng ta không biết chết rồi sẽ đi đâu. Nếu chúng ta biết sau khi chết sẽ đi đâu, liệu còn sợ không? Đương nhiên là không.

Chúng ta thường nói "Nhất giang xuân thủy hướng đông lưu" (Một dòng sông xuân nước chảy về phía Đông), bởi vì các con sông lớn của Trung Quốc đều bắt nguồn từ khu vực phía Tây, chảy từ Tây sang Đông, Trường Giang, Hoàng Hà, Lan Thương Giang (Mê Kông) không có ngoại lệ, nên phía Tây là quẻ Khảm (☵); mặt trời mọc từ phương Đông, vừa xuất hiện đã bắt đầu rời xa phương Đông, nên phía Đông là quẻ Ly (☲); phía Đông Nam Trung Quốc được biển bao bọc, nên Đông Nam là quẻ Đoài (☱); Tây Bắc nhiều núi, nên Tây Bắc là quẻ Cấn (☶). Tây Nam nhiều gió, Đông Bắc nhiều sấm, nên Tây Nam là quẻ Tốn (☴), Đông Bắc là quẻ Chấn (☳). Trời ở trên, đất ở dưới, nếu theo tiêu chuẩn vẽ bản đồ thông dụng hiện nay là Bắc trên Nam dưới, thì trên là trời, tức phía bắc là quẻ Càn; dưới là đất, nên phía Nam là quẻ Khôn, cũng chính là Trời ở Bắc, đất ở Nam (xem hình 5-2).

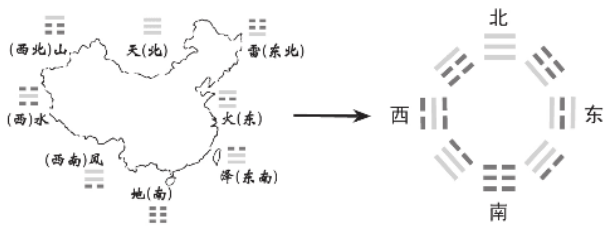
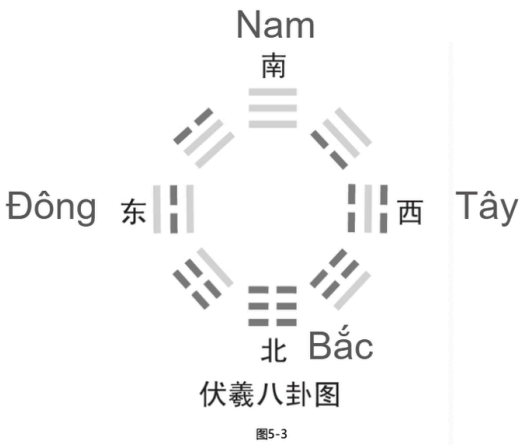


图5-2

> Đài vẽ quẻ của Phục Hy nằm trên một hòn đảo nhỏ ở hồ Hoàn Khâu, huyện Hoài Dương, tỉnh Hà Nam, truyền thuyết nói Phục Hy đã vẽ ra tiên thiên Bát Quái đồ tại đây. Nhưng tiên thiên Bát Quái đồ của Phục Hy và Bát Quái đồ chúng ta thấy hiện nay, về phương vị lại không giống nhau, tại sao vậy?

Khi chúng ta so sánh Bát Quái đồ của Phục Hy (xem hình 5-3) với Bát Quái đồ được vẽ theo phương vị hiện nay sẽ thấy, có vẻ không đúng, hai bản đồ không giống nhau.



Hình 5-3: Bát Quái Đồ của Phục Hy

Vấn đề nằm ở một câu nói, hiện nay khi xem bản đồ, chúng ta đều nói "Bắc trên Nam dưới", nên Bát Quái đồ chúng ta vẽ là trời ở Bắc, đất ở Nam. Nhưng cách nói mà chúng ta kế thừa hàng nghìn năm đều là "thiên Nam địa Bắc", không phải Thiên Bắc Địa Nam. Vì vậy có người nói, ngay cả phương vị người Trung Quốc cũng khác với phương Tây. Nhưng thế giới chỉ có một trái đất, làm sao có thể có hai loại phương vị? Điều đó là không thể.

Thực tế, Đông Tây Nam Bắc trên bản đồ đều là tương đối, thay đổi được. Nhưng quan hệ vị trí giữa Đông Nam Tây Bắc là nhất định, có một khuôn khổ cố định, không thể thay đổi: nếu Bắc ở trên, Đông sẽ ở bên phải của nó; nếu Nam chuyển lên trên, Đông cũng phải thay đổi vị trí tương ứng, chuyển sang bên trái của Nam.

Phương vị vẽ bản đồ hiện nay của chúng ta là hướng về phía Bắc, lấy Bắc làm trời, lấy Nam làm đất, nên bản đồ vẽ ra là phía trên biểu thị phương Bắc, phía dưới biểu thị phương Nam, bên trái biểu thị phương Tây, bên phải biểu thị phương Đông (xem hình 5-4).

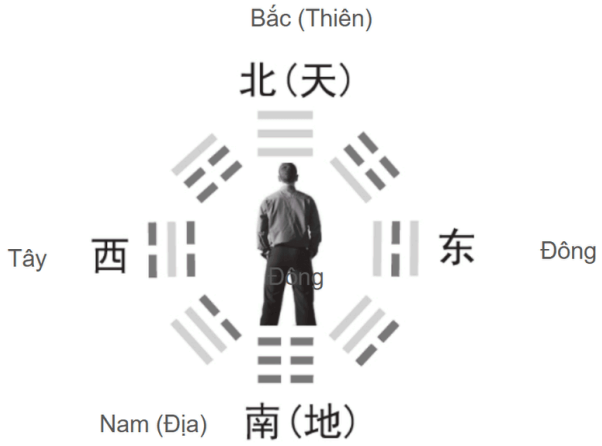


图5-4

Còn Trung Quốc từ xưa đã có cách nói "hướng minh nhi trị", Nam là vị trí quang minh, nên hướng vẽ bản đồ lấy hướng Nam làm cơ sở (xem hình 5-5), cũng chính là Nam làm trời, Bắc làm đất. Từ đó có thể thấy, sự khác biệt giữa cách vẽ xưa và nay chỉ nằm ở việc định vị Kiền Khôn, tức trời đất, khác nhau.



图5-5

Vì vậy, nếu đổi vị trí Kiền Khôn trong Bát Quái đồ chúng ta vẽ theo Bắc trên Nam dưới (xem hình 5-6), sẽ phù hợp với định vị “thiên Nam địa Bắc”.

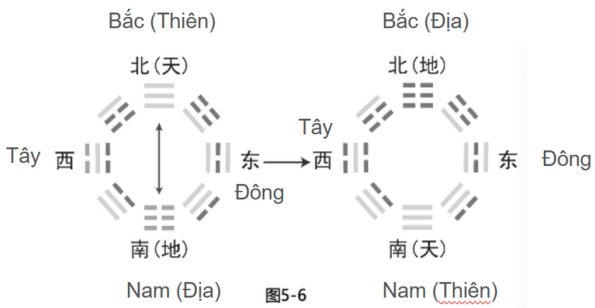


图5-6

Lại theo chỉ hướng phương vị Nam trên Bắc dưới, đổi toàn bộ các phương vị và các quẻ tương ứng, Nam và Bắc, Đông và Tây, Tây Nam và Đông Bắc, Tây Bắc và Đông Nam toàn bộ đổi vị trí, Bát Quái đồ của Phục Hy cũng hiện ra trước mắt. Mối quan hệ giữa tiên thiên Bát Quái đồ của Phục Hy với bản đồ phương vị hiện nay của chúng ta cũng trở nên rất rõ ràng (xem hình 5-7).

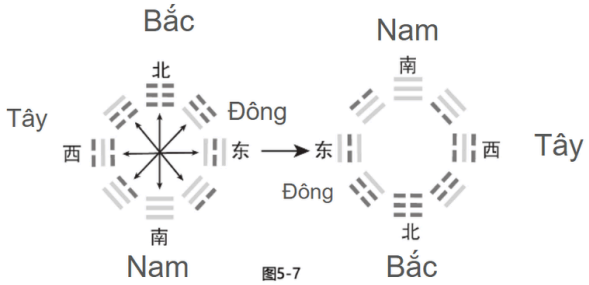


图5-7

Bát Quái của Phục Hy lấy Nam làm trời, lấy Bắc làm đất, nên chúng ta nói “thiên Nam địa Bắc”, như vậy chúng ta cũng biết tại sao Tôn Ngộ Không lộn một cái lên thiên đình, là đến Nam Thiên Môn, mà không phải Bắc Thiên Môn.

Tại sao phương vị của chúng ta là “thiên Nam địa Bắc”? Chúng ta xem tứ hợp viện Bắc Kinh, đều là tọa Bắc hướng Nam. Bởi vì dân tộc Trung Hoa phát triển từ phương Bắc, hoàng đế lưng hướng Bắc mà ngồi, mắt nhìn là hướng Nam, tất cả thần dân đều thu vào tầm mắt, những việc khác có thể không cần quản nhiều. Như vậy chúng ta càng dễ hiểu câu "diện nam nhi tọa, vô vi nhi trị" (Ngồi nơi chốn nam nhi, không làm mà trị). Văn hóa Trung Hoa, tất cả chỉ vì hai chữ, gọi là “giáo hóa”, mà không phải “chính trị”. Chính trị mà Khổng Tử nói đều là nói về giáo hóa, nếu không đạt được mục đích giáo hóa, chính trị cũng không có tác dụng gì. Tổ tiên chúng ta sở dĩ định là thiên nam địa bắc, không phải vì yếu tố chính trị, mà là vì sự thuận tiện của giáo hóa.

Chúng ta khi ngồi, phần lớn đều ngồi ở phía bắc, mặt hướng nam, hướng nam có gì tốt? Chính là “đông ấm hạ mát”. Vì vậy chúng ta vẫn quay về một điểm: tất cả đều lấy tự nhiên làm tiêu chuẩn đánh giá. Câu này tuyệt đối không được quên, bất kể là phân thiện ác, phân tốt xấu, hay phân đúng sai, đều phải lấy tự nhiên làm tiêu chuẩn: hợp với tự nhiên là thiện, không hợp với tự nhiên là ác; hợp với tự nhiên là tốt, không hợp với tự nhiên là xấu; hợp với tự nhiên là đúng, không hợp với tự nhiên là sai. Ban ngày mặt trời chói chang, nếu phải ngẩng đầu hướng về mặt trời, chắc chắn sẽ rất vất vả, nên ban ngày người ta đều cúi đầu, vì phần gáy chịu được nắng hơn, và chỉ có cúi đầu mới có thể tập trung làm việc. Đến tối, phải cân bằng lại, ngẩng đầu nhìn trăng. Nếu cả ngày đều cúi đầu, sẽ bị gù lưng. Nên ban ngày cúi đầu lâu, buổi tối hãy ngắm bầu trời, thưởng thức trăng, như vậy âm dương mới cân bằng. Đây đều là thói quen chúng ta hình thành một cách tự nhiên.

Đã là thiên nam địa bắc, toàn bộ phương vị chuyển lại sau thì là thứ tự này (xem hình 5-8): Càn một, Đoài hai, Ly ba, Chấn bốn, sau đó Tốn năm, Khảm sáu, Cấn bảy, Khôn tám. Đường nối tám quẻ này, chúng ta gọi là đường Thái Cực. Khoa học hiện đại cũng chứng minh, sự phát triển của mọi sự vật đều đi theo đường cong, chúng ta gọi đây là một tác phẩm âm nhạc hoàn chỉnh.

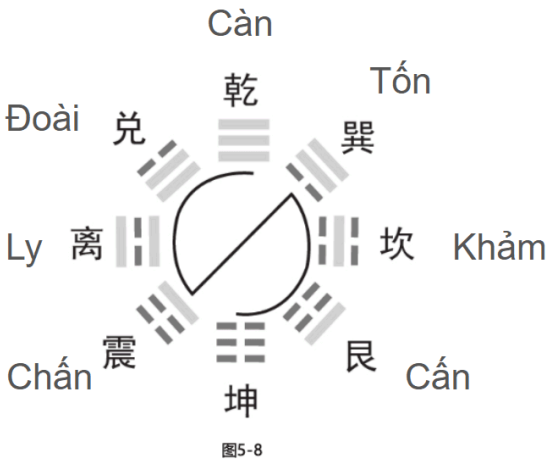


图5-8

Tất cả đất đai đều gồ ghề lên xuống, tất cả sông ngòi đều uốn lượn quanh co, cơ thể chúng ta mỗi bộ phận, thậm chí mỗi mạch máu cũng không phải là thẳng. Chúng ta nên suy nghĩ, tại sao con người lại đẹp đến vậy? Chính là vì trên cơ thể con người không có chỗ nào là đường thẳng. Nếu mọi thứ đều thẳng, con người còn nhìn được không? Đầu vuông vức, ngay cả mũ cũng không đội được. Vì vậy, một người cần biết thưởng thức đường cong, chúng ta gọi đó là đường cong mỹ.

> Khoa học kỹ thuật hiện đại phát triển cao độ, khiến con người cuối cùng có thể bay vào vũ trụ để nhìn trái đất, chúng ta phát hiện, những gì trái đất thể hiện, đều là những đường cong đẹp đẽ. Nhưng khi Phục Hy vẽ Bát Quái đồ năm xưa, ông không thể nhìn thấy tất cả những điều này, vậy ông đã vẽ Bát Quái đồ như thế nào?

Phục Hy bắt đầu từ việc ngửa xem thiên tượng, hiện nay gọi là thiên văn học, cũng gọi là khí tượng học. Xem thiên tượng gọi là khí tượng học, xem thiên văn gọi là thiên văn học. Văn là ý nói hoa văn, hoa văn trên trời gọi là thiên văn. Thiên văn học Trung Quốc vốn luôn dẫn đầu thế giới, trước đây quốc gia có việc, đều có quan đại thần chuyên trách quan sát thiên tượng, để dự đoán những biến đổi trong tương lai, làm tham khảo cho việc trị nước. Kinh Dịch nói "quan hồ thiên văn, dĩ sát thời biến; quan hồ nhân văn, dĩ hóa thành thiên hạ" (Quan sát thiên văn để hiểu sự biến hóa của thời gian; quan sát nhân văn để cải hóa thế giới), nên xem thiên tượng không phải là mê tín.

Thiên tượng chỉ là các biến đổi của mây, sương mù v.v..., buổi tối còn có sao. Sao sáng hay không sáng, sao nào là chính tinh, sao nào không phải chính tinh, điều này phải để chuyên gia nghiên cứu, chúng ta những

người bình thường tốt nhất đừng bàn luận bừa. Sự biến đổi của thiên tượng có điềm báo. "Quan hồ thiên văn, dĩ sát thời biến", chúng ta xem thiên văn chủ yếu là xem sự biến đổi của "thời". Kinh Dịch coi trọng nhất chính là sự biến đổi của thời, nên nói "thời dã, mệnh dã" (thời vậy, mệnh vậy), thời khi thay đổi, vận mệnh con người cũng theo đó mà thay đổi.

Một việc, nhất định phải làm đúng lúc, nếu không khi thời gian trôi qua sẽ bỏ lỡ, việc tốt cũng có thể trì hoãn thành việc xấu. Tương tự, trong tình huống thời cơ chưa chín muồi, cưỡng ép làm cũng không thể thành công. Vì vậy người Trung Quốc chúng ta biết, nhất định phải "thủ thời đãi mệnh" (Giữ thời cơ, chờ đợi vận mệnh). Mọi thứ đều chuẩn bị sẵn sàng vẫn chưa thể động, nhất định phải đợi thời điểm đó. Thời đến, lập tức xuất động, tự nhiên sẽ nhanh chóng hoàn thành. Thời chưa đến mà động, người khác đều biết bạn định làm gì, ngược lại bạn không thể thành công.

Thời đã đến, kịp thời quyết đoán; thời chưa đến, có thể hoãn thì hoãn. Đừng nghĩ rằng hoãn là không tốt, thời chưa đến, làm ngược lại không tốt.

"Quan hồ nhân văn", nhân văn chính là hoa văn trong nhân thế, chúng ta có thể thông qua Kinh Dịch thấy được, con người là thứ có nhiều hoa văn nhất dưới trời, suốt ngày nghĩ ngợi chính là những hoa văn này. "Dĩ hóa thành thiên hạ" chữ "hóa" này, là có một lần tôi cùng ăn cơm với một giáo sư đại học Nhật Bản, ông ấy trực tiếp nói với tôi, đó là lần đầu tiên tôi nghe được. Ông ấy nói: "Giáo sư Tăng, điều lợi hại nhất của người Trung Quốc là gì?" Theo kinh nghiệm của tôi, khi giao tiếp với người nước ngoài, tốt nhất là nói "không biết" trước, bạn mới có thể nghe được câu trả lời của họ, nếu bạn nói biết, sẽ không thu được gì. Tôi nói không biết, ông ấy tiếp tục nói: "Chính là chữ 'hóa' đó lợi hại nhất, một khi 'hóa', tất cả mọi người đều không thể sánh bằng các bạn." Sau khi về tôi liên tục suy nghĩ, cuối cùng đã hiểu ra, quả nhiên là "hóa" lợi hại: "đại sự hóa tiểu, tiểu sự hóa liễu" (việc lớn hóa nhỏ, việc nhỏ hóa không), hóa đến cuối cùng không còn sự việc gì. Hiện nay quá nhiều người đều từ mặt tiêu cực để nhìn dân tộc Trung Hoa chúng ta, cuối cùng là tự mình thiệt thòi.

> "Hóa", chính là trong vô tri vô giác, khiến cái lớn biến thành nhỏ, cái nhỏ biến mất, điều này mới lợi hại. Tự nhiên đều dùng "hóa", rất ít dùng động tác lớn để làm việc. Một tảng đá, dần dần hóa, hóa đến không còn thấy nữa. Hóa, thể hiện trong tự nhiên gọi là "phong hóa" (ndlr: quá trình tác động của các yếu tố tự nhiên như gió, nước, nhiệt độ, và các yếu tố môi trường khác lên đá, đất, hoặc các chất khác, dẫn đến sự phân hủy, thay đổi hoặc biến dạng của chúng), thể hiện trong xã hội loài người chính là "giáo hóa". Chúng ta quên mất "giáo hóa", chỉ nhớ "thương nghiệp hóa", mà thương nghiệp hóa sẽ làm sụp đổ toàn nhân loại, đây là mối đe dọa lớn nhất của nhân loại hiện nay, là việc rất nghiêm trọng.
>
> Hiện nay chúng ta thường dùng chữ "hóa", hiện đại hóa, doanh nghiệp hóa v.v... Điều vi diệu của chữ "hóa", chính là trong vô tri vô giác hoàn thành sự biến đổi. Và chữ "hóa" này, chính là xuất phát từ Kinh Dịch. Giáo hóa đối với nhân loại là có lợi, còn thương nghiệp hóa sẽ làm sụp đổ toàn nhân loại, vậy thương nghiệp hóa thật sự nguy hiểm đến vậy sao?

Chúng ta tuyệt đối không phản đối thương nghiệp. Thương nghiệp trong Kinh Dịch gọi là giao dịch. Trong Kinh Dịch một động tác rất quan trọng chính gọi là giao dịch. Chúng ta cần thông thương có đi có lại, nếu không cung cầu mất cân bằng, kinh tế sẽ chịu ảnh hưởng rất lớn. Chúng ta không coi thường thương nghiệp, không bài xích thương nghiệp, nhưng cũng không thể dùng thương nghiệp để hóa. Dùng thương nghiệp để hóa, nghệ thuật sẽ không còn. Bạn xem, trước đây người thổi sáo, thổi rất ưu nhã. Bây giờ không phải vậy. Đánh đàn hồ cũng thế, muốn đánh thì hãy đánh cho tốt, không được, nhất định phải nhảy tới nhảy lui, chạy tới chạy lui, tôi không hiểu đây là nghệ thuật gì.

Thương nghiệp hóa làm sụp đổ trường học, khiến giáo viên không chuyên tâm dạy học. Cùng là giáo viên, tại sao người ta kiếm được nhiều tiền như vậy, mình ở đây làm kẻ ngốc. Vì vậy không chịu dạy tốt, ra ngoài liên kết với doanh nghiệp. Những trường hợp như vậy quá nhiều. Học sinh cũng không học nghiêm túc nữa, học có tác dụng gì, vẫn là nghĩ cách kiếm tiền quan trọng hơn.

Thương nghiệp hóa cũng làm hỏng các nhà khoa học. Công việc quan trọng nhất của nhà khoa học là nghiên cứu, nghiên cứu phải chịu được tĩnh lặng. Một người nếu không chịu được tĩnh lặng, đừng nghĩ sẽ nghiên cứu ra được điều gì. Hiện nay nhiều nhà khoa học vì vội kiếm tiền, không làm nghiên cứu nữa, đem những thứ chưa chín muồi ra bán. Tôi nói rất thẳng thắn, cái gọi là "kinh tế tri thức" chính là "tôi không thực sự hiểu rõ về thứ này, tôi công nhận tôi không thực sự hiểu rõ, tôi biết tôi không thực sự hiểu rõ, nhưng tôi ít nhất cũng hiểu hơn bạn. Tôi dùng chút kiến thức hiểu hơn bạn đó để lừa bạn, thế là bạn xong đời".

Đây đều là những hiện tượng rất đáng sợ, toàn nhân loại đều sẽ bị sụp đổ. Mọi thứ đều nhìn vào tiền, sẽ hủy diệt tất cả, đánh mất bản thân. Hiện nay nhân loại đều có căn bệnh này, không quan tâm gì cả, có tiền, mắt liền sáng ra. Nghe có tiền, nửa đêm cũng đi, làm hỏng sinh mệnh của mình, làm hỏng tương lai của mình, phá hủy cả gia đình, làm rối loạn toàn xã hội, hủy diệt tất cả, rồi đánh mất bản thân.

Tôi nói lại lần nữa, cần giáo hóa, không cần thương nghiệp hóa, đặc biệt là giáo dục không thể công nghiệp hóa. Giáo dục một khi công nghiệp hóa là xong. Bằng cấp là giả, mua được, giáo viên cũng là giả, tất cả báo cáo đều là nhờ người khác làm. Vì có tiền, có thể kiểm soát tất cả, dẫn đến đạo sư cũng không còn tôn nghiêm.

Nói đến đây, tôi vẫn muốn nhắc nhở mọi người một câu: Kinh Dịch quyển sách này, gần như đã bị thương nghiệp hóa làm cho sụp đổ. Bạn giảng những đạo lý này, họ cảm thấy tôi hiểu rồi, rồi bỏ đi, sẽ không trả tiền cho bạn. Giảng nửa ngày không thu được tiền thì làm sao? Bói toán thôi. Bói một quẻ, liền có vài nghìn đồng.

Kinh Dịch vốn là nguồn gốc tư tưởng triết học Trung Quốc, cũng là một bộ bảo điển giải mã bí ẩn vũ trụ, nhưng vì nhiều lý do khác nhau, tác dụng lớn của Kinh Dịch dần dần bị người ta quên lãng, còn những

người hiểu nửa vời về Kinh Dịch lại dùng nó để bói toán, kết quả là đã phủ lên Kinh Dịch vốn xuất phát từ tự nhiên một lớp màu mê tín.

Tôi tuyệt đối không phủ nhận Kinh Dịch có thể làm được nhiều việc, nhưng những điều chúng ta nói đây là nền tảng. Nhưng những nền tảng này lại không ai muốn giảng, vì không kiếm được tiền. Nếu mọi người không tin, có thể thử xem, đi nói với người ta "tôi giảng đạo lý Kinh Dịch cho bạn nghe", đảm bảo tất cả mọi người đều bỏ đi hết. Hiện tượng này dùng từ ngữ ngày nay mà nói, gọi là không có thị trường. Vừa nói "tôi dạy bạn bói toán", người ta đều kéo đến. Nếu tất cả những người đến nghe giảng Kinh Dịch, đều hỏi khi nào dạy bói toán, thế là xong.

Vì vậy, Khổng Tử mới nói câu này: "Bất chiêm nhi dĩ hĩ (không bói mà thôi)." Khổng Tử học Kinh Dịch học rất lâu mới cảm thán nói "bất chiêm nhi dĩ hĩ", một khi bói toán sẽ làm chìm đắm Kinh Dịch. Tất nhiên, đạo lý thực sự vẫn chưa phải như vậy, sau này có cơ hội, tôi sẽ chuyên giảng tại sao Khổng Tử nói "bất chiêm nhi dĩ hĩ". Thành thật mà nói, mỗi câu Khổng Tử nói đằng sau đều có một núi tài liệu. Luận Ngữ là lời kết thúc, không phải lời mở đầu, vì vậy đừng coi thường Luận Ngữ.

Luận Ngữ là quyển khó nhất trong tất cả kinh điển, nó là tổng kết tư tưởng Nho gia, vì vậy trong Luận Ngữ đều là những câu rất đơn giản. Những câu đơn giản đó thực ra có lời dẫn, có chính văn, có rất nhiều suy luận, cuối cùng tổng kết thành câu đó. Mọi người đừng nghĩ rằng một câu đó, chỉ đại diện cho một câu đó.

Khổng Tử nói: "Triêu văn đạo, tịch tử khả hĩ (sáng nghe đạo, tối chết cũng được)." Chúng ta giải thích thành: “nếu sáng sớm bạn nghe hiểu đạo lý, tối đến có thể chết cũng được”. Vậy ai còn dám đi nghe đạo? Thà không nghe đạo. Bởi vì một khi nghe đạo, tối đến sẽ phải chết. Khổng Tử nói "triêu văn đạo, tịch tử khả hĩ", điều này thực ra không liên quan gì đến buổi sáng. “Triêu” với “tịch” là âm dương, là tương đối, “triêu” không nhất định chỉ buổi sáng, “tịch” không nhất định chỉ buổi tối. Nếu giải thích như vậy, là quá không hiểu Kinh Dịch. Câu này có nghĩa là: “lúc này bạn hiểu được đạo lý, sẽ phát hiện trước đây mình đã phạm rất nhiều sai lầm”. Vậy làm sao? Coi những sai lầm trước đây như đã chết, rồi làm người mới, đây mới gọi là "triêu văn đạo, tịch tử khả hĩ". Trước đây tôi không hiểu, không thể trách tôi, vì tôi không hiểu, bây giờ tôi cuối cùng đã nghe hiểu, không sao, tôi bỏ đi những điều trước đây, những chuyện hôm qua, xem như đã chết. Bây giờ tôi hiểu đạo lý, tôi bắt đầu làm theo đạo lý, tôi cần gì phải chết?

Người Trung Quốc nói "tử" không nhất định là thực sự chết, người Trung Quốc nói "triêu" không nhất định chỉ buổi sáng. Trên đời này ai là người dám xưng "quả nhân"? Hoàng đế. Người khác dám nói “quả nhân” không? "Quả" là từ ngữ rất không hay, vậy tại sao hoàng đế lại tự xưng “quả nhân”? Đáng lẽ phải gọi là “phú nhân” mới đúng chứ. Cả nước ông ta giàu nhất. Bởi vì “vật cực tất phản” (vật đến cực điểm tất quay ngược lại), bạn nói mình giàu nhất, sang năm nhìn bảng xếp hạng đã không còn bạn nữa. Năm nay bạn đứng đầu bảng xếp hạng người giàu, sang năm nhìn lại đã xuống hạng mười mấy rồi, nó luôn thay đổi. Mọi người nhớ kỹ, một khi đi đến đỉnh cao, quay đầu là đường xuống dốc. Dùng góc độ vật lý học mà nói, tất cả

đường cong đều là đường parabol. Ném một vật lên, ném đến điểm cao nhất, chắc chắn sẽ rơi xuống. Những đạo lý như thế này sẽ không bao giờ thay đổi.

> Năm xưa Phục Hy vẽ Bát Quái đồ là muốn nói với mọi người quy luật tự nhiên của vũ trụ, mà con người là con của tự nhiên, quy luật của tự nhiên và quy luật của xã hội loài người thông nhau. Vậy Bát Quái đồ của Phục Hy, đã nói với mọi người những đạo lý gì? Tổ tiên chúng ta tại sao lại tôn sùng Bát Quái đồ đến vậy?

Bát Quái đồ bảo với chúng ta một việc, **điều quan trọng nhất trong đời người chính là định vị.** Ban đầu công dụng của nó là muốn nói với tất cả mọi người, nếu đi về phía Tây Bắc, phải cẩn thận, bên đó càng đi núi càng nhiều; nếu đi về phía Đông Nam, sẽ phát hiện đi đến cuối cùng là biển. Thấy biển, đã đi đến tận cùng rồi, đừng nghĩ ngợi gì khác nữa. Phục Hy hảo tâm nói cho chúng ta vị trí tương đối đó, để mọi người biết, mình hiện đang ở đâu.

Mọi người có phát hiện không, câu chúng ta nói thường xuyên nhất là gì? Anh làm gì để ăn? Dùng lời phương Tây mà nói, chính là anh đang đóng vai trò gì. Bởi vì lý thuyết của họ gọi là "lý thuyết đóng vai". Tôi phải nói rõ, học vấn trên toàn thế giới thực ra phần lớn là thông nhau, "đại đồng tiểu dị" (giống nhau phần lớn, khác nhau phần nhỏ). Chỉ có một phần rất nhỏ, vì dùng danh từ không giống nhau, cách nghĩ không giống nhau mà có sự khác biệt. Bởi vì vũ trụ chỉ có một, định luật chỉ có một bộ, không thể rối loạn được. Đóng vai gì, phải giống vai đó. Bạn xem, khi hát kịch, hát văn phải văn, văn chất bình bình; hát võ phải võ, sát khí đằng đằng. Đóng vai người xấu phải rất giống người xấu, không thể vì sợ mình diễn quá giống, xuống đó bị người ta đánh mà không diễn tốt. Làm gì giống cái đó, gọi là "định vị".

Vì vậy sau này Khổng Tử nói: "Quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử (vua ra vua, tôi ra tôi, cha ra cha, con ra con)." Làm quan phải giống dáng vẻ quan, làm thuộc hạ phải giống dáng vẻ thuộc hạ; làm cha phải giống dáng vẻ cha, làm con phải giống dáng vẻ con. Người phương Tây không phải vậy. Người phương Tây cho rằng cha phải làm bạn của con. Hiện nay nhiều người theo thời thượng, cũng nói với tôi: "Tôi với con trai tôi rất tốt, như bạn bè vậy." Tôi nói: "Con trai anh thật đáng thương." Anh ta nói: "Sao lại vậy? Nó rất hạnh phúc." Tôi nói: "Con trai anh có thêm một người bạn lớn tuổi, nhưng lại không có cha." Anh ta đứng đó không nói gì. Tôi hỏi: "Anh muốn làm cha nó hay làm bạn nó?" Anh ta đáp: "Tôi vẫn nên làm cha thì hơn." Tôi nói: "Anh làm bạn với nó, đợi nó lớn hơn một chút, sẽ thay bạn già, đổi thành người trẻ. Bởi vì bạn có thể đổi, cha không thể đổi." Vì vậy, hiện nay nhiều người mù quáng theo thời thượng, nhưng hoàn toàn không hiểu được đạo lý trong đó, đây cũng là kết quả của thương nghiệp hóa.

> Bát Quái đồ của Phục Hy, tác dụng quan trọng nhất là nói cho mọi người biết vị trí của mình, mà điều quan trọng nhất trong đời người chính là định vị. Vậy, rốt cuộc thế nào là định vị? Chúng ta lại nên làm thế nào để tìm được vị trí đúng đắn của mình trong xã hội?

Gọi là định vị, chỉ làm ba việc.

Thứ nhất, biết mình nên làm gì. Hiện nay phần lớn người đều không biết mình nên làm gì. Ví dụ, làm con, về nhà dù thế nào cũng phải hỏi cha trước: "Ba, ba có việc gì không? Nếu không có việc, con có thể đi làm bài tập được không?" Đây mới là hiếu. Khách đến nhà, nói "cậu đi với tôi đi", làm con nhất định phải hỏi cha. Chưa hỏi cha đã đi với người ta, cho thấy trong lòng bạn hoàn toàn không có sự tồn tại của cha. Thực ra những điều này mới là gốc rễ của làm người, nếu không có học vấn lớn đến đâu cũng vô dụng. Định vị tốt, sẽ làm gì giống cái đó.

Thứ hai, làm thế nào giữ vị trí. Giữ vị trí chính là giữ phận. Bạn xem, người Trung Quốc chúng ta vừa ngồi vào bàn ăn cơm, trẻ con có dám cầm đũa gắp đồ ăn ngay không? Có lẽ không dám, nhất định phải đợi mọi người ngồi đủ mới động. Vậy trẻ con làm sao biết ngồi đủ chưa? Vì vậy, làm mẹ thường dạy con thế này: "Con ngồi đây, đừng gắp, mẹ sẽ gắp cho con." Mẹ tại sao phải gắp cho con? Chính là sợ con làm "thiên hạ đại loạn". Đây chính là tại sao khi con cái không tốt, chúng ta đều mắng người mẹ, chính là đạo lý này. Con cái hư, đều là mẹ không dạy tốt. Có những người mẹ luôn cảm thấy mình rất oan, mọi người sao có thể mắng tôi? Đương nhiên phải mắng bà, không mắng bà thì mắng ai? Nhớ kỹ, mẹ là người thầy đầu tiên trong đời của con cái. Biết mình nên làm gì, phải làm tốt công việc trong phận sự của mình.

Thứ ba, không ngừng cải thiện, làm càng ngày càng tốt. Đến một công ty mới, trước hết hỏi mình nên làm việc gì. Lập một bảng công việc, rồi từng điều từng điều xem mình nên làm thế nào để làm tốt nó. Cứ một khoảng thời gian, lấy ra kiểm điểm, kiểm điểm mình đã làm được những gì, có việc gì chưa làm, bạn sẽ trở nên tốt hơn. Nếu vừa vào đã làm bộ làm lớn, cái gì cũng nội hành, không đến ba ngày có lẽ đã lật mặt với tất cả mọi người. Bạn có bao nhiêu bản lĩnh? Đây gọi là không giữ phận, không giữ vị, không biết vị là gì.

Chúng ta treo Bát Quái đồ ở cửa, chính là nói với tất cả những người thấy được, thấy không được, bạn tự rõ, nên vào thì vào, không nên vào thì xin đi sang một bên. Nên vào tôi hoan nghênh bạn vào, không nên vào xin bạn tự tránh đi.

Trò cười lớn nhất của thế kỷ 20, chính là định hướng thị trường, vì nhu cầu của khách hàng, có thể không màng đến đạo lý căn bản làm người. Ví dụ nhảy bungee, leo rất cao, rồi buộc một chân lại, nhảy xuống, còn phải trả tiền cho người ta, tôi không biết đây là đang làm gì. Có thị trường không? Đương nhiên có thị trường, luôn có một số người sẽ bị lừa. Người này chơi một lần ghét chết bạn rồi, dưới lại một người mới đến. Có thị trường mà không có lương tâm là không được. Thế kỷ 21, chúng ta nhất định phải sửa đổi nó lại.

Từ bây giờ gọi là định hướng gì? **Định hướng giáo hóa**. Tất cả sản phẩm của chúng ta đều có nhiệm vụ giáo dục khách hàng. Mục tiêu chỉ có một: “chính đại quang minh” (ngay thẳng sáng tỏ). Bạn đến Tử Cấm Thành xem, các đời truyền lại chính là "chính đại quang minh". Chúng ta đặt mục tiêu là chính đại quang minh, làm sao có thể làm trái lương tâm?

Nhớ một câu: **mục tiêu đúng đắn, phương hướng đúng đắn, làm rõ phương vị, còn quan trọng hơn cả tốc độ**. Lên đường cao tốc, trước hết hỏi con đường này là hướng Nam hay hướng Bắc rồi mới tăng tốc.

Nếu không, đang định đi Thâm Quyến, vừa lên đường đi càng lúc càng nhanh, kết quả là đến Đông Bắc mất. Phương hướng luôn ưu tiên hơn tốc độ.

Mọi người có phát hiện không? Bát Quái chỉ với ba vạch, đã có thể có sự biến đổi lớn như vậy, vì vậy chúng ta chỉ vẽ đến quẻ ba vạch là dừng. Quẻ ba hào (quẻ đơn) có ý nghĩa đặc biệt, không phải tình cờ vẽ thành ba hào, cũng không phải vì nhiều quá thì phức tạp, ít quá thì đơn giản, vì vậy tiếp theo chúng ta sẽ nói: Ý nghĩa đặc biệt của quẻ đơn.

Chương 6: Ba hào tạo quẻ

> Phục Hy sử dụng hai ký hiệu âm dương để tạo thành tám quẻ đơn, rồi dùng tám quẻ này để tạo nên Bát Quái Đồ lưu truyền ngàn đời. Nhưng tại sao khi vẽ quẻ, Phục Hy không nhiều không ít, chỉ vẽ ba nét? Ba nét này đại diện cho điều gì?
>
> Một nét ngang ở trên đại diện cho trời (thiên), một nét ngang ở dưới đại diện cho đất (địa), nét ở giữa đại diện cho người (nhân). Vậy quẻ đơn có ý nghĩa quan trọng gì đối với loài người? Đóng góp vĩ đại nhất của quẻ đơn là đã định vị rõ ràng cho con người giữa trời đất. Vậy đã là ba nét tạo quẻ, tại sao trong Kinh Dịch lại có 64 quẻ, mỗi quẻ đều có sáu hào?

Khi Phục Hy vẽ quẻ, làm sao ông biết vẽ đến ba nét thì dừng? Tôi tin rằng, chỉ cần là con người, một khi đã bắt đầu thì khó dừng lại được. Sau khi Phục Hy vẽ quẻ ba hào/nét, chắc chắn sẽ còn vẽ bốn nét, năm nét và cứ thế vẽ tiếp, và sẽ vẽ ra được đủ loại quẻ kỳ lạ, đó mới là tự nhiên. Nhưng cuối cùng Phục Hy vẫn quyết định dùng quẻ đơn để truyền lại cho đời sau, chắc chắn là có lý do.

Gen văn hóa của loài người có thể được di truyền. Hiện nay có một môn thể thao mà tổ tiên chúng ta đã từng làm cách đây 6-7 nghìn năm - kéo co. Lấy một sợi dây, đặt một điểm ở giữa, hai bên mỗi bên một đội, sau đó so xem đội nào có sức mạnh hơn. Tại sao lại có trò chơi kéo co? Là vì cách đây 6-7 nghìn năm, loài người chưa bước vào xã hội nông nghiệp mà sống bằng săn bắt, khi săn được một con lợn rừng to, không thể khiêng được, đành phải dùng dây kéo về, dần dần phát triển thành một môn thể thao.

Khi chúng ta tham gia kéo co, chúng ta hô khẩu hiệu như thế nào? Có phải chỉ hô "một, một, một" không? Không phải. Hầu hết chúng ta đều hô "một, hai, ba, một, hai, ba", điều này có mối liên hệ rất mật thiết với quẻ ba hào.

Khi hô "một", tức là phải nhìn cho đúng mục tiêu, không được kéo bừa. Lúc này chúng ta thường ngẩng đầu nhìn trời, vậy là trời xuất hiện. Khi hô "hai", tức là phải đứng vững, hơi ngồi xuống một chút, thì nhìn thấy đất. Khi hô "ba", người liền phát lực. Như vậy Tam tài “thiên địa nhân” (trời, đất, người) đã xuất hiện, những điều này đều là ảnh hưởng tự nhiên đối với loài người.

Năm xưa Phục Hy nhìn đi nhìn lại, trên có trời, dưới có đất, ở giữa có đủ thứ, nhưng cuối cùng vẫn chọn con người làm đại diện. Phục Hy thấu hiểu tâm trời đất, đặt con người vào một vị trí vô cùng quan trọng, định vị cho con người. Đóng góp vĩ đại nhất của quẻ đơn chính là đã định vị rõ ràng cho con người giữa trời đất. Vì vậy Chu Vũ Vương năm xưa mới nói "Nhân vi vạn vật chi linh" (Con người là linh hồn của vạn vật).

Câu nói này của Chu Vũ Vương cũng bị phương Tây phê phán nhiều, cho rằng người Trung Quốc quá tự đại. Thực ra đó là họ không hiểu, chúng ta cảm thấy trách nhiệm nặng nề chứ không phải tự đại. Nếu bạn cho rằng đó là trách nhiệm nặng nề, bạn sẽ thúc đẩy bản thân làm tốt hơn, trở thành "vạn vật chi linh" danh xứng với thực; nếu bạn cảm thấy mình vĩ đại, đó chính là tự mãn, cuối cùng sẽ trở thành "vạn vật chi tặc" (kẻ cướp của vạn vật), đây cũng là âm dương.

Nét cao nhất ở trên gọi là trời (thiên), nét thấp nhất ở dưới là đất (địa), nét ở giữa gọi là người (nhân). Tam tài "thiên địa nhân" chính là: trời có tài năng của trời, trời có đặc tính của trời; đất có chức năng của đất, đất có đặc tính của đất; người có chức năng của người, người có nhân tính. Phải nhớ kỹ: người có nhân tính, nhân tính này là tự nhiên sinh ra, không phải tự mình tạo ra, cũng không phải do giáo dục sau này.

Trời và đất là một thể, **người Trung Quốc nói đến trời đã bao hàm cả đất trong đó, vì thế Tam tài thiên địa nhân sau này biến thành "thiên nhân hợp nhất" (trời người hợp nhất)**, bởi vì trời đất không thể tách rời, có trời ắt có đất, có đất ắt có trời, nên sau này gọi thẳng là "thiên nhân hợp nhất". Trời phát huy đặc tính của nó, đất phát huy đặc tính của nó, con người thì đội trời đạp đất, tổng hợp đặc tính của trời đất, làm cho vũ trụ ngày càng tiến hóa, đây là trách nhiệm của con người.

Tất cả động vật chỉ có bản năng, không có khả năng đạo đức. Chúng ta không thể nói người có bản năng, như vậy là coi người như động vật. Động vật không có khả năng đạo đức, hoàn toàn dựa vào bản năng. Vì vậy khi động vật sủa với một người, bạn đừng nghĩ nó không lịch sự với bạn, nó không phải không lịch sự, mà chỉ là bản năng buộc nó phải sủa như vậy, nếu không nó sẽ không phải là động vật nữa. Chó chỉ có một đời, vì mỗi đời của nó đều giống nhau. Nhưng hiện nay chó cũng đã được con người tạo ra nhiều đời, chó đã đang thay đổi. Tôi phải nói rõ, sự thay đổi của vạn vật trong vũ trụ, hầu như đều do con người tạo ra, đều liên quan đến con người. Điểm này chúng ta phải nói một cách thận trọng, cải tạo phải vừa phải, phải vận dụng trí tuệ, nếu không sẽ gặp rắc rối.

> Trong quẻ đơn của Phục Hy, nét trên là trời (thiên), nét dưới là đất (địa), nét giữa đại diện cho người (nhân), và vai trò của con người trong vũ trụ là quan trọng nhất. Nhận thức của Phục Hy về Tam tài thiên địa nhân trở thành nền tảng tư tưởng triết học Trung Quốc sau này, hàng nghìn năm sau phát triển thành các trường phái Nho, Pháp, Đạo, Mặc, Nông... trong Bách gia chư tử, đều kế thừa tư tưởng Tam tài thiên địa nhân. Vậy ba nét tạo quẻ có ý nghĩa thực tế gì đối với người hiện đại chúng ta?

Từ quá trình kéo co, chúng ta hiểu được **làm việc có ba điều quan trọng nhất: một là phương hướng, hai là định vị, ba là hành động.** Cho đến ngày nay, tất cả quản lý thực ra đều dựa trên cơ sở này - trước tiên xác định mục tiêu dài hạn, sau đó tìm đúng vị trí thị trường, tức là công ty đứng ở vị trí nào trong ngành, nên làm những việc gì, cuối cùng mới bắt đầu hành động. Người Trung Quốc chúng ta hầu như đều giải quyết vấn đề trong ba bước, rất ít khi nói đến bốn năm sáu. Chúng ta quen chia không gian thành trên (thượng), giữa (trung), dưới (hạ), chia thời gian thành quá khứ, hiện tại, tương lai, hầu như đều là phép chia ba.

Khi lãnh đạo gọi cấp dưới đến, nói việc thứ nhất cần chú ý gì, anh ta chắc chắn sẽ chú ý lắng nghe. Tiếp theo lãnh đạo nói việc thứ hai cần chú ý gì, anh ta vẫn sẽ chú ý lắng nghe. Khi lãnh đạo nói đến điểm thứ ba, cấp dưới trong lòng bắt đầu có suy nghĩ: sao lại có nhiều yêu cầu thế? Nếu lãnh đạo vẫn chưa biết điều, nói xong ba điểm còn muốn nói điểm thứ tư, lúc này dù cấp dưới không nói ra miệng nhưng trong lòng chắc chắn sẽ nghĩ: anh nói nhiều thế tôi làm sao nhớ hết được? Thôi chẳng nhớ gì cả vậy.

Người Trung Quốc làm lãnh đạo, phải có bản lĩnh quy nạp những việc rất phức tạp thành ba điểm, gọi là “ước pháp tam chương”. Chúng ta rất tránh nói đến chữ "tứ" (bốn), thực ra có liên quan đến điều này, chỉ là sau này dần dần biến thành mê tín, thực ra cũng chỉ là đồng âm. Nhiều thứ vốn rất duy lý, sau này biến thành mê tín, là vì mọi người không biết nguyên do trong đó.

Một là dương, hai là âm, ba là biến hóa. Vì vậy đạo sinh một, một sinh hai, hai sinh ba, rồi ba sinh vạn vật. Ba đại diện cho biến hóa, không phải ba của một hai ba, cũng không phải cố định biểu thị con số cụ thể.

Một quẻ, chúng ta chia nó thành “thượng trung hạ”, cũng chính là “thiên, nhân, địa”. Chúng ta xem trời (thiên), là xem sự biến hóa của thời - nhìn thấy mặt trời giữa đỉnh đầu, biết đã là giữa trưa. Trời trọng ở “thời”, nên gọi là “thiên thời”. Đất trọng ở “lợi”, gọi là “địa lợi”. Chúng ta chọn địa điểm, trước tiên sẽ xem xét có đứng vững được không. Không ai lại xây nhà trên sườn dốc, trừ phi thật sự không còn cách nào khác, không có chỗ cắm dùi, đành phải xây ở đó. Nhưng như thế rất bất lợi, đó gọi là “thiếu địa lợi”. Sau “thiên thời, địa lợi” còn cần “nhân hòa”. Con người nhất định phải hợp tác, nhất định phải có đội ngũ, nhất định phải có mục tiêu chung. Nếu không sẽ thế nào? Con người là loài yếu nhất trong tất cả động vật, chạy không bằng ngựa, sức không bằng trâu, các tính năng đều không bằng động vật khác. Nhưng con người rất giỏi, biết cảm nhận: tại sao trời sinh ra tôi cái gì cũng không bằng người ta? Nó phải để lại cho tôi một con đường sống chứ. Con người chỉ có một con đường sống. Con đường nào? Hai chữ nói rõ - “tranh khí” 争气 (phấn đấu). Nếu con người không tranh khí (phấn đấu), cái gì cũng không thắng được người khác. Đó là lý do người Trung Quốc thường nói phải “tranh khí” (phấn đấu). Con người tranh chỉ là tranh một hơi thở mà thôi! Không tranh được hơi thở đó, thì chẳng còn gì cả.

Khí trong Kinh Dịch rất quan trọng. Khí của người Trung Quốc là từ Tây sang Đông, từ Bắc xuống Nam. Vì vậy, chúng ta viết chữ đều từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, phải thuận theo khí này mà đi, không được đi ngược lại. Khi viết chữ, có bộ thủ, nhất định phải viết bộ thủ trước, có trên dưới nhất định phải viết phía trên trước, nét bút không thể loạn, loạn thì không thuận. Khi đã hiểu rõ về khí, sẽ biết nên hướng về phía nào. Nhiều lý thuyết về mặt này được ứng dụng vào sức khỏe cơ thể, chỉ cần dùng con mắt khoa học, dùng quy luật tự nhiên để kiểm chứng nó, sẽ biết cái nào đúng, cái nào sai.

Tại sao Khổng Tử rất cầu kỳ, dạy mọi người ngồi phải ngồi thẳng, như vậy không rất mệt sao? Thực ra trạng thái khỏe mạnh nhất của con người chính là ngồi thẳng. Tất cả bệnh tật của con người đều bắt nguồn từ cột sống, cột sống một khi cong vẹo, nhiều vấn đề sẽ theo đó mà đến.

Sau đó chúng ta phải từ từ điều chỉnh. Điều chỉnh gì? Điều chỉnh cân bằng trái phải. Vì vậy từ bây giờ, khi chúng ta soi gương, đừng chỉ quan tâm đến những vấn đề kiểu "phấn có trang điểm đẹp không". Bạn xem nó làm gì? Có liên quan gì đâu? Những thứ này đều là hôm nay có, ngày mai không còn. Bạn bây giờ trang điểm đẹp đẽ, một lúc sau cũng rơi hết. Chúng ta soi gương, phải vẽ một đường trung tâm chính giữa gương, xem hai bên có cân bằng không. Trước tiên xem mắt mình có một bên cao một bên thấp không.

Nếu thật sự như vậy, thì biết là gay rồi, chắc chắn có vấn đề. Rồi xem miệng có lệch không, mũi có thẳng không. Chúng ta soi gương là để xem những cái này!

Đây chính là tự kiểm tra. Ngũ quan của con người hai bên phải đối xứng, vì vũ trụ phần lớn là đối xứng, cân bằng. Phát hiện chỗ nào không cân bằng, phải lập tức điều chỉnh. Ông nội tôi là thầy thuốc, tôi lớn lên trong gia đình y. Ông nội tôi rất rõ về những điều này. Bệnh nhân vừa ngồi xuống, ông đã biết bệnh nhân mắc bệnh gì. Mọi người có thể sẽ hỏi: sao mà thần vậy? Ông nội tôi nói: "Có gì thần đâu. Khi bệnh nhân vào, bạn xem họ là đầu nặng chân nhẹ hay đầu nhẹ chân nặng, phàm là bệnh nhân đều là đầu nặng chân nhẹ. Đến gần một chút nữa xem sắc mặt họ, nếu cả mặt đều đỏ, không cần đo cũng biết không phải huyết áp cao thì là sốt. Tiếp đến ngồi xuống, **xem tai của bệnh nhân, mọi thứ đều được viết trên tai**." Trung Quốc có nhiều thứ tốt như vậy, chúng ta phải nghiên cứu, phải phát triển. Dùng phương pháp khoa học để trị liệu những thứ cổ xưa của chúng ta, đây là nhiệm vụ của chúng ta.

> Kinh Dịch là lý thuyết nguồn gốc của triết học Trung Quốc, không chỉ lý thuyết y học cổ truyền bắt nguồn từ Kinh Dịch, cho đến nay, nhiều cách tư duy, cách hành xử của người Trung Quốc vẫn có liên hệ mật thiết với Kinh Dịch, chỉ là dân chúng dùng hàng ngày mà không biết mà thôi. Vậy quẻ đơn còn có ý nghĩa quan trọng nào nữa?

Trong quẻ đơn, trên là trời, dưới là đất, hai cái hợp lại là tự nhiên, một nét ở giữa là nhân vị (vị trí con người) (xem hình 6-1). Nhân vị có âm có dương, nên con người có thể làm "vạn vật chi linh", cũng có thể làm "vạn vật chi tặc". Hiện nay càng ngày càng nhiều người không phải "vạn vật chi linh", mà là "vạn vật chi tặc" - nhiều loài đã bị chúng ta làm tuyệt chủng, nhiều tài nguyên đã bị chúng ta phá hủy, cả tự nhiên đều bị chúng ta làm cho xấu xí.

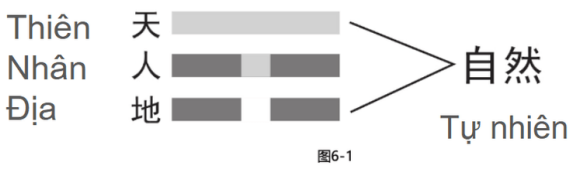


图6-1

Trời chỉ cho loài người sức sáng tạo, các động vật khác đều không có. Bạn xem, động vật không thể mở bệnh viện, chỉ có người mới mở bệnh viện; động vật không thể lái máy bay, chỉ có người mới lái máy bay... Có nhiều việc động vật đều không làm được, vì chúng không có sức sáng tạo. Động vật chỉ có một đời một kiếp, đi theo cách thức trước đây, không có sáng tạo.

Trời còn cho loài người tính tự chủ, động vật cũng không có. Động vật làm việc theo bản năng, còn người có thể dựa vào ý chí tự do của mình để quyết định làm hay không làm. Người có thể tự mình quyết định, động vật không có quyền này.

Nhưng mọi người phải nhớ kỹ, ngoài việc có tính sáng tạo, có tự do tương đối, có tính tự chủ ra, con người còn có một thứ mà chúng ta rất ít nhắc đến, gọi là tính giới hạn. Ngày nay chúng ta quá kiêu căng tự đại, cho rằng mình dường như có thể làm được mọi thứ, có bản lĩnh thông thiên, có thể cải tạo tự nhiên, người định thắng thiên, thực ra chính là không coi trọng tính giới hạn.

“Thích giả sinh tồn” (thích nghi mới sinh tồn). Mọi người chắc rất quen với câu này. "Thích" là gì? Có thể có hậu duệ mới gọi là "thích". Bạn xem, “thích giả sinh tồn”, chữ "tồn" đó là chỉ hậu duệ, không phải chỉ hiện tại. Chúng ta tại sao phải để dành tiền, không phải là để cho sau này dùng sao? Chúng ta tại sao phải bảo vệ khoáng sản, không phải là để cho con cháu đời sau dùng sao? Phàm là "tồn", đều liên quan đến đời sau. “Thích giả sinh tồn” không phải nói phải thích nghi với môi trường mới có thể sinh tồn. Nếu giải thích như vậy, mọi người sẽ đều đầu cơ trục lợi, vì bản thân có thể sinh tồn mà không từ thủ đoạn. "Thích" là có bản lĩnh sinh ra đời sau, mới có thể “sinh sinh bất tức” (sinh sôi không ngừng). Đã phải sinh ra đời sau, thì phải để lại chút gì cho họ dùng, đừng dùng hết mọi thứ, như vậy mới gọi là thích giả sinh tồn.

Đôi khi chúng ta hiểu sự vật quá theo nghĩa đen, không đủ sâu sắc. Mỗi chữ của Trung Quốc đều là một Thái Cực. Đừng dùng hết tài nguyên, trừ phi bạn chuẩn bị làm sụp đổ tất cả. Đã muốn sinh con thì phải để lại chút gì cho nó. Vì vậy, người Trung Quốc không giống người phương Tây: Tôi muốn tiêu hết của cải, tôi là tôi, con trai tôi là con trai tôi, nó phải tự lo liệu cuộc sống. Chúng ta không như vậy, chúng ta biết bản thân cũng là thừa hưởng phúc ấm của tổ tiên, không có tổ tiên sẽ không có chúng ta; không có Phục Hy năm xưa vẽ quẻ đơn, chúng ta sẽ không hiểu được những điều này.

> Phục Hy ngẩm thiên văn ở trên, xem địa lý ở dưới, quan sát nhân thế ở giữa, sáng tạo ra quẻ đơn vừa đơn giản vừa hàm chứa ý nghĩa phong phú, nhưng trong Kinh Dịch mà chúng ta thấy, tổng cộng có 64 quẻ, và mỗi quẻ đều là sáu hào, không phải nói ba nét là dừng sao? Tại sao 64 quẻ trong Kinh Dịch đều là 6 hào?

Làm bất cứ việc gì đều có đạo lý, không có đạo lý chính là không khoa học. Chúng ta dần dần phát hiện, thiên có âm dương, nhân có âm dương, địa cũng có âm dương, như vậy quẻ đơn biến thành trùng quái (xem hình 6-2). Chúng ta trước đây nói "nhất âm nhất dương chi vị đạo" (một âm một dương gọi là đạo) xuyên suốt trong vạn sự vạn vật của vũ trụ, và tam tài thiên địa nhân mà chúng ta đang nói cũng không thể tách rời, trời có âm có dương, đất có âm có dương, người cũng có âm có dương, đây mới gọi là "nhất âm nhất dương chi vị đạo".

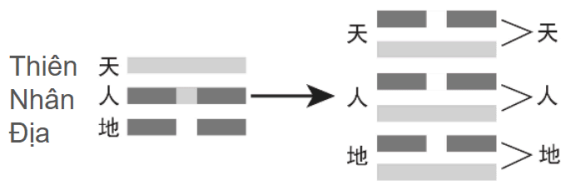


图6-2

Lầu cao vạn trượng mọc từ mặt đất, trùng quái cũng đếm từ dưới lên trên. Địa là một và hai, nó không sao cả, thiên là năm và sáu, cũng không sao cả, chỉ có nhân ở giữa, ba và bốn (xem hình 6-3), vì vậy giữa trời đất, chỉ có người là “bất tam bất tứ” (không ra ba không ra bốn - chỉ sự không đâu vào đâu).

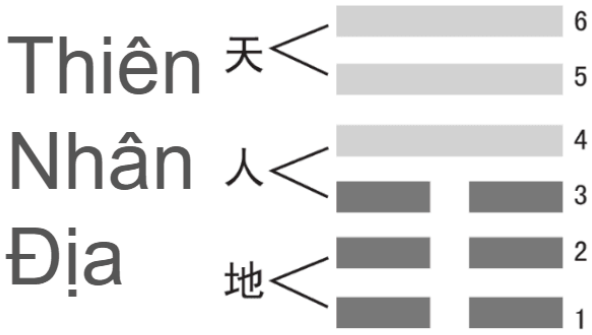


图6-3

Con người chỉ cần làm ba việc, đã làm cho thiên địa hoàn toàn rối loạn. Con người dựa vào gì để phá hoại tài nguyên? Dựa vào gì để làm sụp đổ môi trường? Dựa vào gì để làm cho cả vũ trụ trở nên tệ hại như ngày nay? Ba câu: “bất tam bất tứ”, “điên tam đảo tứ” (đảo lộn), “lão tam lão tứ” (chỉ người không ra gì).

Con người phải phản tỉnh: tự nhiên cho chúng ta nhiều điều tốt đẹp như vậy, nhưng chúng ta lại không làm tròn trách nhiệm của mình, dẫn đến môi trường bị phá hoại, chúng ta có thể đẩy trách nhiệm cho động vật không? Chúng ta đẩy trách nhiệm cho chuột, chuột nói: "Tôi chỉ ăn một chút xíu, các người ăn nhiều, còn trách tôi!" Chúng ta đẩy trách nhiệm cho trâu, trâu nói: "Tôi đều bị các người giết để ăn rồi, còn phá hoại gì nữa?" Bạn xem, cả gấu Bắc Cực cũng không thoát. Trước đây vừa thấy có gấu, là bắt lấy, chặt tay gấu, những phần khác thì phá hủy. Vừa thấy có cá sấu, bắt hết. Cái gì cũng bắt sạch! Đây chính là “bất tam bất tứ”!

Thực ra, “bất tam bất tứ” chính là “bất nhân bất nghĩa”. Thiên có âm dương, Địa có cương nhu, Nhân có nhân nghĩa. Người cần có là “nhân nghĩa”, không phải kỹ thuật, người chỉ có kỹ thuật mà không nói nhân nghĩa là rất đáng sợ.

Quẻ Ký Tế là quẻ thứ 63 trong Kinh Dịch, biểu thị ý nghĩa hoàn thành. Nhưng quẻ Ký Tế đại diện cho hoàn thành lại không phải là quẻ cuối cùng, ngược lại quẻ Vị Tế đại diện cho bắt đầu mới là quẻ cuối cùng. Khi một việc hoàn thành, cũng báo hiệu có một khởi đầu mới, vẫn là chưa hoàn thành, đây mới là đạo lý của Kinh Dịch. Khi bạn viết xong một bài văn, bạn phải biết sắp phải bắt đầu viết bài tiếp theo; khi bạn nấu xong bữa này, bạn phải biết rất nhanh nó sẽ bị ăn hết, bạn lại phải nấu bữa tiếp theo. Loài người không bao giờ có ngày thành công, đừng tự lừa dối mình, vì thành công chính là khởi đầu của thất bại.

Kinh Dịch viết, quẻ Ký Tế không được tốt lắm, gọi là "sơ cát chung loạn", ban đầu rất tốt đẹp, cuối cùng lại lộn xộn. Một người khi thành công, sẽ không kìm được bắt đầu nói năng bừa bãi, thường là trong tiệc

mừng công đó đã đắc tội với nhiều người, xung quanh bắt đầu chuẩn bị xử lý người đó, đây chính là sự thật. Khi một người rất vui vẻ, thường sẽ sinh ra buồn, gọi là "lạc cực sinh bi".

> Phục Hy một nét mở trời, sáng tạo ra Bát Quái Đồ. Tương truyền sau này Chu Văn Vương khi bị Thương Trụ Vương giam cầm, nghiên cứu kỹ Bát Quái Đồ, căn cứ vào sự biến hóa của âm dương, sắp xếp tổ hợp tám quẻ tượng, tạo thành 64 quẻ. Vì vậy chúng ta bây giờ thấy 64 quẻ trong Kinh Dịch, mỗi quẻ tượng đều là 6 hào, nhưng tại sao giáo sư Tăng Sĩ Cường nhấn mạnh nói Kinh Dịch là ba nét tạo quẻ, mà không nói là 6 hào tạo quẻ?

Chúng ta rất tự nhiên biến quẻ đơn thành trùng quái, rồi có người bắt đầu muốn thách thức con số ba này, cảm thấy ba không bằng sáu, phải "lục lục đại thuận" (mọi sự đều thuận lợi, "lục lục": Số sáu lặp lại, biểu thị cho sự thuận lợi, mọi việc đều suôn sẻ) mới tốt. May mà trong tổ tiên chúng ta vẫn còn người thông minh hơn, cho rằng suy nghĩ đó không đúng, và chỉ ra 6 chính là 2 nhân 3, nên sau này chúng ta gọi nó là "trùng quái", chứ không gọi là "quẻ lục hào". Tám quẻ đơn chồng lên nhau, chính là 64 quẻ, tất cả đều là tự nhiên sinh ra, không hề có thiết kế cố ý. Ví dụ chúng ta đem quẻ Khảm và quẻ Ly hợp lại, có thể tổ hợp thành hai trùng quái: Ly ở dưới Khảm ở trên là quẻ Ký Tế, Khảm ở dưới Ly ở trên là quẻ Vị Tế (xem hình 6-4). Chúng ta đem tám quẻ đơn chồng lên nhau, chính là điều toán học ngày nay gọi là hoán vị tổ hợp, cuối cùng là 64 quẻ, nên 64 quẻ gọi là quẻ kép, 64 chính là số đầy đủ.

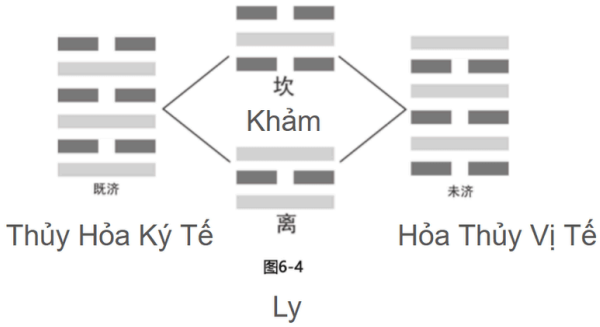


图6-4

Kinh Dịch luôn luôn đòi hỏi cân bằng, nhưng cân bằng không phải dương về dương, vì dương cực thì bắt đầu biến âm, nên trong đó nhất định phải có âm có dương, âm dương xen kẽ, nhưng không thể ngang bằng, một khi ngang bằng sẽ không động, không động sẽ không có biến hóa, không có biến hóa sẽ chết. Xã hội nếu không có mâu thuẫn sẽ không có biến hóa, không có biến hóa sẽ không có phát triển, chỉ còn đường chết. Nước nếu không động, cả cá cũng không sống được, nước chính vì sẽ động sẽ biến, cá mới sống được.

Vì vậy, chúng ta vẫn lấy quẻ đơn truyền đến ngày nay, đến nay vẫn đều nói Bát Quái, rất ít nói 64 quẻ. Học thuyết về vũ trụ của người phương Tây, hoặc là thuyết sáng tạo, hoặc là thuyết tiến hóa, thực ra đều không toàn diện. Từ Thái Cực đến Bát Quái là sáng tạo, sau Bát Quái chính là tiến hóa, sáng tạo và tiến hóa tồn tại đồng thời. Tự nhiên sáng tạo ra con người sau đó, con người bắt đầu không ngừng tiến hóa, không phải mỗi thời đại đều sáng tạo ra những người khác nhau. Người phương Tây chỉ biết phân, mà không hiểu hợp:

người theo thuyết sáng tạo cho rằng tất cả đều do thần tạo ra; người theo thuyết tiến hóa cho rằng hoàn toàn không có thần, cuối cùng hai phái tranh cãi kịch liệt.

> Giáo sư Tăng Sĩ Cường cho rằng, bất kể là Bát Quái của Phục Hy, hay 64 quẻ của Văn Vương, đều có thể là kết tinh trí tuệ tập thể, cuối cùng quy về một người. Và Kinh Dịch cuối cùng định ba nét tạo quẻ, cũng là vì quẻ đơn đã phơi bày quy luật cơ bản âm dương cộng sinh, âm dương tương động, âm dương tương biến trong vũ trụ. Vậy quẻ đơn làm thế nào thông qua biến hóa của quẻ tượng để phơi bày quy luật cơ bản của sự phát triển biến hóa vũ trụ?

Trong tam tài thiên địa nhân, thiên là biến dịch, nhân là giao dịch, địa là bất dịch (xem hình 6-5), đây cũng là tự nhiên sinh ra. Trời là cái biến nhanh nhất, thiên tượng không lúc nào không biến, đặc biệt là trời mùa xuân, nói biến là biến. Đất không biến, đất mà biến, người sẽ không chịu nổi, động đất 6 độ richter chỉ là nhẹ nhàng biến một cái, đã có hàng vạn người mất mạng. Vì vậy chúng ta dần dần biết, quan điểm cho rằng tất cả đều phải biến là rất nguy hiểm.

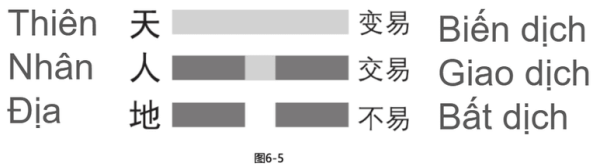


图6-5

Còn người thì sao? Người khó nhất. Người biến cũng bị mắng, không biến cũng bị mắng. Tôi tin mọi người đều có kinh nghiệm tương tự. Mọi việc làm theo quy định, ông chủ rất giận: "Quy định là chết, người là sống, anh không biết biến à?" Anh không theo quy định, ông ta lại mắng: "Quy định là để ai xem? Chính là để anh xem. Nhưng ngay cả anh cũng không xem, biến tới biến lui." Người sinh ra, biến cũng bị mắng, không biến cũng bị mắng, chúng ta phải đối mặt với sự thật này.

Trời muốn biến thế nào thì biến thế đó, không ai mắng trời. Bạn xem, có ai đứng ngửa mặt lên trời mà nói: "Mày à mày à, lại có nắng rồi!" Đó là người điên. Trời muốn biến thế nào thì biến thế đó. Đất không thể biến, nhẹ nhàng biến một cái đã xảy ra động đất mấy độ.

Chúng ta dần dần sẽ cảm nhận được trời và đất đều quan trọng như nhau, nhưng đặc tính không giống nhau. Dần dần sẽ thể hội được nam và nữ là không giống nhau. Nam giới sinh ra là chạy tới chạy lui, vì thân hình nam giới trên lớn, họ là hình tam giác, ngồi không yên. Nữ giới không phải vậy, nữ giới là hình tam giác ngược, càng ngồi càng vững. Về mặt ngồi, nam giới tuyệt đối không bằng nữ giới. Vì vậy nếu hội thể thao mà tổ chức một cuộc thi "ngồi lâu", có lẽ toàn phụ nữ đoạt giải.

Từ nhỏ đã như vậy, con trai chạy tới chạy lui. Toàn bộ thân hình của họ đã nói cho chúng ta biết, họ là phải động. Họ phải ra ngoài tìm thức ăn, không thể cứ ở trong nhà, tìm thức ăn về, vợ mới có thể nấu nướng. Nam nữ phải phân công, vì vậy dưới trời không có chuyện bình đẳng.

Mọi người đừng hiểu sai, **tự nhiên chỉ có phân công, không có bình đẳng.** Có người hỏi: động vật và thực vật làm sao bình đẳng? Cây dâu và cây liễu làm sao bình đẳng? Nước biển và nước sông làm sao bình đẳng? Nước biển sinh ra đã mặn, không phải quốc gia nào đổ hết muối vào biển làm cho nó mặn, chỉ có chiết xuất muối từ nước biển.

Nói đến đây, chúng ta đã mơ hồ nói ra, dịch có tam nghĩa: giao dịch, biến dịch, bất dịch, nhưng mọi người thường nói rõ ràng là **bất dịch, biến dịch, giản dịch**, và giản dịch cũng có người phản đối, nói nên là dịch giản, vậy rốt cuộc là chuyện gì? Vì vậy tiếp theo chúng ta sẽ thảo luận: tại sao dịch có tam nghĩa?

Chương 7: Dịch có ba nghĩa

> Kinh Dịch, còn được gọi là Chu Dịch, dù gọi thế nào đều không tách rời chữ "Dịch". Vậy chữ "Dịch" này có ý nghĩa gì? Giáo sư Tăng Sĩ Cường giải thích rằng "Dịch" có ba nghĩa: thứ nhất là đơn giản, thứ hai là biến đổi, thứ ba là bất biến. Kinh Dịch nhìn có vẻ bí ẩn và phức tạp, tại sao lại nói nó "đơn giản"? Còn "biến đổi" và "bất biến" thì nên hiểu như thế nào? Thực ra, cái không thay đổi là nguyên tắc, cái biến đổi là hiện tượng.
>
> Người ta thường nói thế sự vô thường, liệu Kinh Dịch có thể giúp chúng ta nắm bắt được những thay đổi trong tương lai không? Giáo sư Tăng Sĩ Cường chỉ ra rằng, Kinh Dịch tiết lộ quy luật cơ bản về sự biến đổi của tự nhiên và xã hội loài người. Vậy chúng ta nên dựa vào đạo lý của Kinh Dịch như thế nào để nắm bắt được thế giới tương lai đang biến đổi khôn lường này?

"Dịch" có ba nghĩa: thứ nhất là đơn giản, thứ hai là biến đổi, thứ ba là bất biến. Đây là cách nói thông thường. Đã bước vào cánh cửa của Kinh Dịch, từ nay trở đi, chúng ta nhìn bất cứ việc gì cũng phải dùng ba câu này để xem xét một cách tổng hợp: dùng quan điểm âm dương, lấy tự nhiên làm chuẩn mực, để đưa ra phán đoán hợp lý.

"Đơn giản" là gì? Chúng ta lấy một thứ để minh họa, đó chính là đôi đũa mà chúng ta dùng hàng ngày, như vậy mọi người sẽ dễ hiểu hơn. Nếu bạn muốn dạy con mình về Kinh Dịch, cũng có thể bắt đầu từ đôi đũa.

Hai chiếc đũa chính là âm và dương, hợp lại thành Thái Cực. Khi chúng ta dùng đũa, thường là một chiếc không động và một chiếc động, không phải hai chiếc đều động hoặc đều không động. Cầm đũa lên, nhắm đúng mục tiêu, một chiếc không động, một chiếc động, hai bên phối hợp, lập tức gắp được thức ăn. Đây chính là "nhất âm nhất dương chi vị đạo" (một âm một dương gọi là đạo).

Chúng ta dùng đũa hàng ngày, nhưng không biết rằng đũa cũng chứa đựng đạo lý của Kinh Dịch. Đơn giản, dễ hiểu, tiện mang theo, và dễ sử dụng, đây đều là những đặc tính của đũa. Cái gọi là đơn giản nghĩa là đừng làm cho sự việc trở nên quá phức tạp.

Điều tuyệt diệu của đũa là gì? Khi chúng ta dùng đũa ăn, có thể gắp được thì gắp, gắp không được thì có thể dùng đũa xiên, có những thức ăn thực sự gắp không được, xiên cũng không xong, thì nhấc cả đĩa lên, gạt một chút vào bát của mình. Ba bước này đã giải quyết được tất cả vấn đề, có gì phức tạp đâu?

Người Trung Quốc thường bắt đầu hiểu người khác từ những chi tiết nhỏ. Chúng ta có thể nhìn ra nhân phẩm của một người thông qua cách họ cầm đũa và sử dụng đũa. Trước hết, xem cách cầm đũa. Thông thường người ta sẽ cầm đũa ở vị trí cố định, không quá cao cũng không quá thấp (xem hình 7-1). Cầm đũa ở phần dưới (xem hình 7-2), có thể là do mẹ không dạy kỹ. Cầm đũa quá cao (xem hình 7-3), thể hiện người này cảm thấy mình rất ngông, coi thường người khác, có thể trong lòng đang nghĩ: "Những thứ này là gì? Những thứ này cũng đãi được ta sao?"



图7-1



图7-2



图7-3

Thứ hai, xem khi nào động đũa. Có người ngồi vào bàn ăn, mọi người chưa cầm đũa, họ đã đứng dậy gắp đồ ăn trước mặt người khác. Sớm muộn gì cũng đến lượt bạn, vội vàng làm gì? Khi gắp thức ăn, chúng ta phải gắp thức ăn trước mặt mình trước, không thể gắp bên cạnh hoặc những món ở xa. Làm vậy thể hiện thứ nhất là không kén ăn, thứ hai là tôn trọng mọi người, thứ ba là gia giáo tốt, biết giữ phận. Nhân phẩm của một người sẽ thể hiện rõ ràng qua những chi tiết nhỏ này.

Người nước ngoài thường nói người Trung Quốc dùng đũa không vệ sinh. Họ cho rằng mỗi người một bộ dao nĩa, một cái đĩa riêng mới vệ sinh hơn, còn người Trung Quốc dùng đũa sẽ lây bệnh. Thực ra họ đã sai. Người Trung Quốc khi dùng đũa gắp thức ăn, thường không lựa chọn lâu, vì càng lựa chọn càng dễ lây bệnh. Chúng ta dùng mắt nhìn đúng mục tiêu, sau đó gắp lên ngay, đâu cần phải lựa đi lựa lại, làm sao có thể lây bệnh được?

Ngoài ra, chúng ta nói thêm về một vật dụng thường thấy trong cuộc sống - bút lông. Trước đây chúng ta dùng bút lông, chỉ cần một cây, muốn vẽ mảnh thì mảnh, muốn vẽ to thì to, mọi biến hóa chỉ cần một cây bút là đủ. Bây giờ thì không, bút lấy ra một hàng, chọn một cây, quá to, lại chọn cây khác, lại quá nhỏ, chỉ riêng việc chọn bút đã làm người ta mệt chết. Bút lông chính là sự đơn giản, cấu trúc rất đơn giản nhưng công năng lại biến hóa vô cùng.

> Chữ "Dịch" trong Kinh Dịch thực sự có nghĩa gì, từ xưa đến nay có nhiều cách giải thích khác nhau. "Dịch có ba nghĩa" mà giáo sư Tăng Sĩ Cường giảng, tức là "đơn giản, biến đổi, bất biến", xuất phát từ "Dịch Vỹ - Kiền Tạo Độ". Từ đũa và bút lông độc đáo của người Trung Quốc, chúng ta có thể thấy đạo lý của Kinh Dịch tưởng như bí ẩn nhưng thực ra rất đơn giản, vậy "biến đổi" và "bất biến" trong Kinh Dịch nên hiểu như thế nào?

Quyển sách này, ban đầu không gọi là Kinh Dịch mà gọi là Kinh Biến, bởi vì nó nghiên cứu đạo lý của sự biến đổi. Nhưng sau này chúng ta không dám dùng tên Kinh Biến nữa, vì nó có thể hại nhiều người. Một người nếu luôn nghĩ đến thay đổi, sẽ thay đổi đến mức không còn gốc rễ, đến cả cha mẹ cũng không nhận ra. Làm sao được? Hơn nữa, có biến ắt có thường, vì chúng là đối lập, nếu biến là dương thì thường là âm, hai cái không thể tách rời.

Nhiều người than thở "thế sự vô thường", rồi bắt đầu than phiền, cảm thấy như mình không nắm bắt được gì cả, nghĩ như vậy là sai. Phải biết rằng, biến chỉ là hiện tượng mà thôi, đằng sau cái biến ắt có cái không biến. Vũ trụ dù biến đổi thế nào vẫn là vũ trụ. Khi chúng ta nghĩ đến "biến", nhất định phải nghĩ đến "bất biến", khi nghĩ đến "bất biến", nhất định phải nghĩ đến "biến", đây mới gọi là "nhất âm nhất dương chi vị đạo" (một âm một dương gọi là đạo). Biến và bất biến là hợp nhất, không thể tách rời, không có bất biến làm sao có biến? Không có biến làm sao có bất biến?

Lấy bản thân làm ví dụ, bạn cảm thấy mình có thay đổi không? Mọi người chắc sẽ nghĩ, tôi vẫn là tôi, có gì thay đổi đâu? Thực ra y học hiện đại chứng minh, tất cả tế bào trong cơ thể người, cứ bảy ngày lại thay đổi hoàn toàn, vì vậy không có gì là không thay đổi, con người không thay đổi sẽ không sống được.

Chúng ta lại nhìn từ thời gian, thời gian có quá khứ, hiện tại, tương lai. Quá khứ rõ ràng là không thay đổi. Bạn có thể thay đổi tuổi thơ của mình không? Rõ ràng là không thể. Ví dụ bạn sinh ra ở đâu, cả đời, đó chính là nơi đó, điều này không thể thay đổi. Những việc đã qua, không ai có thể thay đổi được, nên Khổng Tử nói quá khứ cứ để nó qua đi, đừng tính toán nữa, hối tiếc cũng vô ích, quan trọng nhất là tương lai. Nhưng tương lai không thể đoán được, không phải vấn đề biến hay không biến. Còn hiện tại thì sao? Hiện tại là biến hay không biến? Câu trả lời chỉ có một, có cái biến, có cái không biến. Nhiều người thấy học thuyết về biến rất phức tạp, thực ra cũng chẳng có gì, chúng ta chỉ có thể nắm bắt hiện tại, nhưng hiện tại lại là phiền phức nhất, vì hiện tại có thể biến có thể không biến, vừa biến vừa không biến, biến cũng bị mắng, không biến cũng bị mắng, biến cũng chết, không biến cũng chết. Thử thách lớn nhất của đời người chính là hiện tại.

> Hiện tại chính là điểm giao nhau của quá khứ và tương lai. Mọi thứ trong quá khứ đã không thể thay đổi, nhưng mọi thứ trong tương lai vẫn đang trong quá trình biến đổi vạn hóa. Vì vậy người ta thường nói "thế sự vô thường", cảm thấy tương lai rất khó nắm bắt. Vậy liệu Kinh Dịch có thể giúp chúng ta nhìn thấy rõ thế giới tương lai đang biến đổi khôn lường này không?

Nhiều người đều nói "thế sự vô thường". Thực ra, làm sao thế sự lại vô thường được? Bất kỳ sự việc nào cũng có mạch lạc nhất định, có quy tắc nhất định, có thể suy luận được. Nếu ngay cả lý cũng không thông, con người làm sao sống nổi. Ít nhất bạn biết rằng, trưa nay bạn có cơm ăn, tối về nhà, giường của bạn vẫn ở đó. Nếu không thì bạn làm việc gì bên ngoài cũng không yên tâm. Chúng ta có thể yên tâm là vì biết có

những thứ sẽ không thay đổi. Trẻ con yên tâm điều gì? Chính là biết bố mẹ mình sẽ không thay đổi. Nếu trẻ về nhà, phát hiện ngay cả bố mẹ cũng thay đổi, nó sẽ không biết phải làm sao.

Vì vậy, chúng ta đừng tin rằng "tất cả đều đang thay đổi, chỉ có thay đổi là không thay đổi", những lời này nghe có vẻ hay nhưng không hoàn toàn đúng. Nhà cửa không thay đổi, nếu không bạn sẽ không ổn định; thế đạo không thay đổi, nếu không người ta còn nỗ lực làm gì? Nhân sự dù thay đổi nhưng giang sơn vẫn còn đó. Tuy luôn thay đổi nhưng vẫn có những thứ bất biến tồn tại. Hiện nay chúng ta bận rộn đối phó với những thay đổi này, khiến bản thân căng thẳng, bận rộn, cuối cùng chẳng thu được gì. Một người, khi nhìn thấy sự thay đổi, phải nắm bắt quy luật bất biến đằng sau nó, đó chính là quy luật tự nhiên.

Mặt trời chắc chắn mọc ở phương Đông, đây là quy luật tự nhiên chúng ta đều biết, không ai có thể thay đổi được, dù bạn có sáng tạo thế nào cũng vô ích; mặt trời chắc chắn lặn ở phương Tây, dù dùng bom nguyên tử cũng không ngăn được. Sức mạnh của con người rất vĩ đại, nhưng cũng có giới hạn. Khi chúng ta nhìn thấy sự thay đổi, đừng cứ xoay vòng trong những thay đổi đó, mà phải học cách nắm bắt cái “bất biến”. Con người bây giờ, đáng thương ở chỗ cứ xoay vòng trong những thay đổi.

Thái Cực (xem hình 7-4) chính là vạn sự vạn vật, vạn sự vạn vật đều là Thái Cực. Thái Cực có âm ắt có dương, âm là “bất biến”, chúng ta gọi là “thường hằng”, trong triết học gọi là “bản thể”; dương là “biến dịch”, tức là “phi thường”, trong triết học gọi là “hiện tượng” (xem hình 7-5).



图7-4



图7-5

Hình 7-5: Bên trái Âm (Bất dịch, Thường hằng, Bản thể, Vĩnh viễn bất biến)
Bên phải Dương (Biến dịch, Phi thường, Hiện tượng, Tức tức vạn biến)

“Bản thể” không bao giờ thay đổi, “hiện tượng” thì biến đổi từng giây. Nhưng con người thường chỉ tin vào mắt mình, chỉ tin vào những gì mình nhìn thấy, nhưng những thứ chúng ta nhìn thấy không có thứ gì là không thay đổi, hơn nữa mắt chỉ có thể nhìn thấy rất hạn chế, rất nhiều thứ chúng ta không thể nhìn thấy, vậy làm sao chúng ta có thể phủ nhận những thứ mắt không nhìn thấy được?

Những gì chúng ta nhìn thấy đều là giả tượng, chân tướng thì không bao giờ nhìn thấy được. Giả tượng chính là những thứ biến đổi qua lại, còn chân tướng là bản thể, là thực chất, nó ẩn chứa bên trong sự vật. Vì vậy Thái Cực chính là có biến có bất biến. Có người hiểu Thái Cực là một phần biến, một phần không biến, thực ra không phải vậy. Trong Thái Cực, biến và bất biến tồn tại đồng thời, bạn thấy nó biến, nó dường như không biến, bạn thấy nó không biến, dường như nó lại đang biến. Trong biến có bất biến, trong bất biến có biến, mới gọi là "dương trung hữu âm, âm trung hữu dương" (trong dương có âm, trong âm có dương). Một cái bàn, nhìn bề mặt có vẻ phẳng, nhưng nếu phóng to lên sẽ thấy nó cũng lồi lõm. Trên thế giới không có thứ gì là phẳng cả, đường thẳng cũng chỉ là khái niệm ảo.

Vì vậy từ nay trở đi, nhìn bất kỳ việc gì, đều phải xem nó như một Thái Cực. Trong Thái Cực là "diệc âm diệc dương" (vừa âm vừa dương), bởi vì âm dương không thể tách rời. Nhưng hiện nay trong đầu chúng ta luôn có ý niệm tách rời, tốt xấu, thiện ác luôn thích tách ra để xem, như vậy là hỏng rồi. Chúng ta phải hiểu rằng, sự việc là "vừa tốt vừa xấu", con người cũng là "vừa thiện vừa ác" - có lúc biến thành thiện, có lúc lại biến thành ác. Chúng ta không thể tìm thấy một người hoàn toàn thiện, vì người như vậy không thể sống được; chúng ta cũng không thể tìm thấy một người hoàn toàn ác, vì người khác không thể dung nạp họ. Vì vậy nói rằng, thuần thiện không thể giữ được mình, thuần ác thì người khác không thể dung nạp.

"Đạo Đức Kinh" mở đầu bằng sáu chữ: "Đạo khả đạo phi thường đạo" (Đạo mà có thể nói ra được không phải là đạo thường hằng). Nó cho chúng ta biết, vũ trụ có hai đạo, một gọi là "thường đạo", một gọi là "phi thường đạo". "Thường đạo" là không thể nói ra được, những gì bạn nói ra được, đều không phải là "thường đạo", mà chỉ là "phi thường đạo" mà thôi.

> Kinh Dịch là nguồn gốc tư tưởng triết học Trung Quốc, dù là Khổng Tử đại diện cho Nho gia, hay Lão Tử đại diện cho Đạo gia, lý thuyết triết học của họ đều bắt nguồn từ Kinh Dịch. Hiểu được Kinh Dịch, sẽ hiểu được đạo lý "Nho Đạo tương tế" (Nho và Đạo bổ sung cho nhau). Lão Tử cho rằng, tất cả những đạo lý có thể nói ra được đều là phi thường đạo, vậy thường đạo đó, rốt cuộc chỉ cái gì?
>
> Dùng ngôn ngữ khoa học ngày nay để nói, "thường đạo" gọi là vũ trụ tuyệt đối. Vũ trụ tuyệt đối tròn, tròn đại diện cho viên mãn (ndlr: "Viên" (圓/圆) trong tiếng Hán có nghĩa là tròn), là trạng thái lý tưởng. Nhưng khi mặt trăng tròn đầy trong khoảnh khắc đó, chúng ta biết nó sắp bắt đầu khuyết. Con người cầu viên mãn, thực ra là khó với chính mình. Nhưng con người lại không thể không cầu viên mãn. Vì vậy Khổng Tử mới nói: "Thủ pháp hồ thượng, đắc hồ trung" (Học theo cái cao nhất, đạt được cái trung). Nghĩa là con người phải có lý tưởng, không thể từ bỏ, phải nỗ lực hết sức để làm, đó chính là tận nhân sự, nghe thiên mệnh. Nếu chúng ta không hiểu Kinh Dịch, rất khó hiểu được lời Khổng Tử.

Vũ trụ tuyệt đối chính là cái "bất biến" trong Kinh Dịch nói đến, nó không có chút thay đổi nào, vĩnh viễn ở trạng thái tuyệt đối viên mãn, tuyệt đối tự do, tuyệt đối bình đẳng, tuyệt đối quang minh. Nhưng trạng thái đó khiến chúng ta rất khó chấp nhận. Bởi vì tuyệt đối bình đẳng nghĩa là không phân biệt ta người. Giống như một số tiền đặt ở đây, bạn có lấy không? Điều này xem bạn có quan niệm "phân" hay không. Nếu tiền này ở trong tay ai, kết quả cuối cùng cũng như nhau, bạn sẽ không lấy; nếu bạn giơ tay lấy, chứng tỏ thứ này là có thể chia, bạn chiếm làm của riêng, người khác sẽ không lấy được. Con người giơ tay lấy đồ, là vì biết thứ này có thể chia. Không ai đi cướp mặt trăng, vì đó là thứ không thể sở hữu riêng. Chỉ trong trạng thái tuyệt đối mới có thứ công hữu 100%. Vì vậy, một khi chúng ta sinh ra làm người, rơi xuống trái đất này, nhất định phải giác ngộ: chúng ta chỉ có thể đạt được tự do tương đối, bình đẳng tương đối, chỉ có thể hưởng thụ ánh sáng tương đối, nhất định sẽ có mặt tối tồn tại.

Plato có quốc gia lý tưởng của ông, Đào Uyên Minh có Đào Nguyên của ông, nhưng đều là không thể thực hiện được. Hiện nay, chúng ta đưa ra khái niệm Shangri-La, là thiên đường nhân gian. Shangri-La ở đâu? Câu trả lời thực ra rất tàn nhẫn, Shangri-La ở nơi con người chưa từng đến. Bởi vì chỉ cần con người đến, nơi đó sẽ bị phá hoại, không còn là Shangri-La nữa. Con người là gì? Kẻ phá hoại Shangri-La gọi là con người. Đây là bất hạnh của loài người. Rất nhiều quốc gia trên thế giới đều mở một Shangri-La, qua một thời gian lại bị phá hoại. Bây giờ Shangri-La chạy đến Trung Quốc, nhưng chúng ta rất lo lắng nó có thể giữ được bao lâu.

Hiện nay chúng ta đều muốn theo đuổi tự do tuyệt đối, thực ra tự do tuyệt đối chỉ có trong một trường hợp mới có, đó là sau khi con người chết. Con người sau khi chết mới có tự do tuyệt đối, mới có bình đẳng tuyệt đối. Con người bị những danh từ kỳ lạ này trói buộc đầu óc, mù quáng đuổi theo những thứ hoàn toàn không thể có và không tồn tại, như vậy chẳng phải rất oan uổng sao?

Trên thế giới có biến thì có bất biến, chúng tồn tại đồng thời, không thể tách rời. Hơn nữa trong biến đã chứa bất biến, trong bất biến đã chứa biến. Đây chính là ý nghĩa của biến dịch và bất biến trong Kinh Dịch.

Có một câu nói nhiều người không tin, thậm chí nghe xong sẽ rất giận dữ: Trí tuệ cao nhất của nhân loại chính là dùng bất biến ứng vạn biến. Bất biến là nguyên tắc, vạn biến là hiện tượng, chúng ta phải dùng nguyên tắc bất biến để ứng phó với hiện tượng vạn biến. Một người bên trong nhất định phải có nguyên tắc, và phải kiên trì, nhưng bên ngoài phải mài thành tròn, mới có cách để thỏa hiệp với người khác, cuối cùng đạt được phương án mà mọi người có thể chấp nhận. Người trong ngoài đều tròn là tiểu nhân, vì họ hoàn toàn không có lý tưởng, không có mục tiêu, chỉ vì lợi, có lỗ hổng là chui, loại người này là đáng xấu hổ. Trong ngoài đều vuông cũng không tốt, trong tròn ngoài vuông càng không tốt, ngoài tròn trong vuông mới là đáng quý. Có câu nói rất quan trọng: có thể thỏa hiệp nhưng không thể từ bỏ lập trường, đó mới gọi là “viên thông”.

Vì vậy chúng ta rút ra một kết luận: đứng trên lập trường bất biến để biến, mới không bị loạn.

Người Trung Quốc, “có” và “không” hợp lại, muốn và không muốn hợp lại, tốt và không tốt hợp lại, thiện và ác hợp lại, đều là không thể tách, một khi tách ra là xong. Chúng ta đừng cho rằng người như vậy là hồ đồ, vô trách nhiệm. Trong xã hội Trung Quốc, lập trường quá rõ ràng, sẽ không được sự ủng hộ của quần chúng. Chúng ta rõ ràng không thích, cũng nói "tốt" "không sao", rồi sau đó từ từ nghĩ cách phủ định từng cái một, tuyệt đối không phủ định toàn bộ ngay từ đầu.

Nhiều người ngay thẳng đều cho rằng, trong lòng nghĩ gì miệng nói nấy mới đúng, nhưng khi chúng ta hiểu được đạo lý của Kinh Dịch, sẽ hiểu thế nào là “mơ hồ” bề ngoài, “rõ ràng” trong lòng. Nhưng xã hội hiện đại phát triển thay đổi rất nhanh, chúng ta rốt cuộc có nên thay đổi hay không, và nên thay đổi thế nào?

Rốt cuộc nên thay đổi thế nào? Đây là vấn đề khó khăn mà người Trung Quốc phải đối mặt cả đời. Chúng ta đưa ra ba nguyên tắc, theo ba nguyên tắc này mà làm, bạn sẽ đối phó được rất ổn thỏa.

Nguyên tắc thứ nhất, gọi là "quyền bất ly kinh" (quyền lực không tách rời nguyên lý). “Quyền” là ý nghĩa quyền biến, “kinh” là quy tắc thường hằng, không thể thay đổi. Dù thay đổi thế nào cũng không thể vượt qua quy tắc này, phải có nguyên tắc mà ứng biến, không thể không có nguyên tắc mà thay đổi lung tung. Một người nếu thay đổi lung tung, thay đổi đến mức không còn nguyên tắc, người khác sẽ ghét bỏ bạn; một người nếu cứng nhắc giữ nguyên tắc, không biết biến thông, thì ai cũng sợ bạn. Như vậy chúng ta mới biết, người Trung Quốc nói "ngoài tròn trong vuông" là rất có đạo lý, dù thay đổi thế nào, quy tắc không thể thay đổi. Chúng ta dùng từ hiện đại để nói, mỗi người đều có thể biến thông, nhưng không thể biến quá đáng, như vậy gọi là “quyền bất ly kinh”. Mỗi sự thay đổi đều phải xem nó hợp lý hay không. Hợp lý là tiêu chuẩn kiểm nghiệm, bạn thay đổi hợp lý, chúng tôi đồng ý, bạn thay đổi không hợp lý, chúng tôi lắc đầu.

Nguyên tắc thứ hai, gọi là "quyền bất tổn nhân". Tất cả quyền biến không được làm tổn hại người khác, việc hại người không lợi mình không gọi là biến thông. Làm cho người đã có lợi ích bị tổn thương lớn là không công bằng, bị phản kháng cũng là hợp lý. Bất kỳ ai cũng không thể dựa vào việc mình có quyền mà muốn thay đổi thế nào thì thay đổi, thái độ này là điều mọi người không thể chấp nhận.

Chúng ta xem một trường hợp thực tế. Một công ty có cô Chu, cô ấy ở đơn vị A, muốn chuyển đến đơn vị B cùng công ty. Phòng nhân sự trước tiên xin ý kiến cấp trên trực tiếp của cô Chu, cấp trên nói: "Không vấn đề gì, tôi tôn trọng sự lựa chọn của cô ấy, chúng ta đều là một công ty, không sao cả." Phòng nhân sự lại đi xin ý kiến giám đốc đơn vị B, giám đốc đơn vị B cũng nói: "Không vấn đề gì, chúng tôi hoan nghênh." Sau đó, tổng giám đốc phê duyệt, lệnh điều chuyển được ban hành, có hiệu lực.

Đây vốn là việc rất đơn giản. Nhưng sau khi lệnh điều chuyển được ban hành, giám đốc đơn vị B lại nói với phòng nhân sự không thể tiếp nhận cô Chu. Nhân viên phòng nhân sự nói: "Anh không thể như vậy, tôi đã xin ý kiến đồng ý của anh mới ký duyệt, bây giờ lệnh đã ban hành, sao anh lại nói không đồng ý?" Nhưng

giám đốc đơn vị B cứ nói: "Anh đừng hỏi tôi lý do, tôi không đồng ý là không đồng ý, nếu cô Chu thực sự muốn đến, tôi chỉ còn cách từ chức." Nhưng giám đốc đơn vị B này là một giám đốc rất giỏi, ép anh ta đi sẽ là tổn thất không nhỏ cho công ty.

Mọi người xem, việc này ai sai? Tôi không thấy ai sai cả. Chỉ là trong đó chắc chắn có một hệ thống, gọi là hệ thống Trình Giảo Kim, tức là vấn đề xuất hiện giữa chừng. Người nước ngoài làm việc, rất ít khi gặp hệ thống Trình Giảo Kim, nhưng ở Trung Quốc đâu đâu cũng có hệ thống Trình Giảo Kim, luôn có người đột nhiên xuất hiện. Tôi nói với nhân viên phòng nhân sự: "Chúng ta nghĩ vấn đề phải nghĩ thế này: Vị giám đốc đơn vị B này là một Thái Cực, có âm có dương, bình thường anh ta có giữ chữ tín không? Việc đã hứa có bao giờ nuốt lời không?" Nhân viên phòng nhân sự nói: "Anh ta bình thường rất giữ chữ tín, việc đã hứa không bao giờ nuốt lời." Tôi nói: "Vậy tốt rồi, vậy lần này chắc chắn là ngoại lệ, trong đó nhất định có nỗi khổ anh ta không nói ra được. Theo phán đoán của tôi rất có thể là vợ anh giám đốc không đồng ý, chứ không phải bản thân anh ta không đồng ý." Nhân viên phòng nhân sự đi hỏi giám đốc có phải vợ anh không đồng ý không. Vị giám đốc này rất ngạc nhiên, nói: "Sao anh biết?" Mọi người xem, tôi đoán một cái là đúng. Có người nói đọc Kinh Dịch sẽ tính được, thực ra không phải biết tính, mà là biết suy luận mà thôi.

Nhân viên phòng nhân sự bèn hỏi giám đốc: "Tại sao vợ anh không cho cô Chu đến?" Giám đốc nói: "Vợ tôi không có ý kiến gì với cô Chu, cô ấy thậm chí không biết cô Chu, mà là ba năm trước khi tôi được thăng chức giám đốc, vợ tôi đã nói với tôi, không cho phép nhân viên nữ chưa kết hôn chuyển đến đơn vị của tôi. Ba năm đã qua, tôi quên sạch rồi, không ngờ cô ấy vẫn còn nhớ."

Nhân viên phòng nhân sự gọi điện cho tôi, nói vấn đề quả nhiên là từ vợ anh ta, hỏi tôi nên làm thế nào. Tôi nói rất đơn giản, rồi phân tích cho anh ta có mấy con đường có thể đi: Thứ nhất, yêu cầu tổng giám đốc thu hồi lệnh, nhưng như vậy chắc chắn không được, tổng giám đốc sáng ra lệnh chiều thu hồi, uy tín trong toàn công ty sẽ mất hết. Thứ hai, ép giám đốc đơn vị B tiếp nhận cô Chu, nhưng như vậy sẽ đẩy đi một nhân tài giỏi, cũng không được. Vì hai con đường đều không thông, cách duy nhất là anh mang một giỏ hoa quả đến gặp vợ giám đốc đó, nói lúc đầu không biết có quy định này, nếu biết, chắc chắn đã không để cô Chu chuyển đến. Nhưng hiện nay, lệnh của tổng giám đốc đã ban hành, thu hồi ngay thì không được, nên tổng giám đốc đặc biệt bảo tôi đến nhờ chị giúp một việc, để lệnh điều chuyển duy trì hai tháng, hai tháng sau chúng tôi sẽ điều cô Chu đi. Tổng giám đốc nhờ tôi nhờ chị, trong hai tháng này trông chừng chồng chị, đừng để xảy ra chuyện gì.

Nhân viên nhân sự làm theo lời tôi, kết quả vợ giám đốc nói: "Việc này có thể thương lượng." Bạn cho người ta một khoảng linh hoạt, để người ta có chỗ xoay sở, mới dễ thương lượng.

Hai tháng sau, nhân viên phòng nhân sự lại đi hỏi vợ giám đốc, có cần điều cô Chu đi không, vợ giám đốc nói: "Không cần, hai tháng này cũng không sao cả, để cô Chu ở lại đi." Một việc khó khăn như vậy, đã được

giải quyết một cách nhẹ nhàng. Đây không phải là giải quyết, mà là "hóa giải". Kinh Dịch nói về "hóa", người Trung Quốc là việc lớn hóa nhỏ, việc nhỏ hóa không, cuối cùng không còn việc gì nữa.

> Kinh Dịch từng được gọi là Kinh Biến, bởi vì vũ trụ vạn vật đều trong biến hóa, Kinh Dịch biểu thị quy luật của sự biến hóa. Mà biến hóa có ba nguyên tắc, thứ nhất là "quyền bất ly kinh", thứ hai là "quyền bất tổn nhân", vậy nguyên tắc thứ ba là gì? Và những nguyên tắc và đạo lý biến hóa này, đối với người hiện đại chúng ta có ý nghĩa thực tế gì?

Nguyên tắc thứ ba, gọi là "quyền bất đa dụng" (Quyền lực không nên lạm dụng). Thường xuyên thay đổi, chứng tỏ ban đầu rất không chín chắn, chứng tỏ quy tắc của bạn có vấn đề, nếu không tại sao phải thường xuyên thay đổi? Ví dụ mặc quần áo, một người sau khi thử nghiệm một thời gian, biết mình mặc kiểu nào phù hợp nhất, cứ mặc kiểu đó là được, nếu lúc mặc thế này, lúc mặc thế kia, chứng tỏ anh ta mặc kiểu nào cũng không phù hợp. Căn bệnh lớn nhất của chúng ta ngày nay là "thích cầu mới cầu biến" (Muốn thay đổi thì phải mong muốn thay đổi). Phải nhớ rằng, biến có 80% là sai lầm, trong thiên hạ, những việc không như ý là chín phần mười. Chúng ta vất vả mới tìm được một quy tắc, đừng thay đổi lung tung, nhưng ngày nay chúng ta phần lớn đều thay đổi lung tung. Thiết kế vòi nước, vặn thuận chiều là được rồi, nhưng họ cứ không, lúc thì dùng ấn, lúc thì dùng kéo, đủ kiểu đủ dạng, kỳ lạ đủ đường. Kết quả, đi ở khách sạn sẽ thấy, vòi nước vặn không ra nước, ấn cũng không ra nước, kéo cũng không ra nước, bạn tức giận đá một cái, nước lại phun ra, làm cho bạn ướt hết người, đây là thiết kế gì chứ?

Người Trung Quốc thiết kế nhà, đều thiết kế bên trong trước, làm cho mỗi phòng đều vuông vức ngay ngắn, sau đó mới thiết kế bên ngoài. Phong thủy là thứ rất khoa học, không liên quan gì đến mê tín. Cùng một thứ, người không hiểu thì cho là mê tín, người hiểu thì nói đạo lý, là dựa theo đạo lý khoa học.

Có thông lệ ắt có ngoại lệ, điểm này chúng ta thừa nhận. Nhưng ngoại lệ nhiều hơn thông lệ thì không đúng. Ngoại lệ ít hơn, thông lệ nhiều hơn, thường xuyên làm thế này, thỉnh thoảng làm thế kia, như vậy mới hợp lý.

"Thích cầu mới cầu biến" (Muốn thay đổi thì phải mong muốn thay đổi) còn có một vấn đề rất lớn, là khiến người ta cảm thấy, mới là tốt, cũ là xấu, đây là quan niệm đáng sợ nhất. Tại sao mới lại là tốt? Thực tế, cái mới thường không bằng cái cũ. Bạn thấy chúng ta bây giờ rất nhớ những thứ trước đây, chính là vì những thứ trước đây đơn giản dễ hiểu. Chúng ta phải nói rõ, cầu mới, cầu biến, bản thân không sai, mà là con người làm sai, cho rằng mới nhất định tốt hơn cũ, đây là sai lầm. Bạn cho rằng cái cũ dù tốt đến đâu cũng phải thay đổi, đó gọi là thích mới ghét cũ. Một người nếu thích mới ghét cũ, thì người này không còn hy vọng gì nữa, sớm muộn ngay cả vợ mình cũng muốn đổi.

Lão Tử nói: "Bất tri thường, vọng tác, hung" (Không biết thường hằng, làm càn, hung họa). Một người không biết quy tắc thông thường, bắt đầu thay đổi lung tung, kết quả cuối cùng chỉ có một chữ - "hung". Người cứ thay đổi lung tung, thay đổi đến cuối cùng, bản thân không còn chỗ đứng, đây là điều đáng sợ biết bao.

Một người, hiếu với cha mẹ có thể thay đổi không? Tín với bạn bè có thể thay đổi không? Đây là không thể thay đổi, nếu thay đổi, cảm giác tin tưởng giữa người thân bạn bè sẽ không còn, sẽ sinh ra cảm giác xa cách. Giữa người với người vốn không có cảm giác xa cách, chính là do con người từng chút một tạo nên.

Vì vậy, chúng ta nhất định phải nhớ ba nguyên tắc này:

Thứ nhất, "quyền bất ly kinh". Tất cả thay đổi không thể rời xa quy tắc.

Thứ hai, "quyền bất tổn nhân". Tất cả thay đổi không được làm tổn hại quyền lợi của người khác.

Thứ ba, "quyền bất đa dụng". Thỉnh thoảng dùng, mọi người không có ý kiến; thường xuyên dùng, chứng tỏ quy tắc của bạn cần phải sửa đổi. Một người, nếu thay đổi đến mức ngay cả gốc rễ cũng thay đổi, đó là điều đáng sợ nhất.

Nói đến đây, tôi nghĩ trong lòng mọi người đều có một câu hỏi, đó là Kinh Dịch rốt cuộc có thể bói toán không. Đây là vấn đề không thể tránh, bởi vì Kinh Dịch vốn là một quyển sách có thể bói toán, chúng ta phải đối mặt với vấn đề này, trốn tránh không phải là cách. Vì vậy tiếp theo chúng ta sẽ bàn về: Tại sao Khổng Tử nói "bất chiêm" (không bói)?

Chương 8: Thiện Dịch Bất Bốc

(Người giỏi Dịch thì không bói)

> Bốn chức năng chính của Kinh Dịch là "tượng, số, lý, chiêm/bốc". Tượng là gì? Thiên văn, địa lý đều là tượng. Còn số trong Kinh Dịch không phải là con số cố định như người ta thường nói, mà là số linh hoạt. Còn lý là gì? Lý chính là suy luận, nó gần với khoa học nhất. Vậy bói toán có phải là mê tín không?
>
> Giáo sư Tăng Sĩ Cường chỉ ra rằng, bất kể tin vào điều gì, tin đến mức vừa phải là được, tin quá mức sẽ thành mê tín. Từ xưa đến nay, Kinh Dịch vẫn được coi là một cuốn sách bói toán, nhưng tại sao việc dự đoán tương lai thông qua bói toán có khi linh nghiệm, có khi không? Chúng ta nên hiểu đúng vai trò của bói toán như thế nào?

Kinh Dịch có bốn chức năng là "tượng, số, lý, bốc" - điều này không ai phủ nhận được.

Chức năng đầu tiên là **tượng**. Người Trung Quốc rất thích xem tượng là có lý do, bởi vì thiên văn, địa lý đều là tượng. Thiên văn là tượng của trời, địa lý là tượng của đất. Xem thiên văn, xem địa lý đều là xem tượng. Trời có thiên văn, đất có địa lý, tương tự con người cũng có tướng mạo, và tướng mạo này không thể giả được. Bởi vì tướng mạo của con người do tâm quyết định, tâm quyết định sự chuyển biến của tướng, gọi là "tướng tùy tâm chuyển". **Khi tâm thay đổi, tướng mạo của con người cũng sẽ thay đổi theo tâm**, vì vậy tướng mạo con người luôn thay đổi từng giây từng phút.

Đừng nghĩ rằng khi thè lưỡi ra nhất định nó sẽ thẳng. Bạn có thể soi gương và thè lưỡi ra xem, nếu thè được thẳng đã là tốt rồi. Nhiều người khi thè lưỡi ra, hoặc lệch trái hoặc lệch phải, những người có lưỡi thè ra bị lệch như vậy, tâm của họ đã không ngay thẳng, họ đã thay đổi, phải tự mình điều chỉnh, không thể nhờ bác sĩ được. Bạn phải uốn nắn tâm mình, điều chỉnh nó. Việc uốn nắn tâm rất quan trọng, khi tâm ngay thẳng, ngũ quan cũng sẽ ngay thẳng. Từ đó bạn sẽ hiểu, xem tướng không phải là mê tín; người không biết xem tướng nói bừa, hoặc người biết một chút về xem tướng dùng nó để lừa tiền lừa tình, đó mới gọi là mê tín. Khái niệm này mọi người cần phải hiểu rõ.

Chức năng thứ hai là **số**. Số trong Kinh Dịch không phải là toán học. Toán học là cố định, số trong Kinh Dịch là linh hoạt. Nếu nói mọi thứ đều có "định số", đa số người nghe sẽ rất phản cảm, họ sẽ nói đó là thuyết định mệnh, thực ra là sai. Định số chỉ kết quả cuối cùng. Ví dụ, thi cuối cùng chỉ được 60 điểm, con số 60 đó là định số, điểm số giáo viên cho là đã định rồi, ai cũng không thể thay đổi. Vì vậy định số là kết quả, không phải là quá trình. Làm sao quá trình có thể định được? Bất kỳ quá trình nào cũng đều biến đổi. Trải qua một học kỳ học tập, cộng trừ, tổng điểm đạt là kết quả cuối cùng, không đạt cũng là kết quả cuối cùng. Cho nên nói, định số là nói về kết quả cuối cùng, không phải nói về quá trình.

Chức năng thứ ba là **lý**. Lý trong Kinh Dịch là suy luận, thực ra nó gần với khoa học nhất. Một người theo lý mà suy luận, có thể biết trước điều chưa xảy ra mà không cần phải bói toán. Bởi vì cái "lý" đó là cố định, nên làm theo lý thì kết quả cũng phải cố định, điều này không có gì thần kỳ, mà là lẽ đương nhiên, là điều tất

yếu. Tình thế đến đây, kết quả nhất định sẽ như vậy; thuận theo đạo lý mà đi, cuối cùng sẽ như vậy. Đây là việc rất dễ, không khó.

Chức năng thứ tư là **chiêm bói**. Trong Kinh Dịch có rất nhiều từ “cát”, “hung”, đó là ngôn ngữ của bói toán, bạn có thể bói ra "cát", cũng có thể bói ra "hung". Vì vậy nhiều người cho rằng Kinh Dịch chủ trương thuyết định mệnh, thực ra họ đều sai. Kinh Dịch không chủ trương thuyết định mệnh, trong đó từ được dùng nhiều nhất là "như". "Như" có nghĩa là giả như, nếu như: nếu như thế này, bạn sẽ thế nào; nếu như thế kia, bạn sẽ thế nào. “Cát hung” trong Kinh Dịch là có điều kiện, có thể thay đổi. Người biết bói toán sẽ không đoán một cách khẳng định, những ai đoán khẳng định đều là người không giỏi bói toán, nhưng hiện nay chúng ta lại thích những người đoán khẳng định như vậy. Bởi vì khi bói toán họ tạo ra vẻ thần bí, rồi đoán khẳng định kết quả sẽ như thế này thế kia, là có thể thu tiền rồi. Nhưng nếu bạn theo đạo lý Kinh Dịch mà nói, nếu làm thế này kết quả sẽ cát, nếu làm thế kia kết quả sẽ hung, mọi người sẽ cho rằng bạn chỉ đang nói đạo lý mà thôi, ai còn muốn trả tiền nữa? Đây chính là quan niệm sai lầm của người đời.

> Cổ nhân có câu: "Bất học Thi bất khả ngữ, bất học Dịch bất khả bốc" - Không học Kinh Thi thì không biết cách nói chuyện, không học Kinh Dịch thì không biết cách bói toán. Từ xưa đến nay, Kinh Dịch vẫn được định vị là một cuốn sách bói toán, vì người ta mù quáng tin vào bói toán, Kinh Dịch không chỉ bị phủ một lớp màu thần bí, mà còn mang tiếng xấu là mê tín phong kiến. Vậy tại sao Kinh Dịch lại trở thành một cuốn sách bói toán?

Chúng ta hãy nhìn lại lịch sử, vào thời đại Hạ, Thương, Chu, khi trí tuệ con người chưa phát triển, Kinh Dịch được dùng để bói toán là điều rất tự nhiên. Tuy nhiên, bói toán thời đó có điều kiện.

Thứ nhất, chỉ được bói về đại sự quốc gia. Bói về việc quốc gia có nên đánh trận không, năm nay có phong điều vũ thuận không, có thái bình thịnh trị không, sẽ có biến cố gì không, những việc này được phép bói. Nhưng không được bói xem cổ phiếu này có kiếm được tiền không, không được bói về lợi ích cá nhân.

Thứ hai, khi không có cách quyết định thì mới được bói. Thời xưa, khi các đại thần đã suy nghĩ kỹ càng, nghĩ hết mọi cách mà vẫn không thể quyết định được, lúc đó mới được bói. Nếu đã có ý định rõ ràng và hướng quyết định, thì không được phép bói.

Thứ ba, sau khi bói xong không nhất thiết phải nghe theo. Nếu sau khi bói xong, hoàn toàn tin 100% vào kết quả bói toán, thì đó chính là thuyết định mệnh.

Khương Tử Nha là quân sư giúp nhà Chu lập quốc, khi đó Võ Vương muốn đánh Trụ, do dự không quyết, bèn đi bói, kết quả bói được một quẻ không tốt. Khương Tử Nha khuyên Võ Vương không nên tin vào quẻ đó, bởi vì toàn bộ tình thế đều có lợi cho Tây Chu, không thể vì kết quả bói toán mà đánh mất cơ hội tốt. Cuối cùng Chu Võ Vương xuất binh, quả nhiên diệt được Thương Trụ, lập nên nhà Chu. Thời đại của Khương Tử Nha cách chúng ta đã ba nghìn năm, khi đó ông đã nói, bói toán dùng cỏ thi, dùng mai rùa, con người

không dựa vào bộ óc của mình để suy nghĩ, mà lại đi tin vào những mai rùa và cỏ thi này, chẳng phải rất kỳ lạ sao? Khương Tử Nha khi đó đã hiểu rõ đạo lý này.

Khi nhà Tần đốt hầu hết sách vở, chúng ta rất may mắn là Kinh Dịch không bị đốt. Tại sao? Bởi vì có người nói với Tần Thủy Hoàng rằng, Kinh Dịch không nên đốt, vì nó là sách bói toán, để cho dân chúng dùng cũng không sao, cần gì phải đốt? Tần Thủy Hoàng bèn nói, đã là sách vô dụng thì không cần đốt. Chính vì Kinh Dịch thoát khỏi nạn đốt sách của nhà Tần, nên càng nhiều người tin rằng Kinh Dịch thật thần kỳ, có thể tính toán được việc mình có thể thoát khỏi nạn đốt sách. Đây là cách diễn giải của người đời sau, lưu truyền rộng rãi trong dân gian, nhưng chúng tôi khuyên mọi người đừng tin những điều này.

Sau thời Hán, Kinh Dịch chia thành hai phái. Một phái giảng Dịch lý, tức là triết học hóa Kinh Dịch, xem Kinh Dịch như một triết học, chúng ta có thể gọi nó là triết học tự nhiên, bởi vì đối tượng nó học hỏi chính là tự nhiên, là đạo lý rút ra từ tự nhiên. Phái còn lại giảng về Tượng số, chuyên về tính quẻ hoặc bốc phệ.

> Trong lịch sử Trung Quốc, ghi chép rất nhiều câu chuyện về bói toán, dù là đế vương tướng tá hay thứ dân bách tính, gặp việc đều thích bói một quẻ, nhưng quẻ bói có khi linh, có khi không linh. Đã vậy tại sao người ta vẫn cứ bói? Mục đích thực sự của bói toán là gì?

Mục đích của bói toán là gì? Đa số người đều nói, bói toán là để biết kết quả, như vậy là hoàn toàn sai.

Một người làm việc, không thể hỏi kết quả thế nào rồi mới làm. Một người đàn ông muốn cưới vợ, có thể nghĩ trước là cưới cô ấy sẽ được ba triệu tài sản của nhà vợ không? Không được, tuyệt đối không được có ý nghĩ này! Có thể nghĩ đến việc cưới cô ấy vì tương lai cô ấy sẽ giúp bạn thành công không? Cũng không được. Những động cơ này đều không đúng.

Một người không thể vì kết quả mới làm việc, bởi vì một khi hỏi về kết quả, động cơ làm việc sẽ không thuần khiết nữa. Việc một người nên làm, dù không kiếm được tiền cũng phải làm, như vậy mới đúng. Nếu chỉ vì có lợi mới làm, thì đã là tiểu nhân rồi. Từ điểm này phân tích, chúng ta biết được rất nhiều quan niệm trong xã hội hiện nay thực ra không phù hợp với đạo lý của Kinh Dịch, cũng chính là không phù hợp với đạo lý tự nhiên.

Một cái cây, nó có thể lớn thì cứ lớn, chưa từng nghĩ đến khi lớn lên sẽ thế nào. Nếu cây nghĩ đến khi lớn lên sẽ thế nào, thì nó thà không lớn còn hơn, bởi vì lớn lên chắc chắn sẽ bị chặt. Bất kỳ ai nếu nghĩ đến kết quả, thì đừng làm gì cả, bởi vì kết quả của đời người là như nhau, rất bình đẳng, chỉ là một cỗ quan tài mà thôi. Chúng ta vừa sinh ra, đã có một mục tiêu chung - từng bước từng bước đi về cái chết. Đời người chính là quá trình từng bước từng bước đi về cái chết, có ngoại lệ không? Có vẻ không. Nếu bạn nghĩ xa quá, nghĩ đến cuối cùng đều là chết, thì đừng làm gì cả. Thế này cũng chết, thế kia cũng chết, thà chết ngay bây giờ cho xong, quan niệm này rõ ràng là không đúng.

Người Trung Quốc chúng tôi không lấy thành bại luận anh hùng, ví dụ điển hình nhất là Quan Công. Quan Công không thành công, nhưng chúng tôi vẫn thờ ông. Người Trung Quốc chúng tôi sùng bái kiểu người nào? Sùng bái những người làm việc có giá trị. Quan Công đã tạo nên một tấm gương về trung nghĩa cho chúng ta, chúng ta thờ Quan Công là thờ lòng trung nghĩa của ông, không phải thờ công lao hiển hách. Vì vậy, người biết thờ Quan Công là dùng lòng trung nghĩa của mình để tương tác với lòng trung nghĩa của Quan Công. Chúng ta chỉ mượn việc thờ Quan Công để khơi dậy lòng trung nghĩa của mình, để bản thân hướng theo con đường trung nghĩa mà nỗ lực.

Chúng tôi tôn trọng sự lựa chọn của mỗi người. Nhưng bất kể tin vào điều gì, tin đến mức vừa phải là được, tin quá mức sẽ thành mê tín. Mê tín là vấn đề về mức độ, không phải nói cái gì đó là mê tín. Dưới trời này làm gì có thứ gọi là mê tín? Con người tin quá mức độ thích hợp thì gọi là mê tín, tin đến mức vừa phải thì không gọi là mê tín.

Kinh Dịch chia tất cả sự việc trong vũ trụ thành 64 loại tình huống đại diện, đó chính là 64 quẻ. Khi bạn bói được một quẻ nào đó, sẽ biết mình đang ở trong tình huống nào, rồi tra cứu quẻ đó, nó sẽ nói cho bạn biết trong tình huống này cần chú ý điều gì, sau đó bạn cứ làm theo như vậy, cảnh giác được những điều cần cảnh giác, tất nhiên có thể theo lợi tránh hại. Vì vậy **Kinh Dịch là dùng để tra cứu, không phải để dự đoán kết quả.** Dùng bói toán để học từng quẻ là bình thường. Dùng bói toán để cho mình thêm lời tham khảo trong việc làm người làm việc cũng là hợp lý. Bói toán xong mà nghe theo tuyệt đối, thái độ này không đúng. Mục đích của bói toán không phải để nói cho bạn biết kết quả, mà là cho bạn một kết quả có thể xảy ra để tham khảo, hiểu và ứng dụng Kinh Dịch, như vậy mới là người hiểu bói toán.

> Trong Kinh Dịch có 64 quẻ, mỗi quẻ đều có thoán từ tương ứng, các học giả cho rằng, những lời quẻ này đều nói về đạo lý trị quốc, nuôi dân, còn những người dùng Kinh Dịch để xem bói thì nói, những thoán từ này chính là vận mệnh tương lai của bạn, vậy chúng ta nên hiểu những thoán từ này như thế nào?

Trong Kinh Dịch nhiều lần nhắc đến một câu: "Tự thiên hựu chi (tự trời giúp cho), cát vô bất lợi". Đa số người đều giải thích sai, cho rằng được sự phù hộ từ trên trời, nên làm việc gì cũng cát lành, đều có lợi.

Nói thực lòng, trời không phù hộ bất kỳ ai. Trời chính là tự nhiên, tự nhiên làm sao phù hộ được ai? Nếu nó phù hộ bên này, thì không thể phù hộ bên kia. Tự nhiên chính là bên này nên mưa thì mưa, bên kia nên hạn hán thì hạn hán, nó hoàn toàn không liên quan đến nhân từ hay không nhân từ. Nếu trời phù hộ bất kỳ ai, thì đó là thiên vị, là không công bằng. Trời là nên mưa thì mưa, nên nắng thì nắng, nên gió thì gió, không quan tâm bạn có phản ứng gì.

Đừng nghĩ rằng trời sẽ phù hộ bạn, tuyệt đối không có chuyện này. Chữ "tự" không phải là "đến từ" mà là chỉ "bản thân". Câu này có nghĩa là "bạn tự nỗ lực, trời sẽ giúp bạn", phải kết nối con người với trời. Tôi nghĩ đây cũng là cống hiến lớn nhất của Khổng Tử, chính là kết nối con người với trời, gọi là "thiên nhân hợp

nhất" (trời người hợp nhất). Trời chỉ giúp những người nên được giúp, không giúp những người không nên được giúp, đây gọi là quy luật tự nhiên. Trời tuyệt đối không phải vì bạn lễ bái nhiều mà phù hộ bạn, như vậy khác gì hối lộ? Nếu ngay cả trời cũng có thể bị lay động bởi một chút lễ vật, có thể được phù hộ chỉ vì lễ bái nhiều lần, vậy trời là gì? Chỉ là quan tham mà thôi! Vì vậy, trời sẽ không làm những việc như thế. Trời sẽ nói, bạn làm tốt, ta sẽ theo đạo lý tự nhiên mà giúp bạn; bạn không làm tốt, ta cũng sẽ theo đạo lý tự nhiên mà trừng phạt bạn, ta làm sao có thể có tư tâm?

Dưới trời chỉ có một đạo lý, gọi là luật tự nhiên. Người đi theo đạo lý tự nhiên, sẽ được "cát", không gì không lợi; không theo đạo lý tự nhiên mà đi, sớm muộn sẽ có hung có họa, đây là điều tất yếu. Vì vậy, nhiều sách giải thích "tự thiên hựu chi" là "được sự phù hộ từ trên trời" là không đúng. Trời dựa vào đâu mà phù hộ bạn? Trời không có tay không có chân, cũng không có miệng. Tự nhiên là sự tuần hoàn của các hiện tượng, một sự biến đổi, trong đó không có thần thánh. Bạn tự phấn đấu, tự đi đường chính, tự giữ quy củ, tự tuân theo đạo lý tự nhiên, trời sẽ ở bên cạnh giúp bạn. Đây không phải trời đối xử tốt với bạn, mà là đi theo quy luật tự nhiên. Giống như bạn lên chuyến tàu này, tự nhiên sẽ đến Thành Đô, bạn lên chuyến tàu kia, tự nhiên sẽ đến Tây An, đều là một đạo lý.

Chủ trương của Kinh Dịch rất rõ ràng: mỗi người đều phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về những việc mình làm. Ngày xưa trong đại gia đình, sinh nhiều con, theo thái độ của phụ huynh ngày nay đối với con cái, làm sao chăm sóc xuể? Thực ra nuôi một đứa trẻ rất khó, nhưng nuôi năm sáu đứa trẻ lại rất dễ. Bởi vì một đứa trẻ vừa bệnh, dường như là chuyện lớn lắm, nhưng nếu nuôi năm sáu đứa trẻ, rất kỳ lạ, tâm trạng lại khác, dường như, chết một hai đứa cũng không sao. Vì vậy, ngày xưa trẻ con có bệnh tật gì, người lớn sẽ nghĩ, trẻ con bị bệnh là chuyện bình thường, nghỉ ngơi vài ngày là khỏi. Bây giờ không phải vậy nữa, bây giờ nếu trẻ con vừa bệnh, cả nhà đều căng thẳng vô cùng, tâm thái này cũng không đúng. Con người nhất định phải trải qua những thử thách khác nhau, bệnh gì cũng phải từng trải, thì sẽ không sợ nữa, trăm bệnh thành thầy thuốc giỏi. Điều đáng sợ nhất chính là những người chưa từng bị bệnh, đó là nguy hiểm nhất, bởi vì một khi bệnh, sẽ không dậy nổi. Vì vậy, nhiều quan niệm cần phải tự mình điều chỉnh.

Người ta làm bất cứ việc gì, bản thân đều phải thận trọng, nếu không thận trọng, bản thân phải chịu hậu quả tương ứng. Bạn đi con đường này, kết quả nhất định như thế này; bạn đi con đường kia, kết quả nhất định như thế kia. Đây là tất yếu, là quy luật tự nhiên, từ xưa đến nay không có ngoại lệ. Trước mặt bạn luôn có hai con đường, đều do bạn tự chọn, nếu bạn muốn đi con đường này, thì đi về phía này, nếu bạn muốn đi con đường kia, thì đi về phía kia. Bất kể chọn thế nào, đi hết đoạn đường này, tiếp theo vẫn sẽ có hai sự lựa chọn, cứ thế tuần hoàn, không bao giờ có ngoại lệ.

> Khổng Tử sau khi đọc xong Kinh Dịch, khâm phục sâu sắc, ca ngợi hết lời, và viết "Thập Dực" cho Kinh Dịch, sau này được gọi là "Dịch Truyện", ảnh hưởng sâu rộng đến đời sau, gần như có thể sánh ngang với Kinh Dịch. Các học giả nghiên cứu Dịch học cho rằng, Dịch Truyện là tài liệu bắt buộc phải đọc khi nghiên cứu và học tập Kinh Dịch. Vậy Khổng Tử có thái độ thế nào với bói toán?

Chúng ta tưởng rằng Luận Ngữ thể hiện rõ nhất học vấn của Khổng Tử, thực ra sai rồi, học vấn lớn nhất của Khổng Tử nằm ở Kinh Dịch.

Khổng Tử đọc Kinh Dịch rất muộn, ông đọc Kinh Dịch, giống như được báu vật vậy, toàn tâm toàn ý sắp xếp lại nó, đây là cống hiến lớn của Khổng Tử đối với văn hóa Trung Hoa. Khổng Tử phát triển Kinh Dịch thành một triết học rất nghiêm túc, chứ không phải thuật xem tướng. Nhưng Khổng Tử có bài xích bói toán không? Ông không bài xích. Chúng ta phân tích, với tính cách của Khổng Tử, ông nói "bất chiêm" ("Bất chiêm nhi dĩ hĩ" (không bói mà thôi) - Luận Ngữ/Tử Lộ), chính là nói ông sẽ bói, và thường xuyên bói. Nếu một người không biết bói toán, và chưa từng bói, làm sao có tư cách phủ định bói toán?

Khổng Tử nhận thấy bói toán là có đạo lý, nhưng không thể tin hoàn toàn, bởi vì có khi đúng, có khi không đúng. Ngày nay chúng ta dùng khái niệm toán học để xem xét, sẽ rất dễ hiểu, gọi là xác suất. Có thể có xác suất 30%, cũng có thể có xác suất 70%. Vì vậy nếu muốn bói toán, phải suy nghĩ kỹ càng trước, đại khái có một câu trả lời rồi, mới có thể dựa vào câu trả lời này mà bói, kết quả bói ra sẽ dẫn dắt bạn suy nghĩ những vấn đề này. **Thêm một quẻ, là cho bạn thêm một hướng suy nghĩ. Vì vậy, sau khi xem nhiều quẻ, bạn sẽ cân nhắc vấn đề chu đáo hơn, đây mới là mục đích của bói toán.** Tuân Tử nói "thiện Dịch giả bất bốc" (người giỏi Dịch thì không bói), ý nói người thực sự hiểu Kinh Dịch sẽ bói toán, nhưng không cần phải bói. Một người phải thường xuyên nhắc nhở bản thân dùng lý trí để chỉ đạo cảm xúc, chứ không để cảm xúc chi phối lý trí. Con người ai cũng có cảm xúc, nhưng không thể cảm tính, một khi cảm tính, cuối cùng người khổ chỉ có mình. Chỉ cần đa số hành vi đều dùng lý trí để chỉ đạo cảm xúc, người này đã rất giỏi rồi, xác suất phạm sai lầm sẽ rất thấp.

Kinh Dịch nói với chúng ta, bất kỳ việc gì đều có điều kiện. Muốn đạt được một mục đích, sẽ có vài con đường có thể đi, nhưng mỗi con đường đều có điều kiện, không phải nói con đường bạn chọn nhất định dễ đi, dưới trời tuyệt đối không có chuyện này. Bởi vì theo quan niệm của Kinh Dịch, bất kỳ con đường nào đều có thuận có nghịch - trong thuận có thuận có nghịch, trong nghịch cũng có thuận có nghịch. Dùng quan niệm âm dương để xem xét, trong Thái Cực có âm dương, trong dương lại có âm dương, trong âm cũng có âm dương, âm dương đồng thời tồn tại, thời thời khắc khắc sẽ biến hóa.

Chúng ta nói một vấn đề thực tế. Ngày nay đài khí tượng thiết bị tinh vi như vậy, nhân viên chuyên nghiệp như vậy, nhưng cuối cùng thường đo sai: dự báo sẽ nóng, kết quả lại rất lạnh; dự báo sẽ lạnh, kết quả lại rất nóng. Có thể thấy ngay cả đài khí tượng cũng đo không chính xác. Chúng ta đừng nghĩ lệch lạc, cho rằng nhân viên đài khí tượng không tâm huyết, hoặc thiết bị đài khí tượng không tinh vi, không phải vậy. Vật lý học hiện đại có một định luật rất quan trọng, gọi là nguyên lý “bất định”. Bởi vì đo xong, tình hình vẫn sẽ thay đổi. Hôm nay đo là 16 độ, ngày mai đột nhiên xuống 8 độ, chỉ qua một đêm tình hình hoàn toàn thay đổi, trách ai được? Bởi vì sau khi đo xong, tình trạng tự nhiên lại phát sinh biến hóa. Tôi mong mọi người

suy nghĩ, đã vậy có cần đo nữa không? Câu trả lời của tôi là, đo không chính xác mới cần đo, đo chính xác thì không cần đo nữa, nằm đó chờ là được!

> Bất kể thời xưa hay hiện đại, mục đích bói quẻ của con người đều là để biết trước tương lai, nếu việc dự đoán này không chính xác, thì dự đoán còn có tác dụng gì? Nếu dự đoán là vô dụng, tại sao lại nói học tập Kinh Dịch có thể giúp người ta theo cát tránh hung?

Bói toán là có điều kiện.

Thứ nhất, thông tin không đủ, dữ liệu không đầy đủ, mới có thể bói toán. Khi tôi ở Mỹ, bạn Mỹ hỏi tôi, bạn biết bói toán, vậy dự đoán xem ngày mai là mưa hay nắng. Tôi nói, việc này bạn gọi điện hỏi đài khí tượng là được, hỏi tôi làm gì? Những gì có thể hỏi thiết bị khoa học, thì hỏi thiết bị khoa học là được, cần gì phải bói toán? Khi thông tin không đủ, dữ liệu không đủ, bạn có cần ra quyết định không? Tất nhiên vẫn phải ra quyết định, nếu không ra quyết định, con đường sau này làm sao đi? Ví dụ bạn muốn ra ngoài, sẽ cân nhắc đi đường nào có thể không bị tắc xe, nhưng dù bạn rất quen thuộc những con đường này, cũng thường đoán sai. Bạn tính toán con đường đó không bị tắc xe, lên đường kết quả tắc kẹt, đây là đạo lý gì? Chính là vì khi rất nhiều người đều cho rằng con đường đó không bị tắc xe, tất cả đều chen chúc đến đó, kết quả là tắc kẹt. Vì vậy, mọi người đều đi dự đoán, thường là không chính xác, đây là đạo lý rất rõ ràng. Lại ví dụ, trong thị trường chứng khoán, có người nói với bạn, một cổ phiếu nào đó hôm nay sẽ tăng kịch trần, điều này có hiệu quả không? Câu trả lời rất đơn giản: bạn tin nó, nó sẽ có hiệu quả; bạn không tin nó, nó sẽ không có hiệu quả. Đây lại là đạo lý gì? Bởi vì tất cả mọi người đều tin, đều đi mua cổ phiếu đó, thì nó nhất định sẽ tăng kịch trần. Đây không phải họ đoán chính xác, mà là vì các bạn mua, mới khiến nó tăng đến kịch trần. Nếu anh ta nói cổ phiếu này sẽ tăng kịch trần, không ai tin, không ai mua, thì tất nhiên nó không tăng được.

Khổng Tử không phản đối bói toán, bởi vì nó chỉ là một công cụ, không phải thứ có thể tin tuyệt đối. Bạn có thể xem bói toán như tham khảo, nhưng không thể xem nó như một quyết định bắt buộc phải như vậy. Chúng ta sau khi bói toán, không được từ bỏ nỗ lực của mình, vẫn phải tìm cách phá giải. Việc nên làm, gặp khó khăn lớn đến đâu cũng phải tìm cách hóa giải, đây mới là quan niệm bói toán đúng đắn.

Thứ hai, do dự không quyết, nghĩ đi nghĩ lại không thể quyết định, thì có thể bói toán. Ngay cả khi không có thông tin, cũng không có dữ liệu, nhưng bạn có chủ kiến rất rõ ràng, thì cũng đừng bói toán. Tại sao bạn lại có chủ kiến rõ ràng như vậy? Bởi vì bạn có giác quan thứ sáu.

Chúng ta thường rất tin vào cảm giác của năm giác quan, nhưng lại bỏ qua giác quan thứ sáu của mình. Thực tế, năm giác quan thường lừa chúng ta: điều bạn tận mắt thấy, có khi nhìn sai; điều bạn tự mình sờ thấy, có khi sờ sai; điều bạn tận tai nghe, cũng có lúc nghe sai. Nói thực lòng, một câu nói truyền qua mười người, e rằng đã không còn là câu nói ban đầu nữa. Năm giác quan là thứ dễ lừa người nhất, nhưng chúng

ta lại tin nhất vào năm giác quan. Có một loại cảm giác chúng ta không coi trọng, nhưng không lừa người, gọi là giác quan thứ sáu. Giác quan thứ sáu của phụ nữ còn nhạy bén hơn nam giới, vì vậy bạn đừng thấy phụ nữ rất ít tham gia việc bên ngoài, có khi họ nói rất đúng, chính là vì giác quan thứ sáu của họ nhạy bén. **Quá trình bói toán chính là để khơi dậy giác quan thứ sáu của bạn, s**au đó chọn một quẻ tương ứng, đại diện cho hoàn cảnh hiện tại của bạn. Vì vậy khi bạn đã khơi dậy giác quan thứ sáu, thì có chủ kiến rồi, có chủ kiến rồi thì ngược lại không cần bói toán.

Thứ ba, mỗi lần bói chỉ hỏi một việc. Mỗi việc một quẻ, không thể một lần bói nhiều việc, như vậy sẽ không có câu trả lời. Bạn không thể hỏi trời rằng: "Sau này tôi sẽ thế nào?" Trời chỉ có thể nói: "Sau này sẽ chết, còn thế nào nữa?" Hỏi câu hỏi mơ hồ như vậy, bạn để Trời trả lời thế nào? Bói toán phải hỏi rất rõ ràng, rất cụ thể. "Việc này của tôi sẽ thế nào?" như vậy mới khơi dậy được giác quan thứ sáu của bạn, mới có được một kết quả có thể xảy ra để tham khảo. Câu trước tôi thêm một chữ "có thể", bởi vì Kinh Dịch đều nói về "có thể".

Thứ tư, bói toán phải thành tâm thành ý. Thành tâm thành ý không phải mê tín, một người chỉ có thành tâm thành ý, mới có thể khơi dậy giác quan thứ sáu của mình, nếu không sẽ không khơi dậy được. Thực ra giác quan thứ sáu đều ở trong tâm trí của mình, khi bạn lắng lòng xuống, không bị bên ngoài quấy nhiễu, giác quan thứ sáu sẽ xuất hiện. Người thường xuyên quá bận rộn không có giác quan thứ sáu, bận đến mức không có giác quan thứ sáu, đó là tự làm khổ mình.

> Như vậy, bốc phệ thực ra chỉ là một quá trình khơi dậy đầy đủ tiềm năng của mình, đồng thời có thể tìm kiếm thêm thông tin, làm tham khảo cho việc phán đoán sự việc, đưa ra quyết định của mình. Nhưng tại sao Khổng Tử sau khi nghiên cứu kỹ Kinh Dịch, lại nói "bất chiêm nhi dĩ hĩ"?

Khổng Tử nói "bất chiêm nhi dĩ hĩ", ông có ba nguyên tắc.

Thứ nhất, nếu tin vào bói toán, sẽ vi phạm lập trường luân lý. Bởi vì con người nên dựa vào lương tâm, không nên hỏi kết quả rồi mới làm việc. Gặp việc gì cũng bói toán, chính là tin vào kết quả mà vi phạm lương tâm. Việc vốn nên làm, bói một quẻ kết quả không tốt, liền không làm nữa, người như vậy còn có lương tâm không? Hoàn toàn tin vào bói toán, sẽ trái với lập trường luân lý của mình, đây là chủ trương thứ nhất của Khổng Tử khi nói câu này.

Thứ hai, con người chỉ nên hỏi việc cày cấy, không nên hỏi thu hoạch. Bạn vừa bói toán là đang hỏi thu hoạch: việc này có kiếm được tiền tôi mới làm, không kiếm được tiền tôi không làm. Về cơ bản điều này là không đúng. Ví dụ thương mại là để phục vụ khách hàng, bạn miệng nói phục vụ khách hàng, không kiếm được tiền thì không làm nữa, đó gọi là phục vụ sao? Xe buýt công cộng của chúng ta có nhiều tuyến đường, có những tuyến kiếm được tiền, có những tuyến lỗ vốn, vậy những tuyến chắc chắn lỗ vốn thì không vận

hành nữa sao? Không được. Nên dùng tuyến kiếm tiền để bù đắp cho tuyến lỗ vốn, đây mới gọi là đạo kinh doanh.

Thứ ba, động cơ làm người làm việc của chúng ta phải rất thuần khiết. Một việc, chưa làm đã nghĩ đến bói toán. Động cơ của bạn đã không thuần khiết rồi.

Từ bây giờ, quy về một câu: chỉ hỏi nên hay không nên, tránh hỏi kết quả sẽ thế nào. Việc nên làm, dù có muôn vàn khó khăn, cũng phải tìm cách vượt qua, dù cuối cùng có thê thảm đến đâu, cũng phải kiên trì làm, bởi vì đó là trách nhiệm của bạn! Ngày xưa Văn Thiên Tường, Sử Khả Pháp, họ đều có thể trốn được - cưỡi ngựa nhanh là trốn được, việc rất dễ. Nhưng tại sao họ không trốn? Bởi vì họ đều cho rằng không nên trốn, nên đã chọn hy sinh hùng tráng. Làm bất kỳ việc gì, động cơ quan trọng hơn kết quả, quá trình cũng quan trọng hơn kết quả, nhưng hiện nay chúng ta hoàn toàn sa vào chủ nghĩa kết quả, đây là điều mỗi người đều phải suy ngẫm kỹ.

Trước thời Xuân Thu, người Trung Quốc chúng tôi rất mê tín. Sau thời Xuân Thu, mọi người dần dần hướng đến lý tính, đây là công lao của Khổng Tử. Trong Luận Ngữ có một câu "Tử bất ngữ quái lực loạn thần" (Khổng Tử không bàn về những chuyện kỳ quái, những sức mạnh phi thường, những điều hỗn loạn và chuyện thần bí), chính là ý này. "Bất tín thương sinh tín quỷ thần", nếu mọi người đều không tin người sống, mà đi tin quỷ thần, nhân loại chúng ta sẽ ra sao? Chúng ta phải coi trọng người còn sống, không nên hoàn toàn bị những quỷ thần không nhìn thấy dẫn dắt.

Chúng ta nói một chút về quan điểm của Khổng Tử về quỷ thần. Nho gia coi trọng là người với quỷ thần có cảm ứng hay không, điều này quan trọng hơn. Quỷ thần có tồn tại không? Quỷ thần mặc quần áo gì? Quỷ thần sẽ thế nào? Những điều này đều không cần quan tâm. Chúng ta thờ cúng tổ tiên, giống như tổ tiên đang ở trước mặt, chính là cảm ứng với tổ tiên. Còn họ sẽ thế nào, bạn đừng lo, bởi vì đó là chuyện chết không có bằng chứng. Vì vậy chúng ta làm người phải lý tính một chút, không nên phủ định hoàn toàn, cũng không nên khẳng định hoàn toàn, bởi vì chúng ta không có khả năng này.

Thái độ của Khổng Tử là "kính quỷ thần nhi viễn chi" (Luận Ngữ/Ung Dã). Tôn kính quỷ thần, nhưng giữ khoảng cách nhất định với quỷ thần. Bạn không thể ngày nào cũng đi thờ cúng tổ tiên, như vậy họ cũng sẽ rất phiền: tôi chết đã lâu như vậy rồi, bạn còn ngày nào cũng tìm tôi, có phiền không? Nhưng một năm phải có vài lần, đặc biệt là ngày Thanh Minh, phải đi tế lễ. Thực tế, người Trung Quốc làm cho người chết, đều là làm cho người sống xem. Ngày Thanh Minh quét mộ, cả nhà lớn nhỏ đều đi, bạn không cần nói trực tiếp, hành động của bạn chính là đang nói với con cái: tôi tương lai sẽ chôn ở đây, các con cũng phải đến đây, không thể không đến! Như vậy, đời này qua đời khác truyền thừa, chúng ta sẽ không quên tổ tiên của mình, quan trọng hơn, không quên tinh thần quý báu trong việc làm người, làm việc của tổ tiên. Chỉ thế thôi, không có gì khác, những cái khác đều là giả.

Bây giờ tôi hỏi mọi người: có quỷ thần không? Nói có cũng rất buồn cười, nói không có cũng rất buồn cười. Chờ khi chúng ta học xong Kinh Dịch, sẽ hiểu câu trả lời. Câu trả lời là bốn chữ: "diệc hữu diệc vô". Dường như có, dường như không. Vậy là đúng rồi. Vốn dĩ là như vậy. Bạn làm sao biết nó có, bạn làm sao biết nó không có. "Diệc hữu diệc vô", với quỷ thần phải giữ thái độ "diệc tức diệc ly" (vừa gần vừa xa). Có thể rất gần với quỷ thần, cũng có thể rất xa với quỷ thần, đều được. Nhất định phải nhớ, lấy con người làm chủ, không phải lấy quỷ thần làm chủ, lấy quỷ thần làm chủ thì hỏng mất, sẽ mất đi phẩm giá làm người. Tất cả mọi việc, không nên mù quáng tin tưởng, phải thông qua lý trí để phán đoán.

Bây giờ tôi hỏi mọi người: Khổng Tử có vẽ quẻ không? Tôi nói trước câu trả lời, Khổng Tử có vẽ quẻ, nếu không ông học Kinh Dịch để làm gì? Vì vậy bài giảng sau chúng ta sẽ bàn về: quẻ có tác dụng gì?

Chương 9: Quẻ có tác dụng gì

> Sau khi học xong Kinh Dịch (Dịch Kinh), Khổng Tử nói: "Bất chiêm nhi dĩ hĩ". Tuân Tử cũng nói: "Thiện Dịch giả bất bốc" (người hiểu rõ Dịch thì không cần bói). Từ đó có thể thấy, người thực sự hiểu Kinh Dịch sẽ không dùng nó để bói toán. Tuy nhiên, quẻ là nội dung chính trong Kinh Dịch, chữ "quẻ" có nghĩa là treo lên. Vậy 64 quẻ đại diện cho điều gì? Giáo sư Tăng Sĩ Cường nói rằng, đây là cách tổ tiên chúng ta quy nạp mọi sự việc trong vũ trụ, khái quát thành 64 tình huống đại diện.
>
> Vậy 64 quẻ trong Kinh Dịch có tác dụng gì đối với cuộc sống của chúng ta? Đó là khi gặp sự việc, chúng ta có thể dựa theo hình tượng quẻ để hiểu rõ hoàn cảnh của mình, nắm được những nguyên tắc cơ bản cần tuân thủ, biết cách đối phó. Vận mệnh của mỗi người đều nằm trong tay chính mình, quẻ của mỗi người cũng do chính họ vẽ nên. Vậy Khổng Tử trong cuộc đời đã vẽ những quẻ gì? Điều này có gợi ý gì cho cuộc sống của chúng ta?

"Quẻ" là gì? "Quẻ" có nghĩa là treo lên, giống như chúng ta chụp một bức ảnh, rồi đóng khung treo lên tường, ý nghĩa của quẻ cũng giống như quá trình đó.

Tại sao phải treo lên? Bởi vì mắt người hướng ra ngoài, chúng ta dễ nhìn thấy người khác nhưng không bao giờ nhìn rõ chính mình. Khi người khác có vết bẩn trên mặt, ta có thể nhìn thấy ngay, nhưng lại không thấy được vết bẩn trên mặt mình. Vì thế mới có câu "Bàng quan giả thanh, đương cục giả mê" (người ngoài cuộc thì sáng suốt, người trong cuộc thì mê muội). Do đó chúng ta treo hình của mình lên, nhìn kỹ xem xét, giống như đứng ngoài cuộc nhìn người khác vậy, sẽ có được nhận thức rõ ràng và tỉnh táo hơn về bản thân.

Vạn tượng trong vũ trụ luôn liên kết với nhau, mỗi cá thể đều không tồn tại một cách cô lập. Giống như khi chụp ảnh, chúng ta nhất định phải đứng ở một vị trí nào đó, chọn một góc độ nào đó, từ một khung cảnh rộng lớn chụp được một tấm ảnh. Nói cách khác, cùng một cảnh vật, mỗi người chọn góc chụp khác nhau thì tấm ảnh sẽ rất khác nhau, như vậy không khó hiểu tại sao quẻ của mỗi người cũng sẽ khác nhau.

Quẻ có hai từ khóa quan trọng, thứ nhất là "Hào" (爻), mỗi ký hiệu trong quẻ đều gọi là một hào. Toàn bộ Kinh Dịch chỉ có hai loại ký hiệu khác nhau, âm (--) gọi là hào âm, dương (—) gọi là hào dương. Quẻ Kiền (Hình 9-1) tất cả các hào đều là hào dương, quẻ Khôn (Hình 9-2) tất cả các hào đều là hào âm.



图9-1

图9-1

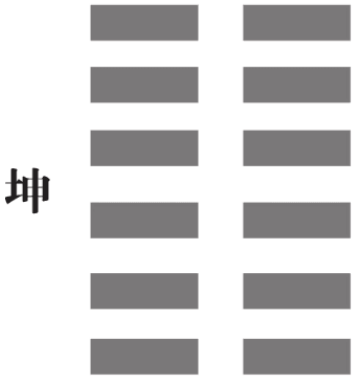


图9-2

Từ khóa thứ hai của quẻ là "Lục", nghĩa là mỗi quẻ đều do sáu hào tạo thành. Điều này dạy chúng ta phải chia một sự việc thành sáu giai đoạn, điều chỉnh từng giai đoạn một. Mọi người thử nghĩ xem, khi gặp một sự việc, bạn cần phân tích, nhưng nếu chia thành một trăm giai đoạn hay bước thì chắc chắn sẽ rối loạn; nếu chỉ chia thành ba giai đoạn hay bước thì quá đơn giản. Chia thành sáu giai đoạn, rồi xem xét cách điều chỉnh trong từng giai đoạn, cơ bản là đủ, mọi việc sẽ suôn sẻ.

Trong 64 quẻ (Hình 9-3), chỉ có một quẻ là quẻ Kiền có cả sáu hào đều là dương; và chỉ có một quẻ là quẻ Khôn có cả sáu hào đều là âm.

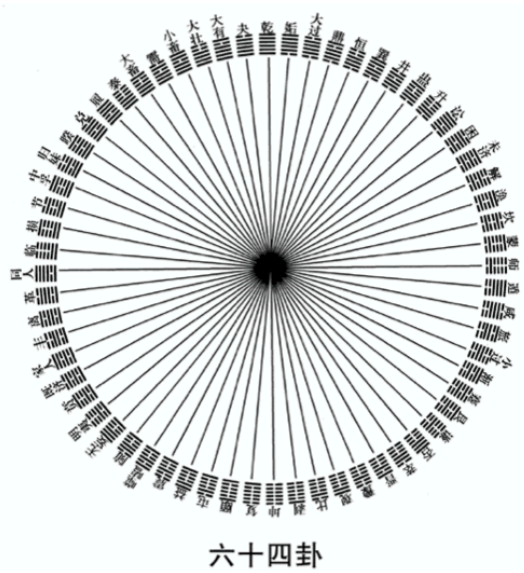


图9-3

Còn lại 62 quẻ đều có cả âm lẫn dương. Điều này cho chúng ta thấy: trên thế giới này không nhiều cái thuần âm, cũng không nhiều cái thuần dương, nhiều nhất là những cái có cả âm lẫn dương. Vì thế người thực sự tốt rất ít, người thực sự xấu cũng rất ít, nhiều nhất là những người vừa có tốt vừa có xấu.

Như đã nói trước đây, âm dương hợp nhất, âm dương tách rời sẽ không thể "sinh sinh bất tức" (sinh sôi không ngừng). Muốn "sinh sinh bất tức" thì cần có giao dịch, vì thế giao dịch trở thành một khái niệm rất

quan trọng trong Kinh Dịch. “Sinh sinh bất tức” là kết quả của giao dịch, một khi ngừng giao dịch thì việc làm ăn sẽ không thành. Những từ ngữ chúng ta dùng trong xã hội ngày nay hầu hết đều có liên quan đến Kinh Dịch, trong cuộc sống hàng ngày chúng ta cũng đều nói những lời trong Kinh Dịch, bởi vì Kinh Dịch đã thẩm thấu vào máu thịt người Trung Quốc, trở thành gen văn hóa của chúng ta, không thể thay đổi, cũng không cần thay đổi.

Kinh Dịch có 64 quẻ, điều này có nghĩa gì? Đó là chúng ta quy nạp tất cả sự việc trong vũ trụ, cuối cùng biến thành 64 tình huống đại diện. Chúng ta coi Kinh Dịch là bảo điển của nhân sinh là vì khi gặp việc gì, có thể tìm kiếm tình huống tương ứng trong Kinh Dịch, tra cứu là hiểu ngay: trong hoàn cảnh này cần nắm vững những nguyên tắc cơ bản nào, cần đối phó thế nào. Như vậy chúng ta có thể “thú cát tỵ hung” (hướng về điều tốt, tránh xa điều xấu).

Tất nhiên, chỉ nói Kinh Dịch là để người ta “thú cát tỵ hung” thì tầng vẫn chưa đủ cao. Thực ra đọc Kinh Dịch đến cuối cùng thì không còn khái niệm “cát hung” nữa. Đọc Kinh Dịch phải lĩnh ngộ từng tầng một, không thể một lúc đã thấu triệt được Kinh Dịch.

> 64 quẻ trong Kinh Dịch đại diện cho 64 tình huống trong vũ trụ nhân sinh. Tự nhiên tuy thiên biến vạn hóa nhưng có quy luật nhất định, xã hội loài người thiên biến vạn hóa cũng có quy luật nhất định, và lịch sử thường có những tương đồng đáng kinh ngạc. Cuộc sống của chúng ta cũng có quy luật nhất định, và Kinh Dịch chính là một bộ bảo điển để hiểu về vũ trụ nhân sinh. Nhưng những quẻ tượng đại diện cho các tình huống được hình thành như thế nào? Chúng ta làm sao mới có thể hiểu được ý nghĩa của quẻ tượng?

Đây là một bảng sắp xếp tổ hợp 64 quẻ (Hình 9-4). Ngoại quái tổng cộng có 8 loại, nội quái cũng chỉ có 8 loại, nội ngoại kết hợp lại, một quẻ liền xuất hiện. Vì thế bảng này rất rõ ràng, tổng cộng có 64 quẻ, hoàn toàn không khó. Tổ tiên chúng ta sắp xếp đi sắp xếp lại, phát hiện chỉ có 64 cách tổ hợp khác nhau này, không thừa không thiếu, đây cũng chính là điều mà toán học hiện đại gọi là hoán vị tổ hợp.



图9-4

64 quẻ trong Kinh Dịch không khó, khó là ở chỗ mỗi một hào đều có ký hiệu riêng của nó.

Hào dưới cùng của mỗi quẻ gọi là sơ hào, lần lượt lên trên là nhị hào, tam hào, tứ hào, ngũ hào, hào cuối cùng gọi là mạt hào (Hình 9-5). Sơ và thượng đại diện cho “thời”, Kinh Dịch coi trọng nhất chính là thời gian. Bất kỳ sự việc nào, thời gian thay đổi, toàn bộ tình huống đều thay đổi, vì thế người Trung Quốc đều nói "tùy thời", nghĩa là phải thay đổi theo thời gian.

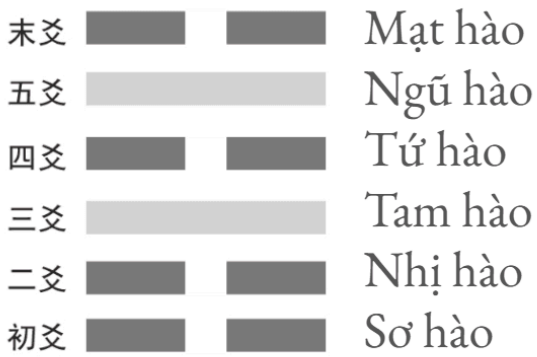


图9-5

Sơ, nhị, tam, tứ, ngũ, mạt, nói về thứ tự thời gian của sáu hào. Còn có cách nói khác là hạ, nhị, tam, tứ, ngũ, thượng (Hình 9-6), là biểu thị vị trí của sáu hào. “Vị” còn lợi hại hơn cả không gian, “vị” bao gồm thân phận của bạn, bao gồm địa vị của bạn, bao gồm các trường hợp khác nhau, cũng bao gồm sự thay đổi của môi trường.

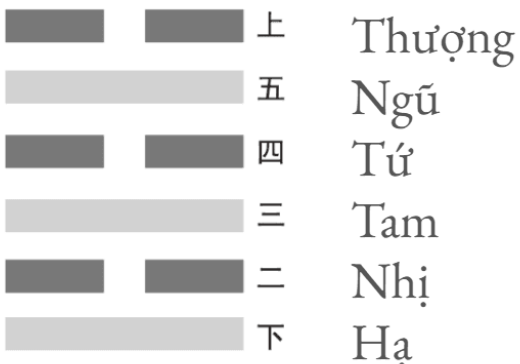


图9-6

Ngoài thời gian và vị trí, âm dương của hào được biểu đạt thế nào? Rất đơn giản, phàm là âm đều gọi là Lục, phàm là dương đều gọi là Cửu (Hình 9-7).

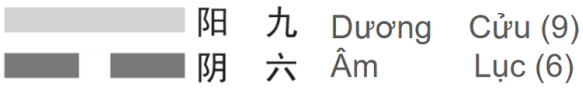


图9-7

Nam giới tại sao sợ số 9? Bởi vì dương đến cực điểm thì gọi là “cửu”, “cửu” là dương cực. Kinh Dịch có một khái niệm gọi là "vật cực tất phản" (vật đến cực điểm tất quay ngược lại), bất kể ai đi đến "cực" điểm thì về sau nhất định sẽ đi ngược lại. Vì thế bạn không thể nói thay cha mẹ tổ chức sinh nhật 59 tuổi, làm vậy rất bất lợi cho họ. 59 tuổi rồi, nhanh chóng làm lễ thượng thọ 60, tránh con số 9. Điểm này chúng ta rất dễ hiểu từ góc độ vật lý học: một vật thể một khi đến đỉnh của đường parabol, nó nhất định sẽ đi xuống, không có ngoại lệ.

Từ đây chúng ta có thể thấy, quẻ trong Kinh Dịch chia làm ba đường: một đường nói về “thời”, một đường nói về “vị”, một đường nói về “tính chất”: dương dùng Cửu, âm dùng Lục. Nhưng nếu dùng ba chữ để biểu thị ba thứ này thì rất phiền phức, vì thế tổ tiên chúng ta đã đơn giản hóa thành hai chữ. Bỏ chữ nào? **Giữ lại "sơ", bỏ "hạ"; bỏ "mạt", giữ lại "thượng".** Như vậy bạn đã hiểu Kinh Dịch rồi, mở Kinh Dịch ra, “sơ cửu” nghĩa là hào đầu tiên là dương (Hình 9-8); “lục nhị” nghĩa là hào thứ hai là âm (Hình 9-9). Chúng ta nhìn thấy con số là có thể vẽ ra hình tượng tương ứng, nhìn thấy hình tượng là có thể nghĩ ra con số đại diện. Điều này không khác gì thời đại số hóa ngày nay.



图9-8



图9-9

Nhưng tại sao dùng "sơ" không dùng "hạ", dùng "thượng" không dùng "mạt"? Nguyên nhân rất đơn giản, khi sự việc mới bắt đầu, "thời" quan trọng hơn "vị". Thời gian sinh của một người rất quan trọng, y tá trong phòng sinh thường sẽ nói sinh vào ngày nào tháng nào mấy giờ mấy phút mấy giây, sinh một em bé giới tính gì. Nhưng khi một người chết, thời gian chết không quan trọng, người nào chết mới quan trọng hơn, thân phận và địa vị của người chết mới quan trọng hơn. Vì thế một sự việc đến cuối cùng, vị trí kết thúc quan trọng hơn, thời gian không quan trọng; khi mới bắt đầu, thời gian rất quan trọng, vị trí không quan trọng lắm.

Một cửa hàng khai trương, người ta sẽ xem ngày tốt, nhưng một cửa hàng đóng cửa, còn ai xem ngày tốt nữa? Nếu có người nói muốn tìm ngày tốt để đóng cửa, chẳng phải thành chuyện cười sao? Cửa hàng khai trương, phải chọn ngày tốt; cửa hàng đóng cửa, xem còn lại bao nhiêu tài sản, tức là kết quả kinh doanh đến cuối cùng mới quan trọng hơn. Có thể thấy cho đến ngày nay, chúng ta vẫn vô thức làm theo Kinh Dịch, chỉ là chúng ta không nhận ra mà thôi.

Vì thế, hào đầu tiên, chúng ta dùng "sơ" để biểu thị "thời" chứ không dùng "hạ" để biểu thị "vị", đến hào cuối cùng dùng "thượng" để biểu thị "vị" chứ không dùng "mạt" để biểu thị "thời", ở giữa thì dùng “lục”, “cửu” đại diện âm, dương. Từ đó có thể thấy, hai con số, chúng ta đại diện cho ba thứ: một là “thời”, hai là “vị”, ba là “tính chất”.

> Hào trong Kinh Dịch chỉ có hai loại là hào dương và hào âm, bởi vì sự biến hóa của vạn vật vạn tượng trong vũ trụ đều là kết quả của sự tương tác âm dương. Và trong 64 quẻ, mỗi quẻ đều do sáu hào tạo thành, trừ quẻ Kiền toàn hào dương, quẻ Khôn toàn hào âm ra, 62 quẻ còn lại đều có cả âm lẫn dương, nhưng tại sao dùng số 9 (cửu) để đại diện cho hào dương, dùng số 6 (lục) để đại diện cho hào âm?

Tại sao dương gọi là cửu, âm gọi là lục? Trong đó cũng có đạo lý.

Quẻ Khôn (Hình 9-10) là thuần âm, có 6 nét, nên âm gọi là “Lục”.



图9-10

Có người có thể nghĩ, dương có 3 nét, vậy phải gọi là tam mới đúng, sao lại gọi là Cửu? Bởi vì dương là sáng tạo, âm là phối hợp. Trên đời, chỉ có sáng tạo mà không có phối hợp thì chỉ là nói suông, hoàn toàn là không tưởng, cuối cùng lý tưởng không thể thực hiện. Có người muốn toàn lực phối hợp, nhưng không có sáng tạo thì không biết đi về đâu. Vì thế, khi nói về dương nhất định phải mang theo âm, gọi là "dương thống âm" (陽統陰) (Hình 9-11).

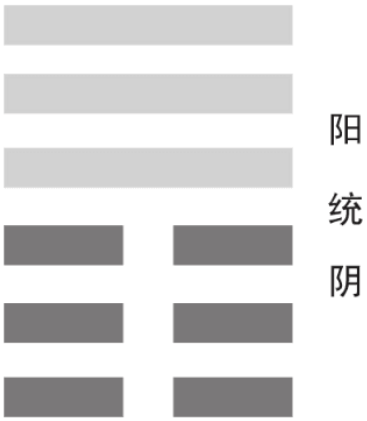


图9-11

Âm dương không thể tách rời, vì thế cặp quẻ đầu tiên trong Kinh Dịch là Kiền (乾) và Khôn (坤). Một người hiểu văn hóa Trung Hoa phải nhớ kỹ, khi chúng ta nói về thiên bao gồm cả địa trong đó, nói về nam bao gồm cả nữ trong đó, chúng ta không bao giờ tách rời. Khi chúng ta tôn xưng người khác là tiên sinh, không phân biệt nam nữ, nam gọi là tiên sinh, nữ cũng gọi là tiên sinh. Chúng ta xem nam nữ bình đẳng như nhau, nhưng sau này người ta lại giải thích thành "nam tôn nữ ti", tôi thấy rất kỳ lạ.

> Việc nam giới có thể làm, nữ giới đều có thể làm, nhưng có một việc nữ giới có thể làm mà nam giới làm thế nào cũng không làm được, đó là sinh con. Bạn nói nam giới rất vĩ đại, vậy bạn để anh ta sinh một đứa con cho mọi người xem! Anh ta sẽ không sinh được, bằng cách nào? Vậy rốt cuộc nam giới quan trọng hay nữ giới quan trọng? Chúng ta hiểu rất thấu đáo về tự nhiên, biết chỉ có dương không có tác dụng, nhất định phải có âm đi kèm, nên mới nói "cô âm bất sinh, độc dương bất trưởng" (âm đơn độc không sinh, dương đơn độc không trưởng thành). Âm dương nhất định phải cùng tồn tại mới "sinh sinh bất tức" được. Vì thế chúng ta nhìn dương (Hình 9-12), âm dương cộng lại là 9 (ndlr: Ba nét của dương cộng với sáu nét vô hình của âm, ba cộng sáu là

> chín, nên dương gọi là cửu (chín)), nên dùng "Cửu" để biểu thị. Phân tích như vậy thì rất dễ hiểu, hoàn toàn không cần học thuộc lòng. Hiểu rồi thì những điều ghi nhớ sẽ không quên, đây cũng là tự nhiên.

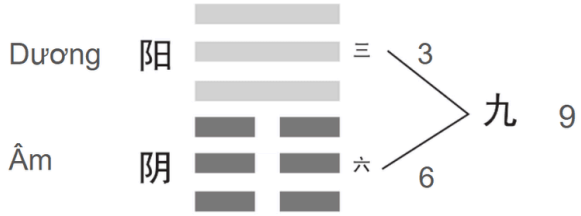


图9-12

Chúng ta lấy quẻ Kiền làm ví dụ để chú thích sáu hào (Hình 9-13), mọi người lại phát hiện một vấn đề: hào thứ nhất gọi là “sơ cửu”, hào thứ hai tại sao gọi là “cửu nhị” (hào nhị dương) mà không gọi là “nhị cửu”? Như đã nói trước đây, vì mới bắt đầu, thời quan trọng hơn, nên hào cửu đầu tiên đặt chữ sơ trước chữ cửu, gọi là "sơ cửu"; lúc kết thúc, kết quả quan trọng hơn, nên đặt chữ thượng trước chữ cửu, gọi là "thượng cửu" (hào thượng dương). Còn quá trình ở giữa, giống như sau khi người ta sinh ra, giới tính nam nữ đã quan trọng rồi, nên bốn hào cửu ở giữa lần lượt gọi là: “cửu nhị, cửu tam, cửu tứ, cửu ngũ” (hào ngũ dương).



图9-13

Như vậy Kinh Dịch đã cho chúng ta biết, giáo trình dạy nam tử không nên giống giáo trình dạy nữ tử. Con gái có thể cho học nhiều nghệ thuật, âm nhạc, nấu nướng, điều này có lợi cho họ. Nhưng dù phụ nữ giỏi nấu nướng hơn, những đầu bếp thực sự giỏi nhất định là nam giới. Đây chính là âm trung hữu dương, dương trung hữu âm, âm dương không bao giờ tách rời, nếu không cực âm cực dương, cuối cùng sẽ biến thành hai loài người. Âm dương nhất định phải giao thoa. Chúng ta nhìn hình ảnh DNA (Hình 9-14), cấu trúc xoắn kép của nó cũng là giao thoa. Thực ra khoa học càng phát triển, càng có thể chứng minh Kinh Dịch đúng đắn, và nhiều kiến thức khoa học có thể giúp chúng ta hiểu Kinh Dịch thuận tiện hơn.



图9-14

Đời người mỗi giai đoạn đều phải có sự điều chỉnh khác nhau. Mỗi quẻ có sáu hào, sáu ký hiệu này cho chúng ta biết, phải học cách chia một sự việc thành sáu giai đoạn, rồi điều chỉnh từng giai đoạn một. Con người cũng nên chia cuộc đời mình thành sáu giai đoạn, rồi căn cứ vào những điểm chính của sáu giai đoạn này mà điều chỉnh. Đây là công dụng lớn nhất của Kinh Dịch đối với chúng ta.

> Giáo sư Tăng Sĩ Cường luôn nhấn mạnh, học tập Kinh Dịch là phải nắm vững những đạo lý cơ bản của Kinh Dịch, trong các giai đoạn khác nhau của đời người, biết phải điều chỉnh bản thân như thế nào. Vận mệnh cả đời của mỗi người thực ra đều nằm trong tay mình, quẻ tượng cả đời người đều do chính mình vẽ nên. Vậy Khổng Tử sau khi đọc Kinh Dịch, có vẽ quẻ cho mình không? Ông vẽ như thế nào?

Khổng Tử không chỉ đọc Kinh Dịch, mà còn nhận thấy, cuộc đời mỗi người đều đang vẽ quẻ cho chính mình. Có người cả đời chỉ vẽ một quẻ rồi đi, có người vẽ hai ba quẻ mới đi. Quẻ mà mỗi người vẽ ra, dùng từ ngữ hiện đại gọi là “tự họa tượng”. Khổng Tử suốt cả đời vẽ một quẻ, gọi là gì? Gọi là cương lĩnh tổng quát về sự phấn đấu của đời người. Quẻ này đối với mỗi người đều là tham khảo rất quan trọng, bởi vì chỉ cần nhìn rõ quẻ này, cũng biết con đường đời người của mình nên đi như thế nào.

Quẻ này viết ở đâu? Viết trong Luận Ngữ - Vi Chính thiên: "Ngô thập hữu ngũ nhi chí vu học (ta mười lăm tuổi đã chí thú học hành), tam thập nhi lập, tứ thập nhi bất hoặc, ngũ thập nhi tri thiên mệnh (năm mươi tuổi biết mệnh trời), lục thập nhi nhĩ thuận (sáu mươi tuổi đã thuận tai), thất thập nhi tùng tâm sở dục (theo lòng mình muốn), bất du củ". Đoạn văn này tin rằng mọi người đều thuộc.

> (Ở tuổi 15, ta bắt đầu học hỏi, ở tuổi 30, ta lập nghiệp, ở tuổi 40, ta không còn hoang mang, ở tuổi 50, ta hiểu được mệnh trời, ở tuổi 60, tai nghe đều thuận, ở tuổi 70, ta theo đuổi những điều tâm nguyện mà không bị lệch lạc)

"Ngô thập hữu ngũ nhi chí vu học", câu này chỉ ra mười lăm tuổi là giai đoạn đầu tiên trong đời người của Khổng Tử (hào thứ nhất). Mọi người có thể sẽ nghĩ, tại sao Khổng Tử đến mười lăm tuổi mới "chí vu học"

(lập chí học tập)? Chẳng lẽ trước mười lăm tuổi không cần học sao? Đương nhiên không phải vậy. Một người từ nhỏ đã phải bắt đầu học tập, nhưng nếu chưa đến mười lăm tuổi, tốt nhất đừng định chí hướng của mình, bởi vì còn quá sớm. Nhiều trẻ em từ sớm đã nói tương lai muốn thế này thế kia, đó chỉ là nói chơi mà thôi. Hiện nay mười lăm tuổi đang ở giai đoạn nào? Tốt nghiệp trung học cơ sở. Lúc tốt nghiệp trung học cơ sở thì phải đưa ra quyết định, nghĩ rõ sau này muốn học cái gì.

Câu nói này của Khổng Tử cho chúng ta biết rất nhiều điều: mười lăm tuổi là giai đoạn đầu tiên của đời người; "chí vu học" nghĩa là nên hiểu mình đời này muốn làm gì, muốn học theo hướng nào, không thể còn do dự không quyết, lãng phí thời gian nữa.

Câu thứ hai mọi người càng quen thuộc, đó là "tam thập nhi lập". Một người mười lăm tuổi xác định chí hướng của mình, rồi theo hướng này mò mẫm tiến lên mười lăm năm, đại khái có thể quy nạp ra vài nguyên tắc cho đời mình. Nguyên tắc sống như vậy, khi quá trẻ không nên quá khăng khăng; nhưng đến ba mươi tuổi mà vẫn chưa có thì đó chắc chắn là điều đáng sợ hơn. "Trạch thiện cố chấp" cũng là điều giai đoạn này cần thử và kiên trì.

Tiếp theo là "tứ thập nhi bất hoặc". Dựa theo nguyên tắc xác lập ở tuổi ba mươi không ngừng thử nghiệm và thực hành, rồi xem hiệu quả thế nào, phải trải qua thêm mười năm nữa, bạn mới có thể nói, được rồi, đời này của tôi đại khái sẽ đi tiếp con đường này. "Tứ thập nhi bất hoặc" không có nghĩa là đến bốn mươi tuổi thì không còn hoang mang về mọi thứ nữa, “bất hoặc” là không hoang mang về nguyên tắc của cá nhân, với những việc khác đương nhiên vẫn có chỗ "hoặc". Khổng Tử chủ trương “hoạt đáo lão học đáo lão” (sống đến già học đến già), nếu bốn mươi đã “bất hoặc” thì chẳng phải không cần học gì nữa sao? Người không có hoang mang chính là thánh nhân. Chúng ta đọc Luận Ngữ quá sơ sài đại ý, nhiều khi chỉ hiểu theo văn tự, không thấu hiểu được ý của Khổng Tử, đây là điều rất đáng tiếc. Người đến bốn mươi, đối với mục tiêu đời mình, phương hướng đời mình và những nguyên tắc cần kiên trì, phải làm được “bất hoặc” (không hoang mang về nguyên tắc của cá nhân).

> Giáo sư Tăng Sĩ Cường cho rằng, cả đời Khổng Tử chính là một quẻ tượng hoàn chỉnh, quẻ có sáu hào, đời Khổng Tử đúng là chia thành sáu giai đoạn: một, thập ngũ nhi học; hai, tam thập nhi lập; ba, tứ thập bất hoặc; bốn, ngũ thập tri thiên mệnh; năm, lục thập nhi nhĩ thuận; sáu, thất thập tùng tâm sở dục, bất du củ. Vậy thiên mệnh mà tuổi năm mươi phải biết là gì? Vận mệnh đời người rốt cuộc do ai quyết định?

Người sống đến năm mươi tuổi nhìn lại, sẽ thấy dọc đường đi như có một bàn tay đang sắp xếp, không thể không như vậy. Thực ra sở dĩ như vậy, đều là kết quả tích lũy từng chút một từ nhỏ đến lớn của chính mình.

Mỗi người phải chịu trách nhiệm một trăm phần trăm cho chính mình. Kinh Dịch cho chúng ta biết, con người cứ hai mươi năm sẽ thay đổi một lần, chúng ta nói thế hệ trong xã hội thay đổi, cũng khoảng hai

mươi năm một lần. Bạn hiện nay ba mươi tuổi, phải chịu trách nhiệm cho bản thân khi năm mươi tuổi. Một người đến năm mươi tuổi, sẽ biết không oán trời, không trách người, tất cả đều do chính mình tạo ra.

Năm mươi tuổi, chúng ta sẽ hiểu một câu: **nỗ lực cả đời chúng ta chính là để chứng minh mình có số mệnh như thế nào**! Cho dù cuối cùng chứng minh mình không thành công, không thành công thì không thành công, tâm an lý đắc là được. Tại sao ai cũng phải thành công? Mỗi người đến thế gian này đều là để sống cuộc đời không giống người khác, nghĩ những điều không giống người khác, không phải ai cũng phải giống nhau, càng không thể ai cũng giống nhau được, điều này trong tâm lý học gọi là dị biệt cá nhân. Bạn trong thế giới này là duy nhất, không có người thứ hai hoàn toàn giống bạn, đây chính là dị biệt cá nhân. Đã như vậy, chúng ta còn học theo người khác làm gì? Đó là lãng phí thời gian, bởi vì vĩnh viễn học không giống, cuối cùng vẫn phải làm chính mình.

Mệnh do ai tạo ra? Do chính mình tạo ra. Tự mình tạo ra số mệnh của mình như vậy, còn oán trách ai được? Thừa nhận thôi. Có thể làm lại không? Không có cách nào làm lại. Điều kỳ diệu nhất của đời người chính là bạn vĩnh viễn không có cách nào làm lại!

Vì thế "lục thập nhi nhĩ thuận". Tại sao phải "nhĩ thuận" (nghe đều lọt tai)? Bởi vì lúc này sẽ gặp rất nhiều người hoàn toàn không hiểu bạn, nhưng lại chỉ trỏ nói một đống trước mặt bạn, nghe cũng không phải, không nghe cũng không phải, nghe sẽ nổi giận, không nghe cũng nổi giận, vậy làm sao? "Nhĩ thuận", nghĩa là nghe cũng như không nghe: bạn không phải là tôi, làm sao biết được về tôi? Sao có thể phê bình bừa bãi về tôi? Có gì đáng phê bình đâu?

"Thất thập nhi tùng tâm sở dục, bất du củ", nghĩa là tự do tự tại, nhưng vẫn có ràng buộc. "Bất du củ" có nghĩa là, một người từ nhỏ đến bảy mươi tuổi, quy quy củ củ, gần như đã trở thành thói quen sống, đại khái sẽ không có sai lầm gì lớn, cũng có thể yên tâm mà làm.

Đời Khổng Tử chia làm hai giai đoạn, một là trước bốn mươi tuổi, hai là sau năm mươi tuổi. Vì thế Khổng Tử có một câu nói, nói một người đến bốn, năm mươi tuổi mà vẫn không biết rõ mình đến đời để làm gì, đời này coi như xong. Khổng Tử nói rất rõ, bốn mươi đến năm mươi tuổi là thời kỳ then chốt của đời người.

Một người dưới bốn mươi tuổi, để họ thượng đạt rất khó, chỉ có thể bảo họ hạ học. "Hạ học nhi thượng đạt" (học hỏi từ cơ bản, rồi dần dần nâng cao, cuối cùng đạt được sự hiểu biết sâu sắc), người trên bốn mươi tuổi mới có cách thượng đạt. "Thượng đạt" cái gì? "Thượng đạt thiên mệnh". "Hạ học" cái gì? "Hạ học" chính là học vấn thông thường. Cuối cùng Khổng Tử tổng hợp thành một câu, sáu chữ, gọi là "tận nhân sự, thính thiên mệnh" (làm hết sức người, nghe theo mệnh trời). Nhớ kỹ, trước năm mươi tuổi phải "tận nhân sự", vượt qua mọi khó khăn, không quản người khác nói có thành công hay không, việc nên làm, bạn cứ toàn lực làm. Nhưng đến sau năm mươi tuổi, bạn phải thính thiên mệnh. Tôi có mệnh thành công này, tôi tự

nhiên sẽ thành công, nếu không có, tôi cũng không cưỡng cầu. Cưỡng cầu làm gì, khổ sở làm gì? Tất cả danh lợi cuối cùng đều là không.

> Giáo sư Tăng Sĩ Cường cho rằng, Khổng Tử không chỉ vẽ một quẻ, quẻ quan trọng hơn của Khổng Tử là cảm nhận hoàn toàn khác nhau về đời người trong sáu giai đoạn. Vậy Khổng Tử trong sáu giai đoạn đời mình có những cảm nhận gì về đời người? Và những cảm nhận này đối với cuộc sống của chúng ta có gợi ý gì?

Nhiều người không để ý, Khổng Tử trong đời còn vẽ một quẻ quan trọng hơn, quẻ này chia làm hai phần thượng, hạ. Thứ nhất, xuất hiện trong Luận Ngữ thiên đầu tiên Học Nhi: "Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ?" (Học mà thực hành theo, chẳng phải là vui sướng sao?). Câu này tương ứng với "thập hữu ngũ nhi chí ư học".

"Thập hữu ngũ nhi chí ư học" là lý tưởng và kế hoạch đời người của Khổng Tử, còn "học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ" chính là thành quả thực tiễn. Chữ "tập" này tuyệt đối không phải ôn tập, phục tập. Các thầy cô chúng ta bây giờ đã hiểu sai, bắt học sinh ôn tập miết, phục tập miết, đến nỗi học sinh sinh ra tâm lý chán học. "Tập" là thói quen, chỉ học thôi chưa tính là gì cả, còn phải hình thành thói quen, như vậy mới vui vẻ được. Học xong chỉ nhớ trong đầu, không thể vận dụng, trở thành gánh nặng của trí nhớ, có gì vui vẻ đâu? Chỉ là đối phó thi cử mà thôi. Ý của Khổng Tử là, học xong phải nhanh chóng thực hành trong cuộc sống, và hình thành thói quen. Khi chúng ta phát hiện học tập sẽ mang lại những thói quen tốt như vậy, và những thói quen tốt này lại mang lại cho chúng ta nhiều thu hoạch như vậy, thật là vui sướng biết bao!

Thứ hai là "Hữu bằng tự viễn phương lai, bất diệc lạc hồ?" (Có bạn từ xa đến, chẳng phải là vui mừng sao?), đây chính là thành quả của "tam thập nhi lập". Một người đến ba mươi tuổi, quan hệ với tất cả mọi người đều có nguyên tắc cơ bản, không làm bừa, bạn bè mới vui lòng giao tiếp với bạn, mới có thì giờ là từ xa đến thăm bạn. Vậy nguyên tắc này là gì? Chính là phải "tương tâm tỷ tâm", đứng ở lập trường của bạn bè mà suy nghĩ sự việc, không thể chỉ nghĩ cho mình, không nghĩ cho người khác.

"Tứ thập nhi bất hoặc" thành quả là gì? Chính là "nhân bất tri nhi bất uẩn" (Người không hiểu mà không giận). "Uẩn" là hơi giận. Bởi vì bạn đối với nguyên tắc của mình đã “bất hoặc” rồi, nhưng người khác sẽ “nghi hoặc”, người ta sẽ nói: "Sao anh lại làm vậy?" Gặp tình huống này, bạn hoàn toàn không cần phải giận, bởi vì người khác không có cách nào hiểu được bạn, bạn giận làm gì? "Nhân bất tri nhi bất uẩn", đối với chúng ta là việc rất khó làm được. Ngày nay nhiều người làm ngược lại với điều Khổng Tử nói, là “nhân bất tri nhi đại nộ” (Người không hiểu mà nổi giận): "Ngươi không biết ta là ai sao? Mù mắt rồi!" Hoàn toàn đi ngược với Khổng Tử.

Thực ra, trong tất cả các ngôi sao thể thao tôi chỉ biết Dao Minh, những người khác tôi đều không biết, bởi vì Dao Minh đặc biệt cao. Tại sao diễn viên điện ảnh tôi đều không biết? Bởi vì không cần thiết. Vậy bạn có thể tưởng tượng, bạn trong ngành của mình dù xuất sắc đến đâu, đặc biệt đến đâu, nhưng người khác vẫn

không biết bạn, điều này cũng rất tự nhiên. Bản thân bạn không hoang mang là được, người khác nghĩ thế nào, người khác nhìn thế nào, đó là việc của người ta, bạn hoàn toàn không cần phải giận.

"Ngũ thập nhi tri thiên mệnh" tương ứng với câu nào? Câu này mọi người cũng rất quen, gọi là "phát phẫn vong thực" (phấn đấu đến quên ăn). Như vậy bạn mới biết, không thể nhỏ tuổi đã “phát phẫn vong thực”, bởi vì lúc đó chí hướng chưa định, nguyên tắc chưa định, hơn nữa lúc đó cũng chưa hiểu đời mình đến để làm gì. Khi tất cả những điều này chưa xác định mà phát phẫn vong thực là rất nguy hiểm. “Phát phẫn vong thực“ để làm gì? Đọc tiểu thuyết tình cảm, hỏng; kết bạn, cũng hỏng; lên quán net, càng hỏng!

“Phát phẫn vong thực” là có điều kiện, chỉ khi bạn biết đời này phải làm gì, đã rõ mục tiêu đời mình rồi, mới có thể “phát phẫn vong thực” toàn tâm toàn ý mà làm. Lúc này không thể so đo nữa, càng không có gì để do dự nữa.

"Lục thập nhi nhĩ thuận" thành quả, Khổng Tử dùng bốn chữ, gọi là "lạc dĩ vong ưu". “Lạc dĩ vong ưu” nghĩa là gì? Nếu một người rõ ràng ở trong hoàn cảnh lo âu, mà vẫn vui vẻ được, người này quá hồ đồ, vô tâm vô cảm. “Lạc dĩ vong ưu”, là nói phải xem tất cả lo âu như niềm vui: việc này đối với người khác tính là lo âu, nhưng đối với tôi chính là niềm vui, bởi vì đây là việc tôi phải làm, đây chính là mệnh của tôi. Người khác thấy tôi vất vả, đó là việc của người ta.

Một người trong công việc của mình, còn có “ưu”, còn có “tư”, còn có “lự”, còn có nhiều trở ngại, chính là biểu hiện của việc bản thân chưa “phát phẫn vong thực”, chưa toàn lực dốc sức. Một người tìm được việc mình phải làm, sẽ quên đi vất vả, nhưng đây chỉ là bước đầu. Sau này sẽ còn nhiều người đả kích bạn, sẽ có nhiều người bàn tán sau lưng bạn, thậm chí công khai thách thức bạn, muốn tìm sơ hở nhỏ của bạn, mà bạn ôm thái độ "không sao cả, vốn là như vậy" mà bỏ qua, đây mới gọi là “lạc dĩ vong ưu”. Cùng một sự việc, nếu xảy ra với người khác, họ sẽ thấy rất lo lắng; nhưng trong mắt bạn, đây là một niềm vui, bởi vì tiếp nhận thách thức có mục tiêu cụ thể vốn là một niềm vui. Đây mới là một sự biến hóa hữu âm hữu dương của Kinh Dịch.

"Thất thập nhi tùng tâm sở dục, bất du củ" thành quả, Khổng Tử cũng dùng một câu để biểu đạt, "bất tri lão chi tương chí". Khổng Tử không bao giờ cảm thấy mình tuổi đã lớn, bởi vì ông hoàn toàn không có quan niệm tuổi già. Một người làm gì cũng rất tự tại, đều không có phiền não khó khăn, làm sao cảm thấy mình già được?

> Con người phải phục lão (服老), không nên nhận lão (认老). Tuổi sinh lý ai cũng không tránh khỏi, nhưng trạng thái tinh thần, tâm lý mỗi người đều khác nhau. Khổng Tử mãi mãi giữ được sự trẻ trung, chính là vì ông có kết quả thực tiễn như vậy, những điều này đều ở trong Luận Ngữ (Hình 9-15). Tôi đọc xong Kinh Dịch rồi mới đọc lại Luận Ngữ mới biết, Khổng Tử thật là phi thường!

Tôi nói cho mọi người biết, người thực sự hiểu Kinh Dịch, đóng góp lớn nhất cho Kinh Dịch là hai người, một là Khổng Tử, hai là Mạnh Tử. Mạnh Tử phát huy Kinh Dịch đến mức tinh túy hơn nữa, nhưng trong Luận Ngữ và Mạnh Tử đều không thấy một chữ "dịch", việc có nghĩa gì? Bởi vì thời đó, Kinh Dịch đã bị bóp méo. Nhiều người không dám nói, vừa nói là có người bảo lại tính toán bói toán rồi, nghĩ đến đó thôi.

Đây là vận mệnh của Kinh Dịch, chúng ta nhất định phải hiểu. Lần này chúng ta giảng Kinh Dịch, phải thoát khỏi những “tiểu dụng” đó, đi lên “đại dụng”. Vì thế bài giảng tiếp theo, chúng ta sẽ bàn về: tư duy của Kinh Dịch.

Chương 10: Tư duy của Kinh Dịch

> Muốn hiểu được Kinh Dịch, trước hết phải học cách tư duy của Kinh Dịch. Tuy con người có nhiều cách tư duy khác nhau, nhưng tóm lại có ba loại chính:
>
> Loại thứ nhất là "nhất phân pháp" - tức là bạn nói gì tôi đều tin, hoặc bạn nói gì tôi đều không tin. Cách tư duy hoàn toàn khẳng định hoặc hoàn toàn phủ định này đương nhiên là sai lầm.
>
> Loại thứ hai là "nhị phân pháp" - phân biệt rõ ràng phải trái, đúng là đúng, sai là sai. Cách tư duy phân biệt rõ phải trái này, có phải là đúng không?
>
> "Nhị phân pháp" là cái bẫy đáng sợ nhất. Vậy cách tư duy của Kinh Dịch là gì? Đó chính là loại thứ ba, gọi là "tam phân pháp". "Tam phân pháp" là gì? Chúng ta nên vận dụng cách tư duy này như thế nào để giải quyết thỏa đáng những vấn đề gặp phải trong cuộc sống?

Hôm nay chúng ta sẽ bàn về cách tư duy của Kinh Dịch. Tại sao mỗi quốc gia có cách nhìn khác nhau, mỗi người có quan điểm khác nhau, chủ yếu là do cách tư duy không giống nhau. Trên thế giới có rất nhiều cách tư duy, nhưng tóm lại chỉ có ba loại.

Một loại là "nhất phân pháp". "Nhất phân pháp" là gì? Đó là bạn nói gì tôi đều tin, hoặc bạn nói gì tôi đều không tin, hai trường hợp này là như nhau. Nghe gì cũng tin, với nghe gì cũng không tin, hai loại này là giống nhau. Đừng tưởng chúng khác nhau, thực ra đều là "nhất phân pháp". Người có tư duy "nhất phân pháp" bản thân không có ý kiến, dù người ta nói gì họ cũng như thế, giống như miếng bọt biển hút vào. Người ta hỏi: "Có ma không?", họ đáp: "Có." Người ta hỏi: "Sao anh biết có ma?", họ đáp: "Mọi người đều nói có ma, nên đương nhiên là có ma." Rất nhiều người có thái độ như vậy. "Thật sự có ma không?" "Không có ma." "Tại sao không có ma?" "Họ đều nói không có ma, nên là không có ma." Loại người này hiện nay cũng rất nhiều, rất đáng yêu. Cách tư duy này gọi là "nhất phân pháp". Nhưng loại người này, dần dần sẽ trở thành thiểu số, bởi vì giáo dục hiện đại của chúng ta đều dạy "nhị phân pháp".

"Nhị phân pháp" là qua suy nghĩ, qua phân biệt, qua phán đoán, tự mình phân định phải trái. "Nhị phân pháp" chính là phân biệt rõ phải trái. Hiện nay chúng ta rất thích người phân biệt rõ phải trái, thực ra đây là sai lầm. Phân biệt rõ phải trái là đúng thì là đúng, sai thì là sai, nhưng Kinh Dịch nói với chúng ta trong 64 quẻ, quẻ thuần dương chỉ có một, nó chiếm tỷ lệ rất nhỏ, chỉ có 1/64. Quẻ thuần âm cũng chỉ có một. Vì vậy, hoàn toàn đúng hoặc hoàn toàn sai, tỷ lệ quá nhỏ. Trong 64 quẻ có 62 quẻ đều là có đúng có sai.

Vì cách tư duy "nhị phân pháp" này hiện nay rất phổ biến, nên tôi phải dành nhiều thời gian để giải thích. Con người về cơ bản không có tư cách phân biệt rõ phải trái. Thứ nhất, nhận thức của con người rất hạn chế. Không hiểu rõ mà phân biệt phải trái, làm sao phân biệt? Thứ hai, khả năng lựa chọn của con người rất thiếu thốn, thường chọn sai. Thứ ba, khả năng phán đoán của con người rất yếu kém. Người làm thầy giáo phần lớn đều như vậy. Giáo viên tiểu học phần lớn chỉ có đúng với sai. Giáo viên trung học phần lớn là "sách giáo khoa nói đúng là đúng, tôi cũng không biết", đã linh hoạt hơn rồi. Bởi vì họ tự biết mình không có khả

năng phân biệt phải trái, nhưng ít nhất sách giáo khoa viết như vậy. Giáo dục hiện nay của chúng ta dạy chính là điều này, nhưng chúng ta lại chỉ trích loại người này, bởi vì họ là điển hình của óc tư duy cứng nhắc, một đao cắt đứt, không biết uyển chuyển. Nhưng chính giáo dục của chúng ta đã dạy họ thành như vậy.

Tôi xin hỏi mọi người: Nếu "nhất phân pháp" gọi là phân biệt rõ phải trái, vậy "nhị phân pháp" có phải là không phân biệt rõ phải trái không? Tuyệt đối không phải.

> Trong tư duy thông thường của chúng ta, cách tư duy "nhất phân pháp" hoàn toàn khẳng định hoặc hoàn toàn phủ định đương nhiên là sai lầm, nhưng "nhị phân pháp" phân biệt rõ phải trái có phải là đúng không? Nhưng giáo sư Tăng Sĩ Cường nói rằng, "nhất phân pháp" và "nhị phân pháp" về bản chất là giống nhau, nên đều sai lầm, vậy cách tư duy đúng đắn phải như thế nào?

Đó chính là cách thứ ba, "tam phân pháp". "Tam phân pháp" hoàn toàn không có câu trả lời, bởi vì nó luôn thay đổi. Kinh Dịch thường cho chúng ta câu trả lời thứ ba. Điều này gọi là gì? Nói cho rõ, nó không phải là không phân biệt phải trái, cũng không phải là phân biệt rõ phải trái. Tôi tin rằng trong lòng mọi người đã rất rõ ràng. Người Trung Quốc ghét nhất là người không phân biệt phải trái, nhưng chúng ta cũng không thích người phân biệt rõ phải trái. Anh thông minh, anh giỏi, anh nhìn đúng, tôi không giao du với anh được không? Những người phân biệt rõ phải trái, quan hệ giao tiếp đều rất kém. Đây là một vấn đề rất phiền phức của người hiện đại. Điều này gọi là gì? Gọi là "tam phân pháp", phải trái khó phân biệt.

Như vậy mọi người mới hiểu, tại sao bạn hỏi người Trung Quốc câu gì, họ đều trả lời bạn ba chữ: "Rất khó nói". Không có việc gì là dễ nói cả. Vậy làm sao? Người Trung Quốc rất thông minh, ba chữ lại hóa giải - "Cứ xem xét mà làm". Có lúc phải thế này, có lúc phải thế kia, linh hoạt vận dụng. Đây chính là điểm rất tuyệt vời của người Trung Quốc.

Lão Tử trong Đạo Đức Kinh nói với chúng ta: "Đạo khả đạo phi thường đạo". Ông ấy trước tiên nói với chúng ta đạo rất khó nói, sau đó mới bắt đầu nói về đạo. Người Trung Quốc trước tiên nói rất khó nói, sau đó mới bắt đầu nói; trước tiên nói tôi không biết, sau đó mới cho bạn biết. Những cách nói này đều từ Kinh Dịch mà ra. Đó là tôi sẽ quan tâm đến cả hai phía, những điều nói với bạn chỉ là phần tôi biết. Nhưng có những phần, tôi vẫn không biết.

Chúng ta thường không nói rõ. Bạn xem, chúng ta nói chuyện đều là điểm đến đâu dừng đến đó, không nói quá rõ ràng. Nói chuyện quá rõ ràng và nói chuyện không rõ ràng đều không đúng. Điều này cần phải học tập kỹ.

Xin hỏi mọi người: Quan niệm cần phải thay đổi, đúng không? Nói đúng, vậy là như thế; nói không nên, vẫn là như thế. Người Trung Quốc phàm là chọn một trong hai, đều là "nhị phân pháp". "Nhị phân pháp" là cái bẫy đáng sợ nhất, bao nhiêu người rơi vào đó, cả đời không thoát ra được.

> Theo cách tư duy của Kinh Dịch, phải trái luôn là tương đối, nhưng trong cuộc sống thực tế chúng ta thường cần phải lựa chọn và phán đoán về sự việc xung quanh. Khi đối mặt với những quan điểm khác nhau, chúng ta nên chọn đồng ý hay không đồng ý? Khi được hỏi là A đúng hay B đúng, chúng ta nên trả lời thế nào?

Quan niệm cần thay đổi, câu trả lời thực sự chỉ có một: Tùy tình huống. Có những quan niệm cần phải thay đổi, có những quan niệm không thể thay đổi, dù có thay đổi cũng chỉ có thể điều chỉnh, không thể thay đổi hoàn toàn. Ví dụ: Làm kinh doanh phải kiếm tiền, đúng không? Bạn nói đương nhiên đúng, đó là "nhị phân pháp". Bạn nói không đúng, không ai tin. Bạn nói làm kinh doanh là không kiếm tiền, ai tin? Tuyệt đối không ai tin. Câu trả lời đúng là: Làm kinh doanh phải kiếm tiền, nhưng vẫn phải quan tâm đến lương tâm.

Bất kỳ câu nói nào cũng phải có "nhưng", phải có điều kiện, đó chính là âm dương không thể tách rời. Hiện nay chúng ta đều tách rời âm dương, một khi tách rời là xong. "Nhất âm nhất dương chi vị đạo" (một âm một dương gọi là đạo) nói với chúng ta, âm dương luôn ở cùng nhau. Ví dụ: Đói thì phải ăn, đúng không? Bạn thấy đó, việc đơn giản như vậy mà chúng ta cũng không dám nói đúng. Về việc này Gia Cát Lượng nói rõ nhất. Khi một người đói, bạn không thể ngay lập tức cho họ ăn, họ sẽ chết vì no. Vì vậy, với một người rất đói, bạn đưa cho họ một cái đùi gà để ăn, là đang chuẩn bị hại chết họ. Bạn chỉ có thể cho họ uống một chút cháo loãng, không phải tiếc, mà là vì tốt cho họ.

Hãy nhớ, mọi việc đều có thể có 64 tình huống khác nhau, không thể nói chung chung, nếu không sẽ quá thô thiển, quá mạo hiểm, quá ngây thơ. Hiện nay câu nói chúng ta thường nghe nhất là thế kỷ 21 cần có quan niệm mới. Tuyệt đối là "nhị phân pháp". Có những quan niệm dù là thế kỷ nào cũng không bao giờ thay đổi. Ví dụ: cần cù, tiết kiệm, có trách nhiệm, nghiêm túc, chỉ cần có con người, thì không thể thay đổi. Hiện nay chúng ta cứ muốn thay đổi, thay đổi đến cuối cùng, ngay cả gốc rễ của mình cũng không còn, đây là điều nguy hiểm nhất.

Xin hỏi mọi người, có thần quỷ hay không? Nói có, là "nhị phân pháp"; nói không có, vẫn là "nhị phân pháp". Mọi người có thể dùng điều này để thử người thân bạn bè, vừa mở miệng là "nhị phân pháp". Bởi vì chúng ta rơi vào cái bẫy này quá lâu quá lâu, muốn thoát ra rất khó, nhưng nhất định phải tìm cách.

Có thần quỷ hay không? Có câu trả lời chuẩn không? Có, đương nhiên có câu trả lời. Trong tâm có quỷ thì có quỷ; trong tâm không có quỷ thì hoàn toàn không có quỷ. Quỷ gì? Chính là nghi thần, nghi quỷ. Nếu đột nhiên thấy quỷ ở đó, tuyệt đối không được chạy, thấy quỷ ở đó mà chạy mất dép, cả đời sẽ tin là có quỷ. "Tôi đã gặp quỷ, tôi đã thấy". Bạn thử dùng cách của tôi xem, có quỷ, nhìn nó một cái, nhìn thêm cái nữa, nó sẽ biến mất, vốn dĩ nó không có. Con người đều là trong tâm có quỷ, nên mới sợ Đông sợ Tây. Bạn xem, trẻ con không nói chúng sợ quỷ, bởi vì chúng hoàn toàn không biết quỷ là gì, làm sao sợ? Đều là một ngày nào đó, có người lớn hơn đến nói với chúng quỷ rất đáng sợ, mới bắt đầu sợ quỷ, đều do người lớn dạy chúng.

Dạy chúng những điều này làm gì? Không phải tìm phiền phức sao? Bản thân bị quỷ dọa, rồi còn đi dọa người khác, tâm bạn chạy đi đâu rồi? Không có lương tâm.

> Cách tư duy của Kinh Dịch nói với chúng ta, tất cả phải trái đúng sai đều có điều kiện. Đúng và sai trong những tình huống khác nhau, sẽ luôn thay đổi. Thực ra trong cuộc sống, chúng ta cũng thường gặp tình huống như vậy. Rõ ràng tôi nói sự thật, đối phương lại giận; rõ ràng tôi một lòng tốt, đối phương lại có ý kiến với tôi. Nguyên nhân đến từ đâu ? Chúng ta nên xử lý thế nào?

Tôi xin nêu một ví dụ, một người con dâu mua một con gà, cho một ít nấm hương, nấu một nồi canh gà nấm hương rất thơm. Nấu xong, rất vui, bèn hỏi to: "Mẹ ơi, mẹ có muốn ăn canh gà nấm hương không?" Tôi xin hỏi mọi người, nếu bạn là mẹ chồng của cô ấy, sẽ trả lời thế nào? Bạn sẽ không trả lời đâu. Bà mẹ chồng đó than phiền với tôi: "Con dâu tôi tốt đến mức hỏi tôi, mẹ có muốn uống canh gà nấm hương không. Trong lòng tôi nghĩ hỏng rồi. Tôi trả lời có, mất mặt con trai, như thể tôi là mẹ chồng chưa từng được ăn canh thơm như vậy. Tôi nói không, hai vợ chồng nhỏ sẽ ăn hết, tôi không được ăn, vậy cũng không được." Vì vậy, người con dâu này không nên hỏi mẹ chồng uống hay không, bởi vì Luận Ngữ nói rất rõ.

Chúng ta chỉ biết thuộc Luận Ngữ, hoàn toàn không biết dùng Luận Ngữ, vậy đọc Luận Ngữ có tác dụng gì? Luận Ngữ - Vi Chính Thiên nói rất rõ: Nếu phụng dưỡng cha mẹ mà không có lòng kính trọng, thì có gì khác với cho ngựa ăn, cho chó ăn? Nếu gọi bố mẹ chồng đến ăn cơm chỉ nói một câu "đến", thì có gì khác với cho chó ăn? Đó không gọi là hiếu. Hiếu mà không kính, chính là bất hiếu.

Bạn xem, có người, cô ta ôm chó, rồi nói: "Mẹ, mẹ cẩn thận một chút, con không có cách nào chăm sóc mẹ, con phải chăm sóc nó." Cô ta thà đi chăm sóc chó, với chó có nói có cười, mà thấy mẹ chồng thì mặt lạnh như tiền. Cô ta bị hại gì? Bị phim ảnh hại, phim ảnh phần lớn là giả, bạn cho là thật, không phiền phức sao? Bạn xem, trong phim, nam nữ trẻ kết thành lương duyên, rồi từ đó sống hạnh phúc vui vẻ. Mọi người đừng mắc lừa, bởi vì nó không có phần tiếp theo. Phần tiếp theo mà ra, hai người chửi nhau còn dữ dội hơn ai. Bạn mắc lừa làm gì? Cuộc sống thực tế, vĩnh viễn không giống như trong phim mô tả.

"Mẹ, mẹ muốn uống canh không?" Câu này không thể hỏi, đây là không kính trọng. Bạn phải làm sao? Múc canh xong, bưng đến phòng mẹ chồng: "Mẹ, con không biết canh này có ngon không, vì con không có kinh nghiệm, mẹ ăn thử xem, góp ý cho con." Khiến bà ấy rất có thể diện, bà ấy mới ăn. Bạn khiến bà ấy mất thể diện, bà ấy thà không ăn. Người hiện đại có hiểu không? Không hiểu. Nên mới cứ trách mẹ chồng tính khí không tốt, làm bộ làm tịch.

Tôi có một người bạn trẻ, kiếm được tiền rồi, bèn mời bố mẹ đi ăn nhà hàng, nhưng cuối cùng bố mẹ rất không vui. Tại sao? Bởi vì sau khi phục vụ hai cụ xong, con trai nói một câu: "Nhà hàng này con thường đến." Người cha liền không vui, nghĩ: Thường đến? Vậy sao đến giờ mới mời tôi đến? Đáng lẽ anh phải mời tôi đến sớm! Anh ăn đến mức không muốn ăn nữa, mới mời tôi đến ăn, phải không? Tôi gọi mấy món ngon cho anh ăn, anh thấy món nào cũng không muốn ăn. Người cha tâm trạng không tốt, nên phàn nàn với tôi,

nói: "Con trai tôi mời, hoàn toàn không có thành ý. Nó chỉ muốn khoe trước mặt tôi: bố xem, con kiếm tiền giỏi hơn bố phải không? Ngày xưa bố có từng mời ông như vậy không? Nó đến để dạy dỗ tôi." Tôi nói: "Nó không nói một câu nào." Ông ấy nói: "Nó nói, tôi chỉ nghe một câu; nó không nói, tôi nghe được mấy trăm câu." **Người Trung Quốc chuyên nghe những lời bạn không nói ra**, người Trung Quốc giỏi ở chỗ này. Bạn chỉ nói mấy câu đó, nhưng tôi biết bạn không nói còn nhiều hơn. Tôi nói đi nói lại, không đọc Kinh Dịch, hoàn toàn không hiểu được người Trung Quốc!

Dù là con dâu mời mẹ chồng ăn canh, hay con trai mời cha ăn cơm, tuy con cái tấm lòng tốt, nhưng nếu nói năng không thỏa đáng, cha mẹ vẫn sẽ không hài lòng.

Dân tộc Trung Hoa rất coi trọng đạo hiếu, nhưng nếu cha mẹ yêu cầu con cái làm việc sai trái, con cái nên đồng ý hay nên từ chối?

Xin hỏi mọi người một câu rất quen thuộc, nhưng ngày nay câu này bị hiểu sai nghiêm trọng và gây ra nhiều tranh cãi: "Thiên hạ vô bất thị chi phụ mẫu" (Thiên hạ không có cha mẹ nào là không đúng). Đây là lời thánh nhân nói. Thánh nhân có thể nói sai không? Bạn giỏi hơn thánh nhân sao? Nếu câu này không đúng, đã sớm biến mất rồi, làm sao truyền đến bây giờ? Tôi đề nghị mọi người, phàm là những câu truyền mấy nghìn năm, phần lớn đều có đạo lý của nó, nếu không đã sớm thất truyền rồi, làm sao truyền đến bây giờ? Nó tuyệt đối đúng, chỉ là chúng ta chưa hiểu hết, chính chúng ta giải thích sai.

"Thiên hạ vô bất thị chi phụ mẫu" được giải thích như sau. Cha mẹ thiên hạ về cơ bản đều là người, đã là người thì nhất định sẽ phạm sai lầm, bởi vì "nhân phi thánh hiền thục năng vô quá" (người không phải thánh hiền, ai có thể không lỗi). Vì vậy cha mẹ thiên hạ dù thế nào, dù họ làm quan to, dù họ có học vấn cao, dù họ kiếm nhiều tiền, vẫn sẽ phạm sai lầm. Chỉ là đứng ở vị trí con cái, không có quyền nói ra, không có tư cách nói ra. Nhưng có phải vì thế mà cho rằng họ không có sai không? Cũng không phải. Trong lòng biết điều này không đúng, miệng không thể nói ra, đây gọi là "thiên hạ vô bất thị chi phụ mẫu".

Tiếng Trung không dễ hiểu như vậy đâu. Tôi xin nêu một ví dụ, một ngày nọ mẹ nói với con trai: "Con à, Tết Đoan Ngọ sắp đến rồi, con phải nhanh chóng chuẩn bị đi biếu quà. Con xem, mấy năm nay con vẫn chưa được thăng chức. Con phải đi biếu quà chứ, không biếu làm sao người ta đề bạt con?" Làm con phải làm sao? Nếu người con nói: "Mẹ, bây giờ thời đại khác rồi, mọi người đều đang chống tham nhũng, mẹ bảo con đi biếu quà, không phải là hại con sao?" Mọi người xem anh ta nói, đúng 100%, nhưng lại là bất hiếu. Bởi vì cha mẹ dù thế nào cũng là người nuôi lớn bạn, bạn lớn lên rồi, lại quay lại dạy dỗ cha mẹ, đúng không? Con cái không có quyền dạy dỗ cha mẹ. Mà hiện nay rất nhiều người đọc được chút sách, về nhà liền dạy dỗ cha mẹ, con cái như vậy để làm gì?

Nhưng chúng ta lại không thể nghe theo lời mẹ đi biếu quà, lại không thể nói thẳng trước mặt bà, vậy chỉ còn cách đi con đường này, con đường này rất thông minh. Nguyên tắc đi con đường này là: Lời mẹ nói

vĩnh viễn là đúng, chỉ là phía dưới có cái đuôi, không nhất định nghe theo là đúng. Người Trung Quốc giỏi nhất chính là điểm này. Tại sao nhất định phải nói thẳng với bà? Ví dụ, mẹ tháo chiếc nhẫn vàng trên tay xuống, nói: "Mẹ không có gì khác, con đem chiếc nhẫn vàng này đi bán, nhanh chóng đi biếu." Con nói "vâng", rồi cầm nhẫn vàng cất kỹ, không có động tĩnh gì. Nếu không có động tĩnh, mẹ cũng không hỏi, vậy là xong chuyện. Nếu mẹ hỏi: "Con à, Tết Đoan Ngọ qua rồi, con đã biếu chưa? Sao biếu quà không có tin tức gì?" Con nói: "Mẹ, để con đi dò la thử xem." Con có đi hỏi không? Con hoàn toàn không biếu, con đi hỏi ai? Nhưng con về nói: "Mẹ, con đã dò la được rồi, tất cả những người đi biếu quà, nếu không bị điều đi tỉnh khác, thì bị giáng chức." Mẹ nói: "Thật vậy sao? Vậy không phải mẹ hại con sao?" Con nói: "Mẹ không hại con. Bởi vì khi con đến tiệm vàng bán nhẫn vàng, chủ tiệm nói đây là của mẹ con, sao có thể bán, nên con không dám bán. Hơn nữa người ta không dám mua, con làm sao bán? Sau đó con lại nghe nói không được biếu, biếu rất nguy hiểm." Mẹ nói: "Con thật là đứa con ngoan của mẹ, may mà con không biếu, nếu không mẹ đêm cũng không ngủ được."

Bạn xem, như vậy vẫn giải quyết được vấn đề. Tại sao nhất định phải thể hiện mình rất giỏi, thể hiện mình hiểu biết hơn cha mẹ, thể hiện mình không biếu là không biếu? Chúng ta nên giải quyết mọi vấn đề một cách viên mãn trước mặt mọi người, chứ không phải luôn nghĩ người khác sai mình đúng. Thiên hạ có đúng có sai, nhất định là hai người đều sai mới có đúng có sai.

Khi tôi còn trẻ không hiểu chuyện, sếp gọi điện hỏi tôi bây giờ có rảnh không, tôi nghĩ: Sếp hỏi tôi có rảnh không, tôi chỉ có thể nói có, tôi có thể nói không sao? Nên trả lời "có", sau đó mấy lần như vậy, tôi thê thảm rồi, bởi vì mọi người đồn, nói lời của sếp, cái anh chàng họ Tăng này suốt ngày không làm việc, mỗi lần tôi gọi điện cho anh ta, anh ta đều nói có rảnh. Từ đó về sau tôi mới biết không thể nói “rảnh”, sẽ hại chết mình. Nên sau này sếp lại hỏi tôi bây giờ có rảnh không, tôi đều nói không có, kết quả ông ấy ngay lập tức hỏi tôi: "Anh làm bộ làm tịch gì vậy? Với tôi mà cũng dám nói không có, vậy với người khác còn được nữa? Anh cút qua đây cho tôi." Là tôi chọc giận ông ấy sao?

"Bây giờ anh có rảnh không?" Bạn nói "có" hay "không" đều là đường cùng. Sau này tôi cuối cùng cũng hiểu ra, sếp lại hỏi "bây giờ anh có rảnh không", nên trả lời "em tới ngay". Tôi tới ngay là được rồi, anh quản tôi có rảnh hay không. Thế mới giỏi. Mọi người hãy cảm nhận phương pháp tư duy này mang lại cho chúng ta sự thuận tiện và niềm vui, đồng thời nó có thể tạo ra giá trị rất cao.

> Trong cuộc sống thực tế, chúng ta cũng cảm nhận được, chúng ta không nên nói dối, nhưng nếu hoàn toàn nói thật, lại rất dễ đắc tội với người khác, nên người phân biệt rõ phải trái, quan hệ giao tiếp rất khó làm cho tốt, nhưng người không phân biệt phải trái, lại bị coi là người hồ đồ, vậy chúng ta nên vận dụng "tam phân pháp" trong Kinh Dịch như thế nào để xử lý thỏa đáng vấn đề?

Một ngày nọ, một người chú họ Lý đến tìm bạn. Xin hỏi mọi người, có nên gặp ông ấy không? Người Trung Quốc vừa nghe, chú Lý đến tìm tôi, trong lòng lập tức tính toán, ông ấy đến tìm tôi làm gì? Rồi nghĩ, chắc là

đến đánh tôi. Xin hỏi mọi người phải làm sao? Nếu ra ngoài nói với ông ấy: "Ông muốn đánh tôi, tôi không gặp ông." Ông ấy sẽ đánh bạn ngay, bạn không xui xẻo sao? Nhưng nếu trốn, ông ấy sẽ đợi mãi ở phòng khách. Nên cách duy nhất là bảo con trai ra nói ông không có nhà. Nhưng nếu con trai bạn được bạn dạy dỗ phân biệt rõ phải trái, nó sẽ nghĩ bố hôm nay sao thế này, nên nó ra ngoài sẽ nói: "Bố cháu ở trong nhà, bảo cháu ra nói với chú là bố không có nhà." Bạn chắc chắn tức chết, đồ con ngu! Nhưng đây là do bạn dạy ra mà! Nếu con bạn có đầu óc, ra ngoài sẽ nói: "Bố cháu không có nhà. Chú có việc gì không? Có cần cháu nhắn lại không?"

Tôi nói với mọi người, một người không nói lời thật, không nhất định là lừa dối. Tôi tuyệt đối không lừa dối, nhưng thường không nói lời thật, không được sao? Chúng ta chỉ nói loại thứ ba, gọi là “lời thỏa đáng”. Người Trung Quốc chỉ có thể nói lời thỏa đáng. Chúng ta không có tư cách, không có quyền nói lời thật thà. Bởi vì nói lời thật thà vừa ra khỏi miệng đã làm tổn thương người khác. Chúng ta không thể lừa dối, lừa dối là không có lương tâm. Chúng ta không lừa dối, không nói lời thật, chuyên nói lời thỏa đáng. Như vậy mới có cách giao tiếp, nếu không làm sao giao tiếp?

Nhưng chúng ta không biết dạy con cái. Chúng ta chỉ biết dạy nó đi nói với chú Lý là mình không có nhà, như vậy là hại chết con cái. Việc dưới đây mọi người hãy mô phỏng. Sau này bảo con cái đi nói với chú Lý mình không có nhà, khách về rồi, nhất định phải gọi con lại, hỏi nó: "Bố rõ ràng ở nhà, tại sao bảo con đi nói với chú là bố không có nhà, ý là sao?" Nhất định phải nói với nó, nếu không nó sẽ chịu hại cả đời. Bạn hỏi như vậy, nó sẽ có một câu trả lời, rất thú vị, nó nói: "Bố nói dối." Bạn nói: "Làm sao bố có thể nói dối? Con từ nhỏ đến lớn, bố đều dạy con không được nói dối, sao bố lại đi nói dối?" Con vẫn sẽ nói một câu rất buồn cười, nó nói: "Trẻ con không được nói dối, người lớn được nói dối." Bạn nói: "Hoàn toàn không phải vậy. "Trẻ con không được nói dối, người lớn càng không được nói dối!" Chúng ta suốt ngày học phép biện chứng, nhưng không biết vận dụng vào cuộc sống. Con hỏi bạn: "Vậy tại sao bố lại làm vậy?" Bạn liền nhân cơ hội giáo dục nó, nói: "Bố nói cho con biết tại sao bố làm vậy. Bình thường gặp chú Lý, bố đều rất vui vẻ gặp chú ấy, nhưng lần này bố đoán chú ấy đến là để đánh bố. Vậy bố là ra ngoài để bị đánh, hay là trốn thì tốt hơn? Đương nhiên bố phải trốn rồi, ra ngoài để bị đánh làm gì? Nhưng nếu bố tự ra nói với chú ấy là bố trốn, bố trốn được không?" Nó nói: "Đương nhiên là không trốn được rồi." Bạn nói: "Vậy làm sao? Chỉ có con ra nói với chú là bố không có nhà. Vậy như thế có tính là nói dối không?" Nó nói: "Không tính là nói dối." Bạn nói: "Rõ ràng là nói dối, sao lại không tính là nói dối?" Nói như vậy xong, cả trí tuệ của đứa trẻ đã mở ra. Nó sẽ nói một câu rất có trí tuệ. Nó nói: "Bố à, việc này không thể trách bố, hoàn toàn là do chú Lý làm người quá không ra gì. Người ta rõ ràng ở nhà, nhưng lại không muốn gặp ông ấy, ông ấy phải tự kiểm điểm mình, liên quan gì đến bố?" Bạn nói: "Con giỏi quá, cuối cùng đã hiểu được đạo lý này." Bạn xem, bao nhiêu người cả đời không nắm được điểm này, chỉ biết tư duy cứng nhắc theo đường thẳng.

> Kinh Dịch có 64 quẻ, đại diện cho 64 hoàn cảnh khác nhau của vũ trụ nhân sinh. Ngoại trừ quẻ Kiền và quẻ Khôn ra, tất cả các quẻ tượng đều có âm có dương, điều này cũng đại diện cho, tất cả mọi việc trên thế giới đều phức tạp đan xen. Vậy chúng ta nên vận

> dụng cách tư duy của Kinh Dịch như thế nào để xử lý tốt các mối quan hệ phức tạp?

Trên thế giới có đủ loại tình huống, không thể hoàn toàn dùng một cách để đại diện. Vì vậy, tại sao người Trung Quốc luôn nói "cứ xem xét mà làm", chính là xem tình hình, điều chỉnh thích hợp, chứ không phải nói tôi không muốn là không muốn, muốn là muốn. Bạn có khí phách anh hùng như vậy, thì bạn phải gánh chịu quá nhiều áp lực. Bạn xem uống rượu là biết. Bạn có thể thử, lời tôi nói bạn đều có thể thử. Lần sau vừa bắt đầu bạn úp ly rượu xuống, nói: "Tôi không uống rượu." Bạn thử xem. Không có động tác này, người ta chưa chắc bắt bạn uống rượu, có động tác này, tất cả mọi người đều tìm mọi cách, hôm nay nhất định phải làm bạn say không thôi.

Tôi gặp một người rất giỏi, chúng tôi cùng ăn cơm, đũa của anh ta động qua động lại, không ăn một miếng nào. Bởi vì tôi là người rất tinh ý, tôi ngồi bên cạnh anh ta, anh ta không ăn một miếng nào, tôi liền biết anh ta ăn chay, mà còn ăn chay trường. Chúng tôi ăn mặn, anh ta không nói. Anh ta không nói mới là có tu dưỡng, bởi vì anh ta vừa nói mọi người sẽ không vui, anh ăn chay, sao không nói sớm, nói sớm chúng tôi đã không mời anh rồi. Một mình anh đến làm rối loạn chúng tôi, có ý gì? Nên anh ta không nói mới là tu dưỡng. Tôi cũng không thể nói anh ta ăn chay, nếu không tôi trở thành người có tội rồi, tôi khiến tất cả mọi người đều ghét tôi, làm sao đây? Tôi liền chạy vào bếp, nói bàn chúng tôi có một người ăn chay, anh cũng đừng làm kinh động mọi người, nấu cho anh ta một tô mì chay, cho vài lát bắp cải là được rồi, cho anh ta đỡ đói. Sau đó đầu bếp làm xong bưng cho anh ta. Mọi người đoán anh ta nói sao? Anh ta nói không cần đâu, tôi ăn no rồi. Bạn xem tu dưỡng của người ta tốt như thế nào, khi truyền ra, mọi người đều nói người này giỏi quá.

Chúng ta biết phép tắc tư duy của Kinh Dịch, cũng biết Khổng Tử vẽ rất nhiều quẻ, thực ra mỗi người cả đời đều vẽ rất nhiều quẻ, nên chúng ta phải xem xét những quẻ trong Kinh Dịch.

Kinh Dịch lấy Bát quái làm cơ số, nên khi nói Kinh Dịch, Bát quái đại diện cho 64 quẻ. Nhưng đã là 64 quẻ rồi, chúng ta phải cho mỗi quẻ một ký hiệu, gọi là “quẻ danh” (tên quẻ). Có quẻ Kiền, Khôn, Ký Tế, Vị Tế, Thái, Bĩ... mỗi quẻ có một quẻ danh. Nhưng quẻ danh ra đời rồi, mọi người có hiểu rõ chưa? Vẫn chưa chắc, vì vậy còn phải có “thoán từ”. Thoán từ chính là giải thích tại sao lấy quẻ danh này.

Quẻ đại diện cho môi trường lớn, trong mỗi môi trường lớn còn có những giai đoạn biến hóa khác nhau, gọi là “hào”. Một quẻ có sáu hào, nói với chúng ta, bất kỳ việc gì tốt nhất nên chia thành sáu giai đoạn khác nhau, sau đó mới nghiên cứu sự biến hóa mang tính giai đoạn của nó, đại khái là có thể biết được kết quả cuối cùng sẽ như thế nào. Đã có sáu hào, chúng ta cho mỗi hào một ‘hào từ’ khác nhau, để nói rõ đặc tính của quẻ này ở giai đoạn này là gì, cần chú ý những sự việc gì. Như vậy, khi chúng ta thấy một quẻ, từ môi trường tổng thể đến thao tác từng phần, đều sẽ rất rõ ràng.

Trong 64 quẻ, ngoài “Thoán từ” và “hào từ” ra, còn có "dụng cửu" (dùng hào dương) và "dụng lục" (dùng hào âm). Phàm là có dương xuất hiện, bạn liền biết nó là “dụng cửu”. Phàm là có âm xuất hiện, bạn phải xem xét đến “dụng lục”.

“Dụng lục” tương đối đơn giản, chính là nói nếu là hào âm, bạn chỉ có một nguyên tắc, đó là đối với người của bạn, đối với việc của bạn phải trung thành đến cùng. Bởi vì âm là phối hợp, người phối hợp không thể có quá nhiều chủ kiến, quá nhiều chủ trương, mà là phải toàn lực phối hợp, trung trinh đến cùng.

Khi dương xuất hiện, bạn biết nó là sáng tạo, với âm là không giống nhau. Một thứ có tính sáng tạo, không thể loạn biến. Nên “dụng cửu” nói với bạn, tuy bạn là dương, tuy bạn phải sáng tạo, nhưng bạn phải nắm bắt hoàn toàn đặc tính của các giai đoạn khác nhau, không thể chỉ nghĩ đến sáng tạo, nếu không cuối cùng sẽ là loạn biến, sẽ họa hoạn vô cùng. Nên với “dụng cửu” phải rất cẩn thận, phải răn dạy mình, dù là dương cương đầy đủ, dù là sức sáng tạo vô cùng, cũng phải chú ý một câu, gọi là điều chỉnh mang tính giai đoạn. Vì vậy cũng là rồng, có rồng có thể bay, có rồng vẫn không thể bay, phải xem mình ở vị trí nào, là đặc tính gì, không thể tùy tiện thể hiện.

Muốn xem những quẻ trong Kinh Dịch, đương nhiên phải bắt đầu từ thoán từ của quẻ Kiền. Nên bài giảng tiếp theo chúng ta sẽ nói: quẻ Kiền nói những gì?

Chương 11: Giải mã quẻ Kiền

> 64 quẻ của Kinh Dịch đại diện cho 64 tình huống của vũ trụ nhân sinh, đồng thời cũng nói với chúng ta, trong các giai đoạn khác nhau của cuộc đời, chúng ta nên điều chỉnh như thế nào, đối phó ra sao. Vì vậy, muốn giải mã bí ẩn của Kinh Dịch, bắt đầu từ những quẻ tượng có tính đại diện, từng bước thấm nhuần, đây là con đường chính đạo.
>
> Quẻ đầu tiên của Kinh Dịch chính là quẻ Kiền. Các hào từ của quẻ Kiền là: "Sơ cửu, tiềm long vật dụng (rồng ẩn, chưa thể dùng); Cửu nhị, hiện long tại điền, lợi kiến đại nhân; Cửu tam, quân tử chung nhật kiền kiền, tịch dịch nhược lệ, vô cữu (không có lỗi) ; Cửu tứ, hoặc dược tại uyên, vô cữu; Cửu ngũ, phi long tại thiên, lợi kiến đại nhân; Thượng cửu, kháng long hữu hối. Dụng cửu, kiến quần long vô thủ (thấy đàn rồng không đầu), cát". Những lời này đại diện cho ý nghĩa gì? Chúng ta nên thông qua việc học tập quẻ Kiền như thế nào để điều chỉnh cuộc đời của mình?

Vũ trụ nhân sinh có rất nhiều mật mã, Kinh Dịch quy nạp thành 64 mã. Vậy mật mã thứ nhất là gì? Chính là quẻ Kiền. Xem xét từng hào của quẻ Kiền, mật mã này cho chúng ta chỉ có 6 chữ: "Tiềm, Hiện, Dịch, Dược, Phi, Kháng" (xem hình 11-1). Hãy nhớ, các hào của Kinh Dịch phải xem từ dưới lên trên.

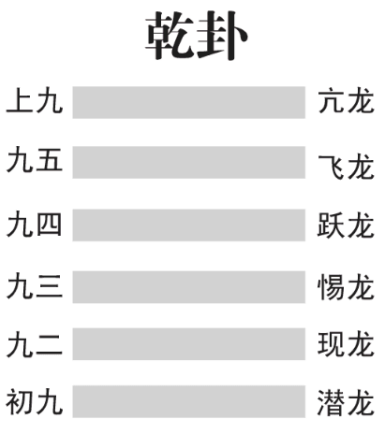


图11-1

Sáu hào của quẻ Kiền đều là rồng, nhưng hoàn cảnh lại không giống nhau, vì vậy còn đặc biệt nhắc nhở chúng ta: "quần long vô thủ". Dù là sáu con rồng giống nhau, nhưng ở các giai đoạn khác nhau, cũng phải có biểu hiện khác nhau, không thể chỉ có một phương pháp. "Vô thủ" chính là chỉ phương pháp không cố định.

"Quần long vô thủ" câu này viết ở đâu? Viết ở một nơi rất đặc biệt, gọi là "dụng cửu". Đã đọc Kinh Dịch thì nên biết, **trong toàn bộ 64 quẻ của Kinh Dịch, ngoài quẻ Kiền có "dụng cửu", quẻ Khôn có "dụng lục" (dùng hào âm) ra, các quẻ khác đều không có "dụng cửu" hay "dụng lục"**. Vì vậy muốn giảng quẻ Kiền, nên làm rõ "dụng cửu" trước.

"Dụng cửu" của quẻ Kiền là: "Kiến quần long vô thủ, cát". Ý nghĩa câu này là khi bạn thể hiện tình trạng "quần long vô thủ" thì sẽ đại cát đại lợi. Điều này không phải rất kỳ lạ sao? Thông thường khi chúng ta nghĩ đến hoặc nghe thấy "quần long vô thủ" (Đàn rồng không đầu lĩnh), đều chỉ mặt tiêu cực, mang ý nghĩa phê phán, biểu thị một tổ chức không có người lãnh đạo, lộn xộn hỗn loạn. Có thể thấy mấy nghìn năm nay,

chúng ta truyền đi truyền lại đã truyền sai. Bởi vì nếu giải thích “quần long vô thủ” là một tổ chức không có lãnh đạo tốt, mọi người lộn xộn một đám, thì không thể nào là “cát” được.

“Quần long vô thủ” có nghĩa là, dù bạn là rồng, bạn rất giỏi, nhưng ở các giai đoạn khác nhau, bạn cũng phải có sự điều chỉnh khác nhau, không thể vì mình là rồng mà một mực đi đến cùng, nếu không sẽ chết rất thảm. Nói bằng ngôn ngữ hiện đại, "kiến quần long vô thủ", tốt nhất nên giải thích là trong cuộc đời ở các giai đoạn khác nhau, phải có những điều chỉnh khác nhau. Vì vậy tôi thường viết một câu tặng người khác: cuộc đời chính là sự điều chỉnh mang tính giai đoạn.

Cuộc đời làm tốt việc điều chỉnh mang tính giai đoạn chính là "kiến quần long vô thủ". Vì vậy đôi khi, chúng ta hiểu sai văn tự, hoặc bóp méo nó, đây là điều rất đáng sợ.

Quẻ Kiền chia cuộc đời thành sáu giai đoạn, một giai đoạn khoảng 20 tuổi. Dĩ nhiên, 20 tuổi chỉ là tham khảo thôi. Có giai đoạn chỉ vài năm, có giai đoạn có thể mấy chục năm, có người có thể đến giai đoạn thứ ba đã không còn, những tình huống này đều có.

Sáu giai đoạn này dùng sáu chữ để đại diện, tính từ dưới lên:

- Giai đoạn thứ nhất gọi là “Tiềm”. Chính là ẩn mình, tạm thời không nên thể hiện.

- Giai đoạn thứ hai gọi là “Hiện”. Người Trung Quốc thường không thể hiện ngay, đều là ẩn mình trước, đợi đến cơ hội thích hợp mới thể hiện ra.

- Giai đoạn thứ ba gọi là “Dịch”, có nghĩa là cảnh giác. Nếu bạn không thể hiện, thỉnh thoảng không cảnh giác cũng không sao; nhưng một khi đã thể hiện, không cảnh giác nữa thì tất cả khuyết điểm của bạn sẽ dần dần bộc lộ ra. Hãy nhớ một câu, bạn chỉ cần vừa thể hiện, đòn công kích từ bốn phương tám hướng có thể sẽ đến, vì vậy nhất định phải nâng cao cảnh giác, phòng ngừa đòn công kích.

- Giai đoạn thứ tư gọi là “Dược”. Chính là bạn phải nghĩ cách, tìm cơ hội để nhảy vượt long môn. Cả cuộc đời chỉ đợi cơ hội này, xem có nhảy qua được không. Một khi vượt qua “long môn” (cổng rồng), thân giá tăng gấp trăm lần; nếu nhảy không qua, rơi xuống, cũng đành vậy, chuẩn bị nghỉ hưu thôi.

- Giai đoạn thứ năm gọi là “Phi”. Đây là một điểm chuyển ngoặt của cuộc đời, nhảy lên được, “phi long tại thiên”, ghê gớm lắm, nên gọi là “phi”.

- Giai đoạn thứ sáu gọi là “Kháng”, mang ý nghĩa cảnh giác rất nặng. “Phi long tại thiên”, rất vinh quang, nhưng Kinh Dịch khuyên chúng ta, khi phát triển đến giai đoạn thứ năm, đại khái nên thích đáng mà dừng, không nên quá đáng nữa, quá đáng sẽ là cao kháng, nên giai đoạn thứ sáu gọi là “kháng”, "kháng long hữu hối". Nếu sự nghiệp của bạn đã được kinh doanh rất ổn định, thì đừng nên mù quáng đòi hỏi làm mạnh làm

lớn nữa, tiếp tục xuống nữa có thể sẽ phá sản vì mở rộng quá mức, cuối cùng nhất định là "kháng long hữu hối".

> Hào từ đầu tiên của quẻ Kiền là: "Tiềm long vật dụng". "Tiềm" nghĩa rất rõ ràng, là nói, trong giai đoạn đầu tiên của cuộc đời, năng lực con người còn rất hạn chế, cần phải ẩn mình trước. Nhưng "vật dụng" là nghĩa gì? Là nói đừng thể hiện tài năng của bạn, hay là nói đừng sử dụng tài năng của bạn?

Một người, “tiềm” là phải chuẩn bị đầy đủ, chứ không phải nằm đó thì đơn giản là không thể hiện. Người có năng lực mới cần “tiềm”, người không có năng lực, căn bản không có gì để “tiềm”.

Giai đoạn thứ nhất, “tiềm long vật dụng” (xem hình 11-2). Chữ "vật" này không phải nghĩa là "không", không phải nói ở giai đoạn tiềm long thì không nên dùng, “vật dụng” không phải là không dùng. "Phi lễ vật thị", bạn có nên nhìn không? "Phi lễ vật ngôn", bạn có nên nói không? "Vật" với "bất" là không giống nhau, "vật" thực ra hàm chứa ý nghĩa "nên", “vật dụng” chính là đứng ở lập trường không dùng để dùng.



图11-2

Như vậy mọi người mới biết, người Trung Quốc có ý kiến, đều sẽ nói trước "tôi không có ý kiến", nếu bạn nói bạn không có ý kiến, người ta cũng không hỏi nữa, điều đó biểu thị dù bạn có nói, người ta cũng không nghe, vậy bạn còn cần thiết phải nói nữa không? Rất nhiều lúc, lãnh đạo hỏi cấp dưới có ý kiến gì không, cấp dưới phần lớn nói không có. Lãnh đạo nói: "Có thì cứ nói!" Bạn vẫn nói không có, lãnh đạo lại kiên trì bảo bạn nói, vậy thì bạn phải nói rồi. Lần thứ ba vẫn không nói, vậy đợi đến khi nào mới nói?

Tại sao người Trung Quốc nhất định phải "đẩy, kéo, lôi"? Rất nhiều người không hiểu lắm, "đẩy, kéo, lôi" là đẩy cho người hợp lý nhất, chứ không phải đẩy thời gian đi, cũng không phải đẩy trách nhiệm đi. Trách nhiệm tuyệt đối không thể đẩy được, đẩy trách nhiệm chỉ lãng phí thời gian. Thực sự biết đẩy kéo, là đẩy qua đẩy lại, đẩy cho người thích hợp nhất.

Khi họp, người phát biểu đầu tiên thường không ai nghe họ nói gì cả. Tôi thường có cơ hội tiếp xúc với một số tổng giám đốc công ty. Có một lần, tôi ngồi bên cạnh một tổng giám đốc, dự thính họp. Cuộc họp vừa

bắt đầu, tổng giám đốc nói: "Chúng ta đều rất bận, dành thời gian ra họp, mọi người có gì nói thì phải nói, đừng khách sáo." Sau đó có người giơ tay, người đầu tiên bắt đầu nói. Nhưng tổng giám đốc lại cứ nói chuyện với tôi. Tôi rất ngại, nói với tổng giám đốc: "Sếp ơi, anh bảo người ta nói chuyện, người ta nói thì anh lại không nghe, cứ nói chuyện với tôi, như vậy không tốt chứ?" Ông ấy nói: "Sao không tốt? Có gì không tốt? Tôi nói cho anh biết, anh ta nói không có câu nào đáng nghe cả, loại người này nói chuyện tôi mà còn chú ý nghe, vậy không phải là khuyến khích người xấu sao? Tôi nói chuyện với anh không có ý gì khác, chính là ám chỉ anh ta đừng nói nữa, nói nữa tôi sẽ làm anh ta khó xử. Nhưng anh ta, ngay cả điều này cũng không hiểu."

Vì vậy thường khi họp, chúng ta đều sẽ nghe người khác nói trước, nghe đi nghe lại, ý kiến của họ còn không bằng của mình, lúc đó tôi mới phải nói. Lúc này không nói, còn ra thể thống gì? Nếu nghe qua nghe lại, ý kiến của họ tốt hơn của mình, tôi liền nghĩ, may mà tôi chưa nói, nếu tôi nói rồi, thì đã làm trò cười cho thiên hạ. Điều này có lợi biết bao! Tại sao nhất định phải tranh đua? Hiện nay chúng ta đều nói phải tranh đua, thực ra là hiểu sai ý của Lão Tử.

Lão Tử nói: "Hậu kỳ thân nhi thân tiên, ngoại kỳ thân nhi thân tồn." (Sau khi chăm sóc thân mình thì mới chăm sóc người khác, bên ngoài chăm sóc thân mình thì mới tồn tại) Bạn từ từ thấm thía, Lão Tử là muốn tranh đua, Đạo gia cũng rất tích cực, nhưng ông đứng ở lập trường không tranh đua để tranh đua. "Tiềm" nghĩa là đứng ở lập trường không cần để cần, mới không cần loạn; đứng ở lập trường không có ý kiến để phát biểu ý kiến, mới không nói lung tung.

Sau này khi bạn nói chuyện, bên dưới có người xì xầm, bạn liền biết họ không muốn nghe. Đã họ không muốn nghe, bạn còn nói gì nữa? Đó thuần túy là lãng phí thời gian.

Bạn muốn nói đầu tiên cũng được, nhưng đừng giơ tay. Bạn nhìn người khác trước, nhìn một vòng, có người nhìn bạn, bạn mời họ nói trước, họ nhất định nói không cần, và sẽ mời bạn nói trước. Bạn lại mời người khác nói trước, tất cả mọi người đều không chịu, bạn mới đứng lên nói,i sẽ không a đố kỵ bạn, bởi vì bạn đã nhường nhịn nhiều người như vậy, lúc này mới nên “đương nhân bất nhượng” (Người trong cuộc không nhượng bộ). Nếu bạn không nhường một ai, tự mình đứng lên nói chuyện, điều đó biểu thị bạn hoàn toàn coi thường người khác, ai muốn nghe bạn nói gì chứ?

Người Trung Quốc biết "đẩy, kéo, lôi", là có dụng ý, chính là tôi lễ phép với bạn, tôi tôn trọng bạn, bạn nói trước, tôi nhất định không tranh với bạn, nhưng các bạn đều không chịu nói trước, thì xin lỗi, tôi nói trước, lúc này mới gọi là “đương nhân bất nhượng”. Vì vậy, cùng là nói đầu tiên, sẽ nhận được hai kết quả hoàn toàn khác nhau, thực ra chỉ khác nhau một chút xíu vậy thôi.

Tôi hy vọng mọi người hiểu, "tiềm" chính là để thể hiện, "tiềm" nếu là cái gì cũng không muốn, vậy ngay cả “tiềm” cũng không cần nói. Kinh Dịch nói "không", chính là "muốn", bởi vì nó là "nhất âm nhất dương chi vị

đạo" (một âm một dương gọi là đạo), "muốn" với "không muốn" là liên kết với nhau, không thể tách rời.

Gia Cát Lượng “tiềm” 27 năm mới "hiện", nên khi ông ra khỏi núi liền có biểu hiện phi thường ghê gớm. Nếu ông chỉ cày cấy ở Nam Dương, suốt ngày chỉ trồng rau ở đó, sống những ngày không hỏi chuyện đời, Lưu Bị mời ông ra có ích gì? Vì vậy, tôi không tin là Lưu Bị tự mình đi ba lần đến lều tranh, đó hoàn toàn là một cục diện do Gia Cát Lượng đặt ra: trước tiên ông khiến mình có ấn tượng tốt với mọi người, sau đó sẽ có người khen ngợi ông trước mặt Lưu Bị, làm cho Lưu Bị không thể không đến. Lưu Bị đâu phải tự động đến? Nhưng chúng ta đều nói là Lưu Bị tự động đi. Vì vậy Gia Cát Lượng đã làm được việc để người khác đến tìm ông, chứ không phải tự mình quảng cáo mình.

Người ngày nay, động một tí là nói phải quảng cáo bản thân, đó chính là tự làm rẻ mình, coi mình là hàng hóa. Chúng ta là hàng hóa sao? Đương nhiên không phải. Hiện nay có rất nhiều việc căn bản làm sai, nhưng chúng ta không biết. Chỉ cần hiểu Kinh Dịch, chúng ta có thể điều chỉnh lại.

Bạn chuẩn bị xong rồi, còn phải quan sát thêm, thật sự không có ai tốt hơn bạn, bạn mới thể hiện. Bạn chuẩn bị xong rồi, nhưng phát hiện mình vẫn chưa được, thì thôi đừng thể hiện nữa, ít nhất không bị mất mặt. Bạn không thể hiện, sẽ không bị mất mặt, bạn không mở miệng, người ta thật sự không rõ bạn có bao nhiêu nội hàm, nhưng chỉ cần bạn vừa mở miệng, ngũ tạng lục phủ đều bị người ta nhìn thấy rõ ràng. Vì vậy, nhất định phải chuẩn bị đầy đủ, mới đứng lên nói.

Một người chuẩn bị đầy đủ rồi, còn phải xem thời cơ, nếu thời cơ không đúng, phải tiềm. Gia Cát Lượng rất sớm đã chuẩn bị xong, nhưng thời cơ không đúng, ông không ra. Nếu thời cơ đúng, ông không ra cũng không được. Nếu Lưu Bị ba lần đến lều tranh, Gia Cát Lượng vẫn không xuống núi, thì cả đời ông sẽ vô danh tiểu tốt, lịch sử sẽ không ghi chép về ông, chúng ta cũng không biết có người này, ông sống cả đời vô ích. Nói thật, khi Gia Cát Lượng xuống núi, ông biết đời mình sẽ không thành công, chỉ vì thấy Lưu Bị thành tâm như vậy, mới đồng ý xuống núi. Điểm vĩ đại nhất của Gia Cát Lượng chính là, biết không thể làm mà vẫn làm. Ông không phải nắm chắc thành công mới xuống núi, bởi vì ông biết, người đúng rồi, nhưng thời không đúng, mà thời không đúng, người đúng cũng vô dụng.

> "Tiềm long vật dụng", vừa có ý nghĩa chuẩn bị đầy đủ, vừa có hàm ý tích lũy sức mạnh chờ thời. Thật ra bất kể là cuộc đời con người, hay một việc gì, lúc bắt đầu đều cần chuẩn bị đầy đủ, không thể hấp tấp vội vàng mà thể hiện ra. Vậy, khi một người bắt đầu thể hiện, cần chú ý những gì? Hào thứ hai của quẻ Kiền, "hiện long tại điền, lợi kiến đại nhân", lại có nghĩa là gì?

"Tiềm" là chuẩn bị đầy đủ, để tích lũy sức mạnh chờ thời. Trên cơ sở này, một khi nhìn đúng thời cơ, phải thể hiện đầy đủ. Không thể hiện thì thôi, một khi thể hiện, là "hiện long tại điền, lợi kiến đại nhân" (xem hình 11-3). Đại nhân là gì? Đại nhân với thánh nhân có gì khác nhau?



图11-3

Thực ra người hiểu rõ nhất thế nào là đại nhân, thế nào là thánh nhân chính là dân thường. Dân thường gọi đại nhân thế nào? "Đại nhân ơi", phía dưới nhất định là "xin cứu mạng!". Kêu cứu mạng mới liên kết với đại nhân. Có ai nghe thấy có người nói "thánh nhân ơi, cứu mạng!"? Thánh nhân làm sao cứu mạng được? Thánh nhân chỉ biết dạy dỗ bạn, làm sao cứu được mạng bạn? Người cứu được mạng bạn gọi là đại nhân, người dạy dỗ bạn gọi là thánh nhân. Một người, dù chức vị nhỏ đến đâu, chỉ cần quản đến bạn, họ chính là đại nhân. Thánh nhân là để trưng bày cho đẹp, tuy rất có học vấn, nhưng không cứu được người; thánh nhân tu dưỡng đạo đức rất tốt, rất biết nói đạo lý, nhưng ông ấy không cứu được người. Nếu thánh nhân có thể cứu người, thì thiên hạ đã sớm thái bình rồi, từ xưa đến nay có bao nhiêu thánh nhân, nhưng vẫn cứu không được thế nhân.

"Lợi kiến đại nhân" có hai ý nghĩa:

Thứ nhất, là bạn phải thể hiện ra phong phạm như đại nhân, không phải nhỏ nhen ti tiện. Một người không thể hiện thì thôi, một khi thể hiện, phải khiến người ta cảm thấy bạn là người tâm lượng rộng lớn, là muốn chăm sóc tất cả mọi người, không phải ích kỷ. Nếu có biểu hiện như vậy, mọi người sẽ để bạn tiến lên mà không ngăn cản. Có người vừa thể hiện, đã khiến người khác cảm thấy anh ta hoàn toàn vì bản thân, hoàn toàn chỉ lo trước mắt, muốn đè người khác xuống, thì người khác đương nhiên phải triệt hạ anh ta không thôi. Thể hiện cũng có âm có dương, thể hiện được người ta hoan nghênh gọi là "lợi kiến đại nhân", thể hiện gây ra đố kỵ của người khác, khiến người ta phải trả thù bạn, phải đưa bạn xuống, đó là tiểu nhân. Vì vậy, gây ra đố kỵ của người khác, bản thân cũng phải kiểm điểm, không hoàn toàn là nguyên nhân của người khác.

Bạn tự vấn lương tâm không hổ thẹn, thể hiện có phong phạm đại nhân, có thể khiến người ta đều cảm thấy bạn là người có tài năng, thì tự nhiên sẽ "lợi kiến đại nhân". Nhưng tiền đề là không làm tổn hại đến mọi người. Nếu bạn có tài năng, nhưng sẽ làm tổn hại người khác, thì người khác sẽ thừa lúc bạn bây giờ chưa thành, triệt hạ bạn trước. Quá nhiều người trẻ, vừa vào xã hội đã nhận chịu đả kích rất lớn, từ đó mất niềm tin vào xã hội, trở nên xấu hơn tất cả mọi người, điều này rất đáng thương.

Thứ hai, là bạn phải được đại nhân nhìn nhận. Biểu hiện của "cửu nhị" chỉ cần không được "cửu ngũ" nhìn nhận, là không thể có thành tựu. Người lãnh đạo quan trọng phía trên nhìn nhận phong cách của bạn, bạn

có thể nhận được sự bồi dưỡng của lãnh đạo, mới có thể có thành tựu, bởi vì mỗi lãnh đạo thích phong cách không giống nhau.

Lãnh đạo ít nhất có hai loại, một loại dùng mắt, họ không quá dùng tai, bạn nói gì với họ, họ hoàn toàn nghe không hiểu, bạn đưa cho họ xem, họ nhìn rất rõ ràng; loại kia dùng tai, họ không quá dùng mắt, bạn viết nửa ngày, họ lại cảm thấy rất phiền, bạn nói cho họ nghe là được rồi. Đây gọi là âm dương. Vì vậy **người làm cán bộ, trước tiên phải dò xét rõ lãnh đạo của mình thích loại nào.** Nếu ông ấy tương đối thích dùng tai, thì bạn báo cáo miệng, nếu ông ấy tương đối thích dùng mắt, báo cáo của bạn vô dụng, ông ấy phía trước vừa nghe, phía sau đã quên mất, rồi lại hỏi bạn, bạn nói lại không? Nhất định không thể nói lại, thà viết cho ông ấy luôn, ông ấy sẽ cảm thấy bạn là người không tệ.

Chỉ có "đại nhân" ở trên mới có thể cứu mạng bạn. Trên nói đả kích là đúng, bạn lập tức bị đánh xuống; trên nói bạn bị oan, bạn liền được đề lên.

"Lợi kiến đại nhân", một mặt chỉ bản thân, một mặt chỉ cấp trên.

> Quẻ Kiền nói với chúng ta, chỉ khi chuẩn bị đầy đủ, mới có thể bắt đầu thể hiện tài năng của mình, nhưng khi bắt đầu thể hiện, phải rất cẩn thận cảnh giác, nên hào thứ ba là: "quân tử chung nhật kiền kiền, tịch dịch nhược lệ, vô cữu". Ý nói, chỉ có cẩn thận cảnh giác, mới có thể tránh được tai họa. Giáo sư Tăng Sĩ Cường cho rằng, điều con người theo đuổi, chính nên là vô cữu, chứ không phải đại cát đại lợi gì, đạo lý trong đó là gì?

Giai đoạn thứ ba (xem hình 11-4), cần cảnh giác cao độ. Chúng ta biết, Gia Cát Lượng vừa xuống núi liền đối mặt với các thử thách nghiêm trọng, Quan Công không phục ông, Trương Phi cũng không phục ông. Họ nghĩ: chúng ta kết nghĩa huynh đệ với Lưu Bị, anh là số mấy? Thẳng thắn mà nói, ngay cả Lưu Bị lúc đầu cũng không trọng dụng Gia Cát Lượng. Lúc đầu Lưu Bị chỉ coi ông như một cố vấn mà thôi, về sau ông thể hiện rất tốt, Quan Công, Trương Phi đều rất phục ông, Lưu Bị mới chính thức phong ông làm quân sư.

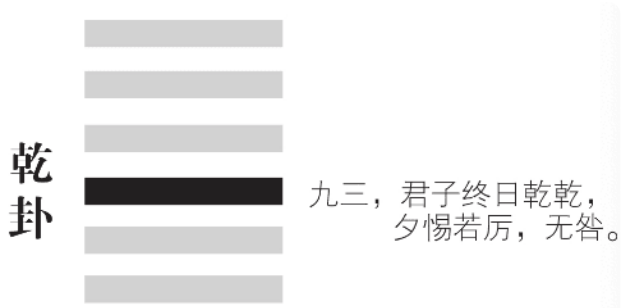


图11-4

Một người, không thể hiện thì thôi, một khi thể hiện, bạn phải chịu đựng đòn công kích từ bốn phương tám hướng. Thử nghĩ xem, nếu bạn muốn ra tay đánh người, bạn đánh người yếu hay đánh người mạnh? Bạn đánh người yếu, đó là bắt nạt kẻ yếu, nên muốn đánh phải đánh người mạnh. Họ thể hiện tốt, mới đả kích

họ; họ thể hiện không tốt, đả kích họ làm gì? Đây là tình người thường tình, đừng cho rằng điều này không tốt, điều này không liên quan đến tốt xấu.

Chúng ta chuyên thích đả kích người được sếp coi trọng, báo cáo cũng đều báo về những người sếp nhìn trúng. Sếp coi thường anh ta, bạn báo cáo làm gì? Hoàn toàn không cần thiết. Có người cảm thấy rất kỳ lạ, rõ ràng mình làm rất tốt, sao lại luôn bị đả kích? Thực ra một câu nói là xong, nhiều người đả kích bạn như vậy, chính là biểu thị bạn làm tốt. Nếu không có ai đả kích bạn, chính là biểu thị bạn đang sống qua ngày. Nhiều việc chúng ta phải nghĩ ngược lại, đừng nghĩ quá một chiều.

Hào thứ ba của quẻ Kiền, xuất hiện hai chữ "vô cữu". Mọi người phải chú ý, Kinh Dịch theo đuổi chính là "vô cữu", chứ không phải cái gọi là đại cát đại lợi.

Đại cát đại lợi có tác dụng gì? Cát sau ắt là hung, bởi vì cát hung là liên đới. Khi bạn được một số điều tốt, nhất định cũng sẽ mất một số thứ, không thể chỉ chiếm tiện nghi mà không chịu một chút thiệt thòi. Ví dụ bạn làm kinh doanh, nếu kinh doanh rất tốt, thì bạn rất bận, hoàn toàn không có thời gian xem phim; nếu kinh doanh không tốt, thì kiếm không được tiền, nhưng lại có thời gian xem phim. Vậy xem bạn tự chọn cái nào, không thể nào chuyện tốt bạn đều muốn, còn tất cả chuyện không tốt đều không liên quan đến bạn, có được ắt có mất.

Sự theo đuổi cao nhất của Kinh Dịch gọi là "vô cữu". Rất nhiều người đều cho rằng "vô cữu" chính là không có sai lầm, điều đó là không thể. Con người làm sao có thể không có sai lầm? Con người còn sống, chỉ cần mắt chưa nhắm vĩnh viễn, bạn vĩnh viễn có sai lầm, chỉ là lớn nhỏ khác nhau mà thôi. "Vô cữu", chính là bạn chỉ cần làm đúng, làm ngay thẳng, dù có một chút sai lầm nhỏ, mọi người cũng rất dễ thông cảm cho bạn, cũng sẽ không có tai họa gì.

Người thường đều thích đại cát đại lợi, nhưng chúng ta càng nên biết, đại cát đại lợi với hung hiểm tai họa là một thể, khi người ta nâng bạn càng cao, bạn nên biết, rơi xuống càng thảm. Vô cớ leo cao như vậy làm gì? Leo thấp một chút, vạn nhất rơi xuống, nhiều lắm là đau một chút. Nhưng nếu leo cao một chút, xương sẽ gãy, cao hơn nữa, sẽ chết luôn. Con người có cần thiết leo cao như vậy không? Điều này cần mỗi người tự cân nhắc. Thuận theo lẽ thường, nên leo cao thì leo cao, nếu không cần thiết, thì thích đáng mà dừng, đến đâu cũng rất vui vẻ, có tu dưỡng như vậy là đúng rồi.

Không miễn cưỡng theo đuổi bất kỳ việc gì, nhưng phải hết sức. Hai điều này hợp lại, chính là tôi hết sức, tôi không miễn cưỡng. Rất nhiều việc đều nên có thái độ như vậy, bao gồm cả việc đọc sách. Bạn đi học một môn học, học đến cuối cùng hình như rất cực khổ, học mãi học mãi rất vất vả, thì tôi khuyên bạn thôi đừng học nữa, bởi vì sự thật đã rất rõ ràng, bạn học thứ này không thích hợp, tại sao nhất định phải học? Hiện nay chúng ta có một Dao Minh, rất nhiều bà mẹ liền khuyến khích con trai lớn lên phải làm Dao Minh, vậy bạn không phải hại chết con mình sao? Dao Minh chỉ có một, không có người thứ hai, bởi vì thời cơ của

anh ấy, chiều cao của anh ấy, vừa hay gặp được. Bạn bây giờ lại muốn nuôi một người cao hơn anh ấy nữa, thử xem, ngay cả taxi cũng không chui vào được.

Phải nhớ kỹ, thời trước thời nay khác nhau. Thời khi thay đổi, toàn bộ tình thế đều thay đổi. Chúng ta đọc Kinh Dịch, quan trọng nhất là phải đọc chữ "thời". Khổng Tử là "thánh chi thời giả" (Mạnh Tử·Vạn Chương Hạ), đặc điểm của ông là lúc nào cũng điều chỉnh "thời" rất tốt.

“Dụng cửu” của quẻ Kiền: "Kiến quần long vô thủ, cát." Câu này rất quan trọng, dù bạn là rồng, dù mọi điều kiện của bạn đều rất tốt, cũng không thể cố chấp kiên trì đi một đường đến cùng, nếu không sẽ chết rất thảm. Nên tiềm thì tiềm, nên nhảy thì nhảy, nên dừng thì dừng, nên xem thì xem, bạn sẽ rất vui vẻ. Câu này, về sau chúng ta biến nó thành một câu rất quen thuộc, gọi là “năng khuất năng thân” (biết co biết duỗi). Làm người, nhất định phải “có thể co, có thể duỗi”. Hiện tại tình hình bất lợi cho tôi, tôi chịu nhục một chút, tạm thời đừng lên tiếng; khi có lợi cho tôi, tôi mới lên tiếng, nhưng lúc lên tiếng phải cẩn thận, đề phòng người ta đả kích tôi. Lời nói phải nói cẩn thận thận trọng, không thể nói quá tràn đầy. Khi bạn nói chuyện quá tràn đầy, lập tức sẽ có người truyền cho sếp bạn nghe. Vậy sếp của bạn có thể sẽ nghĩ: là tôi cho anh cơ hội, hôm nay anh lại thế này, lần sau tôi không cho anh cơ hội nữa. Họa từ miệng ra, một khi sếp không cho bạn cơ hội, thì bạn xong đời.

Người ta một khi bắt đầu có cảm giác thành công, thường bắt đầu tự mãn. Một khi tự mãn, nói chuyện sẽ làm tổn thương người khác, lời nói tổn thương người rất nhanh sẽ truyền ra ngoài, cuối cùng chỉ là làm tổn thương chính mình. Tôi nghĩ quá nhiều người đã chịu thiệt thòi này, chỉ là mọi người không biết tại sao lại như vậy mà thôi.

Cảnh giác, ngày đêm đều phải cảnh giác, vậy chẳng phải suốt ngày căng thẳng sao? Thực ra không phải, cảnh giác là bổ sung, chuẩn bị lại, chuẩn bị cho lần nhảy tiếp theo, nếu không chuẩn bị làm gì?

> Ba hào từ tiếp theo của quẻ Kiền là: "Cửu tứ, hoặc dược tại uyên, vô cữu”; “cửu ngũ, phi long tại thiên, lợi kiến đại nhân”; “thượng cửu, kháng long hữu hối.” Đại ý là nói, chỉ cần có thể vượt qua “long môn” (cửa rồng - ý nói “bứt phá”), thì có thể “phi long tại thiên”, nhưng tiếp tục đi lên nữa, thì có thể sẽ có tai họa. Vậy “phi long tại thiên” rồi, tại sao lại liên quan đến tai họa? Trong ba giai đoạn này, lại nên chú ý những gì?

Quẻ Kiền chia làm hai phần, một phần là thượng Càn, một phần là hạ Càn (xem hình 11-5). Hào thứ nhất đại diện giai đoạn thứ nhất, hào thứ hai đại diện giai đoạn thứ hai, hào thứ ba đại diện giai đoạn thứ ba, ba hào này gọi là hạ Càn. Từ hào thứ tư đến hào thứ sáu, gọi là thượng Càn. Rất nhiều người còn chưa đi hết hạ Càn đã mất mạng, cũng có rất nhiều người vừa có một chút thể hiện, liền chịu đả kích của người khác, vì vậy rất căng thẳng, cái này không dám làm, cái kia không dám làm, cho đến khi về hưu, không có thành tựu gì.

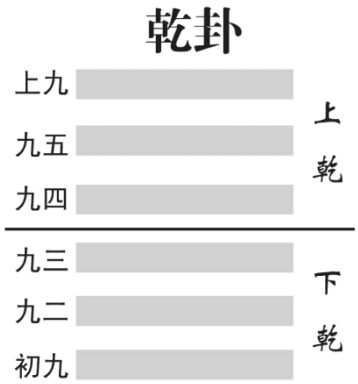


图11-5

Muốn đi đến thượng Càn, nhất định phải bổ sung nhiều hơn, có nghị lực hơn, lần sau phải thể hiện tốt hơn. Nên giai đoạn thứ tư (xem hình 11-6), "hoặc dược tại uyên", có một chữ "dược". “Lý ngư dược long môn”, xem nhảy qua được hay không, một nhảy qua, thân giá hoàn toàn khác; nhảy không qua, thì như rơi xuống vực sâu, rơi xuống rất thảm.

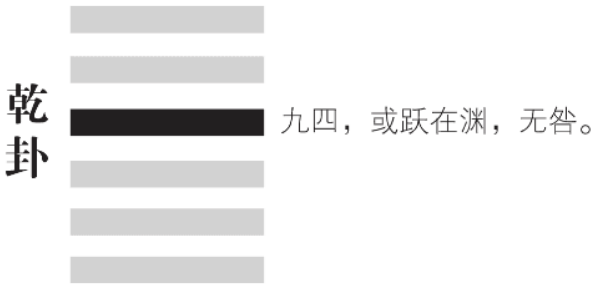


图11-6

Hào thứ tư, "hoặc dược tại uyên, vô cữu"; hào thứ năm, tức là giai đoạn thứ năm (xem hình 11-7), "phi long tại thiên, lợi kiến đại nhân". Một cái là "phi long tại thiên", một cái là "hoặc dược tại uyên", chúng ta đem hai cái này đối chiếu, vừa hay là "phi" và "dược", "thiên" và "uyên", nên sau này chúng ta có thành ngữ gọi là "thiên uyên chi biệt" (Sự khác biệt rộng lớn). Chỉ kém một chút thôi, bay lên được, ghê gớm quá, hoàn toàn khác hẳn. Trong cuộc đời con người, thời kỳ thần khí nhất, ghê gớm nhất chính là giai đoạn thứ năm, gọi là “cửu ngũ chi tôn”.

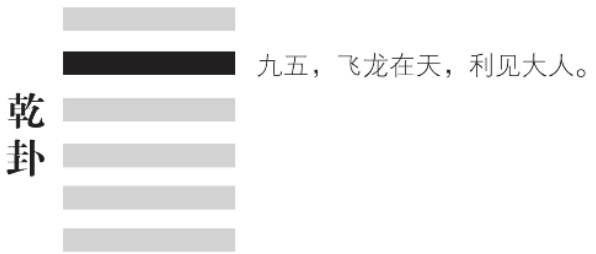


图11-7

"Lợi kiến đại nhân" của hào thứ năm này, một là bản thân phải thể hiện có phong phạm của đại nhân, thứ hai là với cấp dưới phải tâm liên tâm. Nếu không, người hào thứ tư phía dưới sẽ thường lấy bạn làm mục tiêu, xem trò cười của bạn, một ngày nào đó sẽ kéo bạn xuống.

Cửu ngũ nhìn thì là "phi long tại thiên", thực tế cũng rất khó làm việc. Cửu ngũ vừa ra lệnh, tất cả mọi người đều nghe theo, vậy phải gánh toàn bộ trách nhiệm rồi. Người ta không nghe theo, họ còn có thể nói "đều tại các người không nghe lời"; người ta đều nghe lời, họ phải tự gánh vác, vậy trách nhiệm rất lớn rồi. Cửu ngũ nói xong lời, tự mình thấy không đúng, vội vàng sửa đổi, sẽ có người nói họ là triều lệnh tịch cải; cửu ngũ nói "để tôi suy nghĩ", thì đó là do dự không quyết; cửu ngũ lập tức thể hiện, nhất định có người cho rằng họ cứng đầu tự làm theo ý mình. Đến vị trí cửu ngũ này, thật sự không có việc gì dễ dàng cả. Ở ngôi vị cửu ngũ, có thể cảm thấy mình rất thần khí, làm lãnh đạo lớn, muốn thế nào cũng được, thực tế hoàn toàn không phải như vậy, thường là ghế còn ngồi chưa ấm, người đã không thấy đâu.

Đến lúc "phi long tại thiên", bạn phải cân nhắc xem hành vi của mình có phải vì công, không vì tư, bởi vì lúc đó địa vị rất cao, tất cả mọi người đều nhìn thấy bạn, gọi là “thập mục sở thị, thập thủ sở chỉ”. Chỉ cần bạn hơi có một chút động tĩnh, tất cả mọi người đều nhìn thấy rất rõ ràng. Không cần nói, bạn một động một tĩnh, người ta đã biết bạn đang chơi trò gì, không lừa được ai cả. Vì vậy, muốn ngồi vững vị trí cửu ngũ, thứ nhất là bản thân phải thể hiện ra phong phạm đại nhân.

Thứ hai, phía dưới bạn phải có cán bộ đắc lực, họ làm những việc chỉ có một điều, gọi là củng cố trung tâm lãnh đạo. Bạn cần người dưới đến củng cố bạn, cứ trông cậy vào một mình làm sao được? Nhưng bạn phải thích đáng mà dừng, bởi vì phía trên còn có một thượng cửu, gọi là "kháng long hữu hối" (xem hình 11-8).



图11-8

Nếu gọi cửu ngũ là lão đại, thì thượng cửu gọi là đại lão, lão đại phía trên còn có đại lão. Mỗi người đều phải nhớ, ngoài trời còn có trời, trên người còn có người, tốt nhất thích đáng mà dừng, đừng cho rằng mình việc gì cũng có thể quyết định, có thể nói là tính. Nếu không, một khi "kháng long hữu hối", kết quả rất thê thảm.

Ba hào trên của quẻ Kiền gọi là thượng Càn, ba hào dưới gọi là hạ Càn. Trong hai phần này có một đường ranh giới, rất nhiều người cả đời chỉ đi hết hạ Càn, hoàn toàn không có cơ hội đi thượng Càn. Kỳ vọng cao nhất của đời người là ở cửu ngũ của thượng càn - “phi long tại thiên”. Cả đời nỗ lực của chúng ta, cả đời tất cả hy vọng, đều ký thác vào một ngày nào đó có thể "phi long tại thiên". Nhưng thực tế, chỉ có 20% người có thể phi long tại thiên, 80% người cả đời đều không thể làm được. Dù vậy, cũng không sao cả, bởi vì tuy cửu ngũ đời này không có hy vọng đạt tới, nhưng còn có một cửu nhị có thể cho bạn thể hiện. Vì vậy tôi khuyên rất nhiều người, đừng đặt mục tiêu ở cửu ngũ, bởi vì như vậy quá vất vả.

Bạn bây giờ nếu là tiềm long, nhất định phải nhớ "tiềm long vật dụng" không phải là không dùng, mà là phải bổ sung bản thân trước, chuẩn bị chu toàn, tìm được thời cơ tốt, sau đó thể hiện một chút, như vậy là vào cửu nhị rồi. Người có nên thể hiện hay không, nhất định phải xem thời cơ, vĩnh viễn không có thời cơ, thì bạn thể hiện có tác dụng gì? Đạo lý của Kinh Dịch cần phải tham khảo kỹ, tham thấu rồi tự nhiên sẽ dùng.

Tư duy của Kinh Dịch, lúc nào đâu đâu cũng rất hữu dụng, quẻ Kiền nói với chúng ta, chỉ cần gặp tình huống khác nhau, bạn phải điều chỉnh hợp lý.

Luận Ngữ · Vi Chính ghi lại một câu nói của Khổng Tử: "Quân tử bất khí (quân tử không phải đồ dùng)." Làm một quân tử, không thể cố định bản thân, nếu kiên trì "tôi chính là thế này", thực tế sẽ khiến bạn phải trả giá thảm khốc. Bạn phải thay đổi theo thời, có lúc thế này, có lúc thế kia, mới là có tính linh hoạt, mới có thể thích ứng với các tình huống khác nhau.

Người Trung Quốc khen ngợi một người, thường nói "người này ghê gớm, có hai ngón nghề" (có thể hiểu là tài năng). Người Trung Quốc ít nhất phải có hai ngón nghề, hai ngón nghề này chính là "nhất âm nhất dương chi vị đạo". Và hai ngón nghề này còn không thể cố định, bởi vì quân tử bất khí, một khi cố định, sẽ không còn tính linh hoạt nữa.

Khổng Tử được gọi là "thánh chi thời giả", là bởi vì ông hiểu rõ nhất thế nào là thời gian: thời gian như nước chảy vậy, vĩnh viễn không ngừng nghỉ, và một khi trôi qua, thì vĩnh viễn không thể quay đầu. Vì vậy Khổng Tử nói với chúng ta, trên tất cả, "thời" là quan trọng nhất.

"Thời" quyết định tất cả, thời thế tạo anh hùng, khi tình thế bất lợi, dù bạn giỏi đến đâu, cuối cùng cũng là công cốc. Gia Cát Lượng xuống núi, không gặp thời, cuối cùng cũng là vô kết quả. "Thời" nói bằng ngôn ngữ hiện đại, chính là “dữ thời câu tiến” (cùng thời mà tiến). “Dữ thời câu tiến” nghĩa là gì? Chính là bạn phải luôn điều chỉnh bước chân của mình, luôn thay đổi tư thế của mình, luôn dùng phương pháp khác nhau để đối phó với tình huống khác nhau.

> Kinh Dịch là một bộ bảo điển giải mã bí ẩn của vũ trụ nhân sinh, bây giờ chúng ta đã biết quẻ Kiền đối với phân tích và gợi ý cho các giai đoạn khác nhau của đời người, vậy quẻ Kiền đối với tự nhiên xã hội có thể có tác dụng gì? Đạo lý trong quẻ Kiền, có thể vận dụng vào sự vật trong tự nhiên xã hội không?

Nếu Kinh Dịch nói đi nói lại chỉ nói về con người, vậy Kinh Dịch có tác dụng gì? Nhiều lắm chỉ là hướng dẫn chúng ta làm người tốt mà thôi. Kinh Dịch có thể giải mã bí ẩn của vũ trụ nhân sinh, đây là chức năng của nó, nên Kinh Dịch có thể ứng dụng vào tất cả nhân sự địa vật.

Chúng ta lấy "tiềm long vật dụng" của quẻ Kiền làm ví dụ, nghiên cứu khoa học có cần "tiềm long vật dụng" không? Đương nhiên cần. Một nhà khoa học, làm nghiên cứu nhất định phải ghi nhớ "tiềm long vật dụng", phát minh ra một thứ gì, không thể lập tức đưa nó ra, mà phải xem xét nó đối với nhân loại là có ích hay có hại. Nếu là có hại, phải nhanh chóng tiêu hủy nó, không thể để nó sản xuất ra hại người. Nếu bất kể có hại vô hại đều đưa ra, tai họa khó lường được. Túi nhựa chúng ta hiện nay phổ biến đang dùng, chính là một ví dụ rất điển hình, một kỹ sư người Áo tên là Max Schusnic phát minh ra túi nhựa xong, trước tiên đã nói với công ty tạm thời đừng sản xuất, bởi vì thứ này vẫn chưa có cách phân hủy, nhất định phải đợi ông tìm ra cách giải quyết rồi mới sản xuất. Ông là một kỹ sư có lương tâm, nhưng ông chủ của ông chỉ vì lợi nhuận, trước mặt hứa với ông sẽ không sản xuất, nhưng quay lưng đi, liền đưa vào sản xuất. Đây chính là kết quả của thương mại hóa, sau đó vị kỹ sư đó đã tự sát.

Xã hội hiện nay, mỗi khi nghiên cứu phát minh ra một thứ gì đều phải có điểm bán hàng, tuy nhiên đưa điểm bán hàng ra, còn phải xem xét sẽ có hậu chứng gì, có vấn đề gì không thể giải quyết được, dùng lâu có hại người không, vân vân.

Từ những ví dụ này không khó thấy, mọi việc làm sao nắm bắt chi tiết nhỏ là khó khăn nhất. Quẻ Kiền của Kinh Dịch nói với chúng ta, dù là khoa học kỹ thuật hay đời người, khi chúng ta xử lý công việc, nắm bắt chi tiết nhỏ đặc biệt quan trọng, mà "tiềm long vật dụng" chính là bài kiểm tra đầu tiên.

Học tập quẻ Kiền, từ "tiềm long vật dụng" bắt đầu học, trong cuộc đời sau này biết cảnh giác, nhất định sẽ có thu hoạch. Và quẻ Kiền quẻ Khôn là cánh cửa của Kinh Dịch, chúng không thể tách rời, một khi tách rời là sai rồi. Vì vậy, tiếp theo chúng ta sẽ giải mã quẻ Khôn.

Chương 12: Giải mã Quẻ Khôn

> Trong 64 quẻ của Kinh Dịch, chỉ có một quẻ thuần dương, đó là quẻ Kiền, cũng chỉ có một quẻ thuần âm, đó là quẻ Khôn. Quẻ Kiền đại diện cho trời, quẻ Khôn đại diện cho đất, và quẻ Kiền với quẻ Khôn giống như trời và đất vậy, vừa hoàn toàn đối lập, vừa vĩnh viễn không thể tách rời. Nếu chúng ta hiểu quẻ Kiền là nên làm lãnh đạo thế nào, thì có thể hiểu quẻ Khôn là làm thế nào để trở thành trợ thủ đắc lực của lãnh đạo.
>
> Các hào từ của quẻ Khôn là: "Sơ lục, lý sương kiên băng chí (dẫm sương, băng cứng sắp đến); Lục nhị, trực phương đại, bất tập vô bất lợi (không quen mà không gì là không lợi); Lục tam, hàm chương khả trinh, hoặc tòng vương sự, vô thành hữu chung; Lục tứ, quát nang, vô cữu vô dự; Lục ngũ, hoàng thường nguyên cát (váy vàng, tốt lành lớn); Thượng lục, long chiến vu dã (rồng đánh nhau ngoài đồng), kỳ huyết huyền hoàng. Dụng lục (dùng hào âm), lợi vĩnh trinh". Những hào từ này nghĩa là gì? Và quẻ Khôn đối với cuộc đời chúng ta, có những gợi ý gì?

Có một câu nói mọi người rất quen thuộc, gọi là "bách tính nhật dụng nhi bất tri". Thực tế mỗi người chúng ta ngày ngày đều đang dùng Kinh Dịch, chỉ là chúng ta không biết mình đang dùng nó mà thôi. Đức của quẻ Khôn là gì? Chính là tôi toàn lực phối hợp với bạn, thành tâm ủng hộ bạn, còn có một điều quý hơn nữa, chính là tôi đầy lòng vui vẻ thành toàn cho bạn.

Quẻ Kiền có "dụng cửu" (dùng hào dương), quẻ Khôn cũng có "dụng lục", nhưng "dụng lục" của quẻ Khôn không giống với "dụng cửu" của quẻ Kiền. Bởi vì quẻ Kiền là phát tán, là hướng ngoại, nên nó phải biến, chính là thời thời khắc khắc phải trở thành tắc kè hoa, mới có thể thích ứng với môi trường. Còn quẻ Khôn "lợi vĩnh trinh", nó không thay đổi. Quẻ Kiền quẻ Khôn đặt cạnh nhau, một thay đổi một không thay đổi, mới phù hợp với đạo lý âm dương. Nếu cả hai đều không thay đổi, vậy sẽ cố định, cứng nhắc rồi. Còn cả hai đều thay đổi, vậy sẽ rối loạn, khiến người ta không nắm bắt được. Vì vậy dụng cửu của quẻ Kiền "kiến quần long vô thủ (thấy đàn rồng không đầu), cát", dụng lục của quẻ Khôn "lợi vĩnh trinh", hai điều này là sự phối hợp rất hợp lý.

"Lợi vĩnh trinh" của quẻ Khôn, nghĩa là thời thời khắc khắc bạn phải trung thành với sếp của mình, điểm này không thể thay đổi. Làm thuộc hạ, dù chơi trò gì, dùng cách nào, đối với sếp của mình nhất định phải trung thành tận tụy.

Quẻ Kiền rất tự động, rất phong phát, là hướng ngoại mở rộng, là sáng tạo. Còn quẻ Khôn thì vừa hay ngược lại, thể hiện nội liễm, hàm súc, là thu vào bên trong, là tích cực phối hợp. Bởi vì nếu tất cả mọi người đều sáng tạo, không có ai đến phối hợp, người người đều tự mình làm chủ, mỗi người một kiểu, trật tự bình thường của nhân loại sẽ rối loạn. Hoa hồng cũng cần lá xanh để tôn lên, câu nói này rất quan trọng. Cả vườn toàn là hoa hồng, không có một chiếc lá nào, có đẹp không? Đương nhiên không đẹp.

Mỗi người có tính cách khác nhau, nên căn cứ vào đặc điểm tính cách khác nhau của mình mà đóng vai trò xã hội khác nhau. Tính cách của tôi không thích hợp làm lãnh đạo, vậy tôi không đi theo quẻ Kiền, đi theo quẻ Khôn để phối hợp tốt với người khác không phải được sao?

Thực ra cách làm người tốt nhất chính là đem công lao hoàn toàn nhường cho người khác, như vậy sẽ không có một kẻ thù nào. Chỉ cần bạn có công lao, bạn sẽ có kẻ thù, tại sao nhất định phải tự chuốc lấy kẻ thù? Hệ Từ trong Kinh Dịch nói: "Kiền đạo thành nam, Khôn đạo thành nữ". Nếu đem quẻ Khôn và quẻ Kiền hợp lại, bạn sẽ thấy Kiền đại diện cho nam, Khôn đại diện cho nữ. Đạo Khôn nhất định phải là nữ giới mới đúng sao? Thực ra cũng không hẳn vậy. Trong lịch sử của chúng ta người phát huy đạo Khôn tốt nhất, vận dụng hiệu quả nhất là ai? Người này không phải là phụ nữ, ngược lại, ông là nam giới, chính là Trịnh Hòa đời Minh. Có thể có người sẽ nói, khó trách, ông ta vốn không giống đàn ông, vì từ nhỏ đã bị hoạn rồi. Thực ra cũng không hẳn như vậy, Trịnh Hòa thực hành đạo Khôn tốt nhất, không liên quan đến điều đó. Kinh Dịch nói với chúng ta, âm dương là không tách rời, nội tại và ngoại tại thiếu một không được, nhưng không thể quá chấp trước vào hình tượng bên ngoài.

Trịnh Hòa cả đời chỉ nhờ một câu nói mà thôi: "Công đạo tự tại nhân tâm." Ông từ nhỏ chịu đựng biết bao ủy khuất, chịu bao sỉ nhục, chính là nhờ câu này để kiên trì. Sỉ nhục là cảm giác của chính bạn, khi bạn không có cảm giác này, sẽ không có cảm giác bị sỉ nhục. Chính nhờ niềm tin như vậy, Trịnh Hòa không phụ sứ mệnh, bảy lần xuống Tây Dương, và không khoe công tự đắc. Ông phát huy mỗi hào của quẻ Khôn rất tốt, nên mặc dù ban đầu địa vị rất thấp kém, về sau thành tựu rất rực rỡ.

Hào đầu tiên của quẻ Khôn, chúng ta gọi là hào sơ lục (xem hình 12-1), lời hào là: "Lý sương kiên băng chí." Nghĩa là, khi chúng ta bước chân lên sương, chúng ta nên nghĩ đến mùa đông năm nay sẽ rất lạnh, phải chuẩn bị trước, đừng đợi đến lúc đó mới không kịp. Điều tốt của trời chính là không làm người ta đột ngột lạnh đến mức không kịp trở tay, vào đầu đông sẽ có sương giáng, chính là cảnh báo chúng ta thời tiết dần dần trở lạnh, nên đi chuẩn bị chống đông rồi.

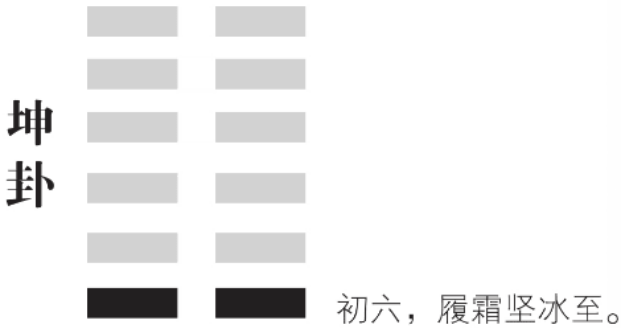


图12-1

Trịnh Hòa làm rất tốt, tuy ông địa vị không cao, thậm chí có thể nói rất thấp, nhưng cuối cùng chủ nhân của ông đã không dùng ông như thái giám. Bởi vì ông rất phấn đấu, ông vận dụng mỗi hào của quẻ Khôn đều rất tốt, làm đến mức khi ông nằm xuống còn cao hơn người đứng.

Quẻ Khôn và quẻ Kiền là tương ứng với nhau, cũng có thể hiểu là sự phối hợp của cấp dưới đối với cấp trên lãnh đạo. Quẻ Khôn nói với chúng ta, muốn làm tốt công việc phối hợp, bước đầu tiên chính là phải có tính

cảnh giác cao độ, thấy nhỏ biết lớn, bước trên sương phải nghĩ đến băng sẽ đến, từ đó làm tốt công tác chuẩn bị chống rét. Vậy trên cơ sở này, bước thứ hai nên làm những gì?

Hào thứ hai (xem hình 12-2), "trực phương đại, bất tập vô bất lợi". "Trực" là hướng lên, khí của bạn phải hướng lên, phải đi ủng hộ cấp trên của bạn, đừng luôn đi ủng hộ người bên cạnh. "Phương" là vị trí đứng, lập trường của bạn phải rất kiên định, phải làm rõ nhiệm vụ và trách nhiệm của mình là gì. "Đại" là độ lượng phải rộng rãi một chút, người khác có ý kiến hay thế nào, làm sao đi nói với sếp, bạn đều không nên sợ, có gì đáng sợ đâu? Nếu bạn thấy ý kiến của họ tốt hơn của mình mà nhất định phải lấn át họ, thì có thể gây ra nội đấu, cuối cùng vì nhỏ mà mất lớn.



图12-2

Câu bên dưới khó giải thích hơn, gọi là "bất tập vô bất lợi". "Bất tập vô bất lợi" là gì? Chính là bạn không học tập, sẽ không có hại. Vậy chẳng lẽ không thể học tập sao? Hãy nhớ, có những việc là không thể học tập, học sai rồi, không bằng không học.

Rất nhiều người cả đời chết ở hào thứ hai, bởi vì ở hào đầu họ có tính cảnh giác rất cao, mọi việc đều làm rất tốt, cấp trên liền đặc biệt chú ý đến họ, và họ vì thế đắc ý quên mình, vậy là xong đời. Năm đó, chủ nhân của Trịnh Hòa đột nhiên đề bạt ông, nếu ông vì thế bắt đầu cho rằng mình rất phi thường, rất tự tin, thì ông cũng chắc chắn sẽ chết ở hào thứ hai.

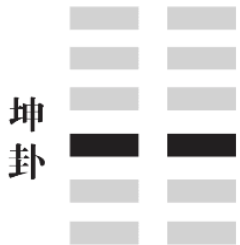
Hào thứ nhất qua suôn sẻ rồi, đến hào thứ hai, bạn phải cẩn thận, lấy "trực phương đại, bất tập vô bất lợi" làm cảnh giác, đừng nhiễm thói xấu đắc ý quên mình, bạn mới tiếp tục giữ được tiến bộ. Hào thứ hai của quẻ Khôn nói với chúng ta, khi bạn có chút thành tựu, với tuổi của bạn, bạn sẽ không chịu nổi. Bạn khen một người già không sao cả, ông ấy hoàn toàn không để ý, nhưng người trẻ sẽ không nổi lời khen. Tại sao rất nhiều ca sĩ cuối cùng nhảy lầu tự tử? Tại sao nhiều người phải nghiện ma túy? Chính là vì họ sống lâu trong tiếng vỗ tay, không có tiếng vỗ tay sống không nổi, nên đã tự sát. Khán giả rất thực tế, hôm nay vỗ tay cho bạn, ngày mai lại đem tiếng vỗ tay tặng người khác, không cho bạn nữa. Tại sao phải dựa vào tiếng vỗ tay của người khác mà sống?

Bạn làm một quản lý cấp cơ sở, làm rất tốt, rất nhiều người sẽ đến nịnh bợ bạn, nhờ vả bạn, tặng quà cho bạn, tâng bốc bạn nơi công cộng. Nhưng bạn thường không cảm thấy đó là tâng bốc, sẽ cảm thấy họ nói

rất đúng, cảm thấy mình vốn rất xuất sắc, năng lực rất mạnh, nên rất thụ hưởng, rồi xong đời. Hãy nhớ, công lao vĩnh viễn là của sếp, làm một thuộc hạ, là vĩnh viễn không có công lao. Ghi nhớ điểm này, bạn mới liên tục có cơ hội. Nếu bạn cảm thấy mình có thành tựu, có công lao, thì lãnh đạo sẽ không cho bạn cơ hội nữa. Có thành tựu nhỏ rồi, sẽ không có thành tựu lớn nữa. Như chúng ta, khi nhỏ tuổi cứ bị mắng, như vậy đến cuối cùng, chúng ta mới có chút gì đó, đây chính là kết quả của sự khích lệ.

Trong Tam Quốc Diễn Nghĩa, Dương Tu là một người cực kỳ thông minh, ông là một mưu sĩ dưới trướng Tào Tháo. Tào Tháo thích nhất dùng người thông minh, nhưng Dương Tu trong lịch sử là một ví dụ rất có tính đại diện, bề ngoài thấy là Tào Tháo giết ông, thực tế Dương Tu là bị sự thông minh của mình từng bước đẩy vào đường chết. Tào Tháo nhất định phải giết Dương Tu, chỉ là một mực không tìm được lý do mà thôi. Cuối cùng khi tìm được lý do giết ông, Dương Tu nói mình sớm biết sẽ có ngày hôm nay. Có thể thấy ông rất rõ kết cục của mình. Một người thông minh, tuyệt đối không thể đoán trúng hết tâm ý của người khác, tất cả mọi người đứng trước mặt bạn, đều như không mặc quần áo vậy, vậy họ không phải là rất ngượng sao? Nên người ta phải giả ngốc, điều này là có đạo lý. Lúc nên giả ngốc thì giả ngốc, lúc nên rất rõ ràng thì rất rõ ràng, lúc nên nghiêm túc thì nghiêm túc, lúc nên qua loa thì qua loa, nhưng hiện nay chúng ta đều không thể chấp nhận lời nói này.

Làm một người trong xã hội, muốn phối hợp với người khác, cần có bản tính của đất. Trời thuộc trời, đất thuộc đất, là đất, nên giữ đạo đất, tức là bản tính của đất. Tôi tận bản phận của mình, phát huy bản tính của mình rất tốt, tự nhiên có thể tiến vào lục tam (xem hình 12-3).



六三，含章可贞，或从王事，
无成有终。

图12-3

> Hào thứ hai của quẻ Khôn nhắc nhở chúng ta, khi bạn có một chút thành tích, nhất định không thể tự mãn, đắc ý quên thân, mà phải nhận thức rằng, phối hợp với cấp trên lãnh đạo làm tốt công việc chính là bổn phận của bạn. Chỉ có làm được điểm này, bạn mới có thể tiến vào hào thứ ba của quẻ Khôn "hàm chương khả trinh, hoặc tòng vương sự, vô thành hữu chung", mấy câu hào từ này nghĩa là gì? Ở giai đoạn này của cuộc đời, lại nên chú ý những gì?

Lục tam là "hàm chương khả trinh, hoặc tòng vương sự, vô thành hữu chung", chữ "hàm" này rất tuyệt vời. Một viên kẹo, nuốt một cái và nhai nát ra ăn, đều là không biết ăn kẹo. Chỉ có ngậm trong miệng, mới có thể từ từ thưởng thức vị ngọt của kẹo. Vì vậy ở hào thứ ba, quan trọng nhất là chữ "hàm". Hàm là ý nghĩa điềm đạm, bạn rất có năng lực, nhưng nhất định phải điềm đạm. Chúng ta luôn khuyên mọi người phải

“thâm tàng bất lộ” (giấu sâu không lộ), rất nhiều người không hiểu. “Thâm tàng bất lộ” là lời chỉ người rất có năng lực mới có tư cách nói, một người không có năng lực, tổng cộng chỉ có ngần ấy, toàn bộ lộ ra cũng không sao, còn có gì để “thâm tàng”? Chúng ta đọc sách thường giải thích theo nghĩa đen, đây là điều rất tệ. “Thâm tàng bất lộ” chính là nói với chúng ta, phải suy nghĩ xem bản thân có đủ “thâm” không, nếu không đủ “thâm”, thì phải nâng cao năng lực của mình thêm, không thể chỉ nghĩ đến việc thể hiện mình, bởi vì cũng hoàn toàn không có gì để lộ.

"Thiên sinh ngã tài tất hữu dụng" (trời sinh ra tài năng của ta ắt có dụng), không sai, nhưng phàm việc vĩnh viễn là có âm thì có dương. Những vấn đề hiện tại, có cái bạn có thể hóa giải, có cái bạn không thể hóa giải, có cái rõ ràng bạn có thể hóa giải, nhưng bạn không thể đi hóa giải, bởi vì chưa đến lượt bạn. Tất cả đều đang biến hóa, không ai có thể nắm bắt hoàn toàn 100%, chính là bởi vì trong âm có dương, trong dương có âm.

Thuần âm và thuần dương trên đời rất ít, nếu thật sự gặp phải, đó là vận may của bạn, chứ không phải năng lực của bạn. **Chúng ta thường không phân biệt được năng lực và vận may. Năng lực là phần có thể nắm bắt được, vận may là phần mang tính rủi ro.** Bất kỳ việc gì nhất định có tính rủi ro, chỉ là nhiều ít khác nhau mà thôi. Vì vậy nếu một người hoàn toàn phủ định vận may, thì người này cũng là tự đại cuồng vọng không thực tế.

"Hàm" là một công phu. Bạn muốn nói chuyện, phải ngậm trong miệng trước, không thể nghĩ gì nói nấy. Một người, không thể cố tâm nịnh hót, nịnh hót bất kỳ ai đều là đường chết. Nịnh hót tất cả mọi người, bạn sẽ không nịnh hót được ai cả. Chúng ta ngày nay mắc phải tật xấu này, luôn muốn nịnh hót bất kỳ ai, nịnh hót tất cả mọi người. Thấy con gái thì gọi "mỹ nữ đến rồi", cuối cùng làm cho không còn một mỹ nữ nào, bởi vì khả năng thưởng thức cái đẹp của mọi người bị làm rối loạn. Trước đây chỉ cần nghe nói mỹ nữ đến, mọi người sẽ sáng mắt lên. Bây giờ không phải, vừa nghe nói mỹ nữ đến, đều là nhíu mày, nghĩ trong lòng, cái này tính là mỹ nữ gì? Khi tất cả mọi người đều lạm dụng từ khen ngợi này sau, cái đẹp đã bị phá hủy rồi. Chúng ta bây giờ thường nói phải có tâm tốt, phải nói lời tốt, nhưng thế nào gọi là có tâm tốt, nói lời tốt? Trong lòng chỉ có hai chữ: “hợp lý”, miệng chỉ có hai chữ: “thỏa đáng”, những cái khác đều không tồn tại. Phán đoán hợp lý, sau đó biểu đạt thỏa đáng, chính là có tâm tốt, nói lời tốt.

"Hàm chương khả trinh", là nói tuy bạn rất có nội hàm, nhưng cũng phải luôn nhắc nhở mình trên người có người, ngoài trời có trời, và tất cả đều có tính rủi ro, tất cả đều trong sự biến hóa không ngừng, điều bạn biết vĩnh viễn rất hạn chế.

"Hoặc tòng vương sự" - chữ "hoặc" này, không phải là "hoặc là", mà là "hoặc" của "nghi hoặc". Làm việc cho nhà vua, đầy sự nghi hoặc, mới dùng tâm mà suy nghĩ. Nhưng rất nhiều người đều cảm thấy mình rất thạo việc, rồi cứ theo phương pháp quen thuộc của mình mà làm, kết quả lại làm hỏng việc. Tại sao? Bởi vì thời gian vừa thay đổi, toàn bộ tình hình đều thay đổi. Trước đây bạn làm như vậy, và làm rất tốt, nhưng hiện nay

vẫn làm theo cách trước đây chưa chắc đã thông, bởi vì thời gian đã thay đổi, rất nhiều biến số đã xuất hiện. Phàm là theo lệ cũ, theo quy tắc trước đây để làm việc, đều là không động não. Rõ ràng biết có rất nhiều biến số mới xuất hiện, vẫn muốn đi theo lối cũ, đó có phải có trách nhiệm không? Một người có nghi hoặc, phải tìm cách giải trừ nghi hoặc, mới không có “hoặc”; còn một người tự cho rằng không có nghi hoặc, lại sẽ tạo ra rất nhiều nghi hoặc, đây chính là "nhất âm nhất dương chi vị đạo" (một âm một dương gọi là đạo).

Một người phải nhớ, “vô thành hữu chung”. Tôi làm những việc cấp trên giao phó từ đầu đến cuối tốt đẹp, tôi là không có thành tựu, bởi vì tôi làm chỉ là một phần nhỏ mà thôi, tất cả thành tựu đều phải quy về cấp trên. Bất kỳ ai làm việc, đều chỉ là một phần nhỏ trong toàn bộ tập thể mà thôi, đây mới là thực tế.

> Đặc điểm chủ yếu nhất của quẻ Khôn chính là phối hợp, nên hào thứ ba khuyên nhủ chúng ta, khi làm việc, vừa phải khiêm tốn cẩn thận, vừa phải tận tâm tận lực, bất kể đạt được thành tích lớn đến đâu, đều không thể đi tranh công. Chỉ có hiểu rõ vị trí của mình, giữ gìn bổn phận của mình, mới có thể làm việc có thủy có chung. Vậy hào thứ tư "quát nang, vô cữu, vô dự", nghĩa là gì? Và tại sao nói, hào thứ tư của mỗi quẻ, đều là then chốt nhất?

Hào thứ tư của quẻ Khôn (xem hình 12-4), "quát nang, vô cữu, vô dự".



图12-4

"Quát nang" là gì? "Quát" là thu lại, "nang" là túi. Túi của chúng ta như thế nào? Miệng túi phải nhỏ, túi phải to, những thứ đựng trong đó mới không rơi ra ngoài, và mới có thể đựng được nhiều thứ hơn. Điều này đại diện miệng lưỡi nhất định phải chặt.

Bất kỳ việc gì đều có phân biệt vai chính vai phụ, không thể nào ai cũng làm vai chính. Khi diễn kịch, bạn thích đóng vai chính, hay thích đóng vai phụ? Nếu để tôi chọn, tôi tương đối thích đóng vai phụ, bởi vì vai chính đều bị đánh, vai phụ thường không bị. Vai chính vừa bưng một tô mì lên, còn chưa ăn, đã bắt đầu đánh rồi, vai phụ bên cạnh lại có thể ăn hết. Điều này mọi người phải thể hội kỹ, làm vai phụ vui vẻ biết bao, tại sao nhất định phải làm vai chính? Đương nhiên mọi người đều hy vọng mình làm vai chính, chúng ta cũng không phản đối. Thực ra Kinh Dịch nói với chúng ta, khi nên làm vai chính, bạn đừng từ chối; khi nên làm vai phụ, cũng phải an tâm làm.

Một người, khi làm vai phụ làm rất tốt, làm tham mưu làm rất thành công, thì sẽ có rất nhiều người đến dò hỏi tin tức với bạn, đây là một việc rất khó xử. Bởi vì bạn cho họ tin tức, bạn sẽ đắc tội với người ta; bạn không cho họ tin tức, bạn cũng đắc tội với người ta. Họ hỏi bạn: "À, sếp có quan điểm gì về tôi?" Bạn nói, sếp không vui, bạn không nói, người xung quanh không vui, đây là thực tế bạn nhất định phải gặp phải. Bạn không nói không được, nói nhiều quá bạn sẽ tự gặp xui xẻo. Vì vậy bạn phải làm được đối với những người khác nhau, cho họ câu trả lời khác nhau, đây không phải là nói dối. Bất kỳ việc gì, chỉ có một câu trả lời, nhưng bạn phải phân ra cấp bậc. Gặp người chỉ nói “ba lời”, chữ "ba" này đại diện cho nhiều. Tôi thấy người này chỉ nói hai phần, thấy người kia sẽ nói năm phần, thấy người khác nữa, tôi một phần cũng không nói, như vậy mới gọi là gặp người chỉ nói “ba lời”.

Đến lục tứ rồi, nỗi khổ não lớn nhất là lục ngũ sẽ cho bạn một số tin tức, nhưng bạn phải biết, ông ta là để bạn đi thả tin đồn, không phải thật. Lãnh đạo nói với bạn ông muốn điều một người nào đó từ nơi khác về, bạn có nên truyền câu nói này ra không? Bạn không truyền, ông nói chuyện này cho bạn nghe để làm gì? Bạn truyền ra ngoài, ông sẽ phủ nhận hoàn toàn, thậm chí nói đó là tin đồn do bạn tự bịa ra. Trong tình huống này, bạn tiến thoái lưỡng nan, không biết phải làm sao. Vì vậy tại sao người ta phải tinh tiến? Chính là bởi vì khi bạn càng đi lên cao, hoàn cảnh của bạn sẽ càng thêm gian nan.

Thực ra, cuộc đời chính là từng bước đi về phía gian nan hiểm trở. Từ khi chúng ta mới sinh ra, phía trước chúng ta chính là gian nan hiểm trở, và kết quả cuối cùng đều giống như Khổng Minh, chết rồi mới thôi. Mỗi người đều như vậy, không có ngoại lệ. Người chức vị thấp, về nhà còn có thể uống ly rượu, còn có thể xem TV; đến tầng lớp trung gian thì không được nữa, về nhà dám xem TV sao? Phải nhanh chóng xem báo, xem cái này xem cái kia, còn phải lên mạng xem; đến tầng lớp cao cấp, đừng nói xem TV, ngay cả tâm trạng xem báo cũng không có nữa, suốt ngày bận rộn tối mặt. Con người phải tinh tiến, từ cấp cơ sở đến tầng lớp trung gian, rồi đến tầng lớp cao cấp, đây là quá trình tinh tiến tất yếu. Vì vậy một người, phải tìm cách rèn luyện tốt bản thân, mới có thể đảm đương nhiệm vụ trọng đại. Hiện nay rất nhiều người đều chưa chuẩn bị tốt đã đi gánh vác gánh nặng đó, gánh đến mức tinh thần kiệt quệ, rồi bắt đầu oán trách xã hội không công bằng, oán trách xã hội đối với họ quá khắc nghiệt, điều đó là không đúng. Chỉ có đến tầng lớp lãnh đạo, mới có thể đối mặt với tình huống người ta ép rượu, dùng mỹ nhân kế dụ dỗ.

Lục tứ là người được lãnh đạo coi trọng, cũng đối mặt với các loại cám dỗ khác nhau. Các loại cám dỗ đều có mục đích, mỹ nhân không dụ dỗ người cấp cơ sở, chuyên dụ dỗ lục tứ, chỉ cần nắm được lục tứ, cô ta sẽ nắm được rất nhiều thứ. Vì vậy đến tầng lớp lục tứ này, quan trọng nhất là miệng lưỡi phải chặt. Miệng lưỡi chặt không phải không nói chuyện, mà là nói lời thích đáng, nói lời thỏa đáng.

Hào thứ tư của quẻ Khôn, chính là nói với chúng ta phải nghe nhiều nói ít, mới không gây ra phiền phức. Tục ngữ nói "họa từ miệng ra", chúng ta không nên nói lời giả dối, nhưng cũng không thể đem tất cả lời thật đều nói ra. Điều chúng ta nên làm là nói lời thỏa đáng. Nếu hào thứ tư có thể qua suôn sẻ, thì có thể

tiến vào hào thứ năm của quẻ Khôn rồi: "hoàng thường nguyên cát". Điều này nghĩa là gì? Lại nên chú ý những gì?

Đến lục ngũ (xem hình 12-5), khi làm chủ quản tham mưu, càng phải cẩn thận. Lời hào lục ngũ: "hoàng thường nguyên cát". Nói đến "hoàng thường", có người không khỏi hỏi, tại sao chúng ta gọi tổ tiên chung của chúng ta là Hoàng Đế? Tại sao dùng cờ Long Hoàng? Điều này là có đạo lý, bởi vì trong tất cả màu sắc, màu vàng bất kể phối hợp với màu nào cũng có thể hài hòa.



"Hoàng" đại diện cho sự hài hòa. Làm chủ quản, bạn không cần có quá nhiều ý kiến, phải khéo hài hòa, tôn trọng ý kiến của tất cả mọi người, để họ tự giải quyết. Bạn tuyệt đối đừng nói ai đúng ai sai, ai tốt ai xấu, lúc này bạn phải “vô vi”, “vô vi” chính là bạn đừng tạo ra vấn đề. Rất nhiều người giải thích “vô vi” là không làm gì cả, nếu không làm gì cả mà có thể làm tốt công việc, vậy ngay cả nói chuyện cũng đừng nói nữa.

Vô vi, chính là đừng tạo ra vấn đề. Rất nhiều việc đều là do chủ quản tạo ra vấn đề, chỉ cần chủ quản nói ai tốt ai xấu, đó là tạo ra vấn đề rồi. Đánh giá của chủ quản là con dao hai lưỡi, một bên là cùn, bên kia là bén, bạn đừng chỉ nhìn thấy một mặt, đây gọi là "nhất âm nhất dương chi vị đạo". Điểm này trong gia đình cũng có biểu hiện rất thống nhất. Trước đây mỗi gia đình đều có rất nhiều trẻ con, bạn chỉ cần trước mặt tất cả trẻ con khen ngợi đứa nào, sau lưng tất cả anh em sẽ đánh đứa đó, dù đứa đó là anh cả, ba đứa kia cũng sẽ đánh một đứa, đây hoàn toàn là do cha mẹ gây ra.

Trong lòng rõ như ban ngày, miệng nói lúng búng mơ hồ, đây mới là người Trung Quốc. Tôi không làm gì cả, tôi tôn trọng tất cả mọi người, nhưng tôi rất giỏi điều hòa. Chỉ cần từng bước vận hành rất lý tưởng, tự nhiên có thể "hoàng thường nguyên cát". Trịnh Hòa, từ một thái giám chịu đủ ủy khuất, từng bước đi đến địa vị nội quan rất cao, sau được giao trọng trách, bảy lần xuống Tây Dương, đều nhờ sự nhìn nhận của Minh Thành Tổ Chu Đệ. Minh Thành Tổ sao dám tin một thái giám làm loại việc này? Có thể thấy Minh Thành Tổ đã thử thách Trịnh Hòa, cho đến khi phát hiện người khác đều không bằng ông, ngoài ông ra không ai có thể đảm đương, mới yên tâm để ông làm. Vì vậy, như Minh Thành Tổ với Trịnh Hòa có thể nói là tuyệt phối, không có Minh Thành Tổ - quẻ Kiền đó, chỉ có Trịnh Hòa - quẻ Khôn này cũng vô dụng, mà

không có quẻ Khôn đó, quẻ Kiền này cũng không thể thành công. Khi Kiền (Minh Thành Tổ) có thể "phi long tại thiên", thì Khôn (Trịnh Hòa) có thể "hoàng thường nguyên cát" rồi.

"Hoàng thường nguyên cát" nghĩa là, công lao của bạn rất lớn, nhưng không gây ra nghi kỵ của sếp. Hàn Tín đời Hán bị chủ nhân giết chết, đời Minh giết công thần cũng có rất nhiều trường hợp. Một người luôn phấn đấu, làm vai phụ làm rất tốt, nhưng cuối cùng bị giết, thì biểu thị công cốc một phen, nói rõ tu luyện vẫn chưa đủ. Bởi vì không phải mỗi công thần đều nhất định bị giết. Nếu mỗi công thần đều bị giết, thì sẽ không có ai dám làm công thần nữa. May mắn thay, những điều này đều là không nhất định. Hiện nay rất nhiều người khuyến khích mọi người học Ngụy Trưng, tôi cho rằng cũng không cần thiết. Đường Thái Tông thật sự tốt như vậy, thấy Ngụy Trưng là cung kính khiêm nhường? Thực ra Đường Thái Tông mấy lần đều muốn giết ông, nếu không phải phu nhân của Đường Thái Tông mấy lần cứu Ngụy Trưng, Ngụy Trưng đã sớm chết không biết bao nhiêu lần rồi.

Vì vậy, Kiền Khôn là phải phối đối. Kiền Khôn trong nhà gọi là vợ chồng, trong xã hội gọi là quân thần. Có người sẽ hỏi, bây giờ đâu còn quân thần? Đây chính là tự giới hạn mình, hoàn toàn không có tính linh hoạt, bây giờ sao không có quân thần? Vẫn phải có người làm vai chính, cũng phải có người làm vai phụ, vai chính gọi là quân, vai phụ gọi là thần, đây là một kiểu quan hệ quân thần hiện đại. Một tập thể, mọi người đều ngang nhau, ai cũng không nghe ai, thì hỏng rồi, sẽ không làm được việc gì. Nhưng nếu mỗi người đều không đưa ra ý kiến, thì cũng xong. Vì vậy, trong tập thể, dù thế nào cũng phải có một hai người đứng đầu, đó chính là Kiền. Có người tính cách vốn là Kiền, có người tính cách vốn là Khôn, nhưng những người này đều không phải là người giỏi. Thực sự cao minh, là nên Kiền thì Kiền, nên Khôn thì Khôn. “Năng khuất năng thân” (biết co biết giãn) mới là cao minh nhất.

Trong lịch sử có thể "hoàng thường nguyên cát", ngoài Trịnh Hòa ra còn ai? Thời Tam Quốc có nhiều nhân vật ghê gớm như vậy, người thực sự làm quẻ Khôn tốt nhất là Giả Tụng. Tào Tháo là người lật mặt vô tình, về cơ bản thực sự rồng đều lật mặt vô tình, bởi vì rồng vốn là thay mây đổi mưa, nếu không sao gọi là rồng? Có nên đi theo con rồng như vậy không, cũng là lựa chọn của cá nhân. Gần vua như gần cọp, ngay cả điểm này cũng không biết, đó chính là tự tìm cái chết. Thực ra người giúp Tào Tháo nhiều nhất gọi là Tuân Úc, nhưng cuối cùng ông lại bị Tào Tháo giết. Tào Tháo giết Tuân Úc quá đơn giản, chỉ là gửi cho ông một cái hộp rỗng. Tướng quốc gửi quà đến, Tuân Úc mở ra xem là một cái hộp rỗng, ông liền hiểu ý nghĩa rồi, sau đó liền tự sát. Có thể có người sẽ nói sao ông phải nhạy cảm như vậy? Chỉ là một cái hộp rỗng thôi, cần gì phải tự sát? Nhưng nếu ông không tự sát, đợi đến khi bị Tào Tháo giết, thì sẽ chết thảm hơn! Tào Tháo gửi cho ông một cái hộp rỗng, chính là nói với ông một câu: tất cả đều là rỗng không, bây giờ chúng ta đã không còn duyên phận nữa, anh tự xem mà xử lý. Tào Tháo hành động như vậy, đã biểu đạt ý tứ rất rõ ràng rồi.

Tào Tháo do việc lập người kế vị mà do dự không quyết, không biết cuối cùng nên để đứa con nào kế thừa ngôi vị của mình, nên bắt đầu hỏi mưu sĩ. Nghe xong câu trả lời của một số người, Tào Tháo rất không vui: đều là con trai của ta, tại sao các ngươi thiên vị? Đương nhiên cũng không ai dám hỏi lại Tào Tháo: "Đều là con trai của ông, tại sao ông lại hỏi tôi?" Nếu ai dám hỏi như vậy, thì sẽ chết nhanh hơn.

Hỏi là trả lời ngay, Tào Tháo sẽ nói mưu sĩ thiên vị, nhưng nếu không trả lời, Tào Tháo lại sẽ nói họ không quan tâm đến vị chủ nhân tương lai, trả lời thế nào, Tào Tháo đều không hài lòng. Cuối cùng, Tào Tháo hỏi Giả Tụng: "Ngươi xem ta truyền đại nghiệp cho đứa con nào thì tốt hơn?" Giả Tụng đứng đó trầm ngâm suy nghĩ, nửa ngày không lên tiếng. Tào Tháo có vẻ giận dữ, nói: "Ta hỏi ngươi, tại sao ngươi không trả lời?" Lúc này Giả Tụng mới nói: "Tôi đang nghĩ đến chuyện của Lưu Biểu, Viên Thiệu." Câu nói này của ông rất khéo léo đã trả lời Tào Tháo. Bởi vì Lưu Biểu, Viên Thiệu chính là bỏ trưởng lập ấu, kết quả gây ra nhiều rắc rối. Tào Tháo là người thông minh như thế, nghe xong câu nói của Giả Tụng, lập tức đã đưa ra quyết định. Một người không nói ra mà có thể khiến người khác biết, đây mới là người giỏi giao tiếp nhất. Nói nửa ngày người ta vẫn không hiểu, có tác dụng gì? Chỉ là lãng phí nước miếng, mòn môi mỏi miệng mà thôi. Nói thật, muốn nguyên cát không dễ dàng như vậy, nhưng trong lịch sử cũng có rất nhiều người làm được.

Kinh Dịch mỗi quẻ có sáu hào, cuộc đời bạn có thể đi đến hào nào, là phải xem cơ duyên của bạn, không phải ai cũng có thể đi hết cả sáu hào. Đương nhiên tốt nhất là đi đến hào thứ năm rồi chết, đó là vui vẻ nhất, bởi vì đi đến hào thứ sáu, cuối cùng đều rất thê thảm.

> Sáu hào của mỗi quẻ trong Kinh Dịch, có thể nói đại diện cho sáu giai đoạn của đời người hoặc sự vật, từ hào đầu tiên trở lên, nên là một bước một bước cao hơn, một bước một bước tốt hơn, nhưng tại sao giáo sư Tăng Sĩ Cường nói hào thứ năm là tốt nhất, nếu đến hào thứ sáu, sẽ rất thê thảm? Vậy hào thứ sáu "long chiến vu dã, kỳ huyết huyền hoàng" nghĩa là gì? Và làm sao có thể tránh được?

Hào thứ sáu của quẻ Khôn (xem hình 12-6), chúng ta gọi nó là thượng lục, lời hào là: "long chiến vu dã, kỳ huyết huyền hoàng."



Quẻ Khôn từ hào đầu đến hào năm không xuất hiện một chữ rồng nào, sao thượng lục đột nhiên xuất hiện một chữ rồng? “Vật cực tất phản” (vật đến cực điểm tất quay ngược lại), quẻ Khôn đến hào thứ sáu, bắt đầu muốn "càn" rồi, thượng lục đột nhiên biến thành rồng, chính là nhu đến cực điểm biến thành cương rồi. Có

một câu nói, chị em phụ nữ nghe xong sẽ rất không vui, nhưng chúng ta phải giải thích một chút, không thể tránh né, gọi là "tối độc phụ nhân tâm". Tại sao nói “tối độc phụ nhân tâm” (Tâm của người phụ nữ là độc ác nhất) mà không nói “tối độc nam nhân tâm”? Đây không phải là nam nữ bất bình đẳng, mà là bởi vì chị em phụ nữ luôn rất nhu, nhưng đến thời điểm then chốt, họ còn cương hơn cả đàn ông.

“Vật cực tất phản”, sự vật một khi phát triển đến cực điểm, sẽ bắt đầu phát triển ngược lại. Khi quẻ Kiền đi đến điểm cực hạn, sẽ đi về quẻ Khôn. Bây giờ quẻ Khôn đã gần đi đến điểm cuối cùng, rồng liền xuất hiện, vì vậy rồng Kiền với rồng Khôn sẽ phải giao chiến. Khi lãnh đạo và quân sư đối lập nhau, bạn thử nghĩ xem, nhất định rất thảm khốc, nên "kỳ huyết huyền hoàng". Hoàng là màu của rồng đất, huyền là màu của rồng trời. Chúng ta đều nói “thiên long địa hổ”, con hổ này cũng sẽ biến thành rồng, không phải rồng trời, mà là rồng đất. "Kháng long hữu hối" (rồng bay cao, có điều hối tiếc), "long chiến vu dã", chính là rồng trời với rồng đất đánh nhau, rồng Kiền với rồng Khôn tranh đấu, ai cũng không cứu được.

Khổng Minh cuối cùng cũng bị Lưu Bị nghi kỵ, điều này không thể phủ nhận. Lưu Bị ở Bạch Đế Thành ủy thác con côi, ông nói với Gia Cát Lượng: "Con trai ta nếu có thể phò thì phò, không thể phò thì ngươi thay thế nó." Đây đã bắt đầu có vị "long chiến vu dã" rồi. Vì vậy, Gia Cát Lượng vội vàng quỳ xuống đất dập đầu, dập đến chảy máu đầu. Thực tế với thân phận của Gia Cát Lượng lúc đó, ông không cần như vậy, ông có thể chỉ nói một câu: "Ông lo lắng quá rồi, sẽ không như vậy đâu." Nhưng nếu ông nói "ông lo lắng quá rồi, sẽ không như vậy đâu", thì biểu thị ông có dã tâm này rồi, vậy thì là “lão tam lão tứ” (người không ra gì) rồi. Vì vậy mọi người đọc lịch sử, phải thấm thía sâu sắc đạo lý phía sau nó, nếu không chỉ là xem náo nhiệt, xem nửa ngày không thu hoạch được gì, thì không có ý nghĩa gì. Kịch diễn ra chỉ là tình tiết câu chuyện, sẽ không nói trực tiếp đạo lý trong đó, đạo lý vĩnh viễn là thứ phía sau, những gì chúng ta thấy đều là hiện tượng, đều là số liệu. Những thứ quan trọng hơn phía sau hiện tượng, số liệu, chưa từng được nói trực tiếp ra, gọi là đạo lý.

Trọng thần cuối đời Thanh là Tăng Quốc Phiên là có năng lực tạo phản, nhưng ông không tạo phản, bởi vì ông biết hậu quả của "long chiến vu dã". Ông đã qua giai đoạn "hoàng thường nguyên cát", khi thanh danh của ông bắt đầu đe dọa đến hoàng đế, ông chỉ còn cách viết liên tục thư về nhà. Một người viết thư về nhà, có cần để mọi người đều thấy không? Vậy còn tính là thư về nhà gì? Từ điểm này chúng ta biết, thư nhà của Tăng Quốc Phiên không phải viết cho người nhà xem, mà là viết cho hoàng đế xem. Tăng Quốc Phiên có thể tấu lên hoàng đế nói mình có thực lực, nhưng tuyệt đối không tạo phản không? Đương nhiên không thể, nếu ông viết bản tấu này, thì biểu thị ông đã động não nghĩ đến chuyện tạo phản. Vì vậy Tăng Quốc Phiên không thể nói lời này, nên ông liên tục viết thư về nhà. Nói thật, hoàng đế xem xong thư về nhà của Tăng Quốc Phiên mới yên tâm, tin rằng ông không có lòng tạo phản, mới tha cho ông, nếu không ông cũng sẽ rất thảm.

Niên Canh Nghiêu chiến công hiển hách, cuối cùng vẫn "long chiến vu dã", cứng rắn bị Ung Chính giết chết, ông không giữ được cửa ải "hoàng thường nguyên cát" này, chính là vì ông khiến Ung Chính hoàng đế cảm thấy bị đe dọa. Niên Canh Nghiêu đánh thắng trận trở về, Ung Chính thật sự rất cảm ơn ông, nên ra đến cổng thành đón tiếp. Khi ông thấy binh sĩ của Niên Canh Nghiêu tuy đánh trận trở về, nhưng từng người một tinh thần phấn chấn, rất chỉnh tề, nên nói: "Xin nghỉ ngơi." Nhưng ông nói xong câu này, không có một binh sĩ nào động đậy. Lúc này, Niên Canh Nghiêu nghìn lần không nên, vạn lần không nên nói câu đó, ông nói: "Họ chỉ biết có lệnh tướng, không biết có lệnh vua." Ung Chính lúc đó không nói gì, nhưng trong lòng nghĩ: được thôi, thử xem. Vì vậy Niên Canh Nghiêu nhất định phải chết,, không thể không chết.

Quẻ Kiền không thể phát huy riêng lẻ, bởi vì hoa hồng cũng cần lá xanh tôn lên. Quẻ Khôn không có cách nào vận hành riêng lẻ, bởi vì bạn nhất định phải tìm được chủ nhân tốt, mới có thể toàn lực phối hợp, nếu không bạn phối hợp với ai? Vì vậy, chúng ta muốn xem Kinh Dịch, tốt nhất đem hai quẻ tương ứng hợp lại xem, đừng xem riêng lẻ. Vì vậy, tiếp theo chúng ta sẽ nói về Kiền Khôn nhân sinh, xem xem nên làm thế nào để hợp nhất Kiền Khôn lại mà xem.

Chương 13: Cuộc sống thuận theo Thiên Địa

> Quẻ Kiền và quẻ Khôn là hai quẻ đặc biệt nhất trong 64 quẻ. Quẻ Kiền thuần dương, quẻ Khôn thuần âm. Khi xem xét hai quẻ này cùng nhau, chúng ta sẽ thấy Kiền Khôn là một cặp đôi hoàn hảo. Trong lịch sử có nhiều cặp đôi Kiền Khôn nổi tiếng, nhưng tại sao có cặp được ca ngợi, có cặp lại để lại tiếng xấu ngàn đời?
>
> Kinh Dịch thông qua nguyên lý tự nhiên để suy luận ra triết lý nhân sinh, đó chính là sự tuần hoàn của "thủy thâm hỏa nhiệt" (nước sâu lửa nóng). 64 quẻ trong Kinh Dịch vừa đại diện cho 64 tình cảnh trong vũ trụ, vừa đại diện cho 64 trạng thái trong cuộc đời con người. 64 trạng thái này tuy hoàn toàn khác nhau nhưng có một quy luật chung, quy luật này là gì? Nó có ý nghĩa cảnh tỉnh gì đối với cuộc sống của chúng ta?

Chúng ta đã từng nói, Kinh Dịch là một bộ sách quý giải mã bí mật vũ trụ. Tổ tiên chúng ta quy nạp chân lý thành 64 quẻ, quẻ Kiền là một mật mã trong đó, quẻ Khôn là một mật mã khác. Chúng ta cũng biết trong mỗi mật mã đều chứa 6 tiểu mật mã. Kiền Khôn, mỗi quẻ có 6 tiểu mật mã nhỏ, cộng lại thành 12 tiểu mật mã, đúng một tá. Tất cả mọi việc trên thế gian đều lấy 12 mật mã này làm nền tảng để biến hóa không ngừng.

Kiền là thuần dương nên mật mã của quẻ Kiền chúng ta dùng một chữ để biểu thị:

Mật mã thứ nhất là "Tiềm", là có thể ẩn mình bên trong.

Mật mã thứ hai là "Hiện", khi tiềm ẩn đến thời cơ chín muồi thì phải xuất hiện.

Mật mã thứ ba là "Dịch", khi ẩn mình người ta không tìm thấy bạn, không coi bạn là mục tiêu, nhưng một khi bạn xuất hiện có thể khiến người khác khó chịu, sẽ gây nhiễu loạn cho người khác, từ đó các đòn đánh sẽ đến, nên bạn phải hết sức cảnh giác.

Mật mã thứ tư là "Dược", là chuẩn bị nhảy vọt lên trời. Bước nhảy này là then chốt nhất trong đời người, nhảy lên được thì là "long phi tại thiên", nhảy không lên thì chỉ còn nước về hưu, đơn giản vậy thôi.

Mật mã thứ năm là "Phi", thực sự là rồng bay trên trời, đối mặt với thách thức càng nghiêm trọng hơn, nên lúc này cần đặc biệt cẩn thận.

Mật mã thứ sáu là "Kháng", điều này rất khó tránh khỏi. Bất kỳ thứ gì đạt đến đỉnh cao đều sẽ vật cực tất phản (vật đến cực điểm tất quay ngược lại), chuyển sang hướng khác, nên cách ứng phó càng quan trọng hơn.

Sáu Mật mã của quẻ Kiền là: **Tiềm, Hiện, Dịch, Dược, Phi, Kháng**.

Vì quẻ Khôn thuần âm nên sáu mật mã của nó chúng ta đều dùng hai chữ để biểu thị.

Mật mã thứ nhất của quẻ Khôn là "Lý sương", là khi chân bạn giẫm phải sương thì phải có sự chuẩn bị tương ứng.

Mật mã thứ hai là "Bất tập", là đừng học những thói quen không tốt, phải giữ thái độ thuần khiết ban đầu.

Mật mã thứ ba là "Hàm chương", bạn càng có học vấn, càng có tài năng thì càng phải cẩn thận, giữ thái độ khiêm tốn, vì vẻ đẹp nội tâm luôn vượt trội hơn vẻ bề ngoài.

Mật mã thứ tư là "Quát nang" (bịt túi), vì lúc này bạn biết rất nhiều thông tin, người ta nhất định sẽ đến dò hỏi, miệng lưỡi bạn phải càng ngày càng kín kẽ. Con trẻ nói bừa bãi, người ta mắng cho qua thì thôi, đến lúc này mà còn nói bừa, sẽ không ai tha thứ.

Mật mã thứ năm là "Hoàng thường", đến hoàng thường thì phải giữ gìn, phải biết đủ là đủ, vì tiếp tục đi lên sẽ là “long chiến” (rồng giao chiến).

Mật mã thứ sáu là "Long chiến", thiên long địa long giao chiến, kết cục rất thảm.

Khi vừa mở Kinh Dịch ra, chúng ta sẽ thấy dù là quẻ Kiền hay quẻ Khôn, thoán từ đều có 4 chữ gọi là “Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh” (xem hình 13-1). Hơn nữa 4 chữ này thường xuyên xuất hiện trong toàn bộ Kinh Dịch. Vậy “Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh” thực sự nói về điều gì?



图13-1

Hình 13-1: Nguyên Hanh Lợi Trinh (khởi đầu hanh thông, lợi về sự chính bền)

> Trong 64 quẻ của Kinh Dịch, chỉ có quẻ Kiền là thuần dương, quẻ Khôn là thuần âm, nhưng hai quẻ hoàn toàn trái ngược này lại có 4 chữ chung là “Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh”. Vậy tại sao trong cả hai quẻ Kiền Khôn đều có 4 chữ này? 4 chữ này lại mang ý nghĩa gì?

Chúng ta có lý do để tin rằng, “Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh” trong thời đó là những từ ngữ rất thông dụng, nếu không tại sao Chu Văn Vương lại dùng những từ khó hiểu để viết thoán từ hào từ cho ai xem? Ý định của Chu Văn Vương là phổ biến đạo lý Kinh Dịch, để mọi người đều sống vui vẻ theo đạo lý, nên ông nhất định sẽ tránh dùng từ ngữ khó hiểu. Có thể thấy “Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh” thời đó rất thông dụng, chỉ vì thời

gian lâu xa, người đời sau dần dần không biết ý nghĩa ban đầu của nó nữa. Vì thế, bạn sẽ thấy trong nhiều sách có rất nhiều cách giải thích khác nhau về 4 chữ "Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh", hiện nay thấy được ít nhất có 14 cách. Tất nhiên, chúng ta không cần thiết phải hiểu rõ tất cả những cách giải thích đó.

"Nguyên" là bắt đầu, bất cứ việc gì cũng có khởi đầu, nên gọi là nguyên thủy. Vị thần cổ xưa nhất của Trung Quốc gọi là Nguyên Thủy Thiên Tôn, chúng ta đến bất kỳ nơi nào, chỉ cần ngôi chùa đó là cổ xưa nhất, nhất định sẽ gọi là Khai Nguyên Tự. "Hanh" là hanh thông. Một việc bắt đầu có nhất định sẽ hanh thông không? Điều này đáng để chúng ta suy ngẫm. Thực tế, rất nhiều việc khi bắt đầu không hanh thông. Một cửa hàng vất vả mới khai trương, chưa đầy ba ngày đã phá sản. Một việc ban đầu tốt đẹp, nhưng rất nhanh đã trở nên rối tung. Những tình huống như vậy không hiếm. Có thể thấy Nguyên muốn Hanh, phải làm cho Nguyên thật tốt, gọi là cố bản bồi nguyên.

Bất kỳ việc gì cũng có điều kiện, điều này rất quan trọng. Nên nói vừa bắt đầu đã "hanh thông", những lời như vậy chúng ta tốt nhất đừng tin. Chuẩn bị thật đầy đủ, lo lắng chu đáo, thời cơ lại phù hợp, mọi mặt đều chuẩn bị chu đáo, trong hoàn cảnh như vậy, đương nhiên vừa bắt đầu đã có thể hanh thông. Sau khi hanh thông, nhất định sẽ thu được "lợi ích" tương đối, vì trời không phụ người có lòng, một phần nỗ lực, một phần gieo trồng, sẽ có một phần thu hoạch. Lúc này một thử thách lớn nhất xuất hiện, đó là chữ Trinh. "Trinh" là chính trực. Khi bạn thu được lợi, bạn phải cẩn thận, phải phân biệt rõ đây là lợi ích chính đáng hay không chính đáng. Vì lợi ích nhất định cũng có âm dương hai loại, một loại là lợi ích chính đáng, một loại hoặc là bạo lợi, hoặc là tà lợi, hoặc là lợi ích bất hợp pháp. Nếu thu được lợi ích chính đáng, sẽ "trinh hạ khởi nguyên" (chính bền, dưới khởi đầu mới), có thể làm cho sự việc phát triển lớn mạnh hơn, tốt đẹp hơn.

"Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh" cũng tuần hoàn không ngừng, không ngừng phát triển về phía trước. Ban đầu là quy mô nhỏ, Nguyên, Hanh, Lợi, đến Trinh, chỉ là một vòng tròn nhỏ. Vượt qua được thử thách của Trinh, lần sau Nguyên sẽ lớn hơn, Hanh, Lợi, Trinh cũng lớn hơn, rồi cứ thế vòng này qua vòng khác đều là Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh, Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh... (xem hình 13-2), toàn bộ sự nghiệp sẽ phát triển rộng lớn như vậy.

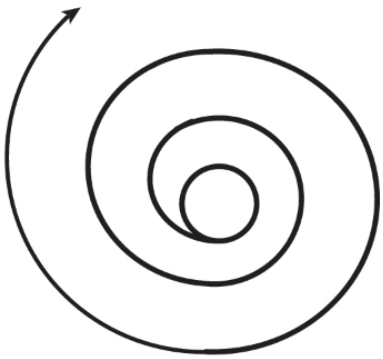


图13-2

Bốn mùa trong năm cũng là sự tuần hoàn của “Nguyên, Hanh, Lợi”, Trinh. Mùa xuân là “Nguyên”, mùa hạ là “Hanh”, mùa thu có thu hoạch là “Lợi”, mùa đông cần tích trữ tốt là “Trinh”. Nếu năm nay mùa đông không tích trữ tốt, hoặc mùa thu thu hoạch xong đã đánh bạc thua hết, thì sang năm xuân về, ngay cả hạt giống cũng không có, còn làm được gì? Một người phải nhớ, tất cả đều là “chu nhi phục thủy”, tuần hoàn không ngừng, nhưng quá trình này có thể lớn có thể nhỏ. Nỗ lực của bạn cuối cùng là muốn làm cho nó lớn hay nhỏ, đều là tự làm tự chịu, không thể trách người khác.

Chúng ta cũng có thể xem một ngày là “Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh”, sáng sớm là “Nguyên”, dần dần đến trưa là “Hanh”, chiều tối tổng kết thu hoạch trong ngày là “Lợi”, tối về nghỉ ngơi tốt là “Trinh”. Ngày hôm sau tinh thần phấn chấn, lại bắt đầu một “Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh” mới. Vì vậy Khổng Tử cho rằng, “Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh” là bốn đức, “Nguyên” là thận trọng lúc bắt đầu, chúng ta làm bất cứ việc gì đều phải thận trọng lúc khởi đầu, “Hanh” là theo đuổi lợi ích chính đáng, “Lợi” là tích trữ tốt những lợi ích chính đáng đạt được, “Trinh” là khi cần dùng thì dùng, để chuẩn bị cho “Trinh hạ khởi Nguyên”, lần sau mới có thể phát triển tốt hơn.

> Kinh Dịch dựa vào nguyên lý trong tự nhiên để suy luận ra một triết lý nhân sinh, đó chính là mật mã Kiền Khôn: “Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh”. Dù là cuộc đời hay sự nghiệp, lúc bắt đầu phải thận trọng, trong quá trình phát triển phải theo đuổi lợi ích chính đáng, mới có thể không ngừng đạt được thành công. Vậy phải chăng mỗi quẻ đều có bốn chữ “Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh”? Chúng ta nên hiểu và vận dụng bốn chữ “Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh” này như thế nào?

Thực tế, trong Kinh Dịch không phải quẻ nào cũng có đủ bốn chữ “Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh”. Nghĩa là khi con người gặp những tình huống khác nhau, đừng nghĩ rằng cái gì cũng có thể “Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh”. Thoán từ của quẻ Khôn là “Nguyên, Hanh, Lợi”, phía dưới thêm "tân mã chi trinh" (xem hình 13-3). Thêm vài chữ tức là thêm một số hạn chế, thêm một số điều kiện.



图13-3

Dùng để khai sáng gọi là “Càn Nguyên”, còn dùng để phối hợp thực hiện lý tưởng của người khác thì gọi là “Khôn Nguyên”. Vì vậy trời có lý tưởng, đất sẽ hết lòng phối hợp. Chúng ta xem hai quẻ Kiền Khôn cùng nhau, sẽ thấy hai quẻ này là sự kết hợp rất tốt, gọi là cặp đôi hoàn hảo Kiền Khôn (xem hình 13-4).

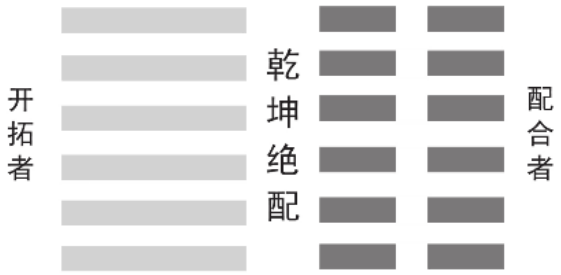


图13-4

> Nếu nói quẻ Kiền đại diện cho một người khai phá thành công, thì quẻ Khôn đại diện cho một người phối hợp xuất sắc. Trong lịch sử có thể kể ra nhiều cặp đôi Kiền Khôn, nhưng tại sao có cặp được người đời ca ngợi, có cặp lại để lại tiếng xấu ngàn đời?

Trong lịch sử, có rất nhiều cặp đôi Kiền Khôn, như chúng ta đã đề cập trước đây Minh Thành Tổ và Trịnh Hòa là một cặp điển hình. Trong Tam Quốc Diễn Nghĩa, ngoài Đào Viên kết nghĩa, thì cặp đôi được nhắc đến nhiều nhất là Lưu Bị và Khổng Minh. Nếu Khổng Minh không gặp được Lưu Bị thì tài năng cả đời này sẽ bị chôn vùi. Vì vậy, dù Khổng Minh chịu nhiều khổ cực, dù cuối cùng ông đã phục vụ đến chết mới thôi, dường như chưa hoàn thành được hoài bão trong lòng, nhưng tinh thần kính cẩn và tận tâm phò tá cha con Lưu Bị sẽ được lưu truyền, sẽ mãi mãi tồn tại trong lòng chúng ta, vì vậy cuộc đời của Khổng Minh rất có ý nghĩa. Đương nhiên, nếu Lưu Bị không có Khổng Minh, ông ta cũng chỉ là dẫn theo vài người anh em đi giang hồ, cũng có thể gây ra chút gió mưa, nhưng cuối cùng sẽ không có thành tựu lớn. Vì vậy, cặp đôi Lưu Bị và Khổng Minh đều đạt được vị trí của mình.

Ngoài ra có một cặp tuyệt phối Kiền Khôn rất đáng cười, đó là Càn Long và Hòa Thân. Càn Long, chính là Kiền, rồi nổi lên một chút, gọi là Càn Long; Hòa Thân 和珅 càng tuyệt, chữ Thân 珅 của ông ta là chữ Khôn 坤 thêm một nét ngang, vốn gọi là Hòa Khôn 和坤, thêm một nét ngang thành Hòa Thân 和珅. Càn Long và Hòa Thân phối hợp tốt hay không tốt? Hòa Thân hầu hạ Càn Long rất chu đáo, nịnh bợ khiến ông ta rất vui vẻ, nhưng đối với xã hội mà nói, lại gây họa vô cùng. Như vậy chúng ta có thể biết, phối hợp tốt không nhất định có kết quả tốt, còn phải xem cuối cùng là phối hợp thế nào, vận hành thế nào, điều này mới quan trọng hơn.

Chúng ta thường nói, đằng sau một người đàn ông thành công, nhất định có một người phụ nữ hiền minh, đây cũng là cặp đôi Kiền Khôn. Nếu trong nhà không có người khiến bạn ổn định, khiến bạn không còn hậu thuẫn, làm sao bạn có thể chuyên tâm làm việc bên ngoài? Một người đàn ông, lãnh đạo bảo anh ta đi công tác, anh ta nói: "Không được, con tôi đang bệnh." Bảo anh ta làm thêm giờ buổi tối, anh ta lại nói: "Không được, vợ tôi ở nhà sẽ sợ." Như vậy anh ta còn làm được gì? Thà không làm gì còn hơn. Tại sao nói phải "gia hữu hiền thê" (Nhà có người vợ hiền)? Chính là nói làm vợ, phải để chồng có thể chuyên tâm làm tốt việc bên ngoài, để anh ấy không có hậu thuẫn, đơn giản chỉ có vậy thôi.

Hiện nay nhiều người giảng Kinh Dịch đều giảng từ góc độ quản lý, chính trị,...khiến mọi người nghĩ rằng đọc Kinh Dịch giống như muốn làm quan hoặc làm lãnh đạo, thực tế không phải vậy. Hôm nay chúng ta hãy nói về việc ứng dụng lý niệm Kinh Dịch trong giáo dục.

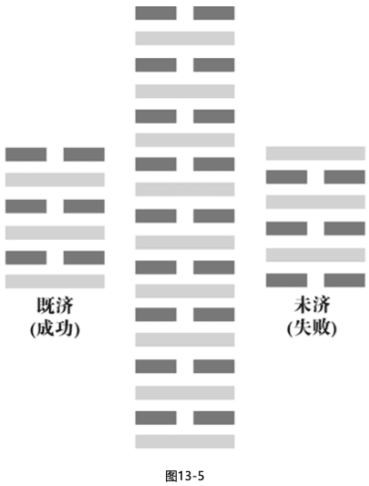
Kiền Khôn dùng trong giáo dục chính là tinh thần Long Mã. Kiền là Long (rồng), vì 6 hào của quẻ Kiền đều là rồng, bắt đầu từ Tiềm Long (rồng ẩn), rồi đến Hiện Long, Dịch Long, Dược Long, sau đó là Phi Long, cho đến Kháng Long, tất cả đều là rồng. Hào từ của quẻ Khôn không có chữ Mã nào, nhưng Thoán từ nói với chúng ta "Lợi tân mã chi trinh", "tân mã" là ngựa cái, không phải ngựa đực. Tại sao Kinh Dịch đặc biệt chỉ ra là ngựa cái? Chính là muốn chúng ta học tập tinh thần phối hợp, điều hòa của ngựa cái. Ngựa đực và ngựa cái có gì khác nhau? Ngựa đực là dẫn đầu, ngựa cái mãi mãi theo sau ngựa đực, ngựa đực chạy đến đâu, ngựa cái theo đến đó. "Tân mã" chính là phải làm một vai phụ rất tốt, đây chính là đạo lý mà Kinh Dịch đặc biệt chỉ ra "Lợi tân mã chi trinh".

Chúng ta dạy con cái mình, đều mong con thành rồng, điều này đương nhiên không sai, nhưng phải có phương pháp đúng mới được. **Rồng chính là ngựa, ngựa chính là rồng, đây là quan niệm rất quan trọng.** Nhưng giáo dục của chúng ta chính là sai lầm ở khâu này.

> Gần như mọi bậc cha mẹ đều mong con thành rồng, đều hy vọng con mình tương lai có thể "phi long tại thiên", rất ít cha mẹ sẵn lòng đào tạo con thành một con ngựa chân chính. Thực ra rồng chính là ngựa, ngựa chính là rồng, tại sao vậy? Tại sao nói giáo dục của chúng ta, chính là sai lầm trong vấn đề mong con thành rồng?

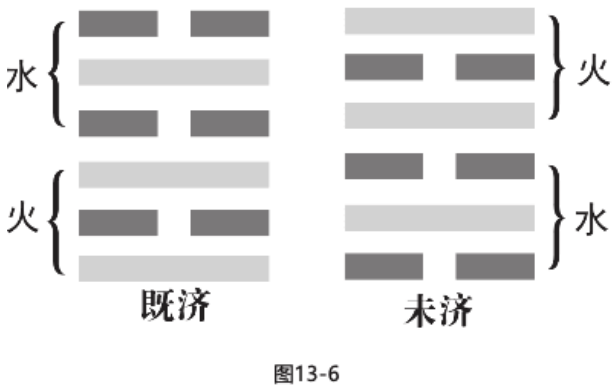
Rồng chính là ngựa, ngựa chính là rồng, rốt cuộc nên hiểu thế nào? Cần biết rằng, khi mặt trời rất sáng, phần bóng tối sẽ không thấy, khắp nơi đều sáng rực, đó chính là quẻ Kiền; khi ánh sáng dần yếu đi, hiện ra bóng tối, đó chính là quẻ Khôn. Bóng tối luôn tồn tại, khi ánh đèn rất sáng, bóng tối ẩn mà không hiện, nhưng không phải đã mất đi, nó vẫn tồn tại. Có vật thể nhất định có bóng, đây là quy luật tự nhiên. Ánh đèn vừa tối đi một chút, bóng tối lập tức sẽ xuất hiện. Như vậy chúng ta không khó hiểu, trong Kiền vĩnh viễn có Khôn, trong Khôn cũng chứa Kiền, cũng chính là trong âm có dương, trong dương có âm, âm có thể biến dương, dương có thể biến âm, âm dương không thể tách rời.

Quẻ Ký Tế và Vị Tế đều là âm dương đan xen vào nhau, chỉ là vị trí khác nhau mà thôi (xem hình 13-5). Ký Tế và Vị Tế, vĩnh viễn chỉ cách một bước: bước này là Ký Tế, bước sau là Vị Tế, tiến thêm một bước lại là Ký Tế, bước sau lại là Vị Tế. Ký Tế - Vị Tế - Ký Tế - Vị Tế... hai cái vĩnh viễn tuần hoàn tồn tại.



Hình 13-5: Bên trái là Ký Tế - Bên phải là Vị Tế

Quẻ Ký Tế và Vị Tế đều là sự kết hợp của nước (Khảm) và lửa (Ly) (xem hình 13-6), một quẻ là nước trên lửa dưới, một quẻ là lửa trên nước dưới, nên chúng ta nói, nhân sinh chính là "thủy thâm hỏa nhiệt" (Nước sâu, lửa bỏng). Nhân sinh đơn giản vậy thôi: vừa mới thoát khỏi lửa nóng, lại rơi vào nước sâu, vừa mới trồi lên từ nước sâu, lại gặp lửa nóng, vĩnh viễn đều như vậy. Khổng Tử nói với chúng ta, tất cả mọi thứ đều là quá trình bạn nhất định phải trải qua, không phải do bạn thích hay không thích. Nước đến thì nước đến, lửa đến thì lửa đến, đối mặt với tất cả đều phải an tâm theo lý, bởi vì đây là những thử thách mà cuộc đời nhất định phải trải qua, ai cũng không thoát được.



Hình 13-6 : Bên trái (Thủy Hỏa Ký Tế) : ngoại Khảm, nội Ly

Bên phải (Hỏa Thủy Vị Tế) : ngoại Ly, nội Khảm

Rồng chính là ngựa, ngựa chính là rồng. Một con ngựa rất giỏi, khi nó có thể bay lên trời, nếu bạn nói nó là ngựa bay, người ta nhất định sẽ cười: ngựa sao có thể bay được? Đó là rồng! Vì vậy, một con ngựa bay lên trời, nó được gọi là rồng. Ngược lại, dù là rồng, nếu cả đời không bay lên được trời, cứ nằm mãi dưới đất, thì còn không bằng ngựa. Vì vậy dù không thành rồng, chỉ có thể làm ngựa, ít nhất cũng phải làm một con lương mã (ngựa tốt, ngựa chiến) mới được.

Nếu thấu hiểu hai quẻ Kiền Khôn, chúng ta sẽ biết, làm cha mẹ, mong con thành rồng nên để trong lòng, không thể nói ra. Muốn giáo dục con cái, nên trước tiên đào tạo nó như một con ngựa. Đào tạo nó thành "lương mã", một ngày nào đó khi thực lực đủ, bay lên trời, đó mới là rồng thật sự. Nếu ngay từ đầu đã đào tạo con như rồng, suốt ngày chỉ muốn bay lên trời, cuối cùng tâm cao mà tay thấp, ngay cả việc phi nước đại như ngựa trên mặt đất cũng không làm được, chẳng phải là làm hỏng nó sao? Vì vậy, đào tạo con cái nên bắt đầu từ hào đầu của quẻ Khôn, dạy nó học cách "lý sương kiên băng chí" (Khi giẫm lên sương thì biết băng dày sắp đến).

Ví dụ, khi bạn dẫn trẻ ra ngoài, trong lòng phải biết, nó nhất định sẽ đòi mua đồ chơi, đặc biệt là ngày nay đồ chơi chất như núi như biển, một đống lớn. Hôm nay nó muốn cái này bạn mua cho nó, lần sau lại muốn cái kia, bạn không mua cho nó, nó sẽ nằm lăn ra đất làm phiền bạn, khiến bạn rất khó xử. Nếu làm cha mẹ mà không thể tưởng tượng ra điều này, còn tính là cha mẹ gì? Trong tình huống này, làm cha mẹ, nên thông qua những việc đơn giản để giáo dục con cái. Lần sau bạn muốn dẫn con ra ngoài, biết nó nhất định sẽ đòi mua đồ chơi, khi chưa ra khỏi nhà phải hỏi trước: "Hôm nay chúng ta ra ngoài sẽ thấy rất nhiều đồ chơi, con có muốn mua không?" Nó nhất định sẽ nói muốn. Bạn hỏi nó muốn mua mấy cái, nó đương nhiên nói muốn mua rất nhiều rất nhiều. Lúc này bạn nói: "Vậy con tự đi ra ngoài đi, mẹ không đủ tiền, không có cách nào mua nhiều như vậy." Nó sẽ biết không thể muốn mua bao nhiêu thì mua bấy nhiêu, sau đó bạn lại hỏi nó cuối cùng muốn mấy cái, nó nói ba cái. Bạn lại bảo nó: "Ba cái cũng quá đắt, mua về con cũng không chơi hết được ngay. Nếu muốn mua ba cái, thì lấy một cái về tự chơi, hai cái còn lại tặng cho hàng xóm." Nó nhất định sẽ nói không muốn. Lúc này lại hỏi nó mua mấy cái, nó sẽ nói chỉ cần một cái. "Lý sương kiên băng chí" từng bước từng bước hiện ra như vậy. Cách thức này có thể tạo ảnh hưởng quan trọng đến cách tư duy của trẻ.

Tuy nhiên, trẻ con vẫn chưa hiểu nên chọn thế nào, làm sao biết nên mua cái nào? Vì vậy cha mẹ phải bảo nó: "Khi con thấy trong cửa hàng đồ chơi có rất nhiều đồ chơi, mẹ dạy con cách chọn lựa, điều này không phải bạn bè nào cũng biết." Nghe cha mẹ nói vậy, nó sẽ rất vui vẻ và chú ý lắng nghe bạn nói. "Con nhìn một lượt trước, mới biết con muốn mua những cái nào. Trong lòng con, có năm cái muốn mua cũng không sao, mười cái cũng không sao. Con nhìn lượt thứ hai xem trong những cái này con muốn cái nào, chọn ra ba cái, rồi một lần nữa, chọn một cái, con có thể mua rồi." Phương pháp này rất hiệu quả, trẻ không những không khóc, cũng không làm rầy, càng không trách ba mẹ không cho mua, mà còn rất vui vẻ. Cha mẹ nói trước với con nên làm thế nào, bước này gọi là "Nguyên". Con ra ngoài chọn đồ chơi vừa ý gọi là "Hanh", sau đó cầm "chiến lợi phẩm" vui vẻ về nhà gọi là "Lợi", xem biểu hiện của nó khi về nhà, sẽ biết "Trinh" hay không Trinh, đây là việc rất đơn giản.

Nhưng hiện nay người lớn hoàn toàn không dạy trẻ những điều này, chỉ đưa ra nhiều cám dỗ cho trẻ, khiến nó hoàn toàn không kiểm soát được, lại bắt đầu mắng nó không tốt, đây chính là cách chúng ta dạy trẻ. "Lý sương kiên băng chí", trước tiên xem con như ngựa, sau đó giáo dục nó thành rồng, chẳng phải rất tốt sao?

Làm người, nên học “lý sương” trước (ndlr: sơ lục của quẻ Khôn), sau đó mới học “tiềm long” (ndlr: sơ cửu (hào sơ dương) của quẻ Kiền). Không có “lý sương”, không có tích lũy, còn có gì để “tiềm”? Nhiều người chỉ biết “tiềm”, một cái là tự giam mình lại, bởi vì họ hoàn toàn không có gì để tiềm.

Một khi con người “lý sương”, phải có tính cảnh giác cao độ, thấy chỗ này sẽ suy luận ra nhiều điều hàm ẩn, thì người này tiềm lực vô hạn; nếu thấy chỗ này, chỉ giới hạn ở chỗ này, thì người này không phát triển nữa. Khổng Tử dạy học trò rất thoải mái, gọi là "hữu giáo vô loại" (dạy không phân biệt), nhưng ông cũng rất nghiêm khắc, nếu học trò không thể “cử một phản tam” (dạy một biết ba), ông sẽ không dạy nữa. Cũng có nghĩa là ông để học trò vào rất dễ dàng, nhưng qua kiểm nghiệm chứng minh không được, ông sẽ từ chối. Vì vậy, cũng có thể nói “Nguyên” là cho bạn cơ hội, nhưng “Hanh” hay không Hanh, sau này có “Lợi” hay không, phải tự bạn xem xét. Không “Hanh” thì không có “Lợi”, dù có Lợi, cũng phải xem bạn có giữ được hay không, có Trinh chính hay không. Rất nhiều học trò học với Khổng Tử một thời gian rồi không học nữa, đi thì đi, Khổng Tử cũng không để ý, bởi vì họ không “Trinh”. Mới học được một vài chiêu thức, đã ra ngoài giang hồ, chỉ có thể tự làm tự chịu. Chỉ có những người theo Khổng Tử lâu dài mới trở thành hiền sĩ.

> 64 quẻ trong Kinh Dịch vừa đại diện cho 64 tình cảnh trong vũ trụ, vừa đại diện cho 64 trạng thái trong cuộc đời con người. 64 trạng thái này tuy hoàn toàn khác nhau, nhưng có một quy luật chung, đó là mỗi quẻ đều có 6 hào, nghĩa là mỗi trạng thái đều có thể chia thành 6 giai đoạn. Sự phát triển của 6 giai đoạn này có những điểm chung, vậy những điểm chung đó là gì?

Hào từ của 64 quẻ trong Kinh Dịch có một thông lệ, gọi là: "Sơ nan tri, thượng dị tri (mới đầu khó biết, về sau dễ biết); nhị đa dự, ngũ đa công; tam đa hung, tứ đa cụ."

(Hào một khó biết, hào hai nhiều lời khen, hào ba nhiều hiểm nguy, hào bốn nhiều sợ hãi, hào năm nhiều công trạng, hào sáu dễ biết).

"Sơ nan tri, thượng dị tri", chúng ta từ chính bản thân con người cũng có thể cảm nhận sâu sắc điều này. Một người lúc mới bắt đầu, không ai biết tương lai họ sẽ thế nào, đây chính là "sơ nan tri". Vì vậy đừng coi thường người trẻ, bởi vì người trẻ có tiềm lực, tương lai sẽ có nhiều thay đổi lớn. Điều này cũng nói với chúng ta, thấy một người trẻ, đừng tùy tiện đánh giá họ, làm sao bạn biết họ không có triển vọng? Nhưng người trẻ bị người khác mắng không có triển vọng, thực ra cũng là chuyện tốt, nếu bản thân có thể phấn chấn, nỗ lực gấp bội, tất có ngày sẽ có triển vọng. Nếu người khác nói bạn rất có triển vọng, bạn tự mãn, cho rằng mình thực sự rất có triển vọng, thì bạn sẽ dừng bước không tiến, thậm chí lùi lại, tương lai cũng sẽ không có triển vọng gì. Vì vậy nhiều việc phải nhìn từ hai mặt, một mặt gọi là “kích thích”, mặt khác gọi là “phản ứng”. Bất kỳ việc gì đều có kích thích, có phản ứng, cứ thế mà tiến lên. "Thượng dị tri" càng dễ hiểu, một người đến tuổi bảy tám mươi, đời này có thành tựu gì đều đã biết rồi, có sai lầm gì cũng rất rõ ràng, nên người già không có gì để giấu.

Hào hai của mỗi quẻ, hào từ phần nhiều biểu thị khen ngợi, nên nói "nhị đa dự". Giống như một đứa trẻ, giai đoạn trung học cơ sở, trung học phổ thông học rất giỏi, mỗi lần thi đều đứng nhất, sẽ nhận được nhiều lời khen. Tuy nhiên đây đều không phải là hiện tượng tốt. Chúng ta thường thấy, học sinh học giỏi ở trường, ra xã hội thực ra đều không có biểu hiện tốt lắm. Bởi vì họ rất sớm đã nhận được nhiều lời khen, trong lòng tự mãn, rồi mắt dần dần mọc lên trán thậm chí trên đỉnh đầu, không coi ai ra gì, cũng không thấy được những điều đáng lẽ phải thấy. Quá nhiều người có tật xấu này, mắt mọc trên đầu, cái này cũng không vừa mắt, cái kia cũng không ưng ý. Vì vậy phải nhớ kỹ, khi bạn ở vị trí hào hai này, bạn sẽ nhận được nhiều lời khen, cấp trên sẽ cho bạn nhiều khen thưởng, bản thân bạn tuyệt đối đừng cho là thật, nhất định không được chịu những ảnh hưởng này, bởi vì đó là những thứ rất hư ảo, không thực. Nếu không sẽ là tự giới hạn mình, cả đời chỉ dừng lại ở nội quái, vĩnh viễn không đi đến ngoại quái được. Rất nhiều người cả đời chỉ đi trong nội quái, ngoại quái ngay cả nhìn cũng chưa từng nhìn qua, rất đáng tiếc. Nhất định phải nhớ, lời khen và ca ngợi đều là giả, chúng ta còn phải tiếp tục, không ngừng bổ sung mình, chuẩn bị đi con đường xa hơn.

Hào năm của ngoại quái là một vị trí rất phi thường, mọi người đều sẽ đẩy công lao cho bạn, cho rằng là công lao của bạn, nên nói "ngũ đa công". Chúng ta thường nói cửu ngũ (hào ngũ dương) chí tôn, chính là mọi người đều tập trung công lao vào hào này, nhưng dù vậy, cửu ngũ cũng phải thận trọng. Xưa kia vua vừa lên ngôi, mọi người đều quỳ xuống dập đầu hô "vạn tuế, vạn tuế, vạn vạn tuế". Từ quan điểm Kinh Dịch mà xem, bạn sẽ biết không ai thật lòng cả, mọi người miệng nói "vạn tuế, vạn tuế, vạn vạn tuế", trong lòng nghĩ "cũng như ta, cũng chết ở tuổi gần bằng ta thôi". Vì vậy khi được người ta cho là "vạn tuế, vạn tuế, vạn vạn tuế", tuyệt đối đừng nghĩ thực sự có thể “vạn tuế”. Tất cả công lao đều cho bạn, bạn cũng đừng thực sự cho rằng đây đều là do bạn làm ra, phải hiểu đây là công lao của mọi người, nên nhất định phải chăm sóc mọi người, lắng nghe ý kiến mọi người, như vậy mới có thể “trì doanh bảo thái”.

Thiên địa là quẻ Bĩ, địa thiên là quẻ Thái (xem hình 13-7). Nhưng Bĩ và Thái cũng tuần hoàn không ngừng.

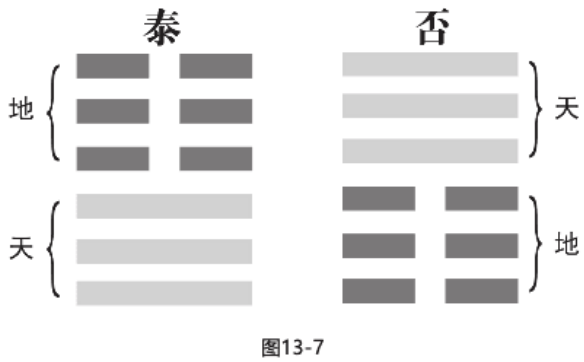


图13-7

Hình 13-7: Bên trái là Địa Thiên Thái, bên phải là Thiên Địa Bĩ

Khi bạn ở trong cảnh Thái, bạn phải biết có thể sắp bước vào Bĩ; khi bạn ở trong cảnh Bĩ, bạn cũng phải tin rằng, tất có một ngày sẽ chuyển sang Thái. Bởi vì vạn vật đều vận động, không phải tĩnh. Hãy nhớ, trong vũ

trụ không có vật nào đứng yên, hôm qua và hôm nay không giống nhau, hôm nay và ngày mai cũng không giống nhau, lúc nào cũng có kiểu mới xuất hiện, lúc nào cũng có biến số mới vào. Lúc Thái, bạn phải biết bước tiếp theo là Bĩ. Bởi vì Thái trong 64 quẻ Kinh Dịch là quẻ thứ 11, còn Bĩ là quẻ thứ 12, nó ở ngay bên cạnh quẻ Thái. Từ Thái vào Bĩ quá dễ dàng, chỉ cách một bước; nhưng từ Bĩ vào Thái lại quá khó, bởi vì 64 quẻ tuần hoàn một vòng, "bĩ cực" mới "thái lai" (xem hình 13-8).

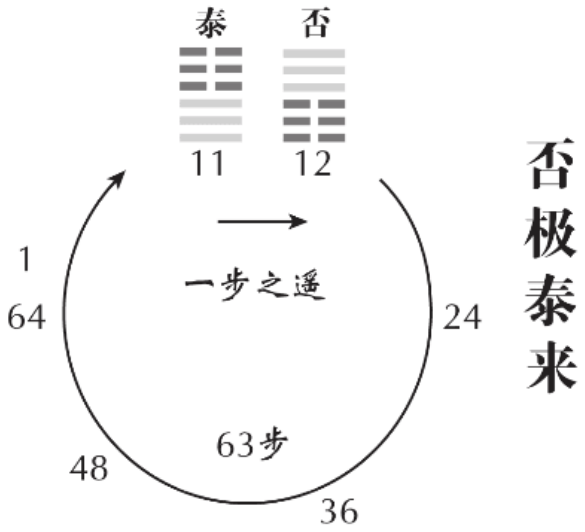


图13-8

Một người có một chút thành công, phải nhắc nhở mình, thành công này chính là khởi đầu của thất bại, chỉ có như vậy mới có thể "trì doanh bảo thái". Chúng ta chỉ nói "thất bại là mẹ thành công", thực ra chúng ta cũng nên nói "thành công là mẹ thất bại", bởi vì hai câu này đồng thời tồn tại. Đã là hai câu đồng thời tồn tại, tại sao chúng ta chỉ nói" thất bại là mẹ thành công"? Đây là lời động viên mọi người. Tuy nhiên, một người thông minh phải nhớ, "thành công cũng là mẹ thất bại".

> 64 quẻ, mỗi quẻ trong 6 hào đều có một quy luật chung. "Sơ nan tri, thượng dị tri", nghĩa là dù là nhân sinh hay sự nghiệp, lúc mới bắt đầu rất khó nhìn rõ, nhưng kết quả phát triển đến cuối cùng thì rất dễ thấy rõ; "Nhị đa dự, ngũ đa công", là nói trong giai đoạn thứ hai sẽ nhận được nhiều lời khen, trong giai đoạn thứ năm sẽ nhận được nhiều công lao. Vậy quy luật của giai đoạn ba và bốn là gì? Lại nên chú ý những điều gì?

"Tam đa hung", là nói hào ba đã đến đỉnh điểm của nội quái, lúc này rất nguy hiểm, nên người ở vị trí thứ ba phải nhớ kỹ, bất cứ lúc nào cũng có thể xảy ra hung họa. Một người vật lộn trăm ngàn lần, nỗ lực ngàn lần, cuối cùng đến đỉnh điểm của nội quái, không ngờ đây lại là một cửa ải vật cực tất phản. Nhiều người đến hào ba của nội quái, rồi không lên được nữa. Dù đến được hào bốn, bước vào ngoại quái, trong lòng thường đầy sợ hãi, nên nói "tứ đa cụ". Mọi người có thể cảm thấy nhân sinh như vậy rất vô vị, thực ra nhân sinh chính vì thế mới có thú vị. Không trải qua rèn luyện, đầu óc trống rỗng, có gì tốt? Nhân sinh có ý nghĩa gì? Một người phải nhớ kỹ, phải xem tất cả rèn luyện như quá trình trưởng thành của mình, càng nhiều rèn

luyện, tương lai càng có thành tựu lớn; hiện tại càng vui vẻ, càng sống thoải mái, suốt ngày đầu óc trống rỗng, một khi gặp vấn đề gì, sẽ hoảng loạn, không biết làm sao hóa giải.

Một người lúc trẻ rốt cuộc là chịu khổ một chút tốt, hay có cơ hội hưởng thụ mới tốt? Người phương Tây chủ trương để trẻ em sống những ngày vui vẻ, người Trung Quốc thì không như vậy. Chúng ta là từ khi con còn nhỏ đã bắt đầu rèn luyện nó, chỉ có như vậy khi nó lớn lên mới có sức đề kháng, mới có khả năng chống chịu áp lực, cha mẹ không phải lo lắng cho nó nữa. Một đứa trẻ, từ nhỏ ăn ngon mặc đẹp, vạn nhất tương lai không ăn được sơn hào hải vị, chỉ có thể ăn cám gặm rau, nó sẽ rất khó nuốt; vạn nhất không mua nổi tơ lụa, để nó mặc vải thô, nó sẽ khó chịu toàn thân. Người từ nhỏ mặc vải thô, tương lai mặc gì cũng thấy rất thoải mái. Chúng ta lúc nhỏ, hoàn toàn không có cơ hội kén ăn, cũng không có tư cách, dù sao cũng chỉ có những thứ này, muốn ăn thì ăn, không ăn sẽ phải đói, vì vậy từ nhỏ đã hình thành thói quen không kén ăn, cho tôi gì tôi ăn nấy. Mãi đến bây giờ, tôi đều không nói "cái này tôi không thích ăn".

Trẻ con bây giờ rất nhỏ đã nói: "Mẹ ơi, con không muốn ăn." Nhiều bà mẹ cầm bát cơm đuổi theo con: "Ăn đi, ăn đi, không ăn sẽ đói." Bạn càng đuổi, nó chạy càng nhanh, bởi vì chính bạn đã khơi dậy hứng thú của nó, trước đây nó còn không biết chạy là mẹ sẽ đuổi theo, bây giờ biết rồi, tự nhiên sẽ chạy hăng hơn. Thực ra để trẻ ăn cơm, phương pháp rất đơn giản, là sau này mỗi lần ăn cơm đều rung chuông. Rung chuông xong, mọi người lập tức đến ăn cơm, nó không đến, mọi người ăn hết cơm. Nó không được ăn thì đói, đợi bữa sau. Chỉ cần một lần, bạn xem nó có đến không. Tai nó sẽ trở nên rất thính, nghe tiếng chuông sẽ lập tức đến, động tác rất nhanh nhẹn. Vì vậy, trẻ con sẽ thế nào, phải xem người lớn dạy thế nào. Nuông chiều trẻ con là tuyệt đối là bất hạnh của cha mẹ.

Một đứa trẻ, mới tốt nghiệp đại học còn rất trong sáng đáng yêu, ra ngoài làm việc cũng rất nghiêm túc, rất thực thà. Qua một thời gian, bắt đầu gác chân lên ghế ở nhà, bắt đầu nói ba cái này không đúng, mẹ cái kia không đúng, bạn lập tức biết nó đã làm quản lý cấp thấp rồi. Một người ở ngoài làm quản lý cấp thấp, về nhà đã tỏ vẻ ta đây, bắt đầu dạy đời cha mẹ, người này còn có thể có thành tựu gì? Một người ở ngoài dù phong quang thế nào, về nhà vẫn phải thật thà làm những việc mình nên làm, như vậy mới đúng.

Khi tôi 60 tuổi, ba tôi 80 tuổi, lúc đó tôi là giáo sư đại học, nhưng tôi gặp việc lớn nhất định sẽ xin ý kiến ba. Tôi không nhất thiết muốn có được câu trả lời từ ông, ông nói thế nào thực ra cũng không sao cả, nhưng tôi muốn thỏa mãn phẩm giá của một người cha, bởi vì ông là ba tôi, là trưởng bối của tôi. Ba tôi cũng biết điều này, nhưng tôi hỏi ông, trong lòng ông sẽ có cảm giác an ủi, cảm thấy đời này nuôi tôi làm con trai cũng không tệ.

Những đạo lý này, Kinh Dịch đều nói cho chúng ta rất rõ ràng. Nhưng tôi muốn nói rõ một điểm, Kinh Dịch không hoàn toàn là dạy chúng ta làm người, nó còn dạy chúng ta làm việc, cũng dạy chúng ta học vấn, dạy chúng ta xem thiên văn, xem địa lý... Tất cả mọi việc trong vũ trụ, Kinh Dịch đều có mật mã để giải mã, cần

chúng ta từng quẻ từng quẻ lĩnh hội, từng quẻ từng quẻ hiểu rõ, cuối cùng mới có thể tri thiên văn, thông địa lý, không gì không biết.

Đương nhiên, trong lòng mọi người nhất định còn băn khoăn một vấn đề, Kinh Dịch rốt cuộc có thể xem số mệnh không? Chúng ta cũng không né tránh những việc này, tiếp theo chúng ta sẽ thảo luận Kinh Dịch có thực sự có thể phá giải vận mệnh hay không.

Chương 14: Giải mã vận mệnh

> Người ta thường nói "vận mệnh" chính là "mệnh số" cộng với "vận may". Vậy mệnh là gì? Mệnh chính là những giới hạn khác nhau của mỗi người. Còn vận may là gì? Vận may chỉ là một luồng khí đang vận hành trong con người mà thôi. Ai vận hành luồng khí đó? Chính chúng ta vận hành nó. Tại sao vận mệnh của mỗi người lại khác nhau? Có phải đó là định mệnh không thể thay đổi hay không? Giáo sư Tăng Sĩ Cường nói với chúng ta rằng, "nhân các hữu chí" (người có chí riêng) tức là mỗi người có mệnh riêng. Vận mệnh của bạn chính là do ý chí của bạn tạo nên.
>
> Khoa học hiện đại đã có thể dự báo thời tiết, vậy liệu khoa học hiện đại có thể dự đoán vận mệnh con người không? Khi chúng ta vén bức màn bí ẩn của vận mệnh, sẽ phát hiện ra vận mệnh chỉ là một quy luật tự nhiên, và Kinh Dịch chính là để phát hiện ra những quy luật tự nhiên tiềm ẩn trong vũ trụ và nhân sinh. Vậy, nếu chúng ta hiểu và nắm bắt được quy luật này, liệu có thể nắm vận mệnh trong tay mình không?

Kinh Dịch có thể dùng để xem bói không? Câu trả lời đương nhiên là được. Nếu có bất kỳ việc gì mà Kinh Dịch không làm được, thì nó không thể được gọi là "quảng đại tinh vi" (bao la và tinh tế). Kinh Dịch có tính bao hàm rất rộng lớn, thậm chí đến mức không gì không bao gồm, nên đương nhiên có thể dùng để xem bói.

Xem bói có phải mê tín không? Câu trả lời cũng rất đơn giản: Người hiểu đạo lý thì làm gì cũng không gọi là mê tín; người không hiểu đạo lý thì làm bất cứ việc gì thực ra đều là mê tín. Mê tín là việc của con người, không phải bản thân đối tượng có mê tín hay không.

Mệnh có tồn tại. Con người sinh ra đã có mệnh, nếu không có mệnh thì gọi là "vô mệnh". Người "vô mệnh" tức là đã chết. Người còn sống, chỉ cần còn một hơi thở là còn có mệnh. Vậy mệnh là gì? Nhìn từ chữ tượng, "mệnh" gồm một chữ "khẩu" (miệng) và một chữ "lệnh" (Hình 14-1), ta có thể hiểu mệnh là mệnh lệnh được nói ra từ miệng.



图14-1

Hình 14-1 : Khẩu + Lệnh = Mệnh

Thực tế, con người đều phải tiếp nhận mệnh lệnh, vấn đề là tiếp nhận mệnh lệnh của ai mới quan trọng. Có người tiếp nhận mệnh lệnh của thần, đó gọi là giáo đồ. Có người tiếp nhận mệnh lệnh của chính mình, bởi vì chỉ cần đầu óc vừa động, sẽ có một mệnh lệnh cho toàn thân, cơ thể sẽ có hành động, điều này rất khoa học. Do đó, "mệnh" phải xem bạn giải thích thế nào, giải thích thế nào chúng ta cũng đều đồng ý, bởi vì "kiến nhân kiến trí" (mỗi người có cách nhìn và hiểu biết riêng), chúng ta đều phải tôn trọng.

Ngày nay để nắm bắt vận mệnh, cách tốt nhất là nhận rõ ba đặc tính của con người: Thứ nhất, người có **tính sáng tạo**. Con người nhất định phải có tính sáng tạo, nếu không thì toàn bộ văn minh nhân loại từ đâu mà có? Thứ hai, người có **tính tự chủ**. Mỗi người đều có chủ trương riêng, chúng ta gọi đó là "nhân tâm bất

đồng" (lòng người khác nhau), cũng chính là có ý chí khác nhau. Suy nghĩ của bạn và suy nghĩ của người khác không thể hoàn toàn giống nhau. Hơn nữa, chúng ta đừng quên rằng, con người còn có đặc tính thứ ba, gọi là **tính giới hạn**. Khả năng sáng tạo của con người không thể là vô hạn. Có nhiều người, cả đời muốn phát minh một thứ gì đó, muốn đột phá một vấn đề khó khăn, nhưng cuối cùng lại không có kết quả gì, đó chính là tính giới hạn của con người. Cho nên mệnh có thể thay đổi được, nhưng mức độ thay đổi được lại rất có hạn. Dùng thái độ lý tính như vậy để hiểu mệnh của chúng ta, sẽ không quá cảm tính nữa.

Nhiều người nói mệnh của con người là do trời định, thực ra do chúng ta tự tạo ra cũng gọi là “mệnh”, cho nên khi hiểu Kinh Dịch rồi chúng ta sẽ biết, mệnh có hai phần: một phần là do chúng ta có thể kiểm soát được, một phần là chúng ta không thể kiểm soát được, gọi là "vô khả nại hà" (không thể làm gì khác). Cho nên, khi chúng ta đã dùng hết mọi cách mà vẫn không thay đổi được, đó chính là “mệnh”. “Mệnh” chính là những giới hạn khác nhau của mỗi người.

> Vận mệnh, nghe có vẻ rất huyền bí, nhưng thực ra cũng giống như các vùng khác nhau có khí hậu khác nhau vậy, một người sinh ra trong những gia đình khác nhau, sống trong những thời đại khác nhau, có những tính cách khác nhau, chắc chắn sẽ có những vận mệnh khác nhau. Vậy mệnh có thể tính toán được không? Chúng ta nên nhận thức thế nào về cái gọi là xem bói?

Chúng ta đều biết, tất cả những thứ tồn tại đều có thể tính toán được. Có bao nhiêu cây, tính là biết ngay. Bao nhiêu con cừu, tính cũng biết ngay. Vậy mệnh của con người có thể tính được không? Đương nhiên là được. Tuy nhiên, trước khi xem bói, chúng ta nên có một vài quan niệm đúng đắn, bởi vì hiện nay có nhiều người dù đã bảy tám mươi tuổi nhưng nhận thức về vấn đề này vẫn còn sai lầm.

Điều thứ nhất, mục đích xem bói là gì, điều này quan trọng nhất. Tôi có một bậc trưởng bối rất tinh thông về mệnh lý, tôi từng hỏi ông: "Ông xem bói có nguyên tắc không?" Ông nói: "Một người làm bất cứ việc gì đều phải có nguyên tắc, nếu không có nguyên tắc, điều đó chứng tỏ người đó không có trách nhiệm." Tôi hỏi: "Vậy nguyên tắc xem bói của ông là gì?" Ông nói: "Thứ nhất, tôi sẽ hỏi đối phương bao nhiêu tuổi." Tôi hỏi: "Xem bói có liên quan gì đến tuổi tác?" Ông bảo tôi: "Nếu người đó tuổi đã cao, tôi sẽ hỏi: 'Cả đời vận mệnh của ông, tự ông không biết sao? Ông đã trải qua hết rồi, còn đến hỏi tôi, không phải cố tình thử tôi sao?' Những người như vậy tôi không xem. Nếu người đó quá trẻ, tôi sẽ nói: 'Cậu có phải muốn dựa dẫm vào tôi không? Cậu phải tự mình đi khám phá vận mệnh của mình mới đúng. Nếu tôi nói hết cả cuộc đời cậu, sẽ ảnh hưởng đến tâm trạng của cậu, ảnh hưởng đến ý chí làm việc tương lai của cậu.' Nên tôi cũng không xem." Đây là có mệnh mà không xem, không phải là không có mệnh để xem. Nhưng khi một người tiến thoái lưỡng nan, khó xử, nghĩ thế nào cũng không thông, mang theo nhiều nghi hoặc đến nhờ ông xem thì ông nhất định sẽ nhận lời. Nên tôi nghĩ, khi mọi việc của bạn đều thuận lợi, cần gì phải đi xem? Bạn cứ tiếp tục đi như vậy là được. Nhưng khi bạn cảm thấy rất khó khăn, có việc lớn không dám quyết định, xem một tí thì có sao?

Đối với những người ông chấp nhận xem, ông sẽ hỏi câu thứ hai: "Anh đến nhờ tôi xem bói, là hy vọng tôi xem trúng, hay hy vọng tôi xem không trúng?" Nếu người đó nói "đương nhiên phải trúng", vị trưởng bối này nói với tôi: "Nghe họ nói vậy, tôi biết ngay đây là người không có tiền đồ. Mọi việc đều theo mệnh mà đi, làm sao có thể có tiền đồ được? Nếu người đó nói với tôi 'tôi đến xem, nhưng tôi hy vọng ông xem không trúng', người này mới thực sự là người xuất chúng, bởi vì họ có sức sáng tạo rất mạnh." Vậy mọi người đến cùng là muốn xem trúng hay xem không trúng? Tôi nghĩ đây chính là giá trị của cả cuộc đời bạn.

Những người tuân theo mệnh lệnh, có lẽ thành tựu cả đời đều không cao. Những người biết đổi mới, không đi theo mệnh lệnh mà vẫn đạt được thành quả tốt, hầu như đều là những nhân vật vĩ đại. Huống chi hiện nay khoa học đã cho chúng ta biết, đo lường không thể chính xác. Đài khí tượng phát báo thời tiết, thường không chính xác. Vậy, đo không chính xác là bình thường hay không bình thường? Chúng ta phải nhìn bằng con mắt khoa học. Khi một vật cố định, đo một lần sẽ rất chính xác; khi một vật là biến động, có sự sống, rất có thể lúc bạn đo sẽ rất chính xác, nhưng sau khi đo xong nó lại thay đổi, đương nhiên sẽ không chính xác nữa. Vì vậy, đo không chính xác là vì mệnh của bạn có biến đổi, còn đo chính xác là vì mệnh của bạn hoàn toàn không có biến đổi, điều này rất dễ hiểu.

Qua hàng chục năm quan sát, tôi có thể nói cho mọi người biết mệnh là gì: **Mệnh chính là kế hoạch nhân sinh mà chúng ta mang theo từ bẩm sinh.** Hiện nay chúng ta nói về kế hoạch nhân sinh đều nói về hậu thiên, mà lại bỏ qua cả tiên thiên. "Tận nhân sự, thính thiên mệnh" (Trung Dung), câu này bao gồm hai phần: "Tận nhân sự" là kế hoạch nhân sinh hậu thiên, dù bạn làm rất tốt, nhưng cuối cùng có thể thành công hay không, phải xem nửa sau câu "thính thiên mệnh", tức là phối hợp với kế hoạch nhân sinh “tiên thiên”. Mức độ phối hợp của hai yếu tố này quyết định thành bại cuối cùng. Kế hoạch hậu thiên phù hợp với kế hoạch tiên thiên của thiên mệnh, kết quả đạt được chắc chắn rất tốt; nếu kế hoạch hậu thiên hoàn toàn khác với thiên mệnh tiên thiên, kết quả chỉ là uổng công vô ích. Điều này cho chúng ta biết, **thiên mệnh chính là quy cách của một người, phạm vi của một người.** Đời này bạn có phạm vi này, anh ta có phạm vi kia, những phạm vi khác nhau này, gọi là mệnh của mỗi người. Nếu trong phạm vi này, bạn hoàn toàn không có biểu hiện gì, thì cái mệnh đó cũng vô dụng. Và dù bạn có biểu hiện tốt đến đâu, cũng khó vượt qua phạm vi này, tôi nghĩ điều này khá thực tế.

Mệnh, tại sao nó lại tồn tại? Điều này cần phải hiểu từ thực tế. Nhiều người mỗi sáng thức dậy đã bận rộn, suốt ngày bận rộn, mệt thì ngủ, rất ít động não. Những người như vậy không động não mà vẫn có thể sống qua ngày, chính là hoàn toàn đi theo mệnh. Vì vậy, người quá bận rộn thì không có sức sáng tạo gì cả. Ngày nào cũng như nhau, năm nào cũng như nhau, thoáng cái một ngày, thoáng cái một năm, thoáng cái mười năm, cả đời không có gì thay đổi, làm sao có thể sáng tạo? Nhưng có những người không như vậy, họ làm xong một việc đều kiểm điểm, lần sau nhất định không làm theo cách này nữa, phải "nhật nhật tân" (mỗi ngày mới), phải "hựu nhật tân" (lại ngày mới), phải không ngừng cải thiện, **những người như vậy có sức**

sáng tạo rất mạnh, nên mệnh của họ cũng rất khó đoán trúng. Có người rất tuân theo bẩm sinh, có người rất chú trọng hậu thiên, đây là sự lựa chọn khác nhau của mỗi người.

> Khi xưa Phục Hy tạo ra bát quái, là để dự báo thời tiết, sau này Chu Văn Vương phát hiện quy luật của tự nhiên và quy luật của xã hội loài người là thông nhau, nên mới diễn biến thành 64 quẻ. Khoa học hiện đại đã chứng minh, sự thay đổi của thời tiết là có thể dự báo được, vậy liệu khoa học hiện đại có thể dự đoán được vận mệnh con người không? Vận mệnh con người có thể thay đổi được không?

DNA cho chúng ta biết, mệnh là có tồn tại, chỉ là hai thứ đó thôi, người Trung Quốc gọi là "phụ tinh mẫu huyết", đó chính là kế hoạch sắp đặt cho cả đời người, gọi là "thiên mệnh". Từ DNA của một người, có thể biết trước người đó có bị ung thư không, sẽ chết vì bệnh gì, điều này chứng tỏ mệnh là có thể tính toán được.

Vậy bạn có muốn xem bói không? Nếu xem ra bạn chỉ còn sống được ba năm nữa, bạn sẽ làm thế nào? Tôi nghĩ câu hỏi này rất khó trả lời. Nên nhiều người biết mệnh có thể tính được, nhưng họ không tính. Bởi vì không đi tính, mỗi ngày đều có hy vọng. Sau khi tính rồi, sẽ không còn hy vọng nữa, tại sao phải đi tính làm gì? Thực ra tính đến tính đi, kết quả chỉ có một, một câu nói đã nói rõ: dù bạn có cố gắng thế nào, cuối cùng cũng chết. Sự thật là như vậy, đây là mệnh chung của loài người! Người có mệnh chung, cũng có mệnh riêng, nhưng tất cả mệnh riêng đều không thể thoát khỏi mệnh chung này! Điều thú vị của đời người là ở chỗ ai cũng biết cuối cùng mình sẽ chết, nhưng lại không biết mình sẽ chết khi nào, cũng không biết sẽ chết như thế nào. Nếu bây giờ tính ra, một người nào đó sẽ chết vì ung thư năm 70 tuổi, lúc chết chỉ có một mình, thì từ nay người đó sẽ cảm thấy cuộc sống rất nhạt nhẽo, rất khó chịu, cuộc đời cũng mất đi niềm vui.

Tôi có một người bạn, anh ấy nói với tôi rằng khi còn rất trẻ đã đi xem bói, xem ra anh ấy có thể sống đến 70 tuổi, lúc đó anh ấy vui mừng khôn xiết, cảm thấy mình thuộc dạng sống thọ, cuộc đời tràn đầy tươi đẹp. Nhưng mấy năm gần đây, anh ấy càng ngày càng buồn bã, đêm cũng không ngủ được, anh ấy nói với tôi: "Năm nay tôi 70 tuổi rồi, không còn sống được mấy ngày nữa, tôi phải làm sao? Cứ thế mà đợi chết? Chi bằng tự mình kết thúc cho xong." Trong tình huống như vậy, bạn sẽ chọn thế nào? Bạn sẽ đi con đường nào? Chúng ta học Kinh Dịch rồi, biết rằng "Thái Cực sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh bát quái", rồi thành mười sáu quẻ, ba mươi hai quẻ, sáu mươi tư quẻ, đó mới gọi là nhân sinh. Cho nên, cuộc đời đặt trước mặt chúng ta luôn có hai con đường, một gọi là sinh môn, cái thứ hai gọi là tử môn, đơn giản vậy thôi. Bất kể lúc nào, trước mặt bạn nhất định có một con đường sống, cũng nhất định có một con đường chết, nên vận mệnh là do chính bạn lựa chọn, không phải là cố định.

Nhiều người vừa nghe đến mệnh là nghĩ đến thuyết định mệnh, những người này có vấn đề, bởi vì thuyết định mệnh hoàn toàn không tồn tại. Nếu bạn tin vào thuyết định mệnh, thì không cần làm gì cả, cứ nằm trên giường là được rồi. Mệnh tôi có một tỷ, nằm đó là có một tỷ rồi, cần gì phải đi làm? Mệnh tôi sẽ làm tể tướng, nằm đó là có thể làm tể tướng rồi. Những điều này đều không thể, trên đời hoàn toàn không có

chuyện định mệnh này. Nhưng vận mệnh cũng không hoàn toàn là do tự mình tạo ra, cơ hội có hạn, tài nguyên có hạn, tuổi thọ có hạn, sức người cũng có hạn, cái gì cũng có hạn, làm sao mệnh có thể hoàn toàn do tạo ra được? Nghĩ như vậy, mệnh là gì sẽ rất rõ ràng. Cho nên một câu đã nói hết: nỗ lực cả đời của chúng ta, chính là để chứng minh chúng ta rốt cuộc có mệnh như thế nào.

Nhân sinh là chuyện đơn giản không gì bằng: không nỗ lực, bạn không biết mệnh mình là gì; bạn nỗ lực nửa đời người, cũng chỉ là để biết mệnh mình là gì mà thôi. Mệnh của Khổng Tử là đương thời không được trọng dụng, ông rất muốn làm quan, thậm chí nói chỉ cần giao cho ông ba năm, ông có thể quản lý đất nước thật tốt ("Cẩu hữu dụng ngã giả, kỳ nguyệt nhi dĩ khả dã, tam niên hữu thành" - Luận Ngữ, Tử Lộ), nhưng không ai dùng ông. Bị thời cuộc ruồng bỏ, đó là mệnh của Khổng Tử. Nhưng cuối cùng Khổng Tử cũng rất vui vẻ, bởi vì ông biết đó là mệnh của mình. Một người biết đó là mệnh của mình, và đã cố gắng hết sức, thì không có gì phải hối hận. Mệnh của Khổng Tử là làm "vạn thế sư biểu" cho người đời sau, chứ không phải làm bậc "trị thế năng thần" (bề tôi tài năng trị thế) cho người đương thời.

Khổng Tử nói: "Phú nhi khả cầu dã, tuy chấp tiên chi sĩ, ngô diệc vi chi" (Luận Ngữ - Thuật Nhi) nghĩa là nếu sự giàu có là điều có thể cầu được, dù phải làm người cầm roi đánh xe, ta cũng làm. Khổng Tử có phủ định mệnh không? Không phải. Ông nói ông sẽ tin, nhưng không tin hoàn toàn, đó mới là thái độ của Khổng Tử. Từ bây giờ, chúng ta phải nhớ: tin, sẽ rất nguy hiểm; không tin, vẫn rất nguy hiểm. Bởi vì việc trên đời không chỉ đơn giản là để bạn tin hay không tin. Thái độ của Kinh Dịch là đứng ở lập trường không tin để tin, hoặc đứng ở lập trường tin để không tin, bởi vì âm dương không thể tách rời. Phàm là nói tin vào vận mệnh, đó là có dương không âm, âm chạy đi đâu rồi? Phàm là nói không tin vào vận mệnh, đó là có âm không dương, dương đi đâu rồi? Âm dương cùng tồn tại, nên không cho phép bạn tin, cũng không cho phép bạn không tin, bạn làm rồi sẽ biết. Làm đến cuối cùng phát hiện ra hóa ra đời này mình sinh ra để làm kẻ ăn xin, cũng an tâm, có sao đâu? Nên Khổng Tử thường nói "thời dã, mệnh dã" (thời vậy, mệnh vậy), ông hoàn toàn không tiêu cực.

Con người, sinh đúng thời, còn mạnh hơn cả việc bạn nỗ lực thế nào; sinh không gặp thời, dù bạn có tài năng lớn đến đâu, cũng chỉ có thể buồn bã mà chết. Bởi vì không có cơ hội, hoàn toàn không cho phép bạn phát huy. Nên mệnh còn phải kết hợp với "thời": bạn có mệnh sáng tạo, thời đại bạn sống cũng phải cho phép sáng tạo mới được, nếu không bạn là đang tự làm khó mình; bạn là người rất tuân thủ pháp luật, rất bảo thủ, cũng phải xem thời đại của bạn có coi trọng quy củ không, nếu không coi trọng quy củ, bạn cũng sẽ thiệt thòi.

> Điều quan trọng nhất khi học Kinh Dịch là phải nắm bắt được cách tư duy của Kinh Dịch, đó là bất kỳ sự vật nào cũng sẽ đồng thời tồn tại hai mặt, bởi vì trong âm có dương, trong dương có âm, và âm dương luôn biến đổi lẫn nhau. Nhưng cũng chính vì sự không chắc chắn này, người xưa thường nói, một đời người sẽ ra sao, chủ yếu xem: một mệnh, hai vận, ba phong thủy, bốn tích đức, năm đọc sách. Cách nói này có đạo lý không?

Nhất mệnh, nhì vận, ba phong thủy, tứ âm phúc, ngũ tri thức. Đây là điều người Trung Quốc chúng ta đều rất hiểu, nhưng đều có chút méo mó.

Nhiều người giải thích rằng, "nhất mệnh" nghĩa là mệnh quan trọng nhất, tôi không nghĩ như vậy. Thực ra chúng ta cũng có thể nhìn từ dưới lên, "ngũ tri thức" (năm đọc sách), nói đọc sách mới là quan trọng nhất, cũng đâu có sao, không phải cái xếp trước mãi mãi là quan trọng nhất. Nếu không tại sao bây giờ gọi là "thời đại tri thức"? Nhưng thời đại tri thức hiện nay là việc rất nguy hiểm, bởi vì người hiện đại không biết thế nào là đọc sách.

Thế nào là đọc sách? Đọc sách không phải là xem đã đọc bao nhiêu sách. Điều quan trọng nhất của đọc sách là phải hiểu đạo lý, gọi là minh lý. Nếu đọc nửa ngày mà không hiểu đạo lý, đọc sách để làm gì? Người thời xưa cả đời không đọc mấy cuốn sách, nhưng họ sống cả đời rất tốt, tại sao? Bởi vì hiểu đạo lý. Người hiện đại đọc sách nhiều hơn người xưa không biết bao nhiêu lần, nhưng càng ngày càng không hiểu nhân tình thế thái. Hai chữ "đọc sách" tốt nhất nên giải thích là hiểu lý. Hiểu đạo lý gì? Hiểu đạo lý của Kinh Dịch. Tại sao nhất định phải đọc Kinh Dịch? Rất đơn giản, vì Kinh Dịch là tự nhiên, không phải "nhân vi". Kinh Dịch rất ít thêm vào những thứ nhân vi, mọi thứ theo quy luật tự nhiên, tâm an lý đắc.

Thực vật có đọc sách không? Không. Động vật có đọc sách không? Không. Nhưng động thực vật không cần xem bói vẫn sống rất tốt. Chúng ta hiểu đạo lý, đi theo quy luật tự nhiên, sẽ đứng vào vị trí bất bại. Nhưng không ai có sự nắm chắc này, bởi vì "ngô sinh dã hữu nhai, nhi tri dã vô nhai" (đời người có hạn, mà tri thức thì vô hạn). Sinh mệnh có hạn, dù có chăm chỉ từ nhỏ, rất nghiêm túc, dùng hết sức lực cả đời muốn hiểu thông tất cả đạo lý cũng không thể được, đây chính là giới hạn đáng thương của con người. Nên đành phải lui một bước, tích công đức để bù đắp.

Tôi đi theo đạo lý, nhưng vẫn không có quá nhiều tự tin, bởi vì tôi không biết mình thực sự hiểu hay giả vờ hiểu. Con người thường khi chưa làm thì nói rất hay ho, một khi bắt đầu làm lại bắt đầu nghi ngờ, rốt cuộc là đúng hay sai? Lúc này tâm lý nhất định phải lành mạnh: như tôi là người không bao giờ hại người, trời nhất định sẽ phù hộ tôi, nếu không trời phù hộ ai? Chúng ta rất nhanh liên kết với trời, trời không phải là thần, trời chính là tự nhiên.

Chúng ta đi theo đạo lý, nếu có chút sai sót, tích công đức sẽ bù đắp một chút, nhưng hoàn toàn dựa vào nó cũng không được. Nhưng chúng ta thực sự không biết, phẩm đức của chúng ta rốt cuộc là tốt hay xấu. Bởi vì chỉ cần chúng ta bình tĩnh suy nghĩ, sẽ phát hiện chúng ta thường mắc một tật, gọi là tâm tốt làm việc xấu. Chúng ta thường xuất phát từ tâm tốt, nhưng lại làm hỏng việc. Thực tế, người cố tình làm xấu rất ít, phần lớn đều là tâm tốt làm việc xấu. Nên mỗi người đều cảm thấy mình rất oan: Tôi là người tốt như vậy, sao lại thế này? Chúng ta không hiểu, **chính vì một mực cho rằng mình tốt, mới vô tình gieo nhiều nhân xấu**, làm nhiều việc xấu. Nên không còn cách nào khác, đành lui một bước nữa, chúng ta dùng Phong Thủy để bù đắp.

> Nói đến phong thủy, đây là một chủ đề gây tranh cãi lớn. Có người nói, phong thủy là một loại mê tín; cũng có người nói, phong thủy là một môn khoa học. Vậy rốt cuộc phong thủy là gì? Phong thủy rốt cuộc là mê tín, hay là một môn khoa học?

Phong thủy có phải là mê tín không? Hiện nay từ điển tiếng Anh có từ mới nhất là "fengshui", bởi vì phong thủy không thể dịch sang tiếng Anh được. Tôi tin rằng sau này sẽ có nhiều từ tiếng Anh được phiên âm trực tiếp từ tiếng Trung, bởi vì họ không dám dịch nghĩa, cũng không biết nên dịch ý nghĩa tiếng Hán thế nào sang tiếng Anh, thuật ngữ phong thủy này chỉ là khởi đầu mà thôi. Phong thủy sẽ nhanh chóng phổ biến khắp thế giới, bởi vì bản chất nó là khoa học. Ở Bắc Kinh, đường hướng Nam Bắc chúng ta kéo rất thẳng, không bao giờ uốn éo. Nhưng đường ở miền Nam phần lớn cố tình nghiêng một chút, không dám thẳng, điều này đều có đạo lý của nó.

Người Trung Quốc chúng ta xây nhà, trước tiên thiết kế bên trong. Làm cho bên trong vuông vức ngay ngắn xong mới thiết kế bên ngoài. Bởi vì từ trường của trái đất là hướng Nam Bắc, con người chúng ta cũng là một từ trường, nên **ban đêm ngủ tốt nhất cũng nên theo hướng Nam Bắc**, điều này rất khoa học.

Khoa học quy củ, người không hiểu làm bừa mới gọi là mê tín. Thực tế, phong thủy đúng là tồn tại, và là thứ rất khoa học, chờ đợi chúng ta cùng khai phá. Nhưng phải nhớ kỹ: phong thủy là có tồn tại, nhưng rất không đáng tin cậy. Bởi vì “phúc địa phúc nhân cư”, chỉ cần bạn là người có phúc, bạn ở đâu, phong thủy ở đó nhất định tốt.

Đi theo đạo lý bạn không nắm chắc, tích công đức cũng không nắm chắc, tìm được phong thủy cũng chưa chắc phát tài, cuối cùng chỉ còn dựa vào vận khí. Vận khí chỉ là một luồng khí đang vận hành trong người mà thôi, luồng khí này chúng ta tự vận hành: vận tốt thì gọi là vận khí tốt, vận không tốt thì gọi là vận khí không tốt. Đạo lý đơn giản này, cần gì phải đi cầu người khác? Một người hiểu được cách thở, sẽ biết cách vận khí. Thân thể tốt, ý chí tự nhiên sẽ mạnh. Ý chí mạnh, bạn sẽ biết phải làm thế nào. Nên vận là do bạn tự bước đi mà có. Người Trung Quốc nói người có mũi rộng thì vận tài cao, cứ hít thở hết sức, mũi tự nhiên sẽ rộng. Bạn mỗi lần chỉ thở đến ngực, mũi sẽ rất nhỏ, vậy trách ai? Tướng do tâm sinh, tướng mạo là do tâm bạn chủ đạo, tâm lý bạn thay đổi, ý nghĩ thay đổi, diện mạo sẽ khác. Đa số người chỉ thở đến lồng ngực, nói thật thở ngực là đáng thương nhất, ít nhất cũng phải là thở bụng, mới có lợi cho cơ thể hơn. Chúng ta phải từ từ luyện tập vận khí, khí không vận, làm sao có vận khí tốt được?

Người hiểu dưỡng sinh nhất ở Trung Quốc không phải Khổng Tử, mà là Lão Trang. Hơi thở của Lão Trang là thở thẳng đến gót chân, đây không phải nói đùa. Một ngày nào đó bạn có thể thở thẳng xuống đến lòng bàn chân, bạn sẽ thông suốt trên dưới. Huyết mạch thông, thân thể sẽ khỏe, thân thể khỏe, ý chí sẽ rất kiên quyết, tinh thần khai phá sáng tạo có thể phát huy, đương nhiên vận khí tốt.

Vận khí là từng giai đoạn nối tiếp nhau, tương đương với mỗi hào trong quẻ. Mỗi hào đại diện cho vận khí của bạn trong giai đoạn đó thế nào, nhưng còn phải xem tổng thể quẻ tượng ra sao, nên cuối cùng vẫn phải xem mệnh. Không có cái mệnh đó, dù có cưỡng cầu, cuối cùng cũng là lấy thân mạng để đổi, không có ý nghĩa gì. Tại sao chúng ta nói 'của phi nghĩa không nên lấy'? Một gia đình, vốn rất nghèo, nhưng mọi người đều khỏe mạnh. Đột nhiên quy hoạch thành phố thay đổi, vốn là đất nông nghiệp, giờ thành đất thành phố, giá đất một phát tăng vọt, gia đình bèn bán đất đi, một lúc có rất nhiều tiền. Người giàu lên trong một đêm thường không biết phải đối mặt với thực tế này thế nào, bèn bắt đầu uống rượu, đánh bạc, nhiễm đủ thói xấu, chưa đầy hai năm đã chết. Lợi không nên có, đột nhiên có, cuối cùng phải trả giá gấp đôi. Của cải không phải do mình tích lũy từng chút một, không giữ được, đây là quy luật tự nhiên. Đây không phải là thù ghét người giàu, mà là khuyên mọi người, sau khi có tiền càng phải cẩn thận, phải quay đầu nhìn lại, đi con đường hợp lý.

> Thực ra vén bức màn bí ẩn của xem bói, dù là phong thủy hay vận mệnh, đều là một quy luật khách quan. Và điều mà Kinh Dịch tiết lộ, chính là những quy luật khách quan chung tiềm ẩn trong vũ trụ và nhân sinh này. Vậy, nếu chúng ta hiểu và nắm bắt được quy luật này, liệu có thể trong điều kiện có hạn, nắm vận mệnh trong tay mình không?

Mỗi một người, một đời đến thế gian này là để làm những việc khác nhau, gọi là "nhân các hữu mệnh" (mỗi người có mệnh riêng). Nếu tất cả mọi người đều đến để làm cùng một việc, vậy thì thiên hạ đại loạn mất. Nên người phải an phận, phải biết mình. Không an phận, kết quả là tự mình xui xẻo, thậm chí làm cho gia đình cũng không yên. Xã hội là do các loại người khác nhau kết hợp lại, mọi người giúp đỡ lẫn nhau, ủng hộ nhau, cũng cần phải bàn bạc tốt, chỉ là một tổ chức đơn giản như vậy thôi. Nếu người nào cũng muốn làm chủ, xã hội này sẽ loạn; nếu người nào cũng tránh không làm chủ, xã hội này cũng sẽ tiêu vong. Cho nên, "nhân các hữu chí" (người có chí riêng) chính là "nhân các hữu mệnh" (người có mệnh riêng), vận mệnh của bạn chính là do ý chí của bạn tạo ra. Vì vậy, chúng tôi khuyên mọi người đừng nhận mệnh, nhất định phải tạo mệnh.

Giá trị của nhân sinh nằm ở chỗ "tạo mệnh", nhưng phải nhớ kỹ đừng miễn cưỡng, đừng quá đáng, kết quả của việc quá đáng là hại người hại mình. Nhưng nếu không đủ, thì là tự bỏ mặc mình. "Quá" và "không đủ", cả hai đều không phải điểm hợp lý. Nên Khổng Tử mới đề xuất, con đường tốt nhất là đừng quan tâm mệnh của bạn thế nào, nhất định phải làm những việc bạn thích làm. Nhưng cái gọi là thích của ông có điều kiện tiên quyết, đó là việc chính đáng bạn mới được thích.

Hiện nay nhiều người nói "miễn là tôi thích, tại sao không được", đây là việc rất nguy hiểm. Phải chọn cái bạn thích trong những việc chính đáng, thứ tự trước sau này rất quan trọng - trước tiên là chính đáng, sau đó mới là thích. Người trẻ muốn tìm công việc mình thích, trước hết hãy đặt những thứ chính đáng trong xã hội lại với nhau, những thứ không chính đáng, căn bản đừng xem xét. Sau đó từ những lựa chọn chính đáng này tìm cái mình thích để làm, chứ không thể chỉ xem xét việc kiếm được nhiều tiền. Nhưng hiện nay nhiều

người đều chọn việc kiếm nhiều tiền, định hướng này rất có vấn đề. Thi đại học nên chọn chuyên ngành mình có hứng thú, nhưng hiện nay đều chọn ngành hot, thực ra đây là không tốt cho bản thân. Ngành hot đều là nhìn hiện tại thấy có triển vọng, ai biết tương lai sẽ thế nào? Thời gian này học vật lý là tốt nhất, mọi người đổ xô vào học, đến khi tốt nghiệp, đúng lúc vật lý hạ nhiệt, kỹ thuật dân dụng lại nóng lên, người học vật lý đều không có lối thoát. Rồi lại một lớp người học kỹ thuật dân dụng vào, đến khi họ tốt nghiệp, kỹ thuật dân dụng lại không cần nữa, hóa học lại nóng lên... Đặt cược sai, thế không phiền phức sao? Chỉ nóng một lúc mới gọi là ngành hot, không thể kéo dài mãi được.

Của hiếm mới quý, người theo ngành lạ mới mạnh. Khi chuyên ngành của bạn trở thành thứ ai cũng biết, chuyên ngành đó không còn chuyên nữa. Khi chúng ta mới bắt đầu cải cách mở cửa, tài xế rất đáng nể, lãnh đạo ăn cơm đều phải mời họ cùng ăn, còn phải gọi là "sư phụ". Nhưng bây giờ tài xế đâu cũng có, nhiều lãnh đạo đều tự lái xe, tài xế cũng trở thành một nghề phụ rồi. Cả môi trường đều đang thay đổi, đây là sự thật. "Thức thời vụ giả vi hào kiệt" (người biết thời thế là anh hùng), nhưng đa số người đều không nhìn xa được như vậy, nên Khổng Tử mới đề xuất "tòng ngô sở hiếu" (theo cái ta thích): việc tôi thích làm, có hứng thú làm, tôi chăm chỉ cần mẫn làm, làm đến cuối cùng chứng minh tôi thành công, tôi rất vui; chứng minh tôi thất bại, cũng không có gì để phàn nàn, bởi vì nhân sinh chỉ cầu bốn chữ: "vấn tâm vô quý" (hỏi lòng không hổ thẹn).

Khi bạn hiểu rõ tất cả những điều này rồi, bạn sẽ biết rốt cuộc có nên xem bói không. Nhất định phải chú ý, sau khi xem bói xong, họ nói mặt tốt, bạn tin, mặt không tốt, bạn đừng tin. Làm được điểm này, bạn là một người rất lý tính, đây chính là điều Kinh Dịch nói về "thú cát tị hung" (theo điều tốt tránh điều xấu). Nhưng nhiều người là bạn nói điều tốt cho họ, họ đều không muốn tin, thực sự nói điều xấu cho họ, họ đều tin, vậy thì "tâm tưởng sự thành" (tâm tưởng sẽ thành hiện thực), thực sự sẽ không tốt. Nên người hiểu cách xem mệnh, xem mệnh là vô hại; người không hiểu cách xem mệnh, xem mệnh là hại người. Có nhận thức như vậy, chúng ta phải làm như thế nào để có cuộc đời của mình? **Kinh Dịch đã cho chúng ta một lời khuyên tốt nhất: người Trung Quốc lấy gia đình làm nền tảng phấn đấu cả đời, chứ không phải chỉ dựa vào bản thân, một mình vất vả.** Người phương Tây dựa vào cá nhân phấn đấu, người Trung Quốc dùng gia đình làm hậu thuẫn, Kinh Dịch của chúng ta vốn là một đại gia đình. Do đó, tiếp theo chúng ta sẽ nói với mọi người về: Kinh Dịch và gia đình.

Chương 15: Kinh Dịch và Gia Đình

> Văn hóa truyền thống Trung Quốc rất coi trọng gia đình, Giáo sư Tăng Sĩ Cường chỉ ra rằng, quan niệm gia đình đậm đà của người Trung Quốc bắt nguồn từ Kinh Dịch, bởi vì bản thân Kinh Dịch đã là một đại gia đình. Hơn nữa trong Kinh Dịch còn có một quẻ, gọi là quẻ Gia Nhân (Ly dưới Tốn trên), chuyên nói về cách trị gia.
>
> Tục ngữ có câu "gia hòa vạn sự hưng" (gia đình hòa thuận, vạn sự thành công), nhưng xã hội hiện đại không chỉ có tỷ lệ ly hôn ngày càng cao, mà việc giáo dục con một cũng ngày càng trở thành vấn đề đau đầu của nhiều gia đình. Vậy, quẻ Gia Nhân có thể chỉ cho chúng ta biết phải đối xử với hôn nhân thế nào, và nên giáo dục con cái ra sao không?

Kinh Dịch xem vũ trụ như một đại gia đình, điều này có quan hệ rất mật thiết với văn hóa Trung Hoa của chúng ta. Trong tất cả các dân tộc trên thế giới, có lẽ người Trung Quốc là dân tộc coi trọng gia đình nhất. Điểm này cho đến ngày nay vẫn không thay đổi, đây cũng là nguyên nhân chính khiến văn hóa Trung Hoa có thể tồn tại lâu dài và không bị đứt đoạn.

Trời là cha, đất là mẹ. Người Trung Quốc dùng Thiên Địa để đại diện cho cha mẹ, sáu quẻ còn lại, ba quẻ đại diện cho nam, ba quẻ đại diện cho nữ. Hơn nữa bát quái trong Kinh Dịch có một đặc điểm, đó là dương quái nhiều âm, âm quái nhiều dương, tức là hào dương ít thì gọi là dương quái, hào âm ít thì gọi là âm quái.

(Hình 15-1): Một hào dương đầu tiên của Thiên biến thành âm sẽ thành Phong, trong Kinh Dịch, quẻ này đại diện cho trưởng nữ. Hào giữa của Thiên biến thành âm sẽ thành Hỏa, là trung nữ. Hào trên của Thiên biến thành âm là Trạch, là con gái út.

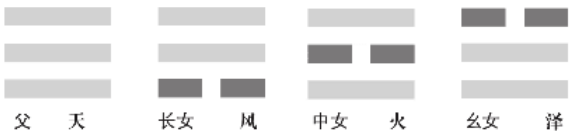


图15-1

(Hình 15-2): Hào đầu của Địa biến sẽ thành Lôi, là trưởng nam. Quẻ này còn gọi là quẻ Chấn, nên một người họ Vương, nếu tên là Chấn, chúng ta biết anh ta là con trai cả trong nhà. Hào thứ hai biến thành Thủy, gọi là trung nam. Hào thứ ba biến thành Sơn, là con trai út.

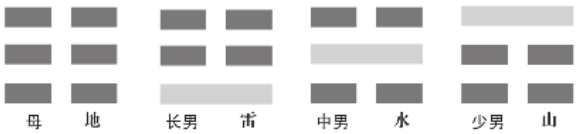


图15-2

Ba người con trai, ba người con gái, một đôi cha mẹ, tạo thành một gia đình. Gia đình cần phải thế nào? Có phải cần phải giàu có không? Không phải, gia đình cần phải “mỹ mãn”. Mỹ mãn nghĩa là có hoàn cảnh riêng của mình, có cách sinh tồn riêng. "Gia gia hữu bản nan niệm kinh" (Mỗi nhà có quyển Kinh riêng khó đọc),

nhà tôi có Kinh của nhà tôi, nhà anh có Kinh của nhà anh, tôi không thể học theo anh, anh cũng không thể học theo tôi, nên giữa các gia đình cũng không cần phải so sánh với nhau.

Điều quan trọng nhất của một gia đình là “gia giáo”, là “gia phong”, là những nguyên tắc không thể thay đổi được truyền trong gia đình. Người Hoa kiều của chúng ta vất vả đến hải ngoại, tại sao khi tuổi cao, lại nhất định phải về nhà? Tại sao dù họ có nghèo đến mấy, chỉ cần về quê hương, cũng nhất định sẽ bán đồ đạc, mang theo một số tiền lớn về chia sẻ với hàng xóm láng giềng và bạn bè thân thích? Đó chính là do “gia phong” tạo nên. Người Trung Quốc thứ nhất phải “tu thân”, thứ hai là “tề gia”, sau khi “tề gia” thì có thể “trị quốc” được sao? Có đơn giản như vậy không?

> Nho gia đặc biệt nhấn mạnh "tu, tề, trị, bình", tức là "tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ". Nghĩa là, chỉ cần tu dưỡng bản thân tốt, thì có thể quản lý gia đình tốt, mà quản lý gia đình tốt rồi, thì có thể ra “trị quốc”, cho đến “bình thiên hạ”. Lẽ nào quản lý tốt một gia đình thì đã có khả năng quản trị tốt một quốc gia rồi sao?

Quản lý tốt một gia đình thì có thể “trị quốc” được sao? Có thần thông đến thế sao? Có thể thấy cái gọi là "tề gia" không phải chỉ quản lý gia đình nhỏ của chúng ta hiện nay. Hiện nay dù bạn quản lý gia đình mình tốt đến đâu, nếu để bạn làm huyện trưởng, bạn cũng không làm được. Cái gia này là chỉ “gia tộc”. Nếu một người có thể xử lý tốt mọi việc trong gia tộc, người đó mới có tư cách đi “trị quốc”. Một người làm sao có thể trở thành người được mọi người trong gia tộc tôn trọng? Mọi người tôn trọng họ điều gì? Là thứ bậc ư? Không phải, mà là thanh vọng (tiếng tăm). Cho nên là một người Trung Quốc, sự nghiệp là nơi rèn luyện thanh vọng cá nhân. Chúng tôi khuyên mọi người hãy nhớ, tất cả các nơi làm việc, đều là để giúp chúng ta tu thân, giúp chúng ta lập đức, giúp chúng ta dưỡng vọng. Thanh vọng là phải được bồi dưỡng, không phải ai làm quan to mọi người sẽ nghe theo người đó, cũng không phải ai có tiền mọi người sẽ phục người đó. Người Trung Quốc chỉ tin những người có thanh vọng, nói theo cách thông tục là người thanh danh. Một người muốn làm được người thanh danh không dễ dàng, nhất định phải được mọi người ngưỡng mộ đạo đức của bạn, bạn nói chuyện mọi người mới nghe theo, mới có thanh vọng.

“Tông tộc” là sự mở rộng của gia đình, người Trung Quốc chúng ta rất coi trọng “đồng tông”. Nếu bạn là tông trưởng, lại là tộc trưởng của tông tộc, điều đó chứng tỏ bạn là người phi thường. Nếu tông tộc của bạn có thể đời đời truyền lại được gia phong tốt đẹp, điều đó thể hiện năng lực của bạn đã đủ, với năng lực như vậy có thể trở thành một bang chủ, thậm chí có thể trở thành nguyên thủ một quốc gia.

Sau trị quốc là “bình thiên hạ”. Bình thiên hạ có phải là thống nhất thế giới không? Có vẻ không phải. Người Trung Quốc không hay nói thống nhất thế giới, chúng ta nói "nhất thống thiên hạ", “nhất thống” và “thống nhất” là khác nhau. Điều thực sự có thể thực hiện được, cũng chỉ có nhất thống thiên hạ. Cái gọi là “nhất thống thiên hạ”, chính là “thế giới đại đồng”.

Trong Kinh Dịch có hai quẻ, một quẻ gọi là Đại Hữu, quẻ kia quẻ gọi là Đồng Nhân, hợp lại gọi là đại đồng (Hình 15-3).

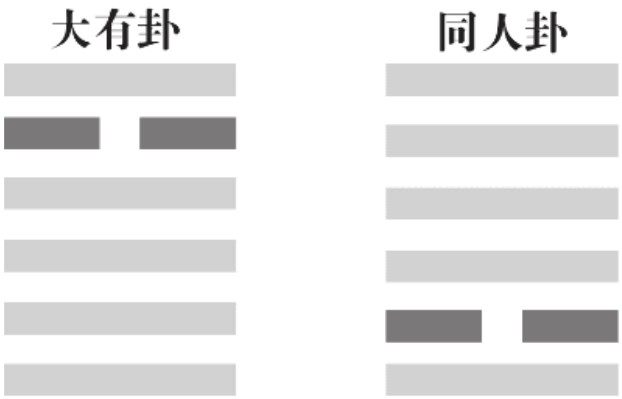


图15-3

Hình 15-3 : Bên trái : quẻ Hỏa Thiên Đại Hữu. Bên phải : quẻ Thiên Hỏa Đồng Nhân

Thế giới chỉ có thể đại đồng, không thể nhất đồng. Chúng ta là "cầu đồng tồn dị" (tìm kiếm sự đồng thuận, tôn trọng sự khác biệt), dưới đại đồng tôn trọng tiểu dị, nên gọi là "đại đồng tiểu dị" (mặc dù có sự khác biệt nhỏ, nhưng trong tổng thể vẫn có sự tương đồng lớn), cũng chính là nhất thống thiên hạ. Chúng ta sẽ trở thành “bốn biển một nhà”, nhưng mỗi nhà vẫn có gia phong và nền tảng riêng không giống nhau của họ. Chúng ta phải tôn trọng lẫn nhau, đừng miễn cưỡng người khác phải giống mình. **Vì vậy khi dạy trẻ, đừng để chúng so sánh với người xung quanh, bởi vì mỗi nhà đều khác nhau.** Nếu con bạn hỏi: "Tại sao việc này con nhà người ta được làm, con lại không được làm?" bạn hãy nói với nó: "Bởi vì nhà chúng ta khác với nhà người ta, làm con của nhà này, phải làm theo quy củ của nhà này." Một câu đã nói rõ, lại còn cho trẻ biết mỗi nhà đều khác nhau.

> Chúng ta biết trên thế giới có bốn nền văn minh cổ đại: Trung Quốc, Ai Cập cổ đại, Babylon cổ đại, Ấn Độ cổ đại. Tuy nhiên trong bốn nền văn minh cổ đại này, Ai Cập cổ đại, Babylon cổ đại, Ấn Độ cổ đại đều do ngoại tộc xâm lược mà mất đi độc lập, làm đứt đoạn nền văn minh cổ đại. Chúng ta đọc thêm một chút sách phương Tây sẽ phát hiện, người phương Tây luôn nói đây là một thời đại không liên tục, tiếng Anh gọi là discontinuous, nghĩa là không liên tục, bị đứt đoạn, cũng chính là tách rời từng đoạn. Nhưng lịch sử Trung Quốc chúng ta liên tục, chỉ có một số thăng trầm, chưa từng bị đứt đoạn.
>
> Ai Cập và Ấn Độ từng một thời mất nước, phải nỗ lực nhiều lần mới cuối cùng khôi phục được quốc gia. Trung Quốc chúng ta chỉ có hưng suy, một giai đoạn "hưng thịnh", một giai đoạn "suy vi", nhưng chưa từng mất nước. Tại sao văn minh Trung Hoa có thể kéo dài không dứt, lịch sử Trung Quốc có thể nhất quán xuyên suốt? Chúng ta dựa vào bộ Kinh Dịch này, dựa vào quan niệm gia đình để nâng đỡ.

(Hình 15-4): Trong Kinh Dịch có một quẻ gọi là quẻ Gia Nhân, Phong Hỏa Gia Nhân, ngoại quái là Phong, nội quái là Hỏa.

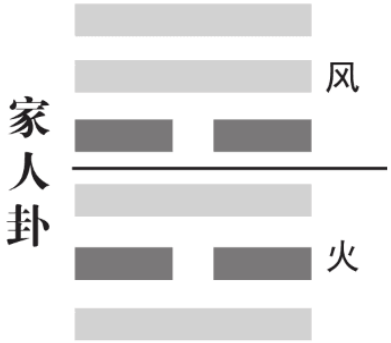


图15-4

Lửa càng mạnh thì gió trên càng thổi mạnh. Gió trên càng thổi mạnh thì lửa dưới càng hừng hực, điều này biểu thị điều gì? Biểu thị “gia hòa vạn sự hưng” (Gia đình hòa thuận, vạn sự thành công). Người trên làm gương tốt, người dưới sẽ muốn học tập. Một câu nói tuyệt vời của người Trung Quốc là: "Sinh vi Trần gia nhân, tử vi Trần gia quỷ" (Sống là người nhà họ Trần, chết là ma nhà họ Trần). Điều này trên toàn thế giới đều không tìm thấy. Đã sinh vào gia đình này, phải theo gia phong của gia đình này để làm người, làm việc, không được phá hoại và vi phạm. Trong hoàn cảnh như vậy, chúng ta trên dưới một lòng hòa thuận, đồng tâm hiệp lực, nên có thể gia đạo hưng thịnh, dựa vào chính là người một nhà chúng ta.

> Mặc dù dân tộc Trung Hoa trải qua nhiều năm chiến loạn, văn hóa truyền thống cũng nhiều lần chịu đòn đánh hủy diệt, nhưng vẫn truyền lại được nhiều tộc phả và gia huấn. Có thể thấy, người Trung Quốc rất coi trọng gia đình, và quan niệm gia đình đậm đà của người Trung Quốc bắt nguồn từ Kinh Dịch. Vậy, ngoài quẻ Gia Nhân ra, trong Kinh Dịch còn có những quẻ tượng nào liên quan đến gia đình? Và liệu có thể giúp ích gì cho chúng ta - những người hiện đại không?

Trong Hạ Kinh có hai quẻ chuyên nói về tình cảm và hôn nhân. Quẻ xuất hiện đầu tiên gọi là quẻ Hàm, Trạch Sơn Hàm (Hình 15-5), niên hiệu của vua Hàm Phong triều Thanh lấy từ Kinh Dịch, ghép quẻ Hàm và quẻ Phong lại với nhau, gọi là Hàm Phong.

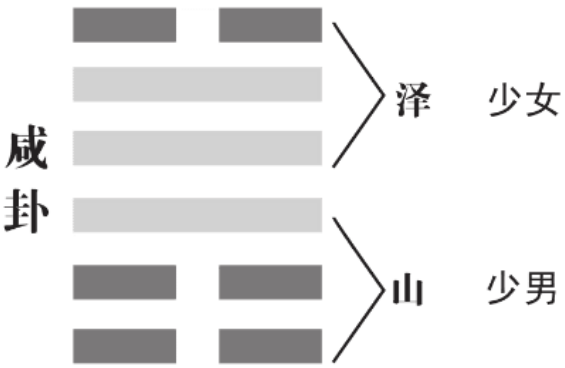


图15-5

> "Hàm" (咸) chính là chữ "cảm" (感) bỏ đi chữ "tâm" (心), một người phải bỏ đi cái “tâm” (lý trí, sự tính toán), tình cảm mới là thuần khiết, gọi là “vô tâm chi cảm” (cảm xúc thuần khiết). Nhưng nam nữ hiện đại khi kết bạn, chú trọng đến "có điện” (kết nối/tương

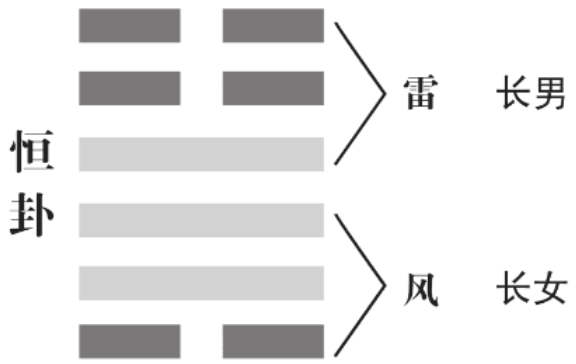
> tác ?? 来电), "có điện" chính là có "tâm" 心, nên không thể bền lâu, bởi vì không có ai có thể duy trì được nguồn "điện" bền lâu.

Người Trung Quốc rất coi trọng hôn nhân, mọi người đừng bị ảnh hưởng bởi một số người nói "môi giới chi ngôn, phụ mẫu chi mệnh, môn đăng hộ đối" (môi giới mai mối, mệnh lệnh cha mẹ, môn đăng hộ đối) đều là sai, thực tế mọi người đều làm như vậy, và cũng sống rất hạnh phúc. Trên đời này cha mẹ tàn nhẫn bán con gái của mình rất ít, những cha mẹ như vậy căn bản không phải là người. Làm cha mẹ đều lấy hạnh phúc, vinh hoa cả đời của con cái làm trọng, họ sẽ rất cẩn thận xử lý việc này. Hai người kết bạn, phải trải qua thời gian dài hiểu biết, từ từ bồi dưỡng tình cảm. Nhưng có một điều kiện, chúng ta xem quẻ Hàm sẽ biết, Trạch Sơn Hàm, trên là thiếu nữ, dưới là thiếu nam, quẻ tượng này là nữ ở trên, nam ở dưới, cũng biểu thị lúc yêu đương, nam phải đi theo đuổi nữ, nữ không thể đi theo đuổi nam.

Bây giờ nhiều người nói, thời đại đã khác, con gái theo đuổi con trai có sao đâu? Người nói những lời này, đa phần là chưa từng trải qua, nếu thực sự gặp tình huống như vậy, tự nhiên sẽ hiểu được đạo lý trong đó.

Nam đuổi theo nữ, là cách một ngọn núi, nữ đuổi theo nam, chỉ cách một lớp the. Phàm là nữ đuổi theo nam, những cuộc hôn nhân đó đều khó có thể bền lâu. Bởi vì đối với đàn ông mà nói, những thứ đến quá dễ dàng thường không biết quý trọng. Nhưng nam đuổi theo nữ thực sự thành công thì rất ít, ngược lại nữ câu nam về thì nhiều hơn, điều này mới cao minh. Con gái tại sao phải tốn công đuổi theo con trai? Câu anh ta là được rồi, nếu đuổi theo sẽ làm anh ta sợ chạy mất. Nhiều nam giới nói với tôi: "Tôi đã theo đuổi được một cô gái." Tôi liền nói với anh ta: "Anh sai rồi, là anh bị cô ấy câu về đấy." Cho nên một cái rõ ràng một cái kín đáo, cũng là một âm một dương.

(Hình 15-6): Sau quẻ Hàm, là quẻ Hằng (Lôi Phong Hằng). Sau khi kết hôn phải đi theo quẻ Hằng, mới có thể trường trường cửu cửu.



Như thế hệ chúng tôi gần như không ai ly hôn cả, bởi vì trong đầu chúng tôi không có khái niệm ly hôn. Người ta có ý nghĩ ly hôn mới đi ly hôn. Đừng nói ly hôn là chuyện của người trẻ, có nhiều người sáu bảy mươi tuổi cũng ly hôn. Tôi từng hỏi một người tuổi đã cao mà vẫn đi ly hôn, tại sao già thế này còn ly hôn,

ông ta nói: "Trước đây tôi không tiện ly hôn, bây giờ con cái đều đã lớn, có thể yên tâm ly hôn rồi." Cho nên cũng đừng nghĩ ly hôn là đặc quyền của người trẻ.

Tôi có thể nói rõ ràng với mọi người, người có ý nghĩ ly hôn trong đầu sớm muộn gì cũng sẽ ly hôn, người không có ý nghĩ ly hôn trong đầu, dù cãi nhau tơi bời cũng tuyệt đối không ly hôn. Nhiều người hỏi tôi: "Anh có cãi nhau với vợ không?" Tôi nói: "Vợ chồng không cãi nhau, đó là khách." Vợ chồng làm gì có chuyện không cãi nhau? Nhưng chúng tôi có tư cách cãi nhau, có quyền cãi nhau, bởi vì chúng tôi cãi nhau thế nào cũng không ly hôn, không giống như có người vừa mới bắt đầu cãi đã ly hôn, thậm chí chưa cãi đã ly hôn.

Hai người sẽ ly hôn, thực ra là vì không hiểu Kinh Dịch, khi hẹn hò phải đi theo quẻ Hàm, quẻ Hàm là nữ trên nam dưới, là nam phải theo đuổi nữ, nhưng sau khi kết hôn, phải đi theo quẻ Hằng, Lôi Phong Hằng, nam ở trên, nữ ở dưới.

Thông thường, ly hôn đối với phụ nữ là khá đau khổ, sau khi ly hôn, nam giới lại kết hôn rất nhanh, còn nữ phần lớn phải nuôi con. Hơn nữa phụ nữ già đi rất nhanh, còn có thể tìm ai? Đàn ông chỉ cần có tiền, dù già đến mấy cũng có người muốn cưới, đây là chuyện rất kỳ lạ. Đọc hiểu Kinh Dịch chúng ta sẽ biết, **con gái có quan hệ với số 7, nên gọi là "thê tử".** Hai lần bảy mười bốn, con gái mười bốn tuổi đã trưởng thành; bảy lần bảy bốn mươi chín, phụ nữ đến bốn mươi chín tuổi thì gần như mãn kinh, không thể sinh nở nữa. **Đàn ông có quan hệ với số 8**, hai lần tám mười sáu, con trai khoảng mười sáu tuổi mới trưởng thành, muộn hơn con gái. Nhưng tám lần tám sáu mươi tư, đàn ông đến sáu mươi tư tuổi vẫn có thể sinh con. Đây là quy luật tự nhiên.

Cho nên, xử lý tình cảm và hôn nhân theo quẻ Hàm và quẻ Hằng, trước hôn nhân thì đặc biệt thận trọng, sau hôn nhân thì nhắm một mắt, mở một mắt, cuộc đời sẽ rất mỹ mãn. Còn về hạnh phúc hay không hạnh phúc, đó là cảm nhận của cá nhân, không phải là thứ rất khách quan.

> Tục ngữ nói, "gia hòa vạn sự hưng" (Gia đình hòa thuận, vạn sự thành công). Nhưng để xây dựng một gia đình ổn định, hòa thuận và hạnh phúc, cần phải có một số trí tuệ và năng lực. Quẻ Gia Nhân trong Kinh Dịch, chuyên nói cho người ta biết, nên làm thế nào mới có thể quản trị tốt gia đình. Vậy quẻ Gia Nhân đã nói những gì? Kinh Dịch cổ xưa có thực sự có thể giúp chúng ta những người hiện đại xử lý tốt quan hệ gia đình không?

Quẻ Phong Hỏa Gia Nhân (Hình 15-7) có một hào dương ở trên, một hào dương ở dưới, điều này cho chúng ta biết, gia là một tập thể hoàn chỉnh, cần phải phòng ngừa người ngoài. Gia có gia quy, gia có phạm vi an toàn của gia, nên không có gia đình nào là không có cổng lớn. Cổng có hai công dụng, một mặt ngăn người ngoài vào, mặt kia ngăn người trong nhà ra ngoài làm bậy, đây là hai mặt, bởi vì có âm thì có dương.



图15-7

Trong quẻ Gia Nhân, Cửu Ngũ (hào ngũ dương) đại diện cho ba, Lục Nhị đại diện cho mẹ. Bởi vì ngoại quái đại diện cho ngoài, nội quái đại diện cho trong. Thông thường trong gia đình đều là "nam chủ ngoại, nữ chủ nội". Có người nói điều này không bình đẳng, vậy bây giờ tôi muốn hỏi, nửa đêm, hoặc khi bên ngoài tình hình khiến người ta không yên tâm, có người gõ cửa, bảo ai đi mở cửa? Người chồng dù nhút nhát cũng phải nói "để tôi đi", thế mới giống đàn ông! Nếu chồng nói với vợ "em đi đi", bản thân lại trốn dưới gầm giường, vậy sau này anh ta còn địa vị gì trong nhà nữa? Cho nên “nam chủ ngoại, nữ chủ nội”, điều này không có gì là không bình đẳng.

Nhưng Kinh Dịch cho chúng ta biết, có quy tắc thông thường thì cũng có ngoại lệ, như Võ Tắc Thiên, Hoa Mộc Lan, chúng ta cũng rất tôn kính họ. Võ Tắc Thiên là phụ nữ, nhưng bà phát huy con đường Càn rất tốt. Nếu không phải bị người ta ngáng chân, bà còn có thể làm tốt hơn nữa. Hoa Mộc Lan giả trai, thay cha tòng quân, chinh chiến sa trường, lập nhiều công lao, ai có thể phủ nhận thành tích của cô ấy? Mọi việc đều có thể có ngoại lệ, chúng ta không phản đối, nhưng nói về thông thường, việc bên ngoài phần nhiều do ba làm, việc trong nhà phần nhiều do mẹ làm.

Kinh Dịch cho chúng ta biết, cha phải “nghiêm”, mẹ phải “từ”. Đạo lý này là sao? **Bởi vì mẹ ở cùng con cái thời gian nhiều hơn, nếu mẹ rất nghiêm khắc, đứa trẻ sẽ khá đáng thương.** May mà mẹ thì từ ái hơn, ba thì nghiêm khắc hơn, đổi ngược lại thì không được. Hiện nay rất đáng thương là, cha mẹ cùng nhau chiều chuộng con cái, cuối cùng cả gia đình trở nên rối loạn. Ba và mẹ phải hợp tác với nhau, để con cái biết gia đình này là có quy củ, nên giáo dục gia đình phải có phương pháp.

Mẹ thường nói với con: "Con không ngoan nữa, ba về là con sẽ bị đòn đấy", đây có phải là bán đứng ba không? Thực ra đây chính là tạo dựng uy nghiêm cho ba. Người ta phải có một người để sợ, đặc biệt là trẻ con. Ngay cả Khổng Tử cũng nói: "Quân tử hữu tam úy: úy thiên mệnh, úy đại nhân, úy thánh nhân chi ngôn." (Luận Ngữ - Quý Thị) (Người quân tử có ba điều đáng sợ: sợ mệnh trời, sợ bậc đại nhân, sợ lời của thánh nhân). Trong lòng người ta phải có một số đối tượng để sợ, như vậy mới biết tự kiềm chế. Trời không sợ, đất không sợ, thì còn được nữa sao? Trẻ con cần được giáo dục, tổng phải để nó có một người nào đó để sợ hơn.

Cha tôn trọng mẹ là âm, mẹ tôn trọng cha là dương, âm dương này kết hợp, sẽ hoàn toàn khác. Khi con không nghe lời, mẹ có thể yên tâm nói với con: "Con không ngoan nữa, ba về là con sẽ bị đòn đấy." Ba về nhà, mẹ phải lén nói với ba hôm nay con làm việc gì không tốt, ba có thể bán đứng mẹ bằng cách nói "mẹ nói với ba con không nghe lời, ba đánh con, con muốn hận thì hận mẹ" không? Nếu ba nói như vậy, đó là không hiểu đạo lý, vậy anh ta còn tính là ba nữa sao? Gia đình này làm sao hòa thuận được? Con cái làm sao tiến bộ được? Ba nghe nói con gái lấy phấn son của mẹ bôi khắp nơi, mẹ không có cách nào với nó, ba nói: "Ba biết rồi." Ông không lập tức có động tĩnh gì, mà đợi đến lúc thích hợp mới nói.

Mọi người có phát hiện không, ba nói thẳng với con, con hoàn toàn không nghe vào. Phàm là cha mẹ trực tiếp giáo huấn con cái, con cái đều không mấy nghe theo. Tôi đã hỏi rất nhiều đứa trẻ bị ba gọi đến mắng nửa ngày: "Ba mắng con cái gì?" Trẻ con đều nói không biết. Tôi rất ngạc nhiên: "Mắng lâu thế, con không biết ba mắng con cái gì sao?" Trẻ con nói: "Con chỉ thấy ba ở đó lải nhải, nhưng con không nghe vào tai câu nào cả." Đây chính là ba không biết cách giáo dục. Trẻ con hứng thú nhất là nghe lén ba mẹ nói chuyện gì, nên cha mẹ dùng đối thoại để dạy con, mới tính là biết giáo dục.

Thực ra, người Trung Quốc dạy con đều chọn lúc ăn cơm. Lúc ăn cơm ba hỏi mẹ: "Gần đây em có thấy Tiểu Ngọc không?" Tiểu Ngọc là con gái của họ hàng hoặc hàng xóm. Mẹ nói: "Không, em lâu rồi không thấy nó." Ba nói: "Hôm nay anh đi làm việc, tình cờ gặp Tiểu Ngọc, nó thật đáng thương, em biết không?" Mẹ lập tức hỏi căng thẳng: "Sao lại đáng thương? Tiểu Ngọc làm sao?" Những lời này đều là nói cho con nghe, nếu không tại sao lại căng thẳng như vậy? Lúc này ba lại nói: "Thôi đừng nói nữa, bây giờ đang ăn cơm không thích hợp nói chuyện này." Nói thế này là cố ý khêu gợi tò mò của con. Mẹ nói: "Anh nói nhanh đi, anh nói một nửa thế không được, em sắp nghẹn chết rồi." Ba nói: "Anh nói ra, em sẽ không ăn nổi cơm đâu." Mẹ nói: "Không đâu." Như vậy con sẽ càng tò mò muốn nghe ba mẹ đang nói gì. Ba nói: "Tiểu Ngọc không biết sao lại lấy phấn son của mẹ nó bôi loạn lên mặt mình, bôi đến cuối cùng phải mổ, bây giờ trông xấu lắm." Con nghe câu chuyện này, từ đó về sau thấy phấn son không dám đụng vào, thói xấu không hay đã được sửa lại một cách vô tình.

Tại sao nhất định phải nói thẳng như vậy? Người Trung Quốc cần "điểm", bạn điểm một cái, họ liền tỉnh ngộ. Tính cảnh giác của người Trung Quốc cao nhất thế giới, nhưng có một điểm chúng ta đã bỏ qua, người Trung Quốc cũng là người có tính tự chủ mạnh nhất - tôi muốn thay đổi, tôi có thể thay đổi bất cứ lúc nào, người khác muốn thay đổi tôi, không có cửa. Chúng ta cứ muốn thay đổi con cái, đây là sai lầm lớn của cha mẹ, con cái sẽ tự thay đổi. Tự mình thay đổi, dễ dàng nhẹ nhàng, nhưng người lớn muốn thay đổi chúng, nghĩ đủ cách cũng vô dụng.

> Hiện nay chúng ta phần lớn là gia đình con một, mỗi cặp cha mẹ đều hy vọng con mình có tiền đồ, nhiều gia đình thậm chí không tiếc tiền bạc để bồi dưỡng con cái, nhưng việc giáo dục con một lại ngày càng trở thành vấn đề đau đầu của nhiều gia đình, điều này là tại sao?

Chúng ta đã làm sai ba điều: Thứ nhất, phương hướng sai lầm; thứ hai, phương pháp không đúng; thứ ba, phương thức có vấn đề. Nếu làm rõ những điều này, sẽ rất dễ dạy con, không có gì khó. Gia đình phải có quy củ: nhà chúng ta thế này, nhà người ta thế nào tôi không quản. Cha mẹ phải để con biết ba mẹ có nguyên tắc, nó không thể thách thức. Khi gia quy được thiết lập, con cái sẽ biết phải tự kiềm chế thế nào, cũng tự nhiên biết nên đi như thế nào.

Gia giáo sẽ ảnh hưởng đến cả đời một người. Chúng ta nhất định phải nhớ câu này: nuôi con trai không dạy, hại chết cả nhà mình; nuôi con gái không dạy, hại chết cả nhà người khác.

Một người đàn ông lấy nhầm vợ, sẽ xui xẻo chín đời, không phải chỉ một đời, chín đời đều không thu dọn được tàn cục. Hôn nhân không phải là việc người trẻ có thể tự chọn lựa, bởi vì quá trẻ, nhiều việc không hiểu. Nhiều người than phiền với tôi: "Ba tôi không hiểu, mẹ tôi cũng không hiểu, nên tôi mới mù mờ như vậy, nhiều việc họ đáng ra phải nói với tôi từ sớm." Nhưng than phiền có ích gì? Hối hận có ích gì? Không có ích gì cả, nên nhất định phải phòng ngừa từ trước. Hào từ đầu tiên của quẻ Gia Nhân là một chữ: “Nhàn” (đề phòng). Nhàn là nghĩa gì? Chính là cửa phải thêm một cây gỗ, cài then lại. Thứ hai, không thể tối về thu nhận người không quen hoặc không thân thiết ở trong nhà. Thứ ba, người trong nhà phải chăm chỉ, không thể quá nhàn rỗi, nhàn là sinh chuyện, cũng đừng suốt ngày không có việc gì làm, nói những chuyện nhàn rỗi. Đều là chữ "nhàn" này, mà cuối cùng tổng kết lại chính là nhắc nhở chúng ta phải phòng ngừa từ trước. Cha mẹ phải có trách nhiệm, giáo dục con cái mình, phải phòng ngừa từ trước.

Con cái bây giờ như thế này, tương lai sẽ ra sao? Đây là câu hỏi người Trung Quốc thường nghĩ đến nhất, nhưng người nước ngoài lại ít khi nghĩ. Cùng là gia đình, gia đình phương Tây là công ty hữu hạn, con cái họ đến 18 tuổi, cha mẹ đã rút cổ phần, con cái độc lập; gia đình Trung Quốc là công ty vô hạn, con cái suốt đời là người trong nhà, muốn vứt bỏ chúng cũng không được, ngay cả đăng báo tuyên bố đoạn tuyệt quan hệ cha con cũng vô dụng, tình thân của chúng ta không thể cắt đứt được. Bởi vì con đi đến đâu, người ta đều nhận ra đó là con của bạn.

Thực ra, nhiều vấn đề cha mẹ đều có thể phòng ngừa từ trước, bởi vì tính dễ uốn nắn của trẻ rất mạnh, nhiều thói quen đều được hình thành từ từ, cha mẹ nhất định phải gánh vác trách nhiệm. Như độ tuổi chúng tôi, ở bất cứ đâu, dùng giấy ăn chỉ dùng một tờ, không như bây giờ có người xé loạn xạ. Nếu trong gia đình có trẻ con lấy giấy không tiết chế, đó là đứa con phá của, làm cha mẹ nên dạy nó từ bây giờ, nếu không tương lai nó sẽ phá nát cả nhà. Trong nhà tuyệt đối không cho phép có đứa con phá của, đây là trách nhiệm của cha mẹ. Tôi ăn sáng, chưa bao giờ dùng đến tờ giấy thứ hai, dùng một tờ khăn ăn vừa mới dùng một chút, nhân viên phục vụ đã muốn đổi cho tôi tờ khác, tôi sẽ nói với cô ấy: "Đợi chút, tôi chưa dùng xong." Lãng phí như vậy để làm gì? **Dù giàu có đến mấy, cũng không có tư cách lãng phí. Bởi vì lãng phí là một thói quen**, "do kiệm nhập xa dị, do xa nhập kiệm nan" (từ tiết kiệm chuyển sang xa xỉ dễ, từ xa xỉ

chuyển sang tiết kiệm khó), một khi buông lỏng, sẽ không cứu vãn được. Tiết kiệm mãi mãi là mỹ đức, đây là điều bất biến.

Nếu lần đầu tiên con cái lấy tiền đi ra ngoài, bạn liền cho rằng nó ăn trộm tiền của bạn, đó là người lớn thiếu hiểu biết. Bởi vì trong đầu óc trẻ con hoàn toàn không có chữ "ăn trộm". Bạn nói nó ăn trộm tiền, nó mới bắt đầu có khái niệm ăn trộm: thì ra đây gọi là ăn trộm à, còn có chuyện tốt thế này, sau này thiếu thứ gì, mình cứ ăn trộm vậy. Đây là bạn đã dạy cho nó biết thế nào là ăn trộm.

Trẻ con không có ý thức về quyền sở hữu tài sản, làm cha mẹ tốt nhất vẫn nên dùng đối thoại để giáo dục con cái. Mẹ hỏi ba: "Tiền trên bàn của em, có phải anh lấy không?" Ba nói: "Nếu anh lấy, chắc chắn sẽ nói với em, bởi vì anh không phải là người tùy tiện lấy tiền của người khác mà không nói." Thực ra những lời này đều là để dạy con. Mẹ nói: "Đúng vậy, nếu anh không nói mà lấy, người ta còn tưởng anh ăn trộm, thực tế anh không có ý ăn trộm." Lúc này con sẽ nói với mẹ: "Con thực sự không ăn trộm, con chỉ là không biết số tiền đó không thể lấy, nên con đã lấy." Mẹ nói: "Không sao, không ai nói con ăn trộm cả, nhà mình chưa từng có ai ăn trộm, nhưng sau này con phải chú ý, tránh để người ngoài nghĩ con có thói quen không tốt." Như vậy nó sẽ rất nhanh sửa đổi.

Nếu bạn một mực khăng khăng con ăn trộm, nó sẽ thực sự ăn trộm cho bạn xem - dù sao mọi người nói con ăn trộm mà, con không chỉ ăn trộm trong nhà, mà còn ăn trộm bên ngoài nữa. Ép con vào góc tường, đối với người lớn không có chút lợi ích nào.

Giáo dục gia đình không phải là việc đơn giản. Quẻ Gia Nhân trong Kinh Dịch là một quẻ rất quan trọng đối với mỗi chúng ta, gia giáo nhất định phải nghiêm, thà nghiêm chứ không thể lỏng lẻo. Hiện nay nhiều người nghe đến nghiêm, đều cho rằng là ngược đãi. Làm sao là ngược đãi được? Điều này chẳng có chút quan hệ gì với ngược đãi cả.

> Trong vấn đề giáo dục con cái, luôn có nhiều tranh cãi, cổ nhân nói: "Côn bổng hạ xuất hiếu tử" (Dưới roi vọt sinh ra con hiếu thảo). Trong xã hội truyền thống, đối với con cái không chỉ là giáo dục nghiêm khắc, mà khi phạm lỗi còn bị trừng phạt nghiêm khắc. Nhưng người hiện đại cho rằng, đó là chế độ gia trưởng phong kiến, đối với con cái nên dùng giáo dục thuyết phục, tuyệt đối không nên đánh con. Vậy rốt cuộc có nên đánh con hay không?

Giáo dục con cái, rốt cuộc có nên đánh hay không? Nói nên đánh, là người không hiểu Kinh Dịch, nói không nên đánh, cũng là người không hiểu Kinh Dịch. Kinh Dịch không có nên và không nên, cho nên học Kinh Dịch rồi, bạn đừng hỏi những câu hỏi này, người ta hỏi bạn những câu hỏi này, bạn đừng trả lời, thực sự phải trả lời thì một câu: đánh hay không đánh không quan trọng, cách đánh mới quan trọng. Kinh Dịch chuyên nghiên cứu cách đánh như thế nào, đánh hợp lý thì đánh, đánh không hợp lý thì không đánh. Giáo dục con cái thà nghiêm, bởi vì nghiêm rồi muốn nới lỏng rất dễ, nhưng lỏng lẻo rồi muốn siết chặt là việc

rất khó khăn. Nếu áo mặc luôn rộng rãi, thắt cà vạt sẽ rất khó chịu; nếu ngày nào cũng thắt cà vạt, thỉnh thoảng một ngày không thắt, sẽ thấy rất thoải mái.

Mọi người nhìn từ góc độ Kinh Dịch này, sẽ hiểu rằng, gia đình mãi mãi là bến cảng ấm áp nhất của chúng ta trong biển người mênh mông. Chúng ta có sức còn có thể chăm sóc láng giềng xung quanh, nhưng tiền đề là phải lo tốt cho gia đình mình trước, gọi là "cố bản" (củng cố gốc rễ). Bồi dưỡng con cái tốt, đây là việc lâu dài.

Bản thân ở nhà quy củ, ra ngoài tự nhiên sẽ làm gương. Quẻ Hàm là trước hôn nhân, trên là thiếu nữ, dưới là thiếu nam, còn quẻ Hằng là sau hôn nhân, nam ở trên, nữ ở dưới. Tại sao vị trí này lại đảo ngược? Mọi người thực sự nên suy nghĩ kỹ.

(Hình 15-8): Còn có hai quẻ mọi người rất quen thuộc, một quẻ gọi là quẻ Thái, một quẻ gọi là quẻ Bĩ. Quẻ Thái là địa ở trên, thiên ở dưới, cũng chính là mẹ ở trên, cha ở dưới. Quẻ Bĩ là thiên ở trên, địa ở dưới, cũng chính là cha ở trên, mẹ ở dưới. Mọi người đừng nghĩ người Trung Quốc là trọng nam khinh nữ, nam nữ bất bình đẳng, tuyệt đối không có chuyện này. Chúng ta là có lúc nam ở trên, nữ ở dưới, có lúc nữ ở trên, nam ở dưới, phải căn cứ vào "thời" để có sự sắp xếp thích hợp.

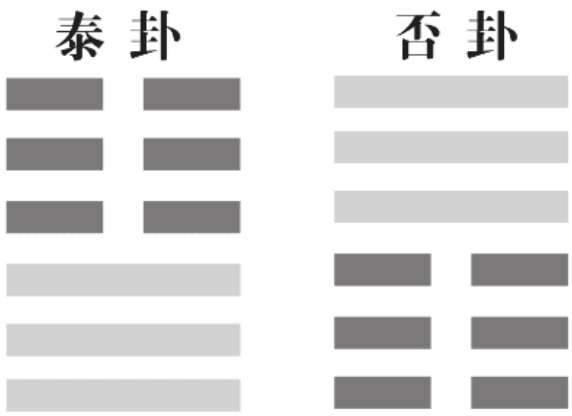


图15-8

Hình 15-8 : Bên trái : quẻ Thái. Bên phải : quẻ Bĩ

Mẹ phải tôn trọng cha trước mặt con cái, tạo dựng uy quyền cho ông ấy; cha phải coi trọng mẹ, thường nói với con không được làm mẹ buồn. Con không dám làm cha buồn, nên cha có thể yên tâm nói với con: "Con có thể làm ba buồn, con không thể làm mẹ buồn." Và ba còn phải nói với con: "Mẹ mỗi ngày vất vả như vậy, con còn làm mẹ buồn, một ngày nào đó làm ba không muốn đi làm nữa, ở nhà chuyên theo dõi con, con sẽ hối hận." Nhưng gia đình hiện nay không phải vậy, thường là mẹ bán đứng ba, ba bán đứng mẹ, gia đình cũng trở thành tổ chức phản nghịch, thế còn được nữa sao? Làm sao có thể "gia hòa vạn sự hưng"? Đây là mạch sống văn hóa Trung Hoa của chúng ta, nếu không làm lại cho tốt, con cháu chúng ta sẽ rất nguy hiểm.

Mỗi câu nói của chúng ta đều có kinh có quyền, có rõ ràng, có kín đáo, không chỉ là một câu nói đơn thuần. Chúng ta thường nói "phụ mẫu tại, bất viễn du" (cha mẹ còn, không đi xa), nhưng lại nói "nam nhi chí tại tứ phương" (chí nam nhi ở bốn phương), như vậy không mâu thuẫn sao? Hai câu này hợp lại, chính là khi nên ở nhà thì nói lúc cha mẹ còn, không đi xa; nhưng khi nên ra đi thì nói chí nam nhi ở bốn phương. “Quang diệu môn đình” (thành đạt) là việc rất quan trọng, người Trung Quốc muốn “quang diệu môn đình”, nhưng cũng phải “thừa thượng khải hạ” (kế thừa trên, mở ra dưới), cha mẹ tuổi cao, bệnh tật, chúng ta nên tạm gác công danh sang một bên, bởi vì sau này khi công thành danh toại, có thể cha mẹ đã không còn, chúng ta muốn quay về phụng dưỡng cha mẹ cũng đã muộn. Có việc lớn đến đâu, giao cho người khác làm, chăm sóc cha mẹ cho tốt, đây là việc quan trọng nhất trong đời người. Sau khi cha mẹ mất rồi mới đi ra ngoài, đều còn kịp, tại sao nhất định phải vì công danh mà bỏ bê cha mẹ? Điều đó là hoàn toàn không đúng.

Tại sao bên này nói “môn đăng hộ đối”, bên kia lại có “tư định chung thân”? Chính là lúc nên môn đăng hộ đối thì chúng ta phải môn đăng hộ đối; còn khi bản thân rất có nắm chắc, cho rằng không còn ai tốt hơn người trước mắt này nữa, thì “tư định chung thân”, có sao đâu? Chúng ta cho mọi người rất nhiều tính linh hoạt. Nhưng tiêu chuẩn là gì? Chỉ hai chữ thôi: hợp lý. Hợp lý thì được, không hợp lý thì không được. Có thể thấy, Kinh Dịch không chỉ là từng tượng đơn thuần, Kinh Dịch là một chuỗi liên kết, gọi là liên kết tượng, số, lý. Tượng, số, lý có tác dụng liên kết, nên bài giảng tiếp theo chúng ta sẽ thảo luận về: Tượng số lý của quẻ.

Chương 16: Tượng, số, lý của quẻ

> Khi học Kinh Dịch, chúng ta cần nắm được ba khía cạnh cơ bản là tượng, số và lý của quẻ. Thực ra, tượng, số, lý trong Kinh Dịch luôn hiện diện trong cuộc sống của chúng ta. Ví dụ, câu "Bất thành công, tắc thành nhân" (không thành công thì thành nhân) xuất phát từ tượng của quẻ Đại Quá trong Kinh Dịch. Quẻ Đại Quá có thể xem như là cỗ quan tài, cũng có thể xem như là cây cầu, mà cầu tượng trưng cho thành công, quan tài tượng trưng cho thành nhân. "Bất thành công, tắc thành nhân" chính là đức của quẻ thể hiện qua tượng của quẻ Đại Quá.
>
> Lại ví dụ, mỗi khi chúng ta phân vân không quyết định được, hoặc lo lắng bất an, thường nói là "thất thượng bát hạ" (bảy lên tám xuống). Con số bảy lên tám xuống này có mối quan hệ mật thiết với số trong Kinh Dịch. Nhưng tại sao số bảy nhỏ hơn số tám mà lại ở trên còn số tám lại ở dưới? Lý trong Kinh Dịch là gì? Học Kinh Dịch có thể giúp chúng ta trở nên khôn ngoan hơn không?

Mọi người thường nói Kinh Dịch bắt đầu từ tượng, thực ra cách nói này không chính xác lắm, nên nói rằng tất cả đều bắt đầu từ số. Trong lòng không có số thì làm sao vẽ ra được tượng? Chỉ là chúng ta nhìn thấy trước tiên là tượng đã được vẽ ra mà không hiểu sâu rằng đằng sau mỗi tượng đều có một con số tồn tại.

Người Trung Quốc thường nói: "Nhất thiết hữu định số" (mọi việc đều có số định sẵn). Câu này thực ra không mê tín, nó nói với chúng ta rằng mọi việc đều có quy luật nhất định, vạn tượng trong vũ trụ đều có định số. Ví dụ, người trong nghề nhìn một cây biết được nó có thể tiếp tục sống hay không, có thể sống bao lâu, tương lai sẽ phát triển thành hình dạng gì, dùng làm gì. Lại ví dụ, chúng ta thường nói "tam tuế khán đại, lục tuế khán lão" (ba tuổi biết lớn, sáu tuổi biết già), nghĩa là nhìn biểu hiện của đứa trẻ lúc ba tuổi có thể đoán được nó lớn lên sẽ thế nào, nhìn biểu hiện của nó lúc sáu tuổi thì có thể thấy được cả cuộc đời nó. Có người sẽ nói họ không hiểu được, đó chỉ là do công phu tu dưỡng của họ chưa cao mà thôi. Ở Trung Quốc có rất nhiều người có công phu này, từ xưa đến nay, phàm là người làm nên việc lớn đều có tài năng nhìn người hơn người.

Khổng Tử từng nói: "Tuy bách thế, khả tri dã" (Dù trăm đời sau cũng có thể biết được). Điều này được ghi chép rất rõ trong Luận Ngữ. Đây không phải là thần thông mà là suy luận, cũng gọi là suy lý. Như vậy, chúng ta đã nói đến lý trong Kinh Dịch, nó nằm sau tượng và số, khó thấy được hơn. Lý là quy luật có được từ sự kết hợp của tượng và số, số và tượng đều không tách rời lý. Người Trung Quốc thường nói phải làm việc theo đạo lý, nghĩa là chỉ cần làm theo lý thì cơ bản sẽ không có sai lầm lớn.

Khi chúng ta nhắc đến tượng, sẽ nghĩ tượng là hiện tượng hay chân tướng? Cần biết rằng hiện tượng không nhất định đại diện cho chân tướng, bởi vì hiện tượng có thực có hư, có chân tướng, còn có giả tướng. Còn tượng trong Kinh Dịch là sự kết hợp của hư và thực. Bởi vì trong toàn bộ vũ trụ, có hư ắt có thực, có phần nhìn thấy được ắt có phần không nhìn thấy được, cũng chính là có âm có dương, âm dương tồn tại đồng thời, không ai có thể phân tách rõ ràng được.

Một người biết xem tướng, về cơ bản không nhìn vẻ bề ngoài của người ta. Chúng ta thường nghe có người nói "xem tướng cho tôi đi", thực ra lúc này không cần xem nữa, bởi vì khi họ nói câu này, toàn thân trên dưới đã chuẩn bị sẵn để được xem, tất cả đều đã là “giả tướng” rồi. Xem tướng phải xem lúc người ta không

để ý mới thấy được “chân tướng”, đây mới là đạo lý của việc xem tướng. Điều này cũng giống như việc đánh giá tổng hợp biểu hiện của một người, chứ không phải là mê tín. Rất nhiều việc, thực ra là do chúng ta không hiểu rõ nên nói đó là mê tín. Từ nay về sau, chúng ta phải hiểu rõ tượng, số, lý của Kinh Dịch, có vậy mới biết được phán đoán của mình có hợp lý hay không.

> Kinh Dịch vốn bắt nguồn từ tự nhiên, nhưng vì nó sâu sắc khó hiểu, lại bị một số người hiểu nửa vời lợi dụng để xem tướng đoán số, nên Kinh Dịch không chỉ bị phủ một lớp màn bí ẩn mà còn bị gán cho cái mác mê tín. Thực ra, chỉ cần hiểu rõ tượng, số, lý, chúng ta sẽ biết được bí mật của Kinh Dịch. Vậy trước tiên hãy xem xét thế nào là tượng và số?

Ngay từ sơ khai, Phục Hy thị tìm ra được hai tượng đơn giản nhất, chính là hai động tác khi người xưa thắt nút để ghi nhớ: một là buộc nút, hai là tháo ra. Nói theo ngôn ngữ hiện đại, Kinh Dịch chính là công tắc bật/tắt, giống như công tắc đèn điện vậy. Tất cả đèn điện đều do công tắc điều khiển: công tắc bật lên, đèn sáng; công tắc tắt đi, đèn tối. Tương tự, âm là đóng lại, điện không thông, vì nó thuộc về vật chất; dương là mở ra, điện thông, vì nó là năng lượng, thuộc về tinh thần. Trước đây chúng ta một mực cho rằng tinh thần là tinh thần, vật chất là vật chất, đến khi Einstein phương Tây chứng minh vật chất và năng lượng có thể chuyển hóa cho nhau, vật chất chuyển động đến tốc độ nhất định sẽ biến thành năng lượng, năng lượng chậm lại sẽ biến thành vật chất, chúng ta mới nói Einstein quá thông minh. Thực ra chúng ta không biết rằng, tổ tiên chúng ta từ rất lâu đã bảo chúng ta, âm cực thì biến dương, dương cực thì biến âm. Âm dương vốn có thể chuyển hóa cho nhau, điều này cũng giống như lý thuyết của Einstein vậy.

Vậy số có từ tượng hay tượng có từ số? Chúng ta người Trung Quốc có câu "tâm trung hữu số" (trong lòng có số). Thực ra mỗi người đều khá chủ quan, là sau khi trong lòng đã có số rồi mới nhìn tượng.

Sáu mươi tư quẻ trong Kinh Dịch, mỗi quẻ đều do sáu hào tạo thành. Trong đó, vạch liền là hào dương, vạch đứt giữa là hào âm. Sáu hào không phải âm thì là dương, nên một quẻ tổng cộng chỉ bao gồm hai ký hiệu. Sáu hào trong một quẻ có thể thay đổi thế nào cũng được, có thể có ba âm ba dương, cũng có thể có hai âm bốn dương, hai dương bốn âm... Nhưng bất kể thay đổi thế nào, không ngoài hai loại âm dương. Mà âm dương lại có một thứ chung, đó chính là cái chúng ta gọi là “số”. Số là có sinh mệnh, là sống động, không giống như môn toán học chúng ta học hiện nay, là chết cứng.

Chúng ta hãy xem một quẻ (xem hình 16-1), quẻ này giống như một cỗ quan tài. Bốn hào dương ở giữa giống như một người chết, nằm cứng đờ trong quan tài, hai đầu mỗi bên một hào âm, giống như bốn cái đinh đóng xuống, chốt quan định luận. Quẻ này chính là tượng của quan tài.



图16-1

Hình 16-1: Trạch Phong Đại Quá

Thực ra, rất nhiều thứ trong cuộc sống của chúng ta đều được mô phỏng từ tượng của quẻ. Một người cần phải cương cường, nhưng người quá cương sẽ chết rất nhanh. Nếu một người nói "Tôi chỉ có tính cứng rắn thôi", thì người đó hãy chuẩn bị chết yểu đi. Chúng ta nhìn hiện tượng tự nhiên, sự khác biệt giữa người sống và người chết nằm ở chỗ, khi sống thì có tính đàn hồi, chết rồi thì cứng đờ. Một người nếu tức giận đến mức toàn thân cứng đờ, thì đó là sắp chết rồi. Chúng ta đọc Kinh Dịch thì nên hiểu, đừng tức giận đến mức đó, chúng ta vẫn phải sống tiếp.

Cũng là tượng của quẻ này, chúng ta cũng có thể không tưởng tượng nó là quan tài, mà tưởng tượng là một cây cầu - phía dưới là dòng sông lớn, hai hào âm ở hai bên là đinh, từng hào dương là tấm ván, chúng ta bước lên đó có thể qua sông. Như vậy, tượng quẻ này lại biến thành cây cầu. Một tượng, người khác nhau tưởng tượng sẽ có kết quả khác nhau, nên chúng ta mới cần tên quẻ. Tên quẻ là để cho mọi người một phạm vi, chúng ta chỉ có thể tưởng tượng trong phạm vi đó, chứ không thể nhìn thấy một tượng quẻ rồi mặc sức tưởng tượng lung tung.

Quẻ mà chúng ta vừa xem ở trên có tên gọi là Đại Quá. Sở dĩ có tên quẻ như vậy, nguyên nhân thực ra rất đơn giản, là vì trong Kinh Dịch dương lớn, âm nhỏ, phàm là dương thì là lớn, âm thì là nhỏ. Trong quẻ này có bốn dương hai âm, biểu thị lớn nhiều, nhỏ ít, là “lớn vượt quá nhỏ”, nên gọi là Đại Quá. Chúng ta nên chú ý, bất cứ việc gì chỉ cần “lớn vượt quá nhỏ”, thì phải cẩn thận có vấn đề giống như Đại Quá xuất hiện.

Theo đó suy ra, quẻ Tiểu Quá trong Kinh Dịch (xem hình 16-2), có hai hào dương ở giữa, hai bên mỗi bên hai hào âm, tổng cộng bốn hào âm, hai hào dương, tức “nhỏ vượt quá lớn”.



图16-2

Hình 16-2 : Lôi Sơn Tiểu Quá

Tượng của Tiểu Quá là một con chim nhỏ, hai hào dương ở giữa là thân chim, hai đôi hào âm ở bên là cánh, ý nghĩa là bay qua thì không để lại dấu vết, nên chúng ta sẽ không quá để ý đến nó. Khi bạn nhìn thấy một cỗ quan tài, bạn không thể không để ý, nhưng khi bạn nhìn thấy một con chim nhỏ, có lẽ bạn hoàn toàn không để ý. Con người sở dĩ liên tục phạm lỗi nhỏ, chính là vì không để ý. Chúng ta ngày nay thường cảm thấy nhiều việc khó mà suy nghĩ được, chính là vì không làm theo đạo lý của Kinh Dịch mà thôi.

Bây giờ chúng ta biết rằng, trong Kinh Dịch có quẻ gọi là Đại Quá, có quẻ gọi là Tiểu Quá. Khổng Tử từng nói "Bất nhị quá" (không phạm hai lỗi), nghĩa là bạn không nên phạm lỗi lớn, cũng không nên phạm lỗi nhỏ. Nhưng có người vừa nghe đến Đại Quá, liền cảm thấy tệ quá, thực ra không phải vậy. Đại Quá thực ra là một quẻ đáng mừng, nhìn thấy quẻ này chúng ta nên rất vui mừng mới đúng.

> Tượng, chính là chỉ tượng quẻ. Tượng quẻ vốn là hình tượng của sự vật trong tự nhiên, nên khi chúng ta xem quẻ, vừa cần trí tưởng tượng phong phú, vừa cần vận dụng tư duy Kinh Dịch, xem xét vấn đề từ hai mặt tích cực và tiêu cực. Vậy tượng quẻ Đại Quá đại diện cho những ý nghĩa khác nhau nào? Tại sao chúng ta nhìn thấy quẻ Đại Quá nên vui mừng?

Nhiều người đọc Kinh Dịch, chỉ giải thích theo bề mặt văn tự, nên khi thấy Đại Quá thì cho rằng đó là quẻ không tốt. Ở đây, chúng ta cần nhấn mạnh một điểm: trong Kinh Dịch vốn không có phân biệt quẻ tốt và quẻ xấu.

Khi chúng ta nhìn thấy quẻ Đại Quá, phải hiểu rằng, đây thực ra chính là lý của Kinh Dịch: nó hoặc là quan tài, hoặc là cây cầu. Cầu là thành công, quan tài là thành nhân. Cho nên "bất thành công tắc thành nhân" (không thành công thì thành nhân), mới gọi là Đại Quá.

Đại Quá chính là đổi mới, chính là cải cách, là việc mạo hiểm cao độ. Có làm hay không phải do bản thân quyết định. Lão Tử từng nói "Bất cảm vi thiên hạ tiên" (không dám làm người đi đầu thiên hạ), là để bảo chúng ta, một người nếu quyết tâm muốn làm người đi đầu thiên hạ, trong lòng phải chuẩn bị đầy đủ - không thành công thì thành nhân, thành công chưa chắc có phần của mình, thất bại thì phải chết. Từ xưa

đến nay tất cả những bậc vĩ nhân đều là người chuẩn bị thành nhân. Các bậc trung thần thời cổ đại, rõ ràng biết nói câu này vua sẽ giận, nhưng vì trách nhiệm phải nói. Đã quyết định nói thì phải chuẩn bị sẵn sàng để chết, thực sự đến lúc vua muốn giết họ, họ tuyệt đối không cầu xin tha mạng, vì họ chết một cách thanh thản, kết quả này là điều họ đã nghĩ tới và sẵn sàng chấp nhận.

Chúng ta người thường, không có khả năng cũng không có cơ hội phạm Đại Quá, nhiều lắm chỉ phạm một số Tiểu Quá. Cho nên đa số người trên đời đều là phạm Tiểu Quá liên tiếp, không phạm Đại Quá. Còn các bậc vĩ nhân qua các thời đại, dù nhìn từ góc độ nào, họ đều là người phạm Đại Quá, đều có xung đột dữ dội với thời đại của họ. Hiện nay chúng ta nên hiểu: người phạm Đại Quá, trong lòng phải có một quan niệm và quyết tâm, đó là "không thành công thì thành nhân". Quẻ Đại Quá nói với chúng ta, một mặt, bạn có thể thành công xây dựng một cây cầu thông tới tương lai, mưu phúc lợi cho nhân dân; mặt khác, nếu không thành công, thì phải chuẩn bị vào quan tài. Cho nên, quẻ Đại Quá có hai tượng, một là nói, người không phạm Đại Quá tương đối an toàn; hai là nói, nếu muốn phạm Đại Quá, thì phải có khí phách, phải có đảm lược, có trách nhiệm, chuẩn bị hoặc là thành công, hoặc là thành nhân, thực sự đến lúc thất bại, phải chết mà không hối tiếc, bởi vì mọi con đường đều do mình lựa chọn.

Trong Kinh Dịch có một quẻ Di (頤), bốn hào ở giữa đều là âm, chỉ có hai hào trên dưới là dương (xem hình 16-3).



图16-3

Hình 16-3: Địa Hỏa Minh Di

Quẻ này với quẻ Đại Quá mà chúng ta nói ở trên, vừa hay hoàn toàn ngược nhau, hào dương trong quẻ Đại Quá ở đây đều biến thành hào âm, còn hào âm đều biến thành hào dương. Hiện tượng này, trong Kinh Dịch gọi là thác quẻ, tức hai quẻ đối lập nhau. Lấy thêm một ví dụ, trong quẻ Kiền toàn bộ đều là hào dương, còn quẻ Khôn toàn bộ đều là hào âm, quẻ Kiền và quẻ Khôn chính là thác quẻ.

Quẻ Đại Quá hai hào trên dưới là hào âm, ở giữa đều là hào dương, khi đối lập biến thành quẻ Di thì hai hào trên dưới là dương, ở giữa đều là âm. Trong quẻ Di, hào dương ở trên đại diện cho môi trên của người, hào dương ở dưới đại diện cho môi dưới, bốn hào âm ở giữa đại diện cho hai hàm răng. Quẻ này nói về việc ăn uống thoải mái, nên quẻ Di này biểu thị việc dưỡng sinh.

Quẻ Di được cấu thành bởi Sơn và Lôi, ba hào trên là Sơn, ba hào dưới là Lôi. Tương đối mà nói, Sơn bất động, còn Lôi thì động, giống như khi chúng ta ăn, răng trên không động, đều là răng dưới chuyển động, trên là âm, dưới là dương. Có người không tin, cứ muốn răng dưới không động, răng trên động, thử xem thì phát hiện như vậy hoàn toàn không được, bởi vì đây là tượng tự nhiên, ai cũng không thể thay đổi được. Vạn sự vạn vật đều phải một âm một dương, hai cái đều động hoặc hai cái đều không động đều không thông, chỉ có một tĩnh một động, một âm một dương mới là đạo lý của Kinh Dịch.

Chúng ta biết rằng, núi không phát ra âm thanh, nhưng sấm sẽ phát ra âm thanh. Vậy khi chúng ta ăn cơm có nên phát ra âm thanh không? Nếu một người ăn cơm hoàn toàn không phát ra âm thanh, điều đó cho thấy sấm không thể phát ra tiếng, bị núi đè chặt. Từ đó có thể suy đoán, người này có thể rất câu nệ, hoặc tâm trạng rất trầm uất, rất kinh hoảng, mới không phát ra một chút âm thanh nào. Đã là sấm, ít nhiều phải phát ra chút âm thanh, như vậy mới thể hiện tâm hồn chúng ta rất thản nhiên. Tất nhiên, ăn cơm phát ra âm thanh quá lớn cũng không tốt, sẽ khiến người ta cảm thấy người này phóng túng, hoặc thiếu giáo dưỡng.

Đạo lý của quẻ Di là nói, thà tự mình đi tìm thức ăn để ăn còn hơn là ngồi đó nhìn người khác ăn uống. Chúng ta đừng suốt ngày nhìn người khác ăn cơm, hoàn toàn có thể tự mình đi tìm chút gì đó để ăn.

Đã là tượng quẻ Di là hai hàm răng cứng cắn đồ vật, vậy nếu ở giữa xuất hiện một cái xương cá thì sao? Chúng ta sẽ phát hiện, tượng quẻ lập tức thay đổi, biến thành quẻ Phệ Hạp (噬嗑) (xem hình 16-4). Ý nghĩa của quẻ Phệ Hạp là: hoặc là bạn cắn đứt cái xương cá ở giữa, hoặc là nó làm gãy răng của bạn. Một câu nói, tất cả đạo lý đều ở trong đó.



图16-4

Hình 16-4 : Hỏa Lôi Phệ Hạp

> Bây giờ chúng ta biết rằng, tượng chính là tượng quẻ, nhưng cùng một tượng có thể có những cách giải thích hoàn toàn khác nhau. Cũng là một quẻ Đại Quá, có thể là cỗ quan tài, là con đường chết, cũng có thể là cây cầu, là con đường dẫn tới thành công. Vì vậy chúng ta mới có câu "bất thành công tắc thành nhân". Do đó có thể thấy, rất nhiều thành ngữ và quan niệm của người Trung Quốc đều xuất phát từ Kinh Dịch. Vậy "số" trong Kinh Dịch lại ảnh hưởng đến người Trung Quốc như thế nào?

Sáu mươi tư quẻ trong Kinh Dịch, mỗi quẻ đều có tên quẻ (quẻ danh), những tên quẻ khác nhau đại diện cho những ý nghĩa khác nhau. Điều này là để sau khi chúng ta nhìn thấy Tượng thì đừng tưởng tượng lung tung, mà phải dựa vào tên quẻ để tưởng tượng hợp lý. Mỗi hào trong quẻ đều là sự biến đổi của số, mà sự biến đổi của số, chỉ là "nhất nhi nhị, nhị nhi nhất" mà thôi. "Nhất nhi nhị, nhị nhi nhất", chính là nhất phân vi nhị, nhị hợp vi nhất (một chia thành hai, hai hợp thành một).

Đối chiếu một chút, chúng ta sẽ phát hiện, so với số được nói trong Kinh Dịch, môn toán học cao thâm nhất hiện nay cũng chỉ như vậy. Chúng ta hãy xem hai ví dụ để so sánh. Thứ nhất, chúng ta liệt kê một bên là Thái Cực, Lưỡng Nghi, Tứ Tượng, Bát Quái, Thập Lục Quái, Tam Thập Nhị Quái, Lục Thập Tứ Quái, ở bên kia liệt kê Thủ Số, Phương Căn, Bình Phương, Lập Phương, Tứ Thứ Phương, Ngũ Thứ Phương, Lục Thứ Phương (xem hình 16-5), sẽ phát hiện chúng tương ứng từng cặp với nhau.



图16-5

Thứ hai, trong toán học chúng ta đã học về 2^n, chúng ta đối chiếu n bằng 0, n bằng 1, n bằng 2, n bằng 3, với Thái Cực sinh Lưỡng Nghi, Lưỡng Nghi sinh Tứ Tượng, Tứ Tượng sinh Bát Quái, sẽ phát hiện, hai cái vẫn hoàn toàn giống nhau (xem hình 16-6).

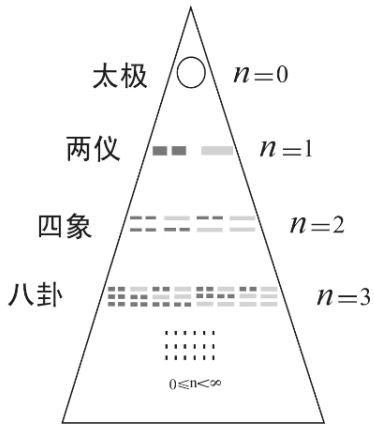


图16-6

Chúng ta phải nhớ một câu, tất cả mọi thứ trên thế giới đều là sự biến đổi của số. Ví dụ như tuổi tác con người, chúng ta đều già đi từng ngày, lại ví dụ như cơ thể con người, cũng thay đổi từng ngày. Một câu nói, tất cả mọi thứ đều hoặc tiến hoặc lùi, hoặc là ngày càng tốt hơn hoặc là ngày càng tệ đi, không có chuyện đứng yên không động, duy trì hiện trạng. Tình bạn cũng vậy, không phải ngày càng thân thiết, thì là ngày càng xa cách. Dù là họ hàng, anh em, lâu không liên lạc, không gặp mặt, gặp mặt cũng không có chuyện để nói. Kinh Dịch nói bạn bè phải thường xuyên qua lại, nếu không thì không thể gọi là bạn bè nữa. Chỉ là chúng ta phải chú ý, bạn bè qua lại, không thể chỉ tính toán lợi hại, hoặc suốt ngày tụ tập đùa giỡn, nói những chuyện vô bổ, đều là lãng phí thời gian. Nhưng hiện nay nhiều người suốt ngày tụ tập cười đùa, không biết mình đang lãng phí sinh mệnh. Nếu chúng ta thực sự hiểu đạo lý, thì khi bạn bè tụ tập, nên chia sẻ với nhau một chút trí tuệ, như vậy mới tốt.

Con người có thể làm chú hề, nhưng không thể đùa giỡn. Người hiện nay rất thích đùa giỡn, thực ra đây là khủng hoảng lớn của nhân loại. Nếu bạn dẫn trẻ nhỏ đi xem chú hề, hỏi nó có muốn học làm chú hề không, chắc chắn nó sẽ nói không, tự nó biết không nên học làm chú hề. Nhưng khi thấy người ta đùa giỡn, trẻ nhỏ sẽ không phân biệt được việc làm này là đứng đắn hay không đứng đắn. Trẻ nhỏ chỉ thấy vui, nên lập tức bắt chước theo, thế là hỏng mất. Về điểm này, những người làm nghệ thuật hiện nay phải chịu trách nhiệm rất lớn, nhưng họ không biết họ đã làm hỏng rất nhiều người. Những ví dụ như vậy rất nhiều, có những nghệ sĩ làm tóc nhiều màu, lộn xộn, giống như bị điện giật vậy, kết quả là một số trẻ nhỏ bắt chước theo, cuối cùng ngay cả cha mẹ cũng không quản được.

Làm cha mẹ, càng phải làm tấm gương tốt cho con cái. Nếu ba suốt ngày chỉ mặc hàng hiệu, trẻ nhỏ chắc chắn từ nhỏ đã đuổi theo hàng hiệu. Quần áo vốn dùng để giữ ấm, chỉ cần gọn gàng thoải mái là được, không liên quan gì đến hàng hiệu. Đuổi theo hàng hiệu là con người tự chuốc lấy phiền phức, là vì họ không hiểu Dịch lý. Bất cứ việc gì, khi "số" thay đổi, phía sau đã xảy ra thay đổi rất lớn rồi. Đây gọi là sai một ly đi một dặm.

“Số” mà chúng ta nói, thực ra rất đơn giản, dùng "một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín, mười" mười con số này, đại khái đã có thể giải quyết được. Bàn tay chúng ta tổng cộng có mười ngón, một bàn tay có năm ngón, năm này gọi là số sinh. Số sinh làm nền tảng, khi năm số không thể giải quyết được mới lấy số sáu để ghép vào, nên từ số sáu trở lên đều gọi là số thành, có nghĩa là ghép thành một số. Một việc, dùng năm có thể giải quyết được thì dùng năm là tốt rồi.

Chúng ta gọi một đội quân là "đội ngũ", chính là nói đội quân này, dùng năm ngón của một bàn tay là có thể nắm được. Nếu một bàn tay không nắm được, làm sao gọi là “đội ngũ” được? Nếu gọi là "đội lục" thì có nghĩa là có một người bỏ trốn rồi, gọi "đội thất" còn tệ hơn, có nghĩa là hai người đã chạy mất. Vì vậy, nhiều từ ngữ của Trung Quốc, nếu chúng ta hiểu được ý nghĩa thực sự của nó, tự nhiên sẽ biết nên làm thế nào.

Chúng ta dùng “cửu” (chín) và “lục” (sáu), cũng là đạo lý này. Trong Kinh Dịch, 9 có liên quan mật thiết với dương, 9 đại diện cho thái dương, còn 6 có liên quan mật thiết với âm, 6 đại diện cho thái âm. Một người nói không giữ lời, chúng ta nói “họ lại biến quẻ rồi”. Sáu mươi tư quẻ trong Kinh Dịch mỗi quẻ đều có thể biến, nên gọi là “biến quẻ”. Một quẻ thành rồi, chỉ cần một trong những hào đó biến đổi, cả quẻ sẽ biến, nên mới nói “một sợi tóc động đến thì toàn thân đều động”. Vì vậy, trên nền tảng của chín và sáu, chúng ta thêm vào bảy và tám. Bảy và tám là không biến, vì “dương cực thành âm (dương cực thành âm), âm cực thành dương”, bảy là thiếu dương, tám là thiếu âm, thiếu dương và thiếu âm là không biến, chỉ có thái dương và thái âm mới biến.

Nói đến đây, mọi người có thể sẽ có một thắc mắc: bảy so với chín nhỏ hơn, bảy là thiếu dương, chín là thái dương, điều này có thể hiểu được; nhưng tám rõ ràng lớn hơn sáu, tại sao tám lại là thiếu âm, sáu ngược lại là thái âm? Câu trả lời rất đơn giản, vì **dương là hướng ngoại bành trướng, là phình ra, nên chín lớn hơn bảy; còn âm là hướng nội co lại, nên sáu lớn hơn tám.** Có thể thấy, số lớn số nhỏ có mối quan hệ mật thiết với tính chất của nó. Chúng ta nói “bảy lên tám xuống”, chính là con số bảy này sẽ hướng lên biến thành chín, nên gọi là “bảy lên”, còn con số tám này sẽ hướng xuống biến thành sáu, nên gọi là “tám xuống”, hai cái biến động hợp lại, gọi là “bảy lên tám xuống”.

Chúng ta còn có thể từ góc độ toán học để xem xét đạo lý của "bảy lên tám xuống". Trong Kinh Dịch, số lẻ là dương, vì dương là bành trướng nên dương là số lẻ; số chẵn là âm, vì âm là co lại nên âm là số chẵn. Bảy là số lẻ thuộc dương, tám là số chẵn thuộc âm, nên bảy ở trên, tám ở dưới (xem hình 16-7).

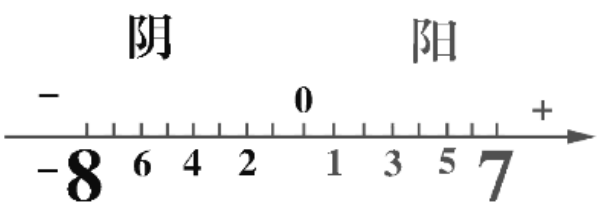


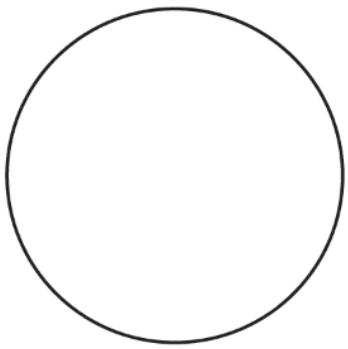
图16-7

> "Bảy lên tám xuống" (ndlr: "thất thượng bát hạ", một thành ngữ, có nghĩa là "lên lên xuống xuống, lộn xộn, không ổn định") là từ đó mà ra. Có thể thấy Kinh Dịch trong cuộc sống của chúng ta thực sự có mặt ở khắp nơi. Vậy cái lý trong tượng, số, lý của Kinh Dịch, lại nên hiểu như thế nào?

Sau sự biến hóa của tượng, số có một cái lý, lý là thứ không thay đổi trong thời gian dài. Từ bây giờ, chúng ta phải có một quan niệm như thế này, đó là khi bạn nghe thấy "không thay đổi" thì biết rằng nó sẽ thay đổi, khi bạn nghe thấy "thay đổi" thì biết rằng đằng sau nó nhất định có thứ không thay đổi. Âm dương đồng thời tồn tại, vĩnh viễn không tách rời nhau, nên biến và bất biến cũng vĩnh viễn không tách rời nhau, đây là tinh thần quan trọng nhất của Kinh Dịch. Chúng ta nói bây giờ là trời âm u, thực ra mặt trời vẫn ở đó, chỉ là bị mây che khuất nên ta không thấy thôi, đợi đến khi mây đen tan đi, mặt trời lập tức lộ ra. Vừa mới mưa to, đột nhiên mặt trời lại ló ra, không phải mặt trời chạy nhanh đến thế, mà là nó vốn ở đó, hoàn toàn không rời đi.

Thực tế, những gì mắt người nhìn thấy hầu như đều là giả, nhưng con người lại tin tưởng nhất vào mắt mình, đây là điểm rất ngu muội của loài người. Phải biết rằng, ngũ quan của chúng ta có thể đánh lừa chúng ta. Trong vũ trụ có rất nhiều tia sáng như vậy, mắt chúng ta chỉ nhìn thấy được một chút như thế, những cái khác đều không thấy được. Một người đứng ở đây, phạm vi họ có thể nhìn thấy rất hạn chế, chỉ có một chút phía trước, phía sau lưng hoàn toàn không thấy được. Cho nên nói, con người là hữu hạn, chúng ta đừng tưởng tượng mình là vô hạn, đó là hiện tượng rất đáng sợ. Người thực sự có năng lực, đều nói mình không đủ sức đảm nhận công việc này. Vì vậy, khi chúng ta nghe thấy ai đó tin tưởng mạnh mẽ nói "công việc này giao cho tôi làm, anh cứ yên tâm", thì nên biết cuối cùng họ nhất định sẽ xảy ra sai sót.

Lão Tử nói, chính phản là đồng thời tồn tại, chính chính là phản, phản chính là chính. Hãy xem hai mô hình. Một cái gọi là Vô Cực (xem hình 16-8), Vô Cực thực ra không phải là không có gì cả, mà là cái gì cũng có, chỉ là chúng ta không nhìn ra được mà thôi. Một cái khác gọi là Thái Cực (xem hình 16-9), Thái Cực là bên trong đang động, nhưng chúng ta từ bên ngoài không thấy được nó đang động.



无极

图16-8



太极

图16-9

Bất kỳ thứ gì, bên trong nó nhất định có hai lực lượng đang vận động. Giống như khi trong lòng chúng ta có một ý niệm đang động, chắc chắn là cả hai mặt chính phản đều có. Ví dụ, bạn nhìn thấy tiền rơi trên đất, lập tức muốn nhặt về, sau đó lại nghĩ thôi, vẫn không nhặt thì hơn. Ý niệm vừa động, hai hướng chính phản đều có, đây gọi là thiên nhân giao chiến. Chính phản lại biến thành tứ tượng, càng phức tạp hơn.

Chúng ta vẫn dùng ví dụ trên, khi bạn nhìn thấy tiền trên đất, sẽ nghĩ, tôi nhặt tiền về để dùng hay nộp cho cảnh sát? Hay là để người khác nhặt đi, để người khác chịu trách nhiệm này, nộp hay không nộp cho cảnh sát là việc của họ. Bạn xem, trong khoảnh khắc ngắn ngủi, đã có bốn ý niệm rồi, về sau càng nghĩ càng nhiều, nghĩ đến sáu mươi tư quẻ thì không thể nghĩ tiếp được nữa. Bởi vì sáu mươi tư quẻ là số đầy đủ rồi.

Lại xem bánh xe, khi xe chạy về phía trước, bánh xe cũng phải quay về phía trước, nhưng chúng ta thực tế nhìn thấy lại giống như bánh xe đang quay về phía sau, nên tiến là lùi, vạn vật trong vũ trụ đều là đạo lý này. **Một ngày nào đó, khi bạn nghĩ ra sinh chính là tử, tử chính là sinh, thì bạn đã đại triệt đại ngộ rồi. Sự tu luyện cả đời của con người, chính là phải hiểu rõ, sinh chính là tử, tử chính là sinh.** Nếu ngay cả điều này cũng không thấu tỏ được, thì sẽ phiền não nhiều lắm.

Âm chính là dương, dương chính là âm; tốt chính là xấu, xấu chính là tốt. Tốt và xấu, âm và dương luôn thay đổi. Có người thường than thở, lại qua một ngày, sinh mệnh lại ít đi một ngày. Lại có người thường khó xử: nếu nói thời gian trôi nhanh mới tốt, thì đó là chết nhanh; nếu nói thời gian trôi chậm mới tốt, thì lại rất đau khổ. Chúng ta khuyên mọi người: nghĩ những thứ đó làm gì? Mọi việc bình thường, sống cuộc sống bình thường mới là tốt nhất.

> Nếu nói tượng và số trong Kinh Dịch là hiện tượng biến dịch, thì cái lý trong Kinh Dịch chính là quy luật bất biến. Chúng ta học Kinh Dịch, chính là phải thông qua những hiện tượng biến dịch để nắm bắt quy luật bất biến đó. Vậy quy luật bất biến này là gì? Học Kinh Dịch có thể giúp chúng ta trở nên khôn ngoan hơn không?

Đạo lý của Kinh Dịch là để giải thích vũ trụ nhân sinh. Điểm này khác với phương Tây. Người phương Tây giao vũ trụ cho khoa học, còn nhân sinh họ không quản. Còn người Trung Quốc thì hợp vũ trụ và nhân sinh làm một, không bao giờ tách rời. Người Trung Quốc cho rằng, con người là một phần của vũ trụ, phải tôn trọng quy luật vũ trụ, nên quan niệm của chúng ta là "thiên nhân hợp nhất" (trời người hợp nhất). Vũ trụ và nhân sinh, đều là quá trình từ sinh tồn đến phát triển rồi đến biến hóa, "sinh lão bệnh tử" (sinh, già, bệnh, chết) là con đường tất yếu phải trải qua, không ai ngoại lệ, đây là một đạo lý bất biến. Chúng ta hiện nay quá nhấn mạnh sự biến đổi, nên mọi người rất vất vả. Thực ra đằng sau sự biến đổi có một thứ không đổi, gọi là "vạn biến bất ly kỳ tông" (biến hóa muôn hình không rời cội nguồn), cái "tông" này rất quan trọng. Khổng Tử dùng bốn chữ để khái quát quá trình biến đổi của nhân sinh, đó là "nguyên, hanh, lợi, trinh". Sự biến đổi của nhân sinh, sự thay đổi của bốn mùa, thậm chí sự biến hóa của cả vũ trụ, đều không tách rời bốn chữ nguyên, hanh, lợi, trinh này.

Có một số đạo lý chúng ta rất quen thuộc, nhưng không biết chúng xuất phát từ Kinh Dịch, ở đây chúng ta sẽ giải thích đơn giản:

Thứ nhất, "tuần hoàn vãng phục". Một tuần bảy ngày, từ thứ hai đến chủ nhật, rồi lại từ thứ hai đến chủ nhật, vĩnh viễn tuần hoàn như vậy, chưa từng có một lần thay đổi. Có người nói, tất cả đều đang thay đổi, vậy tại sao từ thứ hai đến chủ nhật lại không thay đổi? Đó không phải là không thay đổi, mà là trong biến có bất biến, trong bất biến có biến, đây chính là "tuần hoàn vãng phục".

Thứ hai, "vật cực tất phản" (vật đến cực điểm tất quay ngược lại). Khi một người ngày nào cũng cảm thấy mình khỏe mạnh, thì phải đề phòng bệnh nặng đến. Thực tế, người thường xuyên ốm đau thường không dễ chết vì bệnh, ngược lại những người rất khỏe mạnh mới là người không chịu nổi bệnh tật, một khi bệnh là ngã xuống. Vậy liên tục không bệnh là chuyện tốt hay xấu? Thực ra bị bệnh chính là các cơ quan và chức năng trong cơ thể đang diễn tập, thường xuyên diễn tập là có lợi. Nếu một đội quân chưa từng diễn tập, khi địch đến, chắc chắn sẽ sụp đổ. Vì vậy Kinh Dịch nhắc nhở chúng ta phải cảnh giác với quy luật "vật cực tất phản", tránh để sự việc phát triển theo hướng không tốt.

Thứ ba, "động thái quân bình". Vạn vật trong vũ trụ đều là biến hóa âm dương. Âm dương phải luôn cân bằng, điều hòa, đây gọi là động thái quân bình. Mọi thứ trong vũ trụ đều là "động thái quân bình". Khi mặt đất này nổi lên, chúng ta biết rằng ở một nơi nào đó trên trái đất, mặt đất đã sụt xuống. Khi chúng ta thấy một người tốt xuất hiện, thì biết chắc cũng có một người xấu xuất hiện. Trên thế giới không có nhiều người tốt như vậy, cần gì nhiều người xấu đến thế? Không có nhiều người xấu như vậy, thì làm sao biết được trên thế giới có nhiều người tốt đến thế? Đây chính là tư duy của Kinh Dịch. Vậy con người phải làm sao? Rất đơn giản, nên tốt thì tốt, nên xấu thì xấu, không có ai đúng, ai sai. Bởi vì người tốt là để trị người xấu, người xấu là để bị người tốt trị. Nếu không có một người xấu nào, người tốt sẽ không có tác dụng, chẳng khác gì

con số không. Nếu tự cho mình là người tốt, thì phải đi trị người xấu, mà không phải suốt ngày chỉ biết than phiền.

Thứ tư, "siêu việt cát hung". Chúng ta là "vượt qua cát hung". Người luôn có quan niệm "cát hung", thực ra cũng là không tiến bộ. Có hai quẻ như thế này, một quẻ là trời ở trên, đất ở dưới, gọi là quẻ Thiên Địa Bĩ (xem hình 16-10), quẻ kia là đất ở trên, trời ở dưới, gọi là quẻ Địa Thiên Thái (xem hình 16-11).

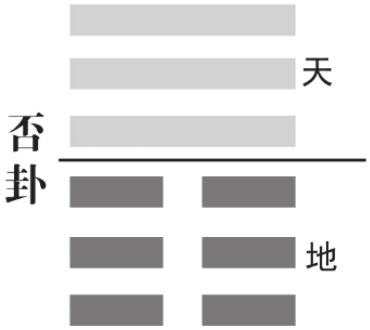


图16-10

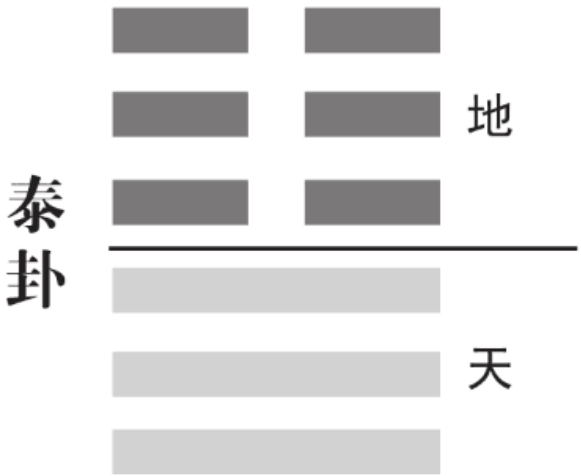


图16-11

Có người cảm thấy kỳ lạ: trời vốn ở trên, đất vốn ở dưới, tại sao quẻ phản ánh vị trí bình thường của trời đất lại là quẻ Bĩ? Đó là vì, trời là dương, là đi lên, còn đất là âm, là chìm xuống. Nếu trời ở trên, mà đất ở dưới, trời đất trên dưới không giao nhau, hơi nước từ đất không lên được, mưa từ trời cũng không xuống được, người ở giữa sẽ không sống nổi. Tất nhiên, điều này không có nghĩa là phải đưa trời xuống dưới, đưa đất lên trên, điều đó là không thể. Thực ra chúng ta nói đến một luồng khí, là luồng khí mà vạn vật trong vũ trụ đều có. Khí có âm thì có dương, có dương thì nhất định có âm. Khí của trời đi xuống, khí của đất đi lên, đất và trời giao hòa, âm dương giao thái, mưa ngọt rơi xuống, vạn vật mới có thể sinh sôi. Con người sống là nhờ một hơi thở, giữa trời đất chính là khí đang tác dụng.

Chúng ta nhìn quẻ Bĩ và quẻ Thái đều có ba dương ba âm, đều rất điều hòa, nhưng, tuy cùng là trạng thái điều hòa, nhưng vị trí âm dương khác nhau, hai quẻ hoàn toàn khác nhau. Điều này nói với chúng ta, phải luôn chú ý đến sự thay đổi vị trí của mình, để kịp thời điều chỉnh quan niệm của mình. Người đến vị trí nào, thì phải nghĩ đến việc của vị trí đó.

Các quẻ trong Kinh Dịch không phân biệt tốt xấu. Nếu nhất định phải nói đến quẻ tốt, chỉ có một quẻ, đó là quẻ Khiêm - quẻ của sự khiêm tốn. Có một lần, tôi ở sân bay nghe một người gọi điện thoại, người này nói với bạn anh ta: "Sau này anh không thể khiêm tốn nữa, khiêm tốn quá mức thì là giả tạo." Tôi thấy người này thực sự quá kém, bởi vì trên thế giới này cái gì cũng có thể quá mức, **duy chỉ có khiêm tốn là vĩnh viễn không thể quá mức.** Người hiểu quẻ Khiêm sẽ biết rằng, nếu một người không có thành tựu gì, thì họ hoàn toàn không có tư cách nói đến khiêm tốn. **Một người chỉ khi có năng lực, có cống hiến rồi, mới có thể nói đến khiêm tốn.** Hiện nay nhiều người nói chuyện rất trẻ con, thường nói "Tôi là người gì cũng không biết, chỉ biết khiêm tốn", thực ra đó không phải là khiêm tốn, mà là “vô năng”. Chúng ta sớm hiểu rõ đạo lý của Kinh Dịch, sẽ không còn phạm những sai lầm như vậy nữa.

Về “cát hung”, chúng ta có một quan niệm ăn sâu bén rễ, gọi là “thú cát tị hung” (theo đuổi điều tốt, tránh điều xấu). Vậy, câu hỏi tiếp theo chúng ta sẽ bàn là: Kinh Dịch có thực sự có thể “thú cát tị hung” không?

Chương 17: Vượt qua Cát Hung

> Sự kỳ diệu của Kinh Dịch nằm ở chỗ vận dụng quy luật của tự nhiên để thông suốt và nắm bắt quy luật của xã hội loài người. Trong tự nhiên trăng tròn rồi khuyết, thủy triều lên rồi xuống, còn trong xã hội loài người cũng tồn tại quy luật vật cực tất phản (vật đến cực điểm tất quay ngược lại) như vậy. Đời người chính là sự tuần hoàn của "cát-hung-hối-lận", đây gọi là quy luật tất nhiên vô phương. Vậy chúng ta nên làm thế nào để có thể thoát khỏi quy luật tất nhiên của "cát-hung-hối-lận", để đứng ở vị trí bất bại? Giáo sư Tăng Sĩ Cường cho chúng ta biết, trong 64 quẻ thì quẻ Khiêm là quẻ giúp chúng ta đứng ở vị trí bất bại.
>
> Người ta thường nói "phúc họa tương y" (phúc họa nương tựa nhau), rất nhiều người ham thích bói toán, chính là hy vọng có thể dự đoán tương lai, thú cát tị hung (hướng về điều tốt, tránh xa điều xấu). Vậy học Kinh Dịch có thể giúp người ta thú cát tị hung không? Giáo sư Tăng Sĩ Cường nói: Con người có lý tưởng thì cũng không còn gì là cát hung nữa. Vậy, chúng ta lại nên hiểu thế nào về "cát, hung" được nói trong hào từ của quẻ?

Kinh Dịch có thực sự có thể "thú cát tị hung" không? Trước tiên chúng ta phải biết, thế nào gọi là cát, hung. Cát, hung không giống với lợi, hại, chúng ta quen nói cát lợi, tưởng rằng cát là lợi, hung là hại, thực ra không phải vậy. Cát hung trong Kinh Dịch có nghĩa là, nếu bạn làm theo đạo lý của Kinh Dịch, thì đó là cát, vì bạn nhất định sẽ có được điều gì đó; nếu bạn không làm theo đạo lý của Kinh Dịch, thì đó là hung, vì dù bạn có được điều gì, cũng nhất định không giữ được.

Thế nào là "có được"? Ngay cả khi làm ăn lỗ vốn cũng có được, bởi vì lỗ vốn nhưng học được kinh nghiệm, tiến bộ lên, đối với sự trưởng thành của bản thân mà nói đó là có được; bị người khác lừa cũng có được, vì phẩm tính của mình tốt hơn - vốn dĩ anh ta lừa tôi, tôi cũng sẽ lừa lại anh ta, bây giờ anh ta lừa tôi, tôi cũng không lừa lại anh ta nữa, đây không phải là "có được" sao? Tất nhiên, những hành vi này đều phải tuân theo đạo lý của Dịch mới được.

Nếu không làm theo đạo lý của Kinh Dịch, tuy có thể đạt được nhiều lợi ích, nhưng kết cục nhất định là "hung", bởi vì những tài sản và thu hoạch như vậy hoàn toàn không giữ được. Từ góc độ này chúng ta mới có thể hiểu, thế nào là "tài bất nghĩa", thế nào là "tài hợp nghĩa", thế nào là thu hoạch chính đáng, thế nào là thu hoạch không chính đáng, nếu không thì rất khó chấp nhận quan niệm này.

Hiện nay vì quan niệm lẫn lộn, chúng ta luôn cho rằng cát hung chính là lợi hại. Nếu thực sự như vậy, chúng ta trực tiếp thú lợi tị hại là được rồi, tại sao còn phải nói đến cát hung? Lợi hại thực ra là hiện tượng ngắn ngủi, đắc thất mới là hiệu quả tương đối lâu dài.

Có hai câu nói, tôi tin rằng mọi người đều đã từng nghe: "ân sinh ư hại, hại sinh ư ân" (Ân huệ sinh ra từ tổn hại, tổn hại sinh ra từ ân huệ). Lãnh đạo đối tốt với bạn, bạn sẽ không tiến bộ, phóng túng bản thân, hình thành nhiều thói quen xấu. Ngược lại, lãnh đạo luôn đốc thúc bạn, đối xử rất nghiêm khắc với bạn, bạn sẽ học được bản lĩnh. Lợi là nguồn gốc của hại, hại mới là nền tảng của lợi. Nếu một người có thể theo tư duy của Kinh Dịch, kết hợp suy nghĩ về lợi và hại, sẽ dần dần có được quan niệm đúng đắn.

Khi một người thành công, điều đáng sợ nhất là sắp thất bại. Thành tích của bạn không tốt lắm, người khác sẽ không đuổi theo bạn, nhưng một khi thành tích của bạn tốt, tất cả mọi người đều đuổi theo bạn, bạn sẽ tự mang lại cho mình rất nhiều áp lực. Nếu lần này bạn xếp hạng nhất, bạn phải biết có rất nhiều người đang âm thầm nỗ lực, chăm chỉ học tập, chỉ với một mong muốn là vượt qua bạn. Do đó, chúng ta nhất định phải nhớ, làm bất cứ việc gì chỉ hỏi nên hay không nên, ít hỏi kết quả sẽ thế nào. Đời người nên là hưởng thụ quá trình, chứ không phải tính toán kết quả.

Làm một việc, trước tiên hãy hỏi trong lòng mình có lý tưởng không, có lý tưởng thì bạn sẽ không còn gì là cát hung nữa, không có lý tưởng thì bạn sẽ có cát hung. Nếu việc này là điều tôi nhất định phải làm trong đời, thì tôi không quan tâm thất bại hay thành công, đều phải làm, không cần xem xét kết quả là cát hay hung nữa. Con người một khi có quan niệm cát hung, tức là không còn ở đẳng cấp cao nhất nữa, đã xuống đến trung đẳng rồi. Nếu không dám nói cát hung là do mình quyết định, mà tin rằng cát hung là do định mệnh, thì càng xuống thấp hơn một bậc nữa.

Cho nên con người chia làm ba loại: một loại người cho rằng cát hung là do định mệnh, đây là kém nhất; một loại người cho rằng cát hung là do mình quyết định, điều này cũng không tệ; một loại người cho rằng hoàn toàn không có cát hung, làm bất cứ việc gì chỉ hỏi nên hay không nên, nếu nên làm, dù chết cũng rất vui vẻ.

Sử Khả Pháp, anh hùng dân tộc cuối đời Minh, đối mặt với quân Thanh tấn công mạnh mẽ, quyết tử thủ thành Dương Châu, lẽ nào ông không thể chạy trốn sao? Trong các cuộc chiến xưa kia, chạy trốn rất đơn giản, phi một con ngựa nhanh, chốc lát đã chạy mất tăm. Sử Khả Pháp có thể chạy nhưng không chạy, thà chọn cái chết, đó là chết đúng vị, chết đúng thời. Đây là do con người quyết định, không phải do định mệnh. Có thể mọi người lại sẽ nói, đã không thể xoay chuyển tình thế, tôi đi nhảy lầu cho xong, thế thì lại sai rồi. Trong triết học Trung Quốc, không cho phép bất kỳ ai tự sát. Tự sát chính là không chịu trách nhiệm với bản thân, không chịu trách nhiệm với gia đình, không chịu trách nhiệm với xã hội. “Thung dung tựu nghĩa” (thản nhiên chấp nhận cái chết vì nghĩa) và tự sát là hai chuyện khác nhau, bởi vì nghĩa rất quan trọng. Nghĩa là gì? Nghĩa là hợp lý. Cái chết hợp lý, tôi không sợ gì cả; cái chết không hợp lý, tôi thà để người ta cười mình tham sống sợ chết, cũng không có gì không đúng.

> Nhiều người ham thích bói toán, chính là hy vọng có thể dự đoán tương lai, thú cát tị hung. Nhưng giáo sư Tăng Sĩ Cường chỉ ra rằng, theo đạo lý của Kinh Dịch, cảnh giới cao nhất của đời người là không có cát hung. Nhưng trong lời quẻ chúng ta thường thấy chữ cát hoặc chữ hung, tại sao giáo sư Tăng lại nói Kinh Dịch là không có cát hung?

Tự nhiên không có cát hung. Một bông hoa nở rồi tàn, bản thân nó không có tốt, cũng không có xấu; một con thỏ chết đi, không có hung; một con côn trùng sinh ra, cũng không có cát. Những điều này đều không có cát hung, cát hung là cảm giác do con người sinh ra. Một con vật có tình cảm với bạn, nó chết đi, bạn sẽ

cảm thấy rất buồn. Một con vật không có chút tình cảm nào với bạn, chết thì chết, bạn sẽ không cảm thấy gì. Cho nên cùng một con chó, tại sao có người ghét nó, có người lại yêu nó? Bởi vì người khác nhau, tình cảm đối với chó khác nhau, không thể nhất khái mà luận.

Nếu bạn thấy một người ôm một con chó, thân thiết với nó hơn cả với mẹ mình, tốt với nó hơn cả với cha mình, bạn cũng đừng cười họ, cũng đừng giận họ, bởi vì họ cố tình làm thế để chọc tức cha mẹ, sớm muộn họ sẽ tự chuốc lấy hậu quả. Mỗi người chúng ta đều phải giữ tâm bình thường, mà tâm bình thường chính là theo đuổi những điều được mọi người công nhận, bình thường, hợp lý.

Trong việc nhỏ, chúng ta đừng nên độc lập đặc hành. Muốn độc lập đặc hành, nhất định phải là trong việc lớn. Trong việc nhỏ mà cứ muốn làm mới lạ khác người, chỉ khiến người ta khinh thường. Hiện nay có một số người trẻ một tai đeo ba bốn cái khuyên, nhìn thấy rất kỳ quặc. Phải biết rằng, trên tai người ta chỉ có dái tai là không có sụn, trời sinh ra đã cho phép bạn đeo khuyên ở đó, những chỗ khác đều có sụn, không thể làm tổn thương. Có người chê, đeo một cái khuyên ở dái tai không đủ, trên sụn còn muốn đeo thêm một cái, mũi lại thêm một cái, đó là tự hại mình. Sụn một khi bị thương, vi khuẩn xâm nhập vào, rất dễ viêm nhiễm. Đây là đạo lý rất đơn giản, không có gì khó hiểu.

> Chúng ta từng nói, đời người không nên có cát hung, đừng suốt ngày cầu đại cát đại lợi, chúng ta muốn "vô cữu" (không có lỗi). Vô cữu trong Kinh Dịch nghĩa là nói một người sẽ phạm sai lầm, nhưng sau khi phạm sai lầm biết sửa chữa bù đắp, thì sẽ "vô cữu". Trên thế giới này có ai không phạm sai lầm? Bạn nói bạn không phạm sai lầm, đó chắc chắn là lừa người.

Kinh Dịch liệt kê rất nhiều lỗi, cuối cùng đều diễn biến thành "vô cữu", là vì con người sau khi biết sai sẽ đi bù đắp, không chỉ đơn thuần là sửa đổi, rất nhiều người chỉ biết sửa và sửa, sửa có tác dụng gì? Khéo léo bù đắp mới có thể giảm thiểu tổn hại xuống mức thấp nhất, đây là trách nhiệm mà một người phải gánh vác.

Có khi vợ chồng cãi nhau, chồng học theo cách phương Tây nói: "Em yêu, anh yêu em nhất." Trong lòng vợ nghĩ, anh đã nói mấy trăm lần rồi. Hiệu quả thế nào, có thể tưởng tượng được. Chồng lại học theo cách phương Tây xin lỗi: "Em à, anh xin lỗi em." Trong lòng vợ nghĩ, xin lỗi như vậy là xong à? Không có biểu hiện gì khác sao? Cho nên cách xử sự kiểu phương Tây này đối với người Trung Quốc không có hiệu quả. Sau khi vợ chồng cãi nhau, cách tốt nhất là chồng rót một ly trà nóng cho vợ, không cần nói gì cả, vợ lấy đôi dép cho chồng, mười phút sau hai người lại vui vẻ nói chuyện rồi!

"Vô cữu", chính là không hối hận, cũng không tìm lý do. Trong Kinh Dịch thường xuất hiện hai chữ, một là "hối" (悔), hai là "lận" (吝). Hối là từ tâm, chính là một người sau khi làm sai việc trong lòng thực sự muốn sửa đổi, và sẽ dùng hành động thực tế để bù đắp. Lận là gì? Lận là tìm lý do nói: tôi không cố ý đâu, tôi thực sự là không còn cách nào khác. Chữ "lận" (吝) phía trên là chữ "văn" (文), phía dưới là chữ "khẩu" (口), nghĩa là miệng tìm rất nhiều lý do để che đậy lỗi lầm, trong lòng hoàn toàn không có ý định sửa đổi.

Con người trong lúc mọi việc suôn sẻ dễ chủ quan, nói năng sẽ bừa bãi, sau đó sẽ biến thành hung, đây là quy luật của đời người. Bởi vì khi bạn buông thả bản thân, sẽ vô tình đắc tội với nhiều người, những người bị bạn đắc tội này sẽ phản kích, thế là hung đến. Lúc này bạn sẽ làm thế nào? Bạn có hai cách: một là hối hận - tôi thật có lỗi với người ta, dù thế nào cũng không nên kích động người ta như vậy, sau đó dũng cảm đối mặt với thách thức này, đi hóa giải vấn đề trong đó; cách khác là tìm lý do - tôi chửi anh ta là không đúng, nhưng anh ta cũng đã chửi tôi! Hồi đó anh ta chửi tôi còn dữ hơn nhiều, bây giờ tôi chửi anh ta có gì không đúng? Nhưng lúc này những lời này của bạn đều không có tác dụng nữa.

Bi kịch của đời người chính là "cát-hung-hối-lận", đây gọi là quy luật tất nhiên vô phương, con người từ nhỏ đến lớn đều không thoát khỏi quy luật tất nhiên này, vì vậy tâm trạng con người sẽ thường xuyên lên xuống. Vậy, đối mặt với quy luật tất nhiên này của đời người, chúng ta phải làm sao?

> Sự kỳ diệu của Kinh Dịch nằm ở chỗ vận dụng quy luật trong tự nhiên để thông suốt nắm bắt quy luật của xã hội loài người. Trong tự nhiên, trăng tròn rồi khuyết, thủy triều lên rồi xuống, còn bi kịch của đời người, cũng nằm trong quy luật "cát-hung-hối-lận", vô phương mà lặp lại. Vậy, có cách nào có thể thoát khỏi sự lặp lại vô phương này không?

Câu trả lời quá đơn giản, hoàn toàn không khó. Chúng ta trước tiên phải biết: cát sinh lận, lận sinh hung, hung sinh hối, hối sinh cát (xem hình 17-1).

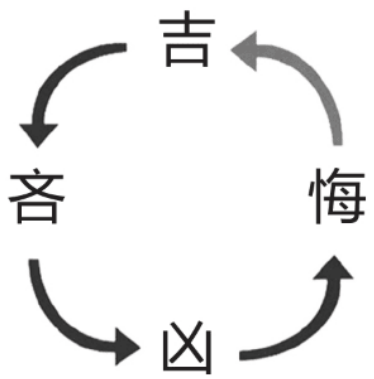


图17-1

Khi một người rất thuận lợi, họ bắt đầu keo kiệt, có thể giúp đỡ cũng không muốn giúp. Chúng ta quan sát kỹ những người xung quanh sẽ phát hiện, phàm là người nghèo, phần lớn đều sẵn lòng giúp đỡ người khác, rất hào phóng, còn người có tiền phần lớn không muốn giúp người khác, rất keo kiệt, đây là điều rất kỳ lạ. Có người giải thích rằng: dù sao người nghèo không có tiền, cho người khác hết cũng chẳng được bao nhiêu; người có tiền thì sẽ nghĩ, tôi có nhiều thế này, cho anh thì còn được gì? Cách giải thích này tôi cũng không phản đối, bởi vì thực tế là như vậy, người có tiền rất keo kiệt, người không có tiền ngược lại rất hào phóng. Nhưng tôi muốn nói là, nếu người có tiền có thể không keo kiệt, người nghèo có thể tiết kiệm hợp lý, thì cả thế giới sẽ thay đổi. Đây gọi là "phản chi đạo" (đạo của sự đi ngược lại). Nói rõ hơn một chút, hào

từ trong Kinh Dịch, khi bảo bạn làm như thế này, đồng thời cũng cho bạn biết nếu không làm như thế này, bạn còn có một con đường khác để đi. Kinh Dịch là có sự lựa chọn, khi nó nói làm thế này sẽ cát, thì đồng thời cho bạn biết, nếu bạn không làm như vậy, thì chắc chắn sẽ hung; khi nó nói làm thế này sẽ hung, bạn sẽ biết ngược lại mà làm thì sẽ cát. Vì vậy tất cả đều do bạn quyết định, không phải là do cái gọi là định mệnh.

Nhiều gia đình Trung Quốc sẽ treo tranh thủy mặc Tứ Quân Tử trong phòng khách (xem hình 17-2): xuân lan, hạ trúc, thu cúc, đông mai, nhưng tôi tin rằng nhiều người không hiểu rõ tại sao treo Tứ Quân Tử.

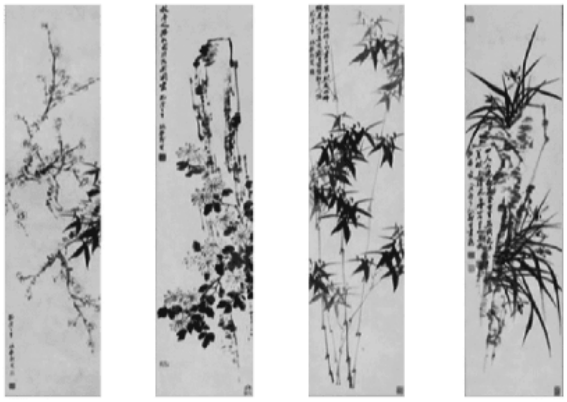


图17-2

Theo quy luật tự nhiên, "mai, lan, trúc, cúc" không thể cùng tồn tại, bởi vì chúng sinh trưởng trong bốn mùa khác nhau, mùa xuân hoa lan nở rộ, mùa hạ bóng trúc thâm u, mùa thu cúc đứng trong gió, mùa đông mai đẹp giữa tuyết lạnh. Nhưng chúng ta lại treo chúng cùng nhau, tại sao? Điều này là để nói với mọi người, phải học cách vượt qua thời gian và không gian, đem những sự vật không thể ở cùng nhau kết hợp lại với nhau, từ đó làm được việc, cùng chăm lo nhiều mặt.

Khi có tiền, phải nghĩ đến vạn nhất lúc nghèo sẽ làm thế nào; khi không có tiền, phải nghĩ đến vạn nhất lúc giàu sẽ đối phó ra sao. Nếu không có tiền thì cảm thấy mình đã nghèo đến tận cùng rồi, không có gì đáng sợ nữa, bèn bắt đầu ăn trộm đồ của người khác, sau này vạn nhất có tiền, người ta vạch trần những chuyện xấu hổ này ra, không phải rất khó coi sao?

Chúng ta phải nhớ, mọi việc đều phải chăm lo đầy đủ, nghĩ đến mình, càng phải nghĩ đến người khác, nghĩ đến việc lớn, cũng phải nghĩ đến việc nhỏ. Sự nghiệp quan trọng, gia đình cũng phải chăm lo, không thể vì một cái mà hy sinh cái kia, đến lúc muốn bù đắp đều không kịp nữa. Tư tưởng truyền thống Trung Quốc một mặt bảo chúng ta, thời gian như nước chảy, qua rồi thì đã qua, nên xuân, hạ, thu, đông không thể cùng xuất hiện; mặt khác cũng bảo chúng ta, nếu muốn để những sự vật ở bốn mùa khác nhau cùng xuất hiện,

thì khi ở mùa xuân, phải nghĩ đến mùa hạ sẽ qua thế nào, khi ở mùa thu, phải nghĩ đến khi mùa đông đến sẽ làm sao.

Trên toàn thế giới chỉ có người Trung Quốc chúng ta, khi một đứa trẻ mới sinh ra, cha mẹ đã bắt đầu thảo luận sau này có nên cho nó học Đại học Bắc Kinh không. Điểm này, người nước ngoài vĩnh viễn không thể đồng cảm được, họ cho rằng nghĩ sớm thế để làm gì? Nhưng chúng ta nghĩ là, muốn sau này vào được Đại học Bắc Kinh, từ bây giờ phải bắt đầu chuẩn bị. Thậm chí có người nói, sinh ra rồi mới nghĩ đã muộn rồi, lúc tôi thai giáo đã bắt đầu rồi, khi mang thai đã hát bài hát của Đại học Bắc Kinh cho nó nghe. Người Trung Quốc chúng ta suy nghĩ về sự việc là vô cùng dài hạn.

Có thể có người sẽ cảm thấy điều này rất mê tín, thực ra không phải vậy. Trước đây chúng ta luôn cho rằng cỏ cây vô tình, bây giờ chúng ta đã biết cỏ cây cũng biết nghe nhạc, cũng có cảm giác, chỉ là không nhạy bén như con người mà thôi. Mới mua một chiếc xe, nếu bạn đặc biệt yêu quý nó, tính năng của nó sẽ được duy trì tốt, tuổi thọ sẽ cao; giả sử bạn không coi nó ra gì, nó rất nhanh sẽ hỏng hóc phế thải. Trước đây chúng ta chỉ nói, người với người tâm linh tương thông, hiện nay khoa học đã chứng minh, người với vạn vật cũng đều có thể tương thông. Điều này từ một góc độ khác chứng minh tư tưởng "thiên nhân hợp nhất" (trời người hợp nhất) của người Trung Quốc chúng ta rất có đạo lý.

> Mặc dù cảnh giới cao nhất của đời người là vượt qua cát hung, nhưng đối với đa số người bình thường mà nói, vẫn hy vọng có thể thú cát tị hung, nên người Trung Quốc suy nghĩ về sự việc tương đối dài hạn. Tục ngữ nói, khi đi xa nhất định phải mang đầy lương khô ấm áo, chính là nói không thể chỉ nhìn trước mắt, mà phải phòng ngừa từ trước. Vậy học Kinh Dịch, có thể giúp chúng ta thú cát tị hung không?

Thế nào gọi là thú cát tị hung? Một câu nói đã nói rõ, chính là phải thoát khỏi quy luật tất nhiên cát-hung-hối-lận của đời người. Vậy, làm thế nào mới có thể thoát khỏi quy luật tất nhiên của đời người? Câu trả lời rất đơn giản, chỉ cần có thể hối hận trước, không hối hận sau, thì hoàn toàn có thể "thú cát tị hung".

Làm bất cứ việc gì trước đều phải nghĩ hậu quả của việc có thể thế nào, xuất hiện hậu quả này tôi có hối hận không? Nếu không nghĩ trước, việc gì cũng làm rồi tính sau, đến lúc đó hối hận thì đã muộn, bởi vì hung đã xuất hiện rồi. Làm sao để hung vĩnh viễn không xuất hiện? Người Trung Quốc có một câu nói cũ, gọi là "lập ư bất bại chi địa" (đứng ở vị trí bất bại). Một người có thể đứng ở vị trí bất bại, đương nhiên sẽ không có hung. Nhưng chúng ta sẽ phát hiện, như vậy cũng không có cát nữa, bởi vì đời người vốn là phải vượt qua cát hung.

Chúng ta gọi việc xem xét trước kết quả của sự việc là có ý thức ưu hoạn, điều này tuyệt đối không phải là tự chuốc phiền não. Tự chuốc phiền não là "vô sự sinh sự", còn có ý thức ưu hoạn là "vị vũ miêu mâu" (trước khi mưa đã lo che chắn), hai việc này hoàn toàn khác nhau.

Khi trẻ con lớn lên đến một độ tuổi nhất định thì phải giáo dục chúng về khái niệm nam nữ, cha mẹ phải kịp thời hướng dẫn. Ví dụ, con gái đầu của tôi sau khi tốt nghiệp đại học muốn đi du học Mỹ, tôi tiễn con ra sân bay, không nói nhiều, chỉ nói một câu: "Con không được lấy chồng ngoại quốc". Đó gọi là nói trọng điểm. Nói một đống có ích gì? Nói nhiều, con sẽ quên hết. Chỉ nói một câu then chốt, không cần nói thêm. Có hiệu quả không? Tất nhiên có hiệu quả. Mọi người có thể nghĩ tôi có quan điểm hẹp hòi không? Tôi không phản đối các chị em phụ nữ Trung Quốc lấy chồng ngoại quốc, tôi chỉ phản đối con gái tôi, những người khác muốn làm gì thì làm, miễn là không quên văn hóa Trung Hoa. Nhiều việc do chính mình kiểm soát, không phải do số mệnh. Số mệnh kiểm soát thế nào được? Rất nhiều cô gái đi du học nước ngoài, lấy chồng ngoại quốc, cho rằng do số mệnh hay môi trường tạo nên, tôi không tin những điều đó.

Cháu trai tôi vừa sinh ra ở Mỹ, tôi không nói gì khác, chỉ nói một câu: "Ở nhà không được nói tiếng Anh". Bởi vì sao? Bởi vì cháu là người Trung Quốc. Sinh ra là người Trung Quốc, chết là hồn ma Trung Quốc. Vừa sinh ra đã phải nói tiếng Trung, đừng có những thứ khác. Có hiệu quả không? Hoàn toàn có hiệu quả.

Ví dụ, khi cháu vào nhà trẻ, cô giáo cầm cái cốc nói "cup", cháu trai tôi liền nói "cái cốc". Cô giáo rất ngạc nhiên, bất kể thế nào giáo cũng dạy, cháu trai tôi vẫn khăng khăng nói "cái cốc". Cuối cùng cô giáo phải hỏi con trai tôi: "Là tôi dạy cháu tiếng Anh, hay cháu dạy tôi tiếng Trung?" Đây mới là người Trung Quốc chính hiệu, làm sao lại đi rồi quên gốc, quên tổ tông của mình chứ? Mạch máu của chúng ta nằm ở chữ viết, mỗi chữ đều có hình tượng, lý luận, mỗi chữ đều là một thái cực. Nó có sinh mệnh, nó tuyệt đối là sống động.

Muốn bớt hung hiểm, phải thường xuyên suy nghĩ, điều này là quy tắc của chúng ta. Cát và hối là liên quan với nhau, khi chúng ta thuận lợi, đừng vội mừng, phải nghĩ rằng mình thuận lợi như vậy, có thể vô tình xúc phạm nhiều người, sau đó phải cẩn thận gấp bội, như vậy có thể tránh được nhiều rắc rối.

Nếu bạn kiếm được tiền rồi về quê, xây ngay một căn nhà cao to, bạn sẽ làm mất lòng hàng xóm. Bởi vì bạn khiến hàng xóm mất mặt: Bạn có tiền phải không? Bạn có thể xây nhà cao tầng phải không? Bạn có phải đang chê cười chúng tôi không? Bạn có đang áp bức chúng tôi không? Nếu hàng xóm nghĩ như vậy, bạn sẽ phải chịu khổ sở về sau. Trước đây, người Trung Quốc kiếm được tiền về quê cũng xây nhà cao, nhưng có một quá trình, không phải là cứ muốn xây là xây, mà trước hết phải mời hàng xóm ăn cơm. Tư duy truyền thống của người Trung Quốc là, khi người khác mời ăn cơm, bạn sẽ bắt đầu suy nghĩ: Tại sao lại mời mình ăn cơm? Suy đi nghĩ lại, ai cũng hiểu, biết rằng đây là để chuẩn bị xây nhà lớn. Trong bữa nhậu, chủ nhà sẽ không nói một câu nào về việc xây nhà, mà chỉ hỏi hàng xóm: "Gần đây ông (bà) thế nào? Con cái khỏe không?" Tuyệt đối không nói chuyện của mình. Lúc này, chắc chắn sẽ có người nói: "Ông đã kiếm được tiền rồi, nên sửa lại nhà, mà gia đình ông đông người, nhà cấp một không đủ, ít nhất phải xây ba tầng." Chủ nhà chắc chắn sẽ nói: "Không được đâu, nhất định không được, chúng ta là hàng xóm lâu năm, phải cùng nhau chung sức khó khăn." Ngay lập tức sẽ có người nói: "Ông không thể như vậy, việc gì cũng phải có thứ tự, ông xây trước, chúng tôi sau sẽ học theo, có phải tốt sao? Ông làm gì có vẻ khách sáo như vậy?" Lúc này,

chủ nhà lại từ chối: "Không được đâu, tôi rất trân trọng ý tốt của mọi người, nhưng tôi làm người không thể như vậy." Ngay lập tức có người lại mời rượu: "Cả làng chúng tôi đều nhờ ông tạo nên vinh quang, nếu ông không xây nhà cao, cả làng chúng tôi sẽ mất mặt." "Được, vì cả làng nên tôi sẽ xây!" Lúc này chủ nhà không thể từ chối nữa. Thông qua cách giao tiếp như vậy, người phát tài sẽ xúc phạm đến ai chứ? Ngày nay, phần lớn chúng ta đều không hiểu cách này, và đã làm mất lòng tất cả mọi người. Phải nhớ rằng, bạn tôn trọng người khác, người khác tự nhiên sẽ tôn trọng bạn. Kinh Dịch cho chúng ta biết, chỉ cần cẩn thận, tuân theo quy trình, cả đời sẽ không bao giờ thất bại.

Có phương pháp cụ thể hơn không? Kinh Dịch giảng bốn chữ: "Thời, Vị, Trung, Ứng" (hình 17-3). Để thoát khỏi quy luật tất yếu của cuộc đời trong lời nói và hành động, chúng ta phải loại bỏ "hung, lận, hối", do đó bắt đầu từ bây giờ, chúng ta phải hình thành thói quen, trước khi nói phải suy nghĩ xem thời cơ có phù hợp không, lúc này nói câu này có thích hợp không.

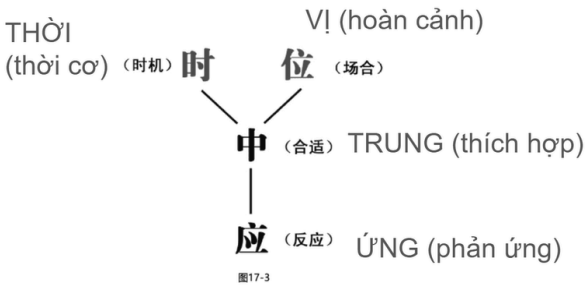


图17-3

Hiện nay, nhiều đài phát thanh không chú ý đến vấn đề này, trong khi mọi người đang ăn trưa, lại phát thanh về số lượng bò chết, dê chết, điều này rất vô nhân đạo. Chúng ta phải làm sao? Không xem là được. Nhưng hiện nay nhiều người vẫn cứ xem không sao, mở ti vi lên ngay khi ăn, rồi dạ dày hỏng, ruột cũng hỏng, ăn nửa buổi không biết mình ăn gì. Điều này cuối cùng là tự làm khó mình. Tôi đến nhà hàng, việc đầu tiên là bảo nhân viên tắt ti vi. Chúng ta phải tập trung ăn, không thể ngược đãi dạ dày của mình.

Thành thật mà nói, con người luôn đối xử tàn nhẫn với chính mình, không chịu để ý đến năm tạng sáu phủ. Chúng ta cho rằng chúng phải chấp nhận mọi thứ mình đưa vào, vì vậy chúng sẽ phản kháng, lúc thì đau dạ dày, lúc thì ruột co rút, đó là cách chúng báo cho bạn biết về sự tồn tại của chúng. Nếu bạn vẫn không chú ý, sẽ còn có những vấn đề khác xuất hiện, như đau đầu, rụng tóc. Đây là cơ thể đang cảnh báo chúng ta không nên cứ để ý đến chuyện bên ngoài mà hãy chăm sóc bản thân.

Mặc dù nhiều người nói phải yêu thương mình, nhưng thực tế con người lại rất tàn nhẫn với chính mình: không ngủ khi cần ngủ, ăn không no bảy phần lại nhất định phải ăn đến mười phần, rồi lại liên tục than phiền bụng căng - ai căng bụng? Chính mình đấy.

Mọi lời nói và hành động của con người đều phải tùy thuộc vào thân phận, thời gian, địa điểm và hoàn cảnh. Có một ví dụ rất hay: Khổng Tử chỉ cần tham dự tang lễ trong ngày, ông nhất định sẽ không hát. Nếu

hoàn cảnh không phù hợp, thân phận không đúng, thời cơ không thuận, dù là lời hay đến mấy cũng không nên nói, nếu cứ cố làm thì sẽ không kịp thời, từ đó để lại hậu quả to lớn.

> Một người nếu có thể luôn cẩn trọng, không nói một lời vô ích, không làm một việc không đúng, thậm chí khi gặp khó khăn cũng có thể tránh được, như vậy sẽ thoát khỏi quy luật tất yếu và đứng vào vị thế không thể bại. Những điều này hoàn toàn do chính mình làm chủ, không liên quan gì đến số mệnh, vậy tại sao lại cứ phụ thuộc vào vận mệnh?

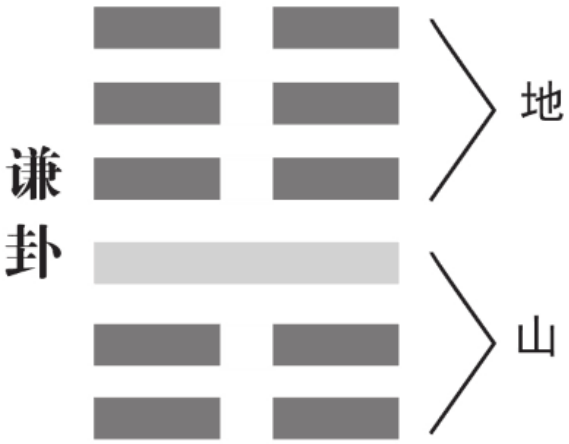
Con người khác động vật ở chỗ: chỉ hai chữ - thể diện. Con người cần thể diện, còn động vật thì không. Cùng là ăn, con người phải ăn cho có phong cách, không phải để xa hoa mà là để ăn như một người có văn hóa. Mặc quần áo là để có thể diện, phù hợp với thân phận của mình là quan trọng nhất, không phải để mặc đồ hiệu.

Vì vậy, an phận là nói năng và hành động phù hợp với thân phận của mình. Tất nhiên, chúng ta cũng không nên hiểu hẹp hòi về thể diện, coi nó như một gánh nặng. Trong hoàn cảnh này nên làm gì thì làm, còn việc người khác nghĩ gì là chuyện của họ, bởi không ai có thể quan tâm được đến tất cả mọi người. Chiều lòng người này thì lại làm mất lòng người kia, nếu suốt ngày do dự vì điều này thì thật khổ não. Cạnh tranh mù quáng mà không biết mục tiêu ở đâu, nói không hay là: mỗi người đều muốn kiếm tiền bằng được, cuộc sống như vậy còn giá trị gì, còn ý nghĩa gì?

Kinh Dịch bị thương mại hóa đến mức che mờ bản chất. Vừa nghe ai học Kinh Dịch, người ta liền đến tìm người đó để bói toán. Học Kinh Dịch nhất định phải bói toán sao? Đây là sự hiểu sai lớn nhất về Kinh Dịch. Chúng ta nên hiểu rằng, Kinh Dịch giảng giải một hệ thống lý lẽ, là giải mã hoàn toàn mật mã cuộc sống, gặp các quẻ khác nhau thì có cách ứng phó khác nhau. Chỉ khi luôn phù hợp với lý của Dịch, mới có thể đứng vào vị thế bất bại.

> Trong 64 quẻ của Kinh Dịch, hào từ của 63 quẻ đều có cát có hung, chỉ có một quẻ Khiêm, tất cả hào từ đều là cát, không có hung, nên làm theo quẻ Khiêm, không chỉ có thể thú cát tị hung, mà còn có thể vượt qua cát hung, vĩnh viễn đứng ở vị trí bất bại. Vậy quẻ Khiêm dạy cho chúng ta những gì ?

Quẻ Khiêm dưới là Sơn, trên là Địa, gọi là Địa Sơn Khiêm (xem hình 17-4). Núi rõ ràng ở trên đất, tại sao lại phải trốn xuống dưới đất? Chúng ta người hiện đại hiểu điều này quá dễ dàng, núi cao cao ở trên, máy ủi một đến, rất dễ dàng liền san phẳng cả ngọn núi trên mặt đất. Khi núi trốn xuống dưới đất, dù mười chiếc máy ủi đến cũng không thể đẩy đổ nó được.



Hình 17-4 : Địa Sơn Khiêm

Hào đầu tiên của quẻ Khiêm, hào từ của nó là hai chữ, gọi là “khiêm khiêm”. Tôi tin rằng mọi người khá quen thuộc với điều này, bởi vì chúng ta thường nói khiêm khiêm quân tử. “Khiêm khiêm” là gì? Có người có thể nói khiêm khiêm là khiêm rồi lại khiêm, thực ra không đơn giản như vậy. “Khiêm khiêm” nghĩa là khiêm có hai tầng, dưới là “Cấn khiêm”, trên là “Khôn khiêm”. Một người có thể làm được “Cấn khiêm” đã là không tầm thường rồi, thực sự muốn làm được “Khôn khiêm”, đó là thánh hiền. Nhìn từ tượng quẻ, núi và đất ở dưới trên giới hạn con người, nên con người vẫn phải thời thời khắc khắc giới hạn mình, ước thúc mình, bởi vì công phu của bạn còn chưa đủ. Một ngày nào đó, khi không còn giới hạn nào nữa, nhưng bạn vẫn không vi phạm, đó gọi là “Khôn khiêm”. Suốt đời người có thể làm được Cấn khiêm đã là phi thường, người tiến vào được Khôn khiêm ít vô cùng, nhưng chúng ta nhất định phải biết còn có cảnh giới đó. Khổng Tử đã tiến vào Khôn khiêm, ông "tùng tâm sở dục" (theo lòng mong muốn), nhưng "bất du củ" (không vượt quy củ). Ông không nói phải dùng Cấn để ước thúc mình, bởi vì ông hoàn toàn không cần. Thích làm thế nào thì làm thế ấy, nhưng vĩnh viễn không vi phạm quy củ, cảnh giới này gọi là Khôn khiêm.

Hào thứ hai là “minh khiêm”. Chính là khi bạn thể hiện rất khiêm tốn, công việc cũng làm rất tốt, có người bắt đầu khen ngợi bạn, nói bạn không chỉ cần cù, có trách nhiệm, còn rất có năng lực, làm người cũng rất khiêm tốn. Lúc này bạn phải cẩn thận, những lời này rất dễ làm hại chết người. Nếu bạn thực sự tin những lời đó, cảm thấy mình quả thật khác với người khác, lãnh đạo nên đối xử với mình một cách đặc biệt, nên đặc cách thăng chức cho mình mới đúng, thì bạn sẽ không còn phát triển gì nữa. Phải nhớ rằng, làm việc tốt là bổn phận của bạn, không cần người khác khích lệ. Nếu bạn làm vì sự khích lệ, thì tâm của bạn đã không đúng rồi, là đã có tham vọng rồi. Làm việc tốt, người ta nhất định sẽ khen ngợi, nhưng bạn đừng bị ảnh hưởng bởi điều đó. Được khen ngợi mà không có biểu hiện gì, cho thấy tu dưỡng của người này đáng quý. Phàm là được giải thưởng mà vui mừng không ngủ được, điều đó cho thấy đời này họ chỉ có thể nhận giải thưởng nhỏ này thôi, giải thưởng lớn họ hoàn toàn không đảm đương nổi. Giải thưởng nhỏ đã muốn phát điên rồi, giải thưởng lớn không phải muốn làm họ chết hay sao?

Đỉnh của quẻ Cấn là hào thứ ba, là đỉnh của núi, gọi là “lao khiêm”. Lao khiêm nghĩa là một người có cống hiến, có biểu hiện khác biệt với người khác, nhưng vẫn rất khiêm tốn, người này rất đáng quý. Không có cống hiến mà khiêm tốn, không đáng để chúng ta tán thưởng; có công lao rất lớn mà vẫn nói "nhờ ơn trời, tạ ơn trời đất", đây không phải là giả tạo, mà là thể hiện tinh thần của quẻ Khiêm. Nếu bạn nói đây là trời giúp đỡ, không ai khó chịu hết; nhưng nếu bạn nói đây là kết quả của việc mình cố gắng hết sức, sẽ có bao nhiêu người từ trong lòng phục bạn? Hiện nay nhiều người thích nói "đây là sáng kiến của tôi, là kết quả của việc tôi phấn đấu nỗ lực", những lời này thực sự không ai thích nghe.

Hào thứ tư là “huy khiêm”, lúc này đã từ Cấn khiêm tiến vào Khôn khiêm rồi. Huy là phát huy, nghĩa là phải khiêm tốn với cấp trên cũng phải khiêm tốn với cấp dưới. Nói thật, khiêm tốn với cấp trên tương đối dễ, khiêm tốn với cấp dưới tương đối khó. Nếu một người quản lý luôn thể hiện bản thân giỏi giang trước mặt nhân viên, người này không có thành tựu lớn đâu. Dù cho chính vì giỏi hơn người khác mới được làm quản lý, nhưng nếu lấy đó để khoe khoang cũng là rất không hợp với thân phận. Làm quản lý mà có thể lễ hiền hạ sĩ, có thể yêu thương người trẻ, có thể nhiều lần chỉ dẫn người trẻ, có thể nhường cơ hội thể hiện cho người trẻ, điều này mới đáng quý, chính là làm được “huy khiêm”. Không chỉ bản thân khiêm tốn, mà còn dẫn dắt mọi người phát huy đức tốt khiêm tốn.

Hào thứ năm là “hộ khiêm”. Đến hào lục ngũ, biểu thị người này là người đứng đầu của cả tổ chức, họ phải hộ khiêm, phải bảo vệ phong khí khiêm tốn, không thể tự mình đi phá hoại trước. Nếu một người khi làm đến tổng giám đốc thì bắt đầu nói, công ty chúng ta giỏi như thế nào, năm năm sau sẽ ghê gớm thế nào, thì đã phá hoại quẻ Khiêm rồi. Đáng tiếc là hiện nay đa số chúng ta đều làm như vậy.

Hào trên cùng là thượng lục giống như hào hai, đều là “minh khiêm”, nhưng hai hào này vị trí khác nhau, giải thích cũng khác nhau rất nhiều. Khi một người đến vị trí này phải nhớ rằng, nếu ngũ là đại nhân thì trên cùng là bậc đại lão. May mắn có được danh vọng, người ta coi bạn là bậc đại lão, thì phải nhớ rằng, chỉ cần ai không khiêm tốn, bạn đều có thể mắng họ: sao không khiêm tốn thế, người ta cho anh mặt mũi, anh còn tưởng anh thực sự giỏi à? Chỉ có bậc đại lão nói những lời này mới phù hợp. Đại nhân không thể tùy tiện đắc tội với người, bậc đại lão thì phải ra tay sửa chữa những người không khiêm tốn, dùng cách này để giúp đỡ người lớn, mới có thể duy trì được phong khí khiêm tốn.

Đóng góp lớn nhất trong đời Khổng Tử chính là biên soạn và chỉnh lý Kinh Dịch, nâng tầm cuốn sách này từ một công cụ bói toán trở thành một tác phẩm truyền bá triết lý. Hơn nữa, những triết lý này hoàn toàn có thể áp dụng vào đời sống hàng ngày một cách thực tiễn.

Chương 18: Quay về Nguyên điểm

> Sự vĩ đại nhất của Khổng Tử là đã biến Kinh Dịch từ một cuốn sách bói toán thành một cuốn sách triết lý, trở thành "quần kinh chi thủ" (đứng đầu các kinh) trong văn hóa truyền thống Trung Quốc. Nhưng trong lịch sử cận đại Trung Quốc, nguyên nhân khiến Trung Quốc lạc hậu một thời gian bị quy kết cho văn hóa truyền thống Trung Quốc. Kinh Dịch cũng trở thành tội đầu sỏ, đây là nỗi buồn của Kinh Dịch, cũng là nỗi buồn của văn hóa truyền thống Trung Quốc, hơn nữa là nỗi buồn của dân tộc Trung Hoa. Vậy nguyên nhân nào dẫn đến Trung Quốc từng lạc hậu và bị đánh bại?
>
> Ngày nay khi dân tộc Trung Hoa cuối cùng đã trở nên hùng mạnh, khi Trung Quốc cuối cùng đã đứng vững trong rừng các dân tộc trên thế giới, chúng ta có nên chính bản thanh nguyên, quay về nguyên điểm, để nhận thức lại giá trị và tác dụng của Kinh Dịch không? Chúng ta có nên kế thừa và khéo léo sử dụng kho báu quý giá mà tổ tiên để lại cho chúng ta không?

Khổng Tử sau khi đọc Kinh Dịch mới cảm thấy gặp muộn quá, nên ông hết lòng tán thán, nói Kinh Dịch thực sự phi thường. Vậy phi thường ở chỗ nào? Kinh Dịch đã làm phong phú sinh mệnh của Khổng Tử. Vì vậy, người thực sự hiểu Khổng Tử đều biết điểm vĩ đại nhất của Khổng Tử là đã đưa tự nhiên bên ngoài chiếu vào nội tâm con người. Đây chính là điều chúng ta thường nói là "thiên nhân hợp nhất" (trời người hợp nhất). "Thiên" đại diện cho tự nhiên, "nhân" đại diện cho loài người. Loài người vốn là một phần của tự nhiên, nhưng chúng ta thường có sự phân biệt trong ngoài.

Mọi người nhất định phải nhớ, người và tự nhiên vốn không phân biệt, nhưng bất đắc dĩ phải phân biệt, nên chúng ta giấu mình đi, biến thành thế giới nội tâm. Bên ngoài nhìn thấy được đều là thế giới bên ngoài. Khổng Tử rất khéo léo kết nối hai thứ này lại, thực ra đây là tinh thần của Kinh Dịch. Thế giới bên ngoài có gì? Là quy luật tự nhiên. Tôi tin rằng mọi người đều đã từng thấy, mùa xuân thực vật nảy mầm, mùa hè bắt đầu sinh trưởng, mùa thu thu hoạch, mùa đông cất giữ, không có ngoại lệ, đây gọi là quy luật tự nhiên. Quy luật tự nhiên này có tác dụng gì với con người? Tôi nghĩ đây là chỗ rất khéo léo của Khổng Tử, ông đã biến quy luật tự nhiên thành hai thứ, một cái gọi là đạo đức,cái kia gọi là nghệ thuật. Ông thông qua đạo đức và nghệ thuật khiến nội tâm chúng ta có một cảm giác, để chúng ta biết nên làm thế nào. Con người có đạo đức, có nghệ thuật, mới cảm thấy nhân sinh tốt đẹp, thế giới hòa bình. Tại sao lại như vậy? Bởi vì Khổng Tử đã rút ra ba thứ từ trong Kinh Dịch, ba thứ này trở thành những nhân tố rất quan trọng trong tính cách, tu dưỡng của người Trung Quốc chúng ta.

Thứ nhất là gì? Mọi người rất quen thuộc, một chữ - **hòa**. "Hòa bình" của "hòa", "hòa hảo" của "hòa", "hòa hợp" của "hòa". Chúng ta rất coi trọng hòa hợp, tại sao? Bạn xem tự nhiên không phải rất hòa hợp sao? Tất nhiên, tự nhiên cũng có cuồng phong, cũng có bão táp, cũng có núi lửa phun trào, cũng có động đất, cũng có sóng thần. Hiện nay còn đáng sợ hơn, khí hậu thất thường. Liên Hợp Quốc đã rất bất lực mà nói với mọi người, trong lòng phải có sự chuẩn bị, từ nay không thể hưởng thụ khí hậu bình thường nữa. Trong tình huống như vậy, loài người không phải rất bất lực sao? Tại sao làm đến mức này? Chính là vì chúng ta mong muốn nhanh. Vạn vật trong vũ trụ đều sinh trưởng chậm rãi, bởi vì sinh trưởng phải có một quá trình. Con người cần phải tiến bộ, nhưng tiến bộ phải có lý tưởng, nhưng lý tưởng muốn thực hiện, thì có một khoảng

cách về thời gian. Người hiện đại không như vậy, muốn ngay lập tức, thế là rất thô thiển, quá trình đó sẽ không bằng phẳng. Đây là điều mà loài người nên phản tỉnh.

Thứ hai Khổng Tử đưa ra là chữ **tình**. Tình là báu vật của văn hóa Trung Hoa, trên thế giới người coi trọng tình nhất chính là người Trung Quốc. Khi bạn ở cùng người nước ngoài, bạn phải cẩn thận, bởi vì cảm giác của họ khác với người Trung Quốc. Họ có thể ôm bạn, nhưng đó chỉ là hình thức mà thôi. Tại sao người Trung Quốc không thể ôm? Bởi vì người Trung Quốc một khi ôm là đã sinh ra tình cảm rồi. Chúng ta đối với người có ôn tình, có kính ý, nên mua đồ về nhà cho cha mẹ ăn, không thể đặt lên bàn rồi nói: "Mẹ à, đó là con mua về cho bố mẹ đấy, bố mẹ tự ăn nhé." Đối với cha mẹ phải có kính ý, không phải chỉ nuôi họ là được. Đối với trời đất, đối với tổ tiên, đối với những người cổ đại đã có cống hiến lớn cho chúng ta, chúng ta đời đời kiếp kiếp đều phải đầy kính ý với họ. Người nước ngoài sùng bái Thượng đế, chúng ta không vậy, chúng ta sùng bái những người trong lịch sử đã có cống hiến xuất sắc cho chúng ta.

Thứ ba là chữ **thiện**. Thiện có nghĩa là gì? Chính là hy vọng thế giới sẽ ngày càng tốt đẹp hơn, bởi vì vũ trụ là diễn hóa, không thể ngày càng xấu đi. Vậy ngày càng tốt đẹp hơn là trách nhiệm của ai? Là trách nhiệm của con người, bởi vì giữa trời đất, chỉ có con người có sức sáng tạo. Đây chính là tại sao trên toàn thế giới chỉ có người Trung Quốc nói đến “đỉnh thiên lập địa” (đứng vững như trời cao và đất rộng). Phải tham dự vào sự hóa dục của trời đất, trời đất không có sai, vậy con người thì sao? Con người phải thuận theo tự nhiên, để làm cho nó ngày càng tốt đẹp hơn.

Phải nhớ rằng, sự diễn hóa của vũ trụ không nên mù quáng, nên chúng ta đưa ra hai chữ "giá trị". Làm người không phải vui vẻ là được, mà là có giá trị mới tốt. Người hiện đại phần lớn cho rằng vui vẻ là được, đây là tư tưởng không có trách nhiệm. Đã sinh ra làm người, phải biết trách nhiệm đời này là gì, ít nhất không nên lãng phí tài nguyên, không nên phá hoại môi trường tự nhiên, phải yêu quý từng cây cỏ. Dù có nhiều tiền đến đâu, cũng không có quyền lãng phí. Bởi vì đây là trách nhiệm của con người.

> Giáo sư Tăng Sĩ Cường cho rằng, Khổng Tử sau khi học Kinh Dịch, đã tổng kết ra ba chữ, đó là “hòa, tình, thiện”. Nhưng hiện nay, thế giới là một thời đại có nhiều giá trị quan đa dạng, các quốc gia khác nhau, con người khác nhau, có sự hiểu biết rất khác nhau về giá trị, vậy so với “hòa, tình, thiện” mà Khổng Tử đề xuất, xã hội hiện đại tồn tại những vấn đề gì?

Chúng ta chỉ nêu ra vài điểm để cùng thảo luận. Thứ nhất, ngôn luận quá tự do, xã hội không có công lý. Tại sao lại như vậy? Chúng ta thường phát hiện người không hiểu, tiếng nói lại to hơn ai hết; người hiểu thì có điều cố kỵ, biết rằng nói quá đầy đủ thì sai, nên thường không dễ dàng phát ngôn. Một người nếu nói chuyện quá đầy đủ, đa phần là sai, bởi vì “vật cực tất phản” (vật đến cực điểm tất quay ngược lại). Phàm là nói "nhất định" đa phần là sai, trên thế giới không có nhất định, nhưng người không hiểu lại cho rằng nhất định, bởi vì những gì họ biết rất hạn chế. Nhiều người không hiểu, tự do là tuyệt đối không thể quá độ. Bạn xem, trong vũ trụ tự nhiên không có thứ gì là quá độ. Ví dụ như cá, nó chỉ có thể bơi trong nước, không có

quyền lên đất liền. Sinh vật trên đất liền dù lợi hại đến đâu, xuống nước thử xem, rất nhanh sẽ chết đuối. Một cái cây, nên mọc ở đâu thì mọc ở đó, muốn di chuyển một chút cũng không được. Cây muốn dời nhà, phải tốn rất nhiều công sức. Nếu có người nói họ có bản lĩnh đem toàn bộ sinh linh trên ngọn núi này chuyển sang ngọn núi kia, tôi một trăm phần trăm không tin. Tự do là phải bị hạn chế, chứ không phải là mở rộng mù quáng.

Thứ hai, nếu tôn giáo nhấn mạnh tự do, kết quả là tà giáo xuất hiện tràn lan. Tại sao tà giáo lại lợi hại như vậy? Chính là vì nó không giữ quy củ. Chính giáo phải quy quy củ, tu hành thanh tịnh, tà giáo lại làm thương mại hóa, làm đến cuối cùng ngay cả tôn giáo của mình cũng không còn. Mọi thứ đều hướng về tiền, cười người nghèo không cười gái điếm, tôi nghĩ phong khí này là phạm vi toàn thế giới, những người này không quan tâm tiền của bạn từ đâu mà có, chỉ thèm muốn có tiền của bạn, đây là mặt rất đáng sợ của loài người. Không yêu quý tài nguyên, không biết tiết kiệm, tài nguyên sớm muộn bị con người tiêu hao hết.

Hiện nay chúng ta rất lo lắng, bởi vì nhiều thứ đều không đủ dùng rồi. Ví dụ, dầu mỏ đã không đủ dùng rồi, nếu không dầu mỏ sao lại đắt đến thế? Chúng ta rất nhanh còn sẽ phát hiện lương thực cũng không đủ. Bởi vì mọi người lấy nơi trồng lúa đi xây nhà, đất tốt không thể lấy đi xây nhà. Mọi người đừng tưởng Trung Quốc rất rộng lớn, diện tích có thể canh tác của chúng ta thực ra không lớn, Trung Quốc có quá nhiều núi non hiểm trở, nhiều nơi là sa mạc, đều không thể canh tác được. Chỉ cần là ruộng tốt, đừng động não biến nó thành công dụng khác, quy quy củ củ trồng lúa là đúng rồi. Nhưng nếu hoàn toàn đô thị hóa thì có thể kiếm tiền ngay, ngay lập tức trở thành phú ông, đây chính là xem chúng ta có chịu đựng được cám dỗ hay không, đừng nói chúng ta từ xã hội nông nghiệp tiến vào xã hội công nghiệp, hiện nay lại tiến vào xã hội thương nghiệp, giống như xã hội nông nghiệp không còn quan trọng nữa. Nông nghiệp vẫn là nền tảng của quốc gia. Nếu một ngày nào đó nông nghiệp không còn nữa, công nghiệp có phát triển đến đâu, thương nghiệp có phát triển đến đâu, cuối cùng đều là hư không, rỗng tuếch. Chỉ cần không có cơm ăn, có nhà tốt đến đâu, xe tốt đến đâu, quần áo đẹp đến đâu, tất cả đều vô dụng.

Hiện nay chúng ta còn có một hiện tượng rất đáng sợ, chỉ coi trọng pháp luật, không coi trọng đạo đức. "Tôi hợp pháp mà", ai mà không biết anh hợp pháp, chỉ là không có lương tâm mà thôi. Tổ tiên chúng ta sẽ không đùa với chúng ta đâu, nếu có thể quản lý tốt người Trung Quốc, Pháp gia đã sớm trở thành dòng chính rồi. Trung Quốc không phải là không có Pháp gia. Nho gia là bao gồm cả Pháp gia, điểm này nhiều người đều không hiểu rõ, tưởng rằng Nho gia là Nho gia, Pháp gia là Pháp gia. Nho gia là từ Pháp gia nâng lên, điều Nho gia coi trọng nhất chính là chế độ, nhưng chỉ biết chế độ là không đủ, còn phải thêm một câu: người lập chế độ, người thực thi pháp luật, người tuân thủ pháp luật, phải dựa vào lương tâm. Chỉ vậy thôi, thì biến thành Nho gia rồi. Pháp gia thêm vào dựa vào lương tâm thì biến thành Nho gia rồi, điều này quá dễ dàng. Vậy chúng ta phải làm sao? Chúng ta rốt cuộc là cứ thế này đi tiếp hay là quay về trước đây?

> Qua mấy nghìn năm, loài người luôn tiến bộ, xã hội cũng luôn phát triển, nhưng khi bánh xe lịch sử tiến vào xã hội hiện đại phát triển cao độ, thực sự đã xuất hiện nhiều vấn đề như phá hoại môi trường sinh thái, tiêu thụ quá mức tài nguyên hữu hạn, và những vấn đề này đã thu hút sự chú ý của ngày càng nhiều người trên toàn thế giới, và bắt đầu có sự phản tỉnh, vậy chúng ta rốt cuộc phải làm sao? Là tiếp tục phát triển như thế này, hay nên quay về trước đây?
>
> Thực ra mọi người sau khi đọc Kinh Dịch sẽ biết chúng ta không thể cứ thế này mà tiếp tục, cũng không thể quay về trước đây. Bởi vì đó là việc không thể làm được. Hiện nay dù có thế lực lớn đến đâu, muốn đưa chúng ta quay về trước đây, đều là không làm được. Bởi vì văn hóa của loài người như dòng nước chảy, chỉ có thể chảy về phía trước, không thể chảy ngược. Muốn chảy ngược thì phải làm sao? Phải bay lên trời trước, rồi biến thành mưa rơi xuống. Nhưng Lão Tử từ rất sớm đã bảo chúng ta, Nho gia cũng bảo chúng ta, năng lực lớn nhất của loài người chính là phản tỉnh. Cái phản tỉnh đó chính là quay về. Thực ra toàn thế giới đều đang nói về việc phản tỉnh. Hiện nay có một câu nói rất phổ biến, chỉ là mọi người không hiểu rõ lắm nó để làm gì, gọi là "Back to basic" - quay về nguyên điểm.

Toàn thế giới không hẹn mà cùng hô quay về nguyên điểm, chính là vì mọi người đều biết, loài người cứ tiếp tục đi như thế này, chỉ có con đường diệt vong, cuối cùng là “cùng quy ư tận” (cùng về với tận cùng). Bây giờ tôi nói một câu, chỉ cần toàn nhân loại đều sống cuộc sống như người Mỹ, tài nguyên sẽ cạn kiệt, trái đất sẽ vô năng lực, loài người sẽ diệt vong.

Chúng ta làm thế nào để phản tỉnh? Khổng Tử nói: "Quân tử thượng đạt." Trước khi thượng đạt phải hạ học, không sai, nhưng hiện nay người ta thường chỉ coi trọng hạ học, hoàn toàn không biết thế nào là thượng đạt. Thượng đạt là gì? Thượng đạt thiên đạo. Thiên đạo chính là quay về tự nhiên, mọi thứ quay về tự nhiên.

Hiện nay chúng ta cần kiểm nghiệm tất cả mọi thứ hiện có, chỉ có một tiêu chuẩn, đó là tự nhiên. Phù hợp với tự nhiên thì tiếp tục làm; không phù hợp với tự nhiên thì thay đổi phương hướng, nếu không sẽ không xong. Bạn xem, xây nhà kín mít hoàn toàn, cả năm không thông với không khí tự nhiên bên ngoài, tự nhiên không? Không tự nhiên. "Đạo bất viễn nhân" (đạo không xa người), chỉ cần nắm đúng phương hướng phương pháp, rất dễ tìm thấy cái gọi là thiên đạo.

Muốn quay về tự nhiên, chúng ta trước tiên phải hiệu pháp tự nhiên, phải lấy tự nhiên làm tiêu chuẩn duy nhất để kiểm nghiệm tất cả, làm như vậy sẽ không có hại. Chỉ cần phù hợp với đạo lý tự nhiên thì cứ làm; không phù hợp với đạo lý tự nhiên, dù pháp luật có bảo đảm đến đâu, tốt nhất đều không nên làm, bởi vì một ngày nào đó sẽ cảm thấy lương tâm không yên. Chúng ta còn có một câu nói, gọi là “thuận hồ tự nhiên”, nhưng không thể “tùng kỳ tự nhiên”. “Tùng kỳ tự nhiên” chính là cái gì cũng không quản, nó muốn thay đổi thế nào thì thay đổi thế ấy, đó là hoàn toàn không có trách nhiệm. Con người sống là để làm việc, không thể tùng kỳ tự nhiên. Chúng ta phải nhân vi mà cải thiện, nhưng khi chúng ta cải thiện, phải thuận theo quy luật tự nhiên, không thể nghịch thiên, chỉ có thể kính thiên, thuận thiên.

Tiếp theo, chúng ta phải “năng khuất năng thân” (có thể co có thể duỗi). Trong tự nhiên tất cả mọi thứ đều có thể co có thể duỗi. Bạn xem cây, nó nhất định cần gió thổi đến, gió không thổi, rễ của nó sẽ không mọc xuống. Nếu gió không thổi, rễ của nó nông cạn, đột nhiên có cơn gió đến nó sẽ đổ mất. Trên thế giới bất cứ

thứ gì đều là tốt, không có cái gì xấu, chỉ là đứng ở lập trường con người mới cảm thấy nó xấu. Bất cứ việc gì, có Kiền tất có Khôn; có chỗ mở ra, tất có chỗ thu vào, một căng một chùng, chính là một vận động như vậy, khiến vạn vật sinh trưởng.

Tại sao Khổng Tử lại giỏi đến thế? Chúng ta hãy xem lời của Mạnh Tử, Mạnh Tử ca ngợi Khổng Tử là "thánh chi thời giả" (bậc thánh thuận theo thời). Cả đời Khổng Tử chính là thuận theo thời mà thay đổi, học thuyết của ông tuyệt đối không dừng lại ở thời điểm đó. Nếu học thuyết của Khổng Tử luôn dừng lại ở hai nghìn năm trăm năm trước, tôi nghĩ chúng ta cũng không quan tâm đến ông nữa, bởi vì điều đó đã không còn thông dụng nữa. Những lời ông nói, đều xuất phát từ Kinh Dịch. Kinh Dịch bảo chúng ta phải luôn thay đổi, cái "luôn" đó chính là theo sự thay đổi của thời gian. Hiện nay chúng ta cho rằng bất cứ lúc nào cũng gọi là ‘luôn’, thực ra không phải. Theo sự thay đổi của thời gian mà điều chỉnh cách làm người làm việc, dùng một câu khái quát, gọi là nguyên tắc không thể thay đổi, phương thức luôn thay đổi theo thời gian.

Khổng Tử vĩnh viễn không lỗi thời, bởi vì quan niệm của ông, là mấy nghìn năm đều không lạc hậu, nên mới trở thành phần không nhìn thấy được của người Trung Quốc chúng ta. Người Trung Quốc chúng ta là: phần không nhìn thấy được rất bảo thủ, phần nhìn thấy được thường xuyên theo kịp thời thượng. Ngoài người Trung Quốc, chúng ta trên toàn thế giới đều không tìm được người như vậy. Bạn xem, người Trung Quốc dù đi đến các nước trên thế giới, vẫn phải hiếu thuận với cha mẹ. Rất ít người không như vậy. Đạo hiếu này dù đi đến đâu, đại khái đều không thay đổi.

Khổng Tử thông qua Kinh Dịch, đã mở ra tất cả bí mật của vũ trụ nhân sinh trong dòng chảy thời gian. Thời gian là lưu, "lưu động" của "lưu", đem tất cả bí mật của vũ trụ nhân sinh mở ra trên dòng thời gian đang chảy, bảo chúng ta phải “dữ thời câu tiến” (cùng tiến với thời đại). Cái “dữ thời câu tiến” này không phải nói cho có, ý nghĩa của nó là khi thấy thời gian không đúng nữa, phải nhanh chóng thay đổi bản thân, điều chỉnh bản thân, chứ không phải nói tôi cứ như thế này.

Nhưng nguyên tắc của chúng ta vĩnh viễn không thay đổi, đối với sự việc phải “trung”, đối với người phải “ái”, đối với vạn vật phải “quan hoài”, đối với vũ trụ phải có trách nhiệm, đối với người phải cung kính, những cái khác đều thay đổi, luôn thay đổi. Đây chính là điều chúng ta thường hiểu là “nội phương ngoại viên” (trong vuông ngoài tròn). Bên trong vuông vức ngay ngắn, bên ngoài như bánh xe, luôn vận động, luôn lăn, luôn thay đổi. Vì vậy, người Trung Quốc rất kỳ diệu, mỗi người đều thấy bản thân có nguyên tắc, thấy người khác không có nguyên tắc. Bởi vì bạn nhìn thấy đối phương là tròn, nhìn thấy mình là vuông.

Nội dung giảng dạy của Khổng Tử năm xưa, bao gồm toán học, thiên văn và lịch thuật, ông có rất nhiều học vấn, nên học trò của ông mới có thể “thượng tri thiên văn hạ tri địa lý”, ở giữa nắm rõ nhân tình thế thái. Đây mới là thứ thực sự chúng ta cần học, ít nhất là nền tảng làm người làm việc của chúng ta, vì vậy vì sự phát triển hòa bình của loài người, vì mọi người cùng tiến với thời đại, vì mọi người thực sự có thể phát huy

luân lý đạo đức trong hòa hợp, chúng ta cần làm gì? Chúng ta cần lấy Kinh Dịch để chỉ đạo khoa học kỹ thuật hiện đại. Bởi vì đây là thời đại khoa học, chúng ta không thể không coi trọng khoa học.

> Hiện nay là thời đại phát triển cao độ, còn Kinh Dịch là kết tinh của trí tuệ cổ xưa từ xã hội nguyên thủy cách đây mấy nghìn năm. Kinh Dịch có thực sự có thể dùng để chỉ đạo khoa học kỹ thuật hiện đại không? Và làm thế nào để chỉ đạo khoa học kỹ thuật hiện đại?

Học vấn của loài người chúng ta, trên toàn thế giới đều giống nhau, đều bắt đầu từ thần thoại. Mỗi dân tộc vào thời kỳ sớm nhất, luôn có những điều rất đáng kinh ngạc, luôn có nhiều hiện tượng không hiểu được, nhưng lúc đó lại không có khoa học gì, nên sáng tạo ra thần thoại. Mục đích của thần thoại không phải để mê tín, mà là để giải mã bí mật của vũ trụ nhân sinh. Nhưng nó hiển nhiên không thể thỏa mãn yêu cầu của chúng ta, nên đã sinh ra triết học. Thực ra mục đích của triết học, với mục đích của thần thoại là giống nhau, chính là giải mã bí mật của vũ trụ nhân sinh, nhưng triết học rốt cuộc cũng không thể thỏa mãn nhu cầu của con người, nên đã tiến vào thời đại khoa học.

Khoa học mang lại cho chúng ta lợi ích rất lớn, làm cho cuộc sống của chúng ta rất thuận tiện, rất an toàn, rất hiệu quả, rất vui vẻ, ngay cả khi có sai sót, chúng ta cũng nên bao dung thông cảm, bởi vì thần thoại cũng từng có nhiều sai sót, triết học cũng từng có nhiều sai sót, đây là điều không thể tránh khỏi. Do đó, đây chính là khoa học vô tội, chính là con người có vấn đề, không phải khoa học có vấn đề.

Khoa học có vấn đề gì? Khoa học hiện đại xuất hiện trong thời đại giao tiếp toàn cầu ngày càng thường xuyên, nên có một lợi thế rất tốt, chính là có ngôn ngữ chung. Bạn xem, trước đây thần thoại không có ngôn ngữ chung. Người Hy Lạp cho rằng bầu trời rất hoàn mỹ, người Trung Quốc không phải vậy, người Trung Quốc ngay từ đầu đã biết bầu trời có khiếm khuyết, nên phải nhờ Nữ Oa đi vá trời. Khoa học hiện đại chứng minh chúng ta là đúng, nó có một lỗ hổng cần vá. Vậy, tại sao tổ tiên chúng ta lại thông minh như vậy, cái gì cũng biết? Bởi vì họ tĩnh lại, đại triệt đại ngộ, đối với tất cả mọi thứ trong vũ trụ có một định số, họ biết cách giải thích. Nên khoa học càng phát triển, càng chứng minh những gì tổ tiên chúng ta nói là đúng.

Tư duy và dụng tâm của thánh nhân khi làm Kinh Dịch thể hiện ở bốn mặt. Thứ nhất, từ. Thế nào gọi là từ? Chính là có Thoán từ, có hào từ, những người đời sau dẫn kinh chứng điển, hầu như đều là được trích lọc từ hào từ. Thứ hai, biến. Dân tộc Trung Hoa là dân tộc rất thiện biến, các loại biến hóa phức tạp đan xen. Nhưng khi bạn hiểu rõ quẻ rồi, đặt trong đầu óc, sẽ biết lúc này lúc này phải ứng biến thế nào, lúc này lúc này phải điều chỉnh thế nào. Điểm này được áp dụng rất phổ biến trên người Trung Quốc. Thứ ba, tượng. Tượng này là tượng quẻ, tượng quẻ thực ra là để cho chúng ta chế tạo các loại công cụ sử dụng khác nhau. Ví dụ, lưới đánh cá, mạng lưới hoặc mạng internet, đều từ quẻ Ly mà ra. Hiểu quẻ Ly sẽ biết, cái lưới đó không thể quá lớn, cũng không thể quá nhỏ, phải vừa phải, nối liền với nhau nhưng có nhiều khoảng trống, rất nhiều thứ đều là lấy từ tượng quẻ để sử dụng. Thứ tư, chiêm. Chúng ta không thể phủ nhận Kinh Dịch có

chức năng bói toán, chỉ là kiến nghị mọi người, nếu thực sự muốn bói toán, phải hiểu rõ đạo lý của bói toán trước, rồi mới đi bói toán, nếu không rất dễ mê tín.

Hiện nay điều đáng tiếc nhất là khoa học của chúng ta không phát triển. Tôi nói rất rõ ràng, đây chỉ là chuyện của bốn trăm năm gần đây. Sau triều Minh, khoa học của chúng ta bắt đầu đi xuống dốc. Người phương Tây cảm thán, dân tộc Trung Hoa không có lý do gì không phát triển khoa học, không có lý do gì không coi trọng thế giới vật chất, bởi vì chúng vốn đang phát triển. Vậy tại sao chúng ta lại đến nông nỗi này? Có người đổ tội cho Kinh Dịch, điều đó là sai.

> Lịch sử cận đại của dân tộc Trung Hoa, có thể nói là một bộ sử nhục nhã. Mà nguyên nhân khiến dân tộc Trung Hoa lạc hậu, một thời gian bị quy kết cho văn hóa truyền thống Trung Quốc. Kinh Dịch với tư cách là đứng đầu các kinh điển cũng trở thành tội đầu sỏ, đây là nỗi buồn của Kinh Dịch, cũng là nỗi buồn của văn hóa truyền thống Trung Quốc, hơn nữa là nỗi buồn của dân tộc Trung Hoa. Vậy rốt cuộc là nguyên nhân nào, dẫn đến Trung Quốc lạc hậu và bị đánh bại?

Chúng ta nên tìm ra nguồn bệnh. Nguồn bệnh này là ở triều Hán. Triều Hán quá coi trọng đạo, nghiêm trọng bỏ qua khí. Thực ra đạo và khí là hợp nhất, không thể tách rời, nhưng chúng ta đã nâng đạo lên rất cao rất cao, rồi coi khí rất thấp rất thấp, quan niệm này gọi là quan niệm “sĩ đại phu”, là không chính xác. Chính quan niệm “sĩ đại phu” khiến cho người Trung Quốc sau triều Hán cắm đầu đọc sách, không quan tâm hiểu hay không hiểu, cứ thuộc lòng, rồi đi thi. Những người này rất giỏi thi cử, thế là biến thành động vật thi cử, giáo dục cũng chịu ảnh hưởng của thi cử.

Đây là việc rắc rối nhất trong giáo dục của chúng ta, chính là dùng thi cử để dẫn dắt giáo dục. Trong mô hình giáo dục này, học sinh của chúng ta sẽ nói "cái này có thi không? Có thi thì nhanh ghi lại, kệ xem nó có dùng được hay không; không thi thì thôi", chỉ học những thứ sẽ thi. Như vậy cũng sẽ ảnh hưởng lẫn nhau, thầy giáo cũng chỉ dạy những thứ sẽ thi, rồi trước khi thi thì đoán đề. Tại sao gọi là danh sư? Chính là trước khi thi bảo bạn, đề này nhất định sẽ thi, tỷ lệ trúng cao thì là danh sư rồi. Đây là việc rất tệ hại.

Chúng ta phải biết sai lầm của mình là nâng đạo lên quá cao, hạ khí xuống quá thấp. Người đọc sách chỉ để làm quan, chỉ để thi cử cho tốt, không phân biệt được ngũ cốc, việc gì cũng không biết làm, đây không phải là con người mà Kinh Dịch mong muốn. Đây chính là nguyên nhân chính khiến chúng ta không phát triển. Chúng ta vừa mở miệng đã là “tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”. Nền tảng phía trước thì sao? “Cách vật, trí tri” tại sao phải bỏ đi? “Cách vật” là gì? Chính là học tốt môn vật lý. Không học vật lý, không học toán học, rất nhiều việc hoàn toàn không hiểu rõ được. Ví dụ hiện nay, nhiều người học văn, sử, triết, thường bay bổng trên không trung, còn người học khoa học kỹ thuật lại quá cứng nhắc. Đây là vấn đề của chúng ta, chỉ cần điều chỉnh một chút là tốt rồi. Cho nên ngày nay chúng ta phải rất nghiêm túc nói một câu: Chúng ta công nhận, trong trăm năm gần đây, khoa học của chúng ta kém phương Tây. Chúng ta phải công nhận, không thể không công nhận, nhưng điều này không phải là bản chất, mà là tính thời đại. Đây là bi kịch do tính thời đại tạo nên, chứ không phải bản chất của chúng ta có vấn đề.

Bạn xem, sự phát triển gần đây của chúng ta khiến người phương Tây đều cảm thấy kinh ngạc, không dám tin. Người phương Tây nói, chúng tôi dùng hai mươi năm thời gian, sao các ông dùng năm năm đã làm ra được? Chúng ta nói năm năm làm ra còn là khiêm tốn, thực ra chúng ta ba năm đã làm ra rồi. Mọi người sẽ phát hiện, người Trung Quốc không học thì thôi, một khi học thì nhanh hơn ai hết.

Năm 2050, nếu khoa học của Trung Quốc trở thành số một thế giới, mọi người có cảm giác gì? Có cảm thấy trách nhiệm của chúng ta rất lớn không? Chúng ta phải nhớ, trách nhiệm của chúng ta chính là đưa khoa học đi theo hướng đúng đắn, phàm là khoa học giúp ích cho loài người đều nên phát triển. Phàm là khoa học có hại cho tự nhiên, có hại cho thân thể con người, nhất định phải hạn chế, không thể phát triển. Khoa học không thể can thiệp vào sự sống chết của con người, đây là điều giới hạn. Muốn thay hết nội tạng con người, điều này có tự nhiên không? Nếu như vậy thì người giàu sẽ không bao giờ chết. Họ sẽ lập một nhà máy tạo người, những nội tạng tốt nhất trên thế giới đều từ nhà máy này tạo ra, rồi mỗi người đều là con của họ, thiên hạ sẽ đại loạn. Loài người có thể phát triển theo hướng này không? Nên hiện nay nhiều quốc gia quy định khoa học này không được phát triển, khoa học kia không được phát triển, nhưng lại không có hiệu quả. Bởi vì quốc gia nhiều như vậy, quốc gia này cấm thì đến quốc gia kia.

Thực ra, người thực sự giàu có không cần chính phủ ủng hộ, mua một hòn đảo hoang không người, trong đó xây dựng căn cứ bí mật, rồi trả giá cao để đưa khoa học đỉnh cao vào, cho những nhà khoa học này cuộc sống tốt nhất, sinh hoạt tại khách sạn sáu sao, để họ chế tạo vũ khí lợi hại nhất cho họ, tạo ra những người lính nghe lời nhất trên thế giới, họ sẽ biến thành Hitler, không ai đánh được họ. Khoa học dù phát triển đến đâu, một khi xâm phạm đến sinh tử của con người, đều là việc vi phạm thiên lý.

Theo tình hình hiện tại phát triển tiếp, chúng ta có thể dự đoán đến năm 2050, khoa học của Trung Quốc dẫn đầu thế giới quá dễ dàng, không có gì khó. Học toán có gì khó? Học hóa học có gì khó? Học vật lý có gì khó? Khó là gì? Khó là học Kinh Dịch. Bởi vì Kinh Dịch quảng đại tinh vi, cái gì cũng bao gồm trong đó, chỉ cần hiểu rõ Kinh Dịch, tôi không biết những thứ đó có gì khó! Nhưng vấn đề hiện nay là, chúng ta vẫn mãi loay hoay với những chi tiết nhỏ nhặt này. Nguồn gốc chưa hiểu rõ, lại cứ mải mê ở phía dưới, đương nhiên không rõ. Ngày nào đó khi hiểu rõ phía trên, buông xuống sẽ rõ ràng hết.

Kinh Dịch là việc quay về gốc rễ, làm rõ nguồn cội, và khi nguồn cội đã được làm sạch, dòng chảy sẽ tự nhiên dẫn chúng ta đến con đường cần đi.

Thực tế, chúng ta luôn sử dụng Kinh Dịch trong cuộc sống hàng ngày, chỉ là chúng ta không nhận thức được thôi, vì Kinh Dịch đã rời xa chúng ta quá lâu rồi. Hơn nữa, rất nhiều người vẫn nói rằng Kinh Dịch rất khó, không thể học được, và khi bạn mở ra xem, phát hiện có rất nhiều từ ngữ mình không hiểu, rồi từ đó bỏ qua việc học. Vì vậy, chúng ta mới phải dùng ngôn ngữ và quan niệm hiện đại để hệ thống lại cái gốc sâu xa ảnh hưởng đến chúng ta – Kinh Dịch.

Tuy nhiên, liệu có thể chỉ trong một thời gian ngắn như vậy mà hoàn thành việc giảng giải toàn bộ Kinh Dịch rộng lớn và tinh vi này không? Điều đó là không thể. Mỗi quẻ trong 64 quẻ đều cần chúng ta phải suy ngẫm kỹ lưỡng, không phải vài câu là có thể giải thích hết được. Hy vọng mọi người sau khi có một nhận thức đúng đắn về Kinh Dịch, sẽ có thể áp dụng nó vào mọi lĩnh vực, tự điều chỉnh bản thân. Thỉnh thoảng, bạn chỉ cần mở một quẻ, xem tượng, xem số, rồi suy nghĩ về lý, sau đó áp dụng vào cuộc sống hàng ngày – đó chính là mục tiêu của chúng ta.

Làng toàn cầu là điều không thể tránh khỏi, và vấn đề lớn nhất mà nó mang lại chính là xung đột văn hóa. Những người không biết tiếng Anh vào thế kỷ XIX rất thiệt thòi, những người không biết tiếng Anh Mỹ vào thế kỷ XX cũng gặp nhiều khó khăn, nhưng giờ chúng ta đã bước vào thế kỷ XXI, thời đại hoàn toàn khác biệt, và cả thế giới đều chú trọng đến tiếng Trung. Là con cháu của Hán – Hoàng, chúng ta cần phải làm rõ chữ viết và tư duy của chính mình.

Trung Quốc muốn phục hưng, người Trung Quốc phải trở thành những người chính trực, được tôn trọng, chứ không chỉ là người giàu có. Người giàu không có gì đặc biệt, chỉ có những người có giá trị mới đáng để chúng ta kính trọng.

Lần này, chúng tôi chỉ có thể trong thời gian có hạn, đại khái trình bày những điểm chính của Kinh Dịch đến các vị, mong các vị chỉ giáo thêm.

[1] "Bách gia giảng đường" (百家讲坛) là một chương trình truyền hình nổi tiếng của Trung Quốc, được phát sóng trên kênh CCTV-10 (Kênh Văn hóa của Đài Truyền hình Trung ương Trung Quốc). Chương trình này ra mắt vào năm 2001 và đã trở thành một trong những chương trình phổ biến nhất tại Trung Quốc, thu hút một lượng lớn người xem.

“Bách gia giảng đường” có nghĩa là "Giảng đường của trăm chuyên gia". Chương trình này mời các học giả, chuyên gia, và các nhân vật nổi tiếng đến để giảng giải về các chủ đề văn hóa, lịch sử, triết học, khoa học, và các lĩnh vực khác của Trung Quốc. Mục tiêu của chương trình là truyền đạt tri thức và văn hóa truyền thống của Trung Quốc cho khán giả, đồng thời khơi dậy niềm đam mê học hỏi và nghiên cứu.

[2] 《易经的奥秘使用手册》

《易经的奥秘》

《易经的智慧》

《胡雪岩的启示》

《孝经给现代人的启示》

《孝就是道》

《坤道》

《为官之道》

《大学之道》

《曾仕强详解道德经》

《长安家风》

Mục lục

Bìa	1
- Mục lục -	2
Chương 1: Kinh Dịch là gì?	3
Chương 2: Âm dương là gì	15
Chương 3: Thái Cực là gì?	28
Chương 4: Bát Quái là gì?	38
Chương 5: Bát Quái thành đồ	53
Chương 6: Ba hào tạo quẻ	66
Chương 7: Dịch có ba nghĩa	76
Chương 8: Thiện Dịch Bất Bốc	88
Chương 9: Quẻ có tác dụng gì	99
Chương 10: Tư duy của Kinh Dịch	114
Chương 11: Giải mã quẻ Kiền	124
Chương 12: Giải mã Quẻ Khôn	138
Chương 13: Cuộc sống thuận theo Thiên Địa	151
Chương 14: Giải mã vận mệnh	165
Chương 15: Kinh Dịch và Gia Đình	175
Chương 16: Tượng, số, lý của quẻ	188
Chương 17: Vượt qua Cát Hung	203
Chương 18: Quay về Nguyên điểm	215